OCB Ngân Hàng Phương Đông | Niềm tin và thịnh vượng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom – Happiness

Số/ No.: 38 /2025/CV-HĐQT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 04 năm 2025
Ho Chi Minh City, April 04, 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM
INFORMATION DISCLOSURE ON THE ELECTRONIC PORTAL OF THE STATE SECURITIES COMMISSION AND THE HO CHI MINH CITY STOCK EXCHANGE

Kính gửi: **Ủy ban Chứng khoán Nhà nước**
Sở giao dịch Chứng khoán TP.Hồ Chí Minh (HOSE)

To: *State Securities Commission*
Ho Chi Minh City Stock Exchange (HOSE)

Tên tổ chức: **NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHƯƠNG ĐÔNG**

Organization name: ***ORIENT COMMERCIAL JOINT STOCK BANK***

Mã chứng khoán: **OCB**

Stock symbol: ***OCB***

Trụ sở chính: Tòa nhà The Hallmark, 15 Trần Bạch Đằng, P. Thủ Thiêm, TP. Thủ Đức, TP.Hồ Chí Minh.

Head office: The Hallmark Building, No. 15 Tran Bach Dang, Thu Thiem Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City.

Điện thoại: (028) 38 220 960

Tel: (028) 38 220 960

Fax: (028) 38 220 963

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Trịnh Văn Tuấn

Information disclosing person: Mr. Trinh Van Tuan

Địa chỉ: Tòa nhà The Hallmark, 15 Trần Bạch Đằng, P. Thủ Thiêm, TP. Thủ Đức, TP.Hồ Chí Minh

Head office: The Hallmark Building, No. 15 Tran Bach Dang, Thu Thiem Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City

Điện thoại: (028) 38 220 960

Tel: *(028) 38 220 960*

Fax: (028) 38 220 963

Loại thông tin công bố: ☑ định kỳ ☐ bất thường ☐ 24h ☐ theo yêu cầu

Type of information to be disclosed: ☑ periodic ☐ extraordinary ☐ 24h ☐ upon request

Nội dung thông tin công bố: OCB công bố thông tin Báo cáo thường niên năm 2024.

Information disclosure content: OCB Announces the Release of the Annual Report 2024.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của OCB tại đường dẫn: https://ocb.com.vn/vi/nha-dau-tu#bao-cao-thuong-nien kể từ ngày 04/4/2025.

This information has been published on OCB's website at https://ocb.com.vn/vi/nha-dau-tu#bao-cao-thuong-nien since April 04 ,2025.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We confirm that the disclosed information is accurate and take full legal responsibility for its content.

***Nơi nhận/** Recipients:*
- Như trên/ *As above*
- Lưu: VP.HĐQT/ *Archive: BOD Office*

***Đính kèm/**Attached:*
Báo cáo thường niên năm 2024/*The Annual Report 2024*

Đại diện tổ chức
Người đại diện theo pháp luật
Organization Representative
Legal Representative

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHƯƠNG ĐÔNG
M.S.D.N 0300852... C.T.C.P
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TRỊNH VĂN TUẤN

OCB
Ngân Hàng Phương Đông

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2024

TRANSFORMATION For GROWTH

MỤC LỤC

Các thuật ngữ viết tắt 04

Thông điệp của Chủ tịch HĐQT 06

CHƯƠNG 1 **08**

THÔNG TIN CHUNG

Tầm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi 10

Thông tin khái quát 13

Quá trình hình thành và phát triển 14

Dấu ấn OCB 2024 16

CHƯƠNG 2 **20**

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Mô hình quản trị 21

Sơ đồ tổ chức 21

Quản trị công ty 22

CHƯƠNG 3 **48**

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Kết quả hoạt động năm 2024 49

Định hướng mục tiêu hoạt động 2025 58

CHƯƠNG 4 **60**

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA OCB

Đánh giá chung về công tác Quản trị doanh nghiệp 61

Định hướng hoạt động của HĐQT năm 2025 65

CHƯƠNG 5 66
BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
Kết quả hoạt động của Ban kiểm soát năm 2024 67
Đánh giá tình hình thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2024 68
Phương hướng hoạt động năm 2025 69

CHƯƠNG 6 70
BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

CHƯƠNG 7 110
MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

CHƯƠNG 8 122
BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ THUYẾT MINH

CÁC THUẬT NGỮ VIẾT TẮT

OCB	Ngân hàng TMCP Phương Đông
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng Cổ đông
HĐQT	Hội đồng quản trị
BĐH	Ban Điều hành
BLĐ	Ban Lãnh đạo
BKS	Ban Kiểm soát
NĐT	Nhà đầu tư
TGĐ	Tổng Giám đốc
QHNĐT	Quan hệ nhà đầu tư
HĐKD	Hoạt động kinh doanh
CBNV	Cán bộ nhân viên
CĐ	Cổ đông
CBTT	Công bố thông tin
CTTV	Công ty thành viên
DTT	Doanh thu thuần
KTNB	Kiểm toán nội bộ
LN	Lợi nhuận
NĐ	Nghị định
NQ	Nghị quyết
PTBV	Phát triển bền vững
QĐ	Quyết định
QLRR	Quản lý rủi ro
QTDN	Quản trị doanh nghiệp

SGDCK	Sở giao dịch chứng khoán
TT	Thông tư
TTS	Tổng tài sản
TV	Thành viên
VCSH	Vốn chủ sở hữu
VĐL	Vốn điều lệ
VN	Việt Nam
BCKT	Báo cáo kiểm toán
BCTC	Báo cáo tài chính
RB	Khối Bán lẻ
CIB	Khối Khách hàng doanh nghiệp
COM-B	Khối Khách hàng đại chúng
TCTD	Tổ chức tín dụng
CBNV	Cán bộ nhân viên
NHTM	Ngân hàng thương mại
CN/PGD	Chi nhánh/ Phòng giao dịch
KHDN	Khách hàng doanh nghiệp
KHCN	Khách hàng cá nhân
KH	Khách hàng
NHNN	Ngân hàng nhà nước
RRTD	Rủi ro tín dụng
QLRRHĐ	Quản lý rủi ro hoạt động
MT&XH	Môi trường & Xã hội

Thông điệp
CỦA CHỦ TỊCH HĐQT

"Năm 2024 đánh dấu sự chuyển mình, thay đổi mạnh mẽ của OCB khi ngân hàng đã định vị lại chiến lược kinh doanh tổng thể, phân khúc khách hàng mục tiêu. Tái cấu trúc lại mô hình kinh doanh, cơ cấu tổ chức cùng nhiều hành động quan trọng khác. Kiên định với các giá trị cốt lõi trong mọi hoạt động, sự quyết tâm từ Ban lãnh đạo và đồng lòng của tập thể hơn 7.000 CBNV trên toàn hệ thống, OCB đã ghi nhận nhiều thành quả ấn tượng, duy trì tốc độ tăng trưởng ổn định hoạt động kinh doanh cốt lõi trong năm 2024.

Bước sang 2025 - một năm rất quan trọng đối với OCB bởi đây là năm cuối cùng để hoàn thành chiến lược giai đoạn 2021 – 2025 và cũng là giai đoạn chuyển đổi cho chiến lược mới 2026 – 2030, với nền tảng vững chắc và nội lực mạnh mẽ, OCB hoàn toàn tự tin quay trở lại đường đua tăng trưởng, tiếp tục vị thế là ngân hàng hoạt động hiệu quả hàng đầu tại Việt Nam. Song hành cùng đó, ngân hàng cũng cam kết thể hiện rõ trách nhiệm với cộng đồng và môi trường, đưa OCB vào Top 5 ngân hàng TMCP tư nhân hàng đầu Việt Nam về hiệu quả và ESG, hoạt động an toàn và minh bạch, tạo dựng giá trị lâu dài cho cổ đông, khách hàng và xã hội."

Thưa Quý cổ đông và Quý khách hàng,

Năm 2024 đã chứng kiến nhiều chuyển biến đáng kể trong bức tranh kinh tế vĩ mô Việt Nam khi tốc độ tăng GDP đạt 7,09% - một con số vô cùng ấn tượng; xuất khẩu hàng hóa nổi lên như một điểm sáng, ghi nhận mức tăng trưởng 14,3%. Bên cạnh đó, dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) tiếp tục gia tăng, trở thành động lực quan trọng hỗ trợ phát triển sản xuất và xuất khẩu. Vốn đầu tư thực hiện của khu vực FDI trong năm 2024 tăng 9,4% so với năm trước, một bước nhảy vọt so với mức tăng 3,5% của năm 2023... Tuy nhiên, dù tăng trưởng đã trở lại đường đua với một "phong thái" ổn định nhưng nền kinh tế Việt Nam nói chung cũng như ngành ngân hàng nói riêng vẫn phải đối mặt với nhiều thách thức lớn như tình hình thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp với những bất ổn địa chính trị, áp lực NHNN có thể tăng lãi suất điều hành, áp lực nợ xấu tăng khi mà thị trường bất động sản chưa phục hồi hoàn toàn, mức chi tiêu của người dân cũng chưa phục hồi mạnh mẽ dẫn đến nhu cầu tín dụng tiêu dùng tăng chậm hơn kỳ vọng; áp lực duy trì thanh khoản và đảm bảo lợi nhuận đè nặng lên vai các ngân hàng...

Tại OCB, năm 2024 mặc dù phải đối mặt với rất nhiều khó khăn do ảnh hưởng chung từ thị trường thế giới cũng như trong nước nhưng OCB vẫn đạt nhiều thành quả ấn tượng. Tốc độ tăng trưởng tín dụng thị trường 1 đạt gần 20%, cao hơn trung bình ngành (15,08%). Trong đó, dư nợ tín dụng tiếp tục tập trung vào 2 nhóm chiến lược khách hàng cá nhân và doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Huy động thị trường 1 đạt 192.413 tỷ đồng, tăng 14,5% so với đầu năm. Đặc biệt, ngân hàng cũng đang đẩy mạnh tài chính xanh, cung cấp nguồn vốn cho các dự án theo hướng phát triển bền vững như: năng lượng tái tạo, công trình xanh, nhà máy cung cấp nước hay nông nghiệp thông minh, nuôi trồng bền vững, tưới nhỏ giọt, lưu trữ/chứa nước. Theo số liệu thống kê đến 31/12/2024, tín dụng xanh tại OCB tăng 30% so với năm 2023.

Bước sang năm 2025 - một năm vô cùng quan trọng bởi đây là năm cuối cùng để hoàn thành chiến lược giai đoạn 2021 – 2025 và cũng là năm khởi đầu cho giai đoạn chuyển đổi chiến lược mới 2026 – 2030. Do vậy, năm 2025 OCB đặt mục tiêu thực hiện tốt các hành động trọng tâm bao gồm: Tập trung thu nhập lõi, tăng tỷ trọng thu nhập phí và Casa; Củng cố nền tảng quản trị rủi ro và tuân thủ, đảm bảo tăng trưởng bền vững; Đẩy mạnh chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ vào vận hành; Xây dựng văn hóa, xây dựng đội ngũ nhân sự chất lượng cao, tạo lợi thế cạnh tranh mạnh mẽ trên thị trường. Đặc biệt, hoàn thiện và thúc đẩy thực thi chiến lược ESG toàn diện trong hoạt động Ngân hàng, hướng đến mục tiêu đưa tỷ trọng dư nợ tín dụng xanh trên tổng dự nợ thị trường 1 năm 2025 đạt trên 11%, nhằm đưa OCB trở thành Top 5 ngân hàng tư nhân về ESG.

Đây có thể nói là một mục tiêu vô cùng tham vọng nhưng tôi tin với sự chuẩn bị kỹ càng cả về nguồn lực tài chính đến hệ thống công nghệ, con người, với sự quyết tâm, bền chí của hơn 7.000 CBNV trên toàn quốc và đặc biệt là sự dẫn dắt bởi đội ngũ quản trị, điều hành giàu kinh nghiệm, tôi tin tưởng rằng OCB sẽ đạt được mục tiêu và OCB sẽ luôn là một trong những ngân hàng có tốc độ tăng trưởng bền vững, an toàn, hiệu quả, minh bạch, đem lại giá trị cho cổ đông, cộng đồng và xã hội.

Thay mặt Hội đồng Quản trị OCB, tôi gửi lời cảm ơn sâu sắc đến Quý cổ đông, khách hàng, đối tác, cùng hơn 7.000 CBNV OCB trên toàn quốc - những người đã luôn tin tưởng, đồng hành và cùng chung tay xây dựng nên một thương hiệu ngân hàng vững mạnh, hoạt động an toàn, hiệu quả và minh bạch, đem lại giá trị lâu dài cho cổ đông, khách hàng và xã hội.

Một lần nữa, xin cảm ơn và kính chúc Quý vị nhiều sức khỏe, hạnh phúc và thành công!

Trân trọng.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

M.S.D.N: 0300852005 C.T.C.P
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHƯƠNG ĐÔNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TRỊNH VĂN TUẤN

CHƯƠNG

01

THÔNG TIN CHUNG

Tầm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi 10

Thông tin chung 13

Quá trình hình thành và phát triển 14

Dấu ấn OCB 2024 16

TẦM NHÌN - SỨ MỆNH GIÁ TRỊ CỐT LÕI

TẦM NHÌN

Top 5 Ngân hàng TMCP tư nhân vào năm 2025.

SỨ MỆNH

Hỗ trợ hiện thực hóa ước mơ và tham vọng của người tiêu dùng, doanh nhân và doanh nghiệp tại Việt Nam, giúp họ đạt được sự tăng trưởng, và hoài bão như kỳ vọng.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

KHÁCH HÀNG LÀ TRỌNG TÂM

- Chúng ta lắng nghe, trân trọng và thấu hiểu khách hàng.
- Chúng ta ưu tiên trước hết thỏa mãn nhu cầu khách hàng.
- Chúng ta cam kết mang lại giải pháp, sản phẩm tốt nhất cho khách hàng.

NỖ LỰC

- Chúng ta tập trung cao độ trong công việc và làm hết mình.
- Chúng ta chủ động và nhanh nhạy trong công việc.
- Chúng ta kiên cường trước những khó khăn.

SÁNG TẠO

- Chúng ta không thỏa mãn với những thứ hiện có và tìm cách đạt những thành tựu mới.
- Chúng ta tìm những phương thức, giải pháp thông minh, hiệu quả hơn.
- Chúng ta tìm kiếm cơ hội, chuẩn bị kế hoạch, sẵn sàng ứng biến cho những thay đổi.

TRÁCH NHIỆM

- Chúng ta ứng xử chuyên nghiệp, chuẩn mực.
- Chúng ta dám ra quyết định và chịu trách nhiệm với hành động của mình.
- Chúng ta giữ chữ tín, và hướng đến lợi ích, giá trị bền vững.

HỢP TÁC CÙNG PHÁT TRIỂN

- Chúng ta có thái độ tôn trọng và tư duy cùng thành công.
- Chúng ta chia sẻ, đồng hành cùng nhau.
- Chúng ta trao đổi cởi mở, minh bạch, tích cực.

THÔNG TIN CHUNG

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHƯƠNG ĐÔNG

Tên tiếng Anh	**Orient Commercial Joint Stock Bank**
Tên viết tắt	**Ngân Hàng Phương Đông hoặc OCB**
Giấy chứng nhận ĐKKD	0300852005
Mã cổ phiếu	OCB
Thời điểm niêm yết	28/01/2021
Vốn điều lệ	**24.657.891.520.000 VND** *(Tại thời điểm 31/12/2024)*
Vốn chủ sở hữu	**31.671.045.433.324 VND** *(Tại thời điểm 31/12/2024)*
Hội sở chính	Toà nhà The Hallmark, Số 15 Đường Trần Bạch Đằng, Phường Thủ Thiêm, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh
Số điện thoại	(84) 28.38220 960
Hotline	1800 6678
Website	www.ocb.com.vn

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- Dịch vụ huy động vốn
- Dịch vụ cho vay
- Dịch vụ thanh toán quốc tế
- Dịch vụ tài trợ xuất nhập khẩu
- Dịch vụ tài khoản
- Dịch vụ thẻ
- Dịch vụ Ngân hàng số OCB OMNI
- Dịch vụ Chuyển tiền nhanh trong và ngoài nước
- Dịch vụ chi trả kiều hối
- Dịch vụ mua bán ngoại tệ
- Các dịch vụ ngân hàng khác trong khuôn khổ được phép hoạt động của OCB

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Được thành lập từ năm 1996, trải qua 29 năm xây dựng và phát triển, OCB đã ghi tên mình trong nhóm các ngân hàng tư nhân hàng đầu tại Việt Nam với tốc độ tăng trưởng, an toàn hiệu quả, tiên phong trong hoạt động chuyển đổi số và phát triển bền vững.

10/6/1996

- Thành lập Ngân hàng TMCP Phương Đông

2007

- Thiết lập quan hệ hợp tác chiến lược với BNP Paribas

2008

- Triển khai ngân hàng lõi T24

2013

- Triển khai đề án tự tái cơ cấu giai đoạn 2012 – 2015
- Công bố hệ thống nhận diện thương hiệu mới

OCB Ngân Hàng Phương Đông

2022

- Top 10 Ngân hàng Mạnh nhất Việt Nam trong bảng xếp hạng 500 ngân hàng mạnh nhất khu vực Châu Á – Thái Bình Dương do The Asian Banker công bố
- Tự hào thương hiệu quốc gia Việt Nam 2022
- Top 30 DN đóng thuế nhiều nhất Việt Nam do tạp chí Forbes công bố

2023

- Ngân hàng đầu tiên hoàn thành triển khai và áp dụng nền tảng quản lý vốn theo Basel II nâng cao và Basel III.
- Ra mắt ngân hàng số thế hệ mới LIOBANK

Liobank by OCB

2024

- Ký kết hợp tác chiến lược với IFC, hướng đến mục tiêu ngân hàng Xanh tiên phong tại Việt Nam
- Ra mắt phiên bản ngân hàng số OCB OMNI thế hệ mới
- Công bố báo cáo phát triển bền vững độc lập

IFC International Finance Corporation WORLD BANK GROUP

2014

- Xây dựng mô hình quản trị rủi ro mới chuẩn quốc tế dưới sự tư vấn của KPMG

2015

- Khởi động dự án Basel II dưới sự tư vấn của Ngân hàng DBS Singapore

2016

- Tốc độ tăng trưởng thuộc nhóm 3 ngân hàng dẫn đầu thị trường
- Moody's công bố mức xếp hạng B2 trong lần đầu xếp hạng

2017

- Ngân hàng đầu tiên công bố hoàn thành dự án triển khai Basel II, đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế về quản lý rủi ro

2018

- Tháng 3/2018: Ra mắt ngân hàng số OCB OMNI
- OCB chính thức được công nhận hoàn thành Basel II

2019

- Moody's tăng bậc xếp hạng đánh giá rủi ro đối tác (CRA) và xếp hạng rủi ro đối tác (CRR) lên mức Ba3

2020

- Chào đón nhà đầu tư chiến lược - Ngân hàng Aozora (Nhật Bản)
- Đạt chứng nhận Thương hiệu quốc gia
- Top 4 trong 10 Ngân hàng TMCP kinh doanh hiệu quả nhất trên thị trường

2021

- OCB niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HoSE) ngày 28/1/2021
- Top 25 thương hiệu tài chính dẫn đầu tại Việt Nam do Forbes bình chọn

DẤU ẤN OCB 2024

1 KÝ KẾT HỢP TÁC CHIẾN LƯỢC VỚI IFC, HƯỚNG ĐẾN MỤC TIÊU NGÂN HÀNG XANH TIÊN PHONG TẠI VIỆT NAM

Ngày 02/4/2024, Ngân hàng Phương Đông (OCB) và Tổ chức Tài chính Quốc tế (IFC) đã ký kết thỏa thuận hợp tác chiến lược, tập trung vào chuyển đổi ngân hàng xanh và nâng cao dịch vụ ngân hàng số cho doanh nghiệp SME và khách hàng bán lẻ. Đây là bước đi quan trọng nhằm hướng tới mục tiêu phát triển bền vững, tạo giá trị thiết thực cho ngân hàng, khách hàng và cộng đồng.

2 RA MẮT PHIÊN BẢN NGÂN HÀNG SỐ OCB OMNI THẾ HỆ MỚI

Ngày 15/5/2024, ngân hàng chính thức ra mắt phiên bản OCB OMNI 4.0 chỉ sau 6 tháng triển khai, đặt ra một tiêu chuẩn mới trong lĩnh vực ngân hàng số tại Việt Nam.

3 OCB THAY ĐỔI VỀ NHÂN SỰ CẤP CAO

OCB thực hiện công bố thông tin liên quan đến việc bổ nhiệm ông Phạm Hồng Hải đảm nhận các quyền hạn, nhiệm vụ trong vai trò Tổng Giám đốc ngân hàng từ ngày 06/5/2024. Ông là một nhân vật nổi bật, có sức ảnh hưởng trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng tại Việt Nam, với gần 30 năm kinh nghiệm.

4 CÔNG BỐ BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG ĐỘC LẬP

OCB tự hào là một trong những ngân hàng tiên phong xây dựng và công bố Báo cáo Phát triển Bền vững độc lập trên toàn hệ thống. Báo cáo tái hiện chi tiết hành trình xanh hóa của OCB, từng bước hiện thực hóa mục tiêu trở thành Ngân hàng Xanh, đồng thời đóng góp thiết thực vào sự phát triển bền vững của Việt Nam.

5 KHAI TRƯƠNG MỞ MỚI THÊM 05 CN & 12 PGD

Năm 2024, OCB đã thực hiện khai trương mở mới 5 CN đầu tiên tại các tỉnh Lào Cai, Phú Thọ, Quảng Bình, Đắk Nông và Ninh Thuận, cùng 12 PGD tại Hà Nội, Nam Định, Ninh Bình, Bình Định, Lâm Đồng và Gia Lai. Theo đó, hệ thống mạng lưới của ngân hàng đã tăng lên 176 điểm giao dịch, hiện diện tại 48 tỉnh thành kinh tế trọng điểm trên cả nước.

Đây là cột mốc quan trọng, giúp ngân hàng tăng cường độ phủ về nhận diện, hình ảnh thương hiệu đặc biệt là tối ưu trải nghiệm của khách hàng thông qua không gian giao dịch được đầu tư xây dựng theo quy chuẩn mới, hiện đại và sang trọng.

6 ĐẨY MẠNH CÔNG TÁC AN SINH XÃ HỘI, CHIA SẺ VỚI CỘNG ĐỒNG

Tài trợ toàn bộ kinh phí xây dựng trường THCS Minh Thanh (Tuyên Quang)

Chung tay hỗ trợ người dân miền Bắc chịu ảnh hưởng bởi con bão Yagi

OCB đã nỗ lực chung tay cùng các địa phương miền Bắc khắc phục hậu quả nặng nề về vật chất lẫn tinh thần cho người dân do ảnh hưởng bão số 3 (bão Yagi) - cơn bão mạnh nhất trên Biển Đông trong 30 năm qua. Ngay trong và sau bão, tập thể CBNV OCB tại các khu vực bị ảnh hưởng đã tích cực triển khai các hoạt động hỗ trợ, cung cấp kịp thời lương thực, nước uống và nhu yếu phẩm thiết yếu cho bà con. Song song đó, OCB thông qua UB MTTQ Việt Nam tại các tỉnh đã ủng hộ số tiền 1 tỷ đồng để hỗ trợ khắc phục hậu quả sau bão.

Đồng hành cùng Quỹ Khuyến học Kiên Giang giúp sinh viên khó khăn tiếp tục đến trường

Vào tháng 9/2024, Anh Phạm Hồng Hải – Tổng Giám đốc OCB đã đại diện trao tặng tài trợ đến Quỹ khuyến học tỉnh Kiên Giang nhằm tạo điều kiện để các em sinh viên có thể tiếp tục theo đuổi ước mơ.

Hành trình O-Bankers "Dọn nhà góp cây" phủ xanh rừng Xuân Liên (Thanh Hóa) thông qua GAIA

1.065 cây xanh đã được đóng góp từ phiên chợ Giáng sinh & Quà tặng đấu giá

392kg vật phẩm quyên góp được gửi đến tổ chức GAIA.

Hơn 150 O-Bankers tham gia, tạo nên một mùa lễ hội tràn ngập sáng tạo và sẻ chia.

Đồng hành cùng ngành Ngân hàng chung tay xóa nhà tạm, nhà dột nát

Tháng 10/2024, hưởng ứng chương trình của UBMTTQ Việt Nam TP. Hồ Chí Minh, ngành Ngân hàng thành phố đã góp sức xây dựng 300 căn nhà cho các hộ có hoàn cảnh khó khăn. Trong đó, OCB hỗ trợ 5 tỷ đồng để xây dựng và sửa chữa 75 căn nhà, mang đến mái ấm kiên cố cho các hộ nghèo, cận nghèo và gia đình khó khăn, góp phần cải thiện chất lượng cuộc sống và xây dựng cộng đồng bền vững.

Tài trợ học bổng cho sinh viên Đại học Yersin Đà Lạt

T10/2024, tại lễ Kỷ niệm 20 năm thành lập trường Đại học Yersin Đà Lạt và khai giảng năm học 2024 - 2025, OCB đã trao học bổng cho các sinh viên có hoàn cảnh khó khăn.

7 TIÊN PHONG CHUYỂN ĐỔI SỐ VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG, OCB LIÊN TỤC KHẲNG ĐỊNH VỊ THẾ VỚI NHIỀU GIẢI THƯỞNG UY TÍN

Tự hào Thương hiệu Quốc gia 2024 do Bộ Công Thương bình chọn

Top 25 thương hiệu niêm yết dẫn đầu năm 2024 do tạp chí Forbes Việt Nam xếp hạng và công bố

Top 50 Doanh nghiệp Phát triển bền vững 2024 do Tạp chí Nhịp Cầu Đầu Tư công bố

Thương hiệu truyền cảm hứng 2024 do Asia Pacific Enterprise Awards (APEA) công bố

Top Thương hiệu giá trị nhất Việt Nam 2024 do Brand Finance công bố

Đạt giải Báo cáo Phát triển bền vững tại Hội nghị doanh nghiệp niêm yết 2024

Top 100 Doanh nghiệp bền vững 2024 do VCCI vinh danh

8 KÝ KẾT HỢP TÁC VỚI NHIỀU ĐỐI TÁC LỚN

Trong năm 2024 vừa qua, OCB tự hào được nhiều đối tác lớn tin chọn hợp tác:

T10/2024, ký kết hợp tác với Quỹ Phát triển Doanh nghiệp nhỏ và vừa (SMEDF) thông qua Hợp đồng khung cho vay gián tiếp, mở ra cơ hội thuận lợi cho các doanh nghiệp SME tại Việt Nam tiếp cận nguồn vốn ưu đãi và giải pháp tài chính tối ưu.

T9/2024, thiết lập hợp tác chiến lược với Quỹ đầu tư Genesia Ventures tại Việt Nam, hướng đến mục tiêu đồng hành và thúc đẩy sự phát triển của các doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ tại Việt Nam.

9 RA MẮT LOẠT SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ HIỆN ĐẠI, MANG ĐẾN TRẢI NGHIỆM TỐI ƯU CHO KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN VÀ DOANH NGHIỆP

APPLE PAY – Phương thức thanh toán dễ dàng, an toàn và riêng tư. Với Apple Pay, khách hàng có thể thanh toán mọi giao dịch bằng thẻ OCB Mastercard ngay trên các thiết bị Apple như iPhone, Apple Watch, iPad, Mac tại cửa hàng, trang trực tuyến và các ứng dụng.

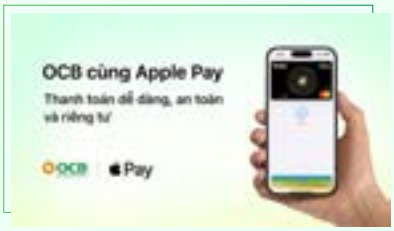

RÚT TIỀN MẶT VỚI MÃ QR – Tính năng công nghệ mới tại các ATM OCB trên toàn quốc. Chủ thẻ tín dụng, thẻ ghi nợ OCB và các thẻ được hỗ trợ VietQRcash có thể thao tác rút tiền tiện lợi, an toàn ngay với ứng dụng của ngân hàng.

OCB DREAM ACCOUNT – Giải pháp tài chính toàn chính dành cho khách hàng có thu nhập từ lương, đáp ứng tối đa nhu cầu tài chính của khách hàng, góp phần mang đến cho khách hàng cuộc sống vẹn toàn hạnh phúc.

SẢN PHẨM CHO VAY DOANH NGHIỆP START-UP KHÔNG TÀI SẢN BẢO ĐẢM

Nhằm tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp Start-up trong "mùa đông" gọi vốn, OCB mang đến giải pháp vay dành riêng cho Start-up có thời gian hoạt động từ 1 năm trở lên, với các điều kiện "dễ tiếp cận" hơn:

- Vay không cần tài sản bảo đảm
- Hạn mức vay lên đến 3 tỷ đồng
- Thời hạn vay linh hoạt (tối đa 12 tháng)

OCB SCHOOL - GIẢI PHÁP THU VÀ QUẢN LÝ HỌC PHÍ TỰ ĐỘNG CHO TRƯỜNG HỌC

Hiện nay, việc kiểm tra và xác nhận thủ công từng khoản thu học phí tại các trường học đang mất nhiều thời gian và dễ bị sai sót. Thấu hiểu điều này, OCB đã cho ra mắt giải pháp thu và quản lý học phí tự động OCB School với nhiều tính năng nổi bật.

OMNI PLATINUM - Gói tài khoản siêu ưu đãi giúp quản trị tài chính doanh nghiệp hiệu quả cùng đa dạng 3 cấp độ phù hợp từng nhu cầu doanh nghiệp với hạn mức giao dịch đến 500 tỷ đồng/ngày, miễn 100% đến 12 loại phí dịch vụ và tặng tài khoản số đẹp lên đến 120 triệu đồng.

CHƯƠNG

02

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Mô hình quản trị 21

Sơ đồ tổ chức 21

Quản trị công ty 22

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

Cơ cấu tổ chức quản lý của OCB bao gồm Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc theo như quy định tại Điều 40 Luật Các tổ chức tín dụng 2024.

Đại hội đồng Cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Ngân hàng (khoản 2 Điều 27 Điều lệ OCB). Đại hội đồng cổ đông quyết định số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát; bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm, bầu bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát (điểm d khoản 2 Điều 27 Điều lệ OCB).

Hội đồng Quản trị gồm các cơ quan trực thuộc như sau:

- Ủy ban Quản lý rủi ro, Ủy ban Xử lý rủi ro, Ủy ban Nhân sự, Ban Hợp tác chiến lược, Ban Chiến lược và Ban Phát triển bền vững.

Hệ thống OCB gồm:

- Hội sở chính, các Chi nhánh, các Phòng giao dịch, Văn phòng đại diện, Đơn vị sự nghiệp, Công ty trực thuộc. Các đơn vị Hội sở gồm 07 Khối và 08 Trung tâm, Phòng, Ban, cơ quan trực thuộc Tổng Giám đốc.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC

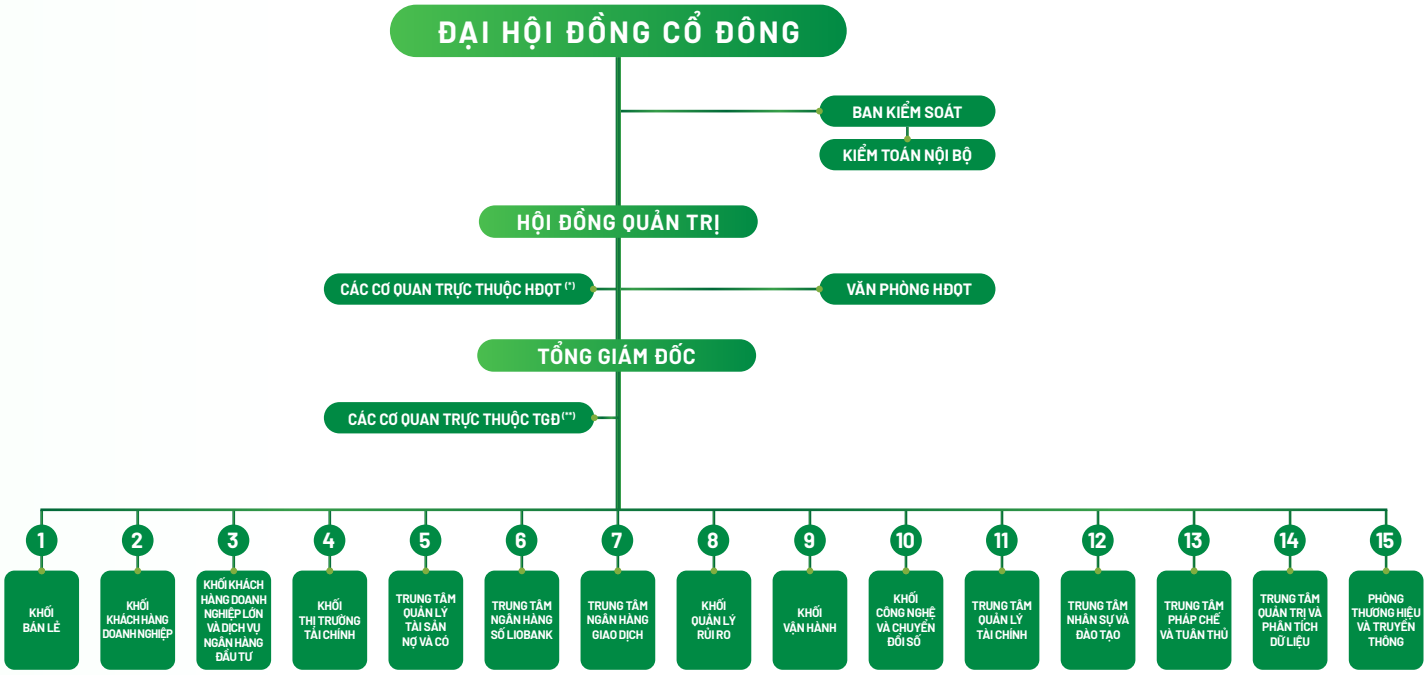

* *Các cơ quan trực thuộc HĐQT gồm có: Ủy ban Nhân sự, Ủy ban Quản lý rủi ro, Ủy ban XLRR, Ban Chiến lược, Ban Hợp tác chiến lược, Ban PTBV, các cơ quan khác do HĐQT thành lập.*

** *Các cơ quan trực thuộc TGĐ gồm có: Hội đồng xét duyệt sản phẩm, Hội đồng rủi ro, Hội đồng quản lý vốn, Hội đồng ALCO, Hội đồng tín dụng, Hội đồng cơ cấu nợ, Hội đồng mua bán nợ, Hội đồng nhân sự, Phòng Quản lý chuyển đổi, các cơ quan khác do TGĐ thành lập.*

QUẢN TRỊ CÔNG TY

1 Giới thiệu HĐQT

Năm 2024, HĐQT của OCB gồm 9 thành viên, trong đó có 2 thành viên độc lập.

Các thành viên HĐQT của ngân hàng đã thực hiện công tác quản trị trên nguyên tắc công khai, minh bạch, tách bạch giữa quản trị và hoạt động điều hành.

1	**Ông Trịnh Văn Tuấn**	Chủ tịch HĐQT
2	**Ông Ngô Hà Bắc**	Thành viên HĐQT
3	**Bà Trịnh Thị Mai Anh**	Thành viên HĐQT
4	**Ông Yoshizawa Toshiki**	Thành viên HĐQT
5	**Ông Kato Shin**	Thành viên HĐQT
6	**Ông Phan Trung**	Thành viên HĐQT
7	**Ông Nguyễn Đình Tùng**	Thành viên HĐQT
8	**Ông Pham Tri Nguyen**	Thành viên HĐQT độc lập
9	**Ông Bùi Minh Đức**	Thành viên HĐQT độc lập

ÔNG TRỊNH VĂN TUẤN

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

- Ông tốt nghiệp thủ khoa Đại học Bách khoa Hà Nội năm 1988 và được chuyển tiếp Nghiên cứu sinh tại Cộng hòa Ba Lan.
- Ông Trịnh Văn Tuấn là doanh nhân thành đạt tại Ba Lan và Việt Nam.
- Ông gia nhập OCB từ tháng 8/2010 đến nay và được bầu làm Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2011 – 2015, nhiệm kỳ 2015 – 2020 và tiếp tục làm Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2020 - 2025.
- Với hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng, Ông đã và đang có những đóng góp quan trọng trong việc xây dựng, phát triển chiến lược cũng như quản trị điều hành, giúp OCB phát triển vượt bậc, trở thành ngân hàng hàng đầu tại Việt Nam.

1 Giới thiệu HĐQT

ÔNG NGÔ HÀ BẮC

Thành viên Hội đồng Quản trị
nhiệm kỳ 2020 - 2025

- Ông có bằng Tiến sĩ ngành công nghệ điện tử bảo vệ tại Cộng hòa Ba Lan.
- Ông được bầu làm Thành viên HĐQT độc lập của OCB nhiệm kỳ 2011 – 2015; Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2015 - 2020 và tiếp tục được bầu làm Thành viên HĐQT của OCB nhiệm kỳ 2020 – 2025.
- Ông đã từng nắm nhiều cương vị ở các tổ chức: Chủ tịch HĐQT (Công ty LBT tại Warsaw, Ba Lan), Thành viên, Trưởng Ban Quản lý Giám sát hoạt động kinh doanh của HĐQT VIS.

BÀ TRỊNH THỊ MAI ANH

Thành viên Hội đồng Quản trị
nhiệm kỳ 2020 - 2025

- Bà tốt nghiệp Cử nhân Khoa học – London School of Economics and Political Science (Vương quốc Anh).
- Bà được bầu làm Thành viên HĐQT OCB nhiệm kỳ 2020 – 2025.
- Bà đã có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính tại các doanh nghiệp, tổ chức lớn trong và ngoài nước như: Ngân hàng HSBC London, Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc Tế Việt Nam, Tập đoàn VinaCapital và Tập đoàn Temasek Singapore.

ÔNG YOSHIZAWA TOSHIKI

Thành viên Hội đồng Quản trị
nhiệm kỳ 2020 - 2025

- Ông tốt nghiệp Cử nhân Luật trường Đại học Waseda, Tokyo.
- Ông được bầu làm Thành viên HĐQT OCB nhiệm kỳ 2020 – 2025.
- Ông có hơn 30 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính. Hiện Ông đang là Tổng quản lý tại Ngân hàng Aozora từ năm 2018 đến nay.

ÔNG KATO SHIN

Thành viên Hội đồng Quản trị
nhiệm kỳ 2020 - 2025

- Ông tốt nghiệp Cử nhân Kinh doanh Thương mại – Đại học Keio, Tokyo.
- Ông được bầu làm Thành viên HĐQT OCB nhiệm kỳ 2020 – 2025 từ ngày 28/4/2023.
- Ông đã có hơn 30 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng, hiện ông đang là Cán bộ Điều hành Trưởng Khối Đầu tư Châu Á, kiêm Trưởng Bộ phận Châu Á - Thái Bình Dương tại Ngân hàng Aozora. Ông từng đảm nhiệm các chức vụ khác tại Ngân hàng Aozora như: Phó Trưởng Khối Đầu tư Châu Á; Trưởng Bộ phận Giải pháp Kinh doanh Châu Á; Đồng Trưởng Bộ phận Tư vấn M&A; Nhân viên biệt phái; Nhân viên Bộ phận Đầu tư Doanh nghiệp. Đã từng giữ các chức vụ Tổng Giám đốc kiêm Chủ tịch Hội đồng Quản trị tại Arise Capital Partners, Inc.

1 Giới thiệu HĐQT

ÔNG PHAN TRUNG

Thành viên Hội đồng Quản trị
nhiệm kỳ 2020 - 2025

- Ông có bằng Thạc sĩ trường Asia E University (Malaysia) chuyên ngành Quản trị kinh doanh và tốt nghiệp Đại học Thương mại chuyên ngành Quản trị kinh doanh.
- Ông được bầu làm Thành viên HĐQT OCB nhiệm kỳ 2011 – 2015; Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2015 - 2020 và tiếp tục làm Thành viên HĐQT OCB nhiệm kỳ 2020 – 2025.
- Ông đã có 20 năm kinh nghiệm công tác và đảm nhiệm nhiều chức vụ quan trọng ở các doanh nghiệp, tổ chức. Hiện Ông là Phó Chủ tịch HĐQT - Công ty đầu tư Romana & Spa – Phan Thiết, đồng thời Ông còn là Tổng Giám đốc - Công ty TNHH Đầu Tư An Huy.

ÔNG NGUYỄN ĐÌNH TÙNG

Thành viên Hội đồng Quản trị
nhiệm kỳ 2020 - 2025

- Ông tốt nghiệp MBA tại trường Maastricht University, Hà Lan.
- Ông được bầu làm Thành viên HĐQT OCB nhiệm kỳ 2020 – 2025 từ ngày 28/4/2024.
- Ông có hơn 20 năm kinh nghiệm làm việc trong ngành Tài chính - Ngân hàng tại Việt Nam và nước ngoài. Ông từng giữ các chức vụ: Phó Tổng Giám đốc, phụ trách kinh doanh Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam, từ tháng 5/2009 đến tháng 4/2012, Ông còn giữ thêm chức vụ Phó Chủ tịch Thường trực HĐQT Ngân hàng Mekong; Giám đốc Quốc gia Ngân hàng ING Private Banking, Singapore; Phó Tổng Giám đốc, Phụ trách Khối Khách hàng doanh nghiệp Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam; cùng nhiều chức vụ quan trọng khác.

ÔNG PHAM TRI NGUYEN

Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập
nhiệm kỳ 2020 - 2025

- Ông tốt nghiệp Cử nhân trường George Washington University (GWU) chuyên ngành Kinh tế & quản lý định lượng và tốt nghiệp Thạc sĩ trường Catholic University of America (CUA) chuyên ngành tài chính và đầu tư.
- Ông được bầu làm Thành viên HĐQT OCB nhiệm kỳ 2020 – 2025.
- Ông đã có hơn 36 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính và đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng tại các tổ chức quốc tế như: The World Bank (IBRD), International Finance Corporation. Ông từng giữ chức vụ Tổng Giám đốc - Deutsche Bank (DB) AG, Vietnam từ năm 2007 đến năm 2014, chức vụ Phó Chủ tịch - Công ty TNHH Tập Đoàn Bitexco Group từ năm 2014 đến năm 2017. Hiện Ông đang giữ vị trí Chủ tịch Công ty TNHH Vnexus capital Advisors từ năm 2018 đến nay.

ÔNG BÙI MINH ĐỨC

Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập
nhiệm kỳ 2020 - 2025

- Ông tốt nghiệp Cử nhân Đại học Tài chính Kế toán chuyên ngành Kế toán thương nghiệp.
- Ông được bầu làm Thành viên HĐQT OCB nhiệm kỳ 2020 - 2025.
- Ông đã có hơn 32 năm kinh nghiệm ở nhiều vị trí quan trọng tại các doanh nghiệp, tổ chức tại Việt Nam như: Phó Tổng Giám đốc - Tổng công ty thuốc lá Việt Nam (Vinataba), Giám đốc – Công ty thương mại Thuốc lá; Kế toán trưởng Công ty XNK Thủy sản; Trưởng phòng Marketing - Nhà máy Thuốc lá Vĩnh Hội.

2 Giới thiệu Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2020 - 2025 được Đại hội đồng cổ đông bầu vào ngày 30/6/2020. Các thành viên Ban Kiểm soát cũng bầu chức danh Trưởng ban cùng ngày.

1	**Bà Nguyễn Thị Thúy Minh**	Trưởng Ban Kiểm soát
2	**Ông Phạm Quang Vinh**	Thành viên Ban Kiểm soát
3	**Bà Đặng Thị Quý**	Thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách

BÀ NGUYỄN THỊ THÚY MINH

Trưởng Ban Kiểm Soát

- Bà tốt nghiệp Cử nhân kinh tế trường Đại học kinh tế TP. HCM.
- Bà được bầu làm Trưởng Ban kiểm soát OCB nhiệm kỳ 2020 – 2025.
- Bà đã có hơn 18 năm công tác tại OCB với nhiều vị trí quan trọng như: Trưởng phòng kế toán, Kế toán trưởng.

ÔNG PHẠM QUANG VINH

Thành viên Ban Kiểm Soát

- Ông tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế trường Đại học Kinh tế quốc dân.
- Ông được bầu làm Thành viên Ban Kiểm soát OCB nhiệm kỳ 2020 – 2025.
- Ông đã có hơn 14 năm tham gia làm Thành viên Ban Kiểm soát, Trưởng Ban Kiểm soát của VIB; Trưởng Ban Kiểm soát của VIS. Ông từng giữ vị trí Thành viên HĐQT OCB vào tháng 11/2014 và Thành viên Ban Kiểm soát OCB nhiệm kỳ 2015-2020.

BÀ ĐẶNG THỊ QUÝ

Thành viên Ban Kiểm Soát chuyên trách

- Bà tốt nghiệp Cử nhân kinh tế trường Đại học kinh tế Tp. HCM.
- Bà được bầu làm Thành viên Ban Kiểm soát OCB nhiệm kỳ 2020 – 2025.
- Bà từng giữ nhiều chức vụ quan trọng ở các tổ chức tín dụng khác như: Trưởng Ban Kiểm soát HD Bank, Trưởng Ban Kiểm soát khu vực phía nam Techcombank; Phó phòng tín dụng VietinBank. Bà từng giữ chức vụ thành viên Ban Kiểm soát OCB chuyên trách nhiệm kỳ 2011 - 2015 và nhiệm kỳ 2015 - 2020.

3 Giới thiệu Ban Điều hành

Ban Điều hành gồm Tổng Giám đốc, 01 Phó Tổng Giám đốc, 01 Kế toán trưởng, 01 Giám đốc Tài chính, 09 Giám đốc Khối, Trung tâm trực thuộc Tổng Giám đốc đảm nhiệm công việc thực hiện các chiến lược kinh doanh mà HĐQT đặt ra, quản lý và giải quyết các công việc hàng ngày của ngân hàng.

1	**Ông Phạm Hồng Hải**	Tổng Giám đốc
2	**Bà Huỳnh Lê Mai**	Phó Tổng Giám đốc
3	**Ông Nguyễn Bá Ngọc**	Giám đốc Khối Khách hàng Doanh Nghiệp lớn và Dịch vụ Ngân hàng đầu tư
4	**Ông Lê Đăng Khoa**	Giám đốc Khối Khách hàng Doanh nghiệp
5	**Ông Nguyễn Đức Hiếu**	Giám đốc Khối Thị trường tài chính
6	**Ông William James Life Andrew**	Giám đốc Khối Quản lý Rủi ro
7	**Ông Nguyễn Huy Đức**	Giám đốc Tài chính
8	**Ông Lương Tuấn Thành**	Giám đốc Khối Công nghệ và Chuyển đổi số
9	**Bà Nguyễn Vân Anh**	Kế toán trưởng
10	**Bà Nguyễn Thị Thu Hương**	Giám đốc Nhân sự và đào tạo
11	**Ông Ngô Phước Nhật Khánh**	Giám đốc Trung tâm Ngân hàng số Liobank
12	**Bà Phạm Thị Nguyệt Nga**	Giám đốc Trung tâm Quản trị và phân tích dữ liệu

**Thay đổi về nhân sự Ban điều hành năm 2024 (tính đến 31/3/2025)*

Giảm	Tăng
Ông Nguyễn Đình Tùng Miễn nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc từ ngày 06/5/2024	**Ông Phạm Hồng Hải** Bổ nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc từ ngày 16/7/2024
Ông Nguyễn Văn Hương Miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc từ ngày 19/9/2024	**Ông Nguyễn Huy Đức** Bổ nhiệm chức vụ Giám đốc Tài chính từ ngày 16/9/2024
Ông Bùi Thành Trung Miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc từ ngày 17/4/2024	**Ông William James Life Andrew** Bổ nhiệm chức vụ Giám đốc Khối Quản lý rủi ro từ ngày 09/12/2024
Ông Trương Thành Nam Miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc từ ngày 01/12/2024	**Ông Nguyễn Đức Hiếu** Bổ nhiệm chức vụ Giám đốc Khối thị trường tài chính từ ngày 13/6/2024
Ông Nguyễn Văn Cường Miễn nhiệm chức vụ Giám đốc Tài chính từ ngày 15/6/2024	**Bà Nguyễn Vân Anh** Bổ nhiệm chức vụ kế toán trưởng từ ngày 10/12/2024
Ông Lê Thanh Quý Ngọc Miễn nhiệm chức vụ Giám đốc Khối quản lý rủi ro từ ngày 11/8/2024	**Bà Phạm Thị Nguyệt Nga** Bổ nhiệm chức vụ Giám đốc Trung tâm Quản trị và phân tích dữ liệu (*) từ tháng 9/2024
Ông Đoàn Hà Tuyên Miễn nhiệm chức vụ Giám đốc Quản lý tín dụng từ ngày 16/08/2024	**Ông Ngô Phước Nhật Khánh** Bổ nhiệm chức vụ Giám đốc Trung tâm Ngân hàng số Liobank (*) từ ngày 25/11/2024
Ông Ngô Bình Nguyên Miễn nhiệm chức vụ Giám đốc Chiến lược từ ngày 01/9/2024	
Ông Trương Đình Long Miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc từ ngày 09/01/2025	

** Theo định nghĩa về Ban Điều hành trong Quy chế cơ cấu tổ chức Ngân hàng TMCP Phương Đông năm 2024*

ÔNG PHẠM HỒNG HẢI

Tổng Giám đốc

- Ông Phạm Hồng Hải được bổ nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Phương Đông kể từ ngày 16/07/2024.
- Ông tốt nghiệp Cử nhân Quản trị kinh doanh tại trường Đại học Kinh tế TP.HCM.
- Ông có nhiều năm kinh nghiệm làm việc trong ngành Tài chính - Ngân hàng tại Việt Nam và nước ngoài. Ông từng giữ các chức vụ: Phó Tổng Giám đốc, phụ trách khách hàng toàn cầu và phòng kinh doanh ngoại tệ và vốn - Ngân hàng HSBC Việt Nam, từ tháng 5/2012 đến tháng 8/2014, ông giữ chức vụ Tổng Giám đốc - Ngân hàng HSBC Việt Nam từ tháng 12/2014 đến tháng 09/2019; Giám đốc toàn quốc phụ trách các khách hàng doanh nghiệp đa quốc gia - Ngân hàng HSBC Canada, cùng nhiều chức vụ quan trọng khác.

3 Giới thiệu Ban Điều hành

BÀ HUỲNH LÊ MAI

Phó Tổng Giám đốc

- Bà Huỳnh Lê Mai được bổ nhiệm vào chức vụ Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Phương Đông kể từ tháng 11/2013.
- Bà đã tốt nghiệp Thạc sỹ Quản trị kinh doanh Trường ĐH Quốc gia Hà Nội liên kết ĐH Griggs; Cử nhân Quản trị kinh doanh Trường ĐH Mở TP.HCM; Cử nhân Ngoại ngữ Trường ĐH Cần Thơ.
- Bà có trên 15 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính ngân hàng và từng giữ nhiều chức vụ quan trọng.

ÔNG NGUYỄN BÁ NGỌC

Giám đốc Khối Khách hàng Doanh Nghiệp lớn và Dịch vụ Ngân hàng đầu tư

- Ông Nguyễn Bá Ngọc được bổ nhiệm chức vụ Giám đốc Khối Khách hàng Doanh Nghiệp lớn và Dịch vụ Ngân hàng đầu tư, Ngân hàng TMCP Phương Đông kể từ tháng 03/2023.
- Ông tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh.
- Ông có nhiều năm kinh nghiệm và đảm nhiệm các vị trí quan trọng trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng.

ÔNG LÊ ĐĂNG KHOA

Giám đốc Khối Doanh nghiệp

- Ông Lê Đăng Khoa được bổ nhiệm chức vụ Giám đốc Khối Doanh nghiệp (trước đây là Khối Doanh nghiệp vừa và nhỏ) Ngân hàng TMCP Phương Đông kể từ tháng 12/2023.
- Ông tốt nghiệp cử nhân chuyên ngành Tài chính tín dụng Đại học Ngân hàng TP.HCM.
- Ông từng giữ chức vụ quan trọng ở các tổ chức tài chính trong nước và quốc tế.

ÔNG NGUYỄN ĐỨC HIẾU

Giám đốc Khối Thị trường Tài chính

- Ông Nguyễn Đức Hiếu được bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Khối Thị trường Tài chính từ ngày 13/06/2024.
- Ông tốt nghiệp Thạc sỹ chuyên ngành Quản trị kinh doanh, University of Texas.
- Ông từng giữ những chức vụ quan trọng tại các tổ chức tài chính khác.

3 Giới thiệu Ban Điều hành

ÔNG WILLIAM JAMES LIFE ANDREW

Giám đốc Khối Quản lý Rủi ro

- Ông William James Life Andrew được bổ nhiệm chức vụ Giám đốc Khối Quản lý Rủi ro Ngân hàng TMCP Phương Đông kể từ ngày 09/12/2024.
- Ông tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế tại The University of Liverpool.
- Ông từng giữ chức vụ quan trọng ở các tổ chức tài chính quốc tế.

ÔNG NGUYỄN HUY ĐỨC

Giám đốc Tài chính

- Ông Nguyễn Huy Đức được bổ nhiệm chức vụ Giám đốc Tài chính kể từ ngày 16/09/2024.
- Ông tốt nghiệp Thạc sỹ chuyên ngành Kinh tế, Đại học Corvinus Budapest (Hungary).
- Ông có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính. Ông đảm nhiệm nhiều vị trí cấp cao tại các tổ chức trong và ngoài nước.

ÔNG LƯƠNG TUẤN THÀNH

Giám đốc Khối Công nghệ và Chuyển đổi số

- Ông Lương Tuấn Thành được bổ nhiệm chức vụ Giám đốc Khối Công Nghệ và Chuyển đổi số kể từ ngày 09/10/2023.
- Ông tốt nghiệp Thạc sỹ chuyên ngành Quản trị Kinh doanh, Đại học Quốc gia Singapore.
- Ông có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực công nghệ thông tin ông đảm nhiệm nhiều vị trí cấp cao tại các tổ chức trong nước và quốc tế.

BÀ NGUYỄN VÂN ANH

Kế toán trưởng

- Bà Nguyễn Vân Anh được bổ nhiệm chức vụ Kế toán trưởng, Ngân hàng TMCP Phương Đông kể từ ngày 10/12/2024.
- Bà tốt nghiệp Thạc sỹ Kế toán quốc tế, Đại học Kỹ thuật Swinburne.
- Bà có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính ngân hàng và từng nhiều giữ chức vụ tại các tổ chức tín dụng khác.

3 Giới thiệu Ban Điều hành

BÀ NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG

Giám đốc Nhân sự và đào tạo

- Bà Nguyễn Thị Thu Hương được bổ nhiệm chức vụ Giám đốc Nhân sự và đào tạo từ ngày 07/04/2021.
- Bà tốt nghiệp Thạc sỹ chuyên ngành Quản trị kinh doanh, Đại học William & Mary (USA).
- Bà có nhiều năm kinh nghiệm và từng đảm nhận các vị trí quan trọng tại các tổ chức khác.

ÔNG NGÔ PHƯỚC NHẬT KHÁNH

Giám đốc Trung tâm Ngân hàng số Liobank

- Ông Ngô Phước Nhật Khánh được bổ nhiệm chức vụ Giám đốc Trung tâm Ngân hàng số Liobank từ ngày 25/11/2024.
- Ông tốt nghiệp Thạc Sỹ Quản trị kinh doanh, Kellogg School of Management - Northwestern University.
- Ông có nhiều năm kinh nghiệm và từng giữ nhiều vị trí quan trọng tại các tổ chức khác.

BÀ PHẠM THỊ NGUYỆT NGA

Giám đốc Trung tâm Quản trị và phân tích dữ liệu

- Bà Phạm Thị Nguyệt Nga được bổ nhiệm chức vụ Giám đốc Trung tâm Quản trị và phân tích dữ liệu từ tháng 09/2024.
- Bà tốt nghiệp Tiến sĩ chuyên ngành Mathematical and Computational, Đại học Amsterdam.
- Bà có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính ngân hàng và từng giữ nhiều vị trí quan trọng trong các tổ chức trong và ngoài nước.

4 Các công ty con, công ty liên kết

Công ty con

Công ty TNHH MTV Chuyển tiền Quốc tế Ngân hàng Thương mại Phương Đông

Địa chỉ

Tầng 11, cao ốc 123, số 123 - 127 Võ Văn Tần, Phường 06, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Ngành nghề kinh doanh

Dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ

Vốn điều lệ

25 tỷ đồng

Tỷ lệ sở hữu của OCB

100,00%

5 Danh mục các dự án công nghệ trọng điểm

STT	Dự án	Khối Nghiệp vụ	Tình trạng	
1	Triển khai phase 3 dự án OMNI 4.0 (bổ sung các tính năng mới)	RB	Đã hoàn tất	Đã golive trong Q1/2024
2	Triển khai SPDV Thẻ trọng yếu: 1. Tích hợp dịch vụ thanh toán thẻ với Apple Pay; 2. Rút tiền tại ATM/CDM bằng QRCode dành cho thẻ OCB và Napas	RB	Đã hoàn tất	Đã golive trong Q1/2024
3	Xây dựng nền tảng dữ liệu về giao dịch tại quầy phục vụ phân tích hiệu suất của Teller	RB	Đã hoàn tất	Đã golive trong Q3/2024
4	Triển khai mô hình chăm sóc khách hàng bằng chatbot AI cho mảng thẻ	RB	Đã hoàn tất	Đã golive trong Q4/2024
5	Dự án GREEN (SOLAR) - Chuẩn hóa, số hóa hoạt động tác nghiệp và biểu mẫu liên quan trong hoạt động Teller phục vụ khách hàng tại quầy	RB	Đang triển khai	Đang UAT
6	Triển khai AA - Sản phẩm Vay cầm cố STK CBNV OCB	RB	Đang triển khai	Đang UAT
7	Cardzone - mini app trên OMNI 4.0 cho SPDV Thẻ - Phase 1	RB	Đang triển khai	Đang triển khai & UAT cuốn chiếu
8	Triển khai sản phẩm Thẻ Visa cho Liobank	Liobank	Đã hoàn tất	Đã golive trong Q4/2024
9	Triển khai hệ thống quản lý dòng vốn	TREASURY	Đã hoàn tất	Đã golive trong Q3/2024
10	Tự động hóa các báo cáo trọng yếu của QL RRTD	RISK	Đã hoàn tất	Đã golive trong Q3/2024
11	Nâng cấp các hệ thống liên quan đáp ứng tuân thủ theo TT15 - TT17 - TT18 NHNN	RISK	Đã hoàn tất	Đã golive trong Q4/2024
12	Nâng cấp hệ thống Thẩm định giá	OPERATION	Đã hoàn tất	Đã golive trong Q3/2024
13	Chuyển đổi chuẩn điện Swift ISO 20022	OPERATION	Đang triển khai	Đang UAT
14	Số hóa QT giải ngân hạn mức cho KHDN (và cấp BL nội địa)	OPERATION	Đang triển khai	Đã chốt giải pháp đang đánh giá rủi ro
15	Nâng cấp các hệ thống liên quan đáp ứng tuân thủ QD 2345 của NHNN	HO	Đã hoàn tất	Đã golive trong Q2/2024
16	Chuyển đổi nền tảng công nghệ và chuẩn hóa bộ báo cáo quản trị (BCN)	ITDT	Đã hoàn tất	Đã golive trong Q4/2024
17	Triển khai nền tảng số hóa qui trình mới - thí điểm 1 qui trình	ITDT	Đã hoàn tất	Đã golive trong Q4/2024
18	Triển khai nền tảng mô hình phân tích dữ liệu Databrick on AWS	ITDT	Đã hoàn tất	Đã golive trong Q3/2024
19	Triển khai đánh giá An toàn thông tin cho 14 hệ thống trọng yếu	ITDT	Đã hoàn tất	Đã golive trong Q4/2024

6 Quyền và trách nhiệm của cổ đông

Quyền của cổ đông

Trong năm 2024, OCB đã thực hiện nghiêm túc tất cả các quyền của cổ đông theo quy định tại Điều 25 - Điều lệ OCB và các quy định của pháp luật liên quan. Tại ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2024, tất cả các cổ đông đều được đảm bảo quyền tham dự, biểu quyết và đóng góp ý kiến tại Đại hội hoặc gửi thư về Ban tổ chức. Tất cả cổ đông của OCB đều được đối xử công bằng và được tiếp cận thông tin đầy đủ theo quy định của pháp luật. Tại phiên họp này, ĐHĐCĐ đã thông qua các Báo cáo đánh giá tình hình hoạt động năm 2023, thông qua phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2023, đồng thời tin tưởng giao cho HĐQT và Ban Điều hành triển khai thực hiện cụ thể các kế hoạch hoạt động kinh doanh của Ngân hàng trong năm 2024.

Giao tiếp với cổ đông

Bên cạnh việc giải đáp các thắc mắc, chất vấn của cổ đông tại phiên họp ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2024 được tổ chức vào ngày 15/04/2024, thông qua hoạt động Quan hệ Nhà đầu tư (IR), trong năm 2024 chúng tôi cũng đã chuẩn hoá và đa dạng các kênh thông tin cho cổ đông thông qua các sự kiện tiếp xúc Nhà đầu tư và phát hành các tài liệu/ấn phẩm IR. Ngoài ra, OCB cũng đã giải đáp các ý kiến của cổ đông thông qua phương tiện điện thoại, thư điện tử liên quan đến vấn đề cổ phần, cổ tức, các thông tin tài chính và các quy trình liên quan đến quyền lợi của cổ đông khác. OCB cũng chú trọng hoàn thiện cung cấp thông tin cho cổ đông tại chuyên mục Nhà đầu tư trên trang web chính thức của Ngân hàng. Trong năm 2025, OCB sẽ phát huy những kết quả đã đạt được và không ngừng đẩy mạnh hoạt động quan hệ nhà đầu tư và công tác quản lý cổ phiếu nhằm khẳng định vị thế vững mạnh của cổ phiếu OCB trên thị trường.

7 Thông tin về cổ phần và cơ cấu cổ đông

Cổ phần:

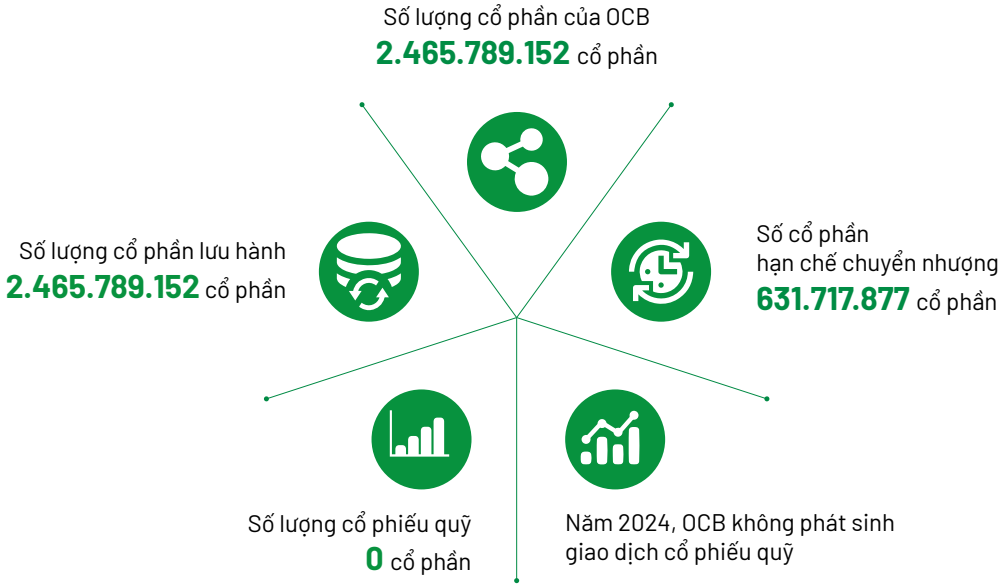

Cơ cấu cổ đông:

Căn cứ theo danh sách của Trung tâm lưu ký chốt tại thời điểm tại ngày 31/12/2024

Cơ cấu cổ đông theo tiêu chí tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ cổ phần (%)
Theo tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ)		
Cổ đông lớn	369.868.392	15,0%
Cổ đông nhỏ	2.095.920.760	85,0%
Theo tiêu chí cổ đông cá nhân, cổ đông tổ chức		
Cổ đông cá nhân	1.100.218.176	44,62%
Cổ đông tổ chức	1.365.570.976	55,38%
Theo tiêu chí cổ đông trong nước, cổ đông nước ngoài (*)		
Cổ đông trong nước	1.993.132.745	80,83%
Cổ đông nước ngoài	472.656.407	19,17%
Theo tiêu chí cổ đông Nhà nước, cổ đông khác		
Cổ đông Nhà nước	212.389.452	8,61%
Cổ đông khác	2.253.399.700	91,39%

** Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Ngân hàng TMCP Phương Đông ở mức 22%*

8 Tỉ lệ sở hữu cổ phần của người nội bộ

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Ngân hàng TMCP Phương Đông ở mức 22%

Tỷ lệ sở hữu cổ phần của người nội bộ tại ngày 31/12/2024

STT	Họ và tên	Chức vụ tại Ngân hàng	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu (%)
	Cá nhân là thành viên HĐQT		254.121.068	10,306
1	Trịnh Văn Tuấn	Chủ tịch HĐQT	109.340.785	4,434
2	Ngô Hà Bắc	Thành viên HĐQT	15.452.706	0,627
3	Trịnh Thị Mai Anh	Thành viên HĐQT	72.508.878	2,941
4	Yoshizawa Toshiki	Thành viên HĐQT	0	0,000
5	Kato Shin	Thành viên HĐQT	0	0,000
6	Phan Trung	Thành viên HĐQT	55.823.296	2,264
7	Nguyễn Đình Tùng	Thành viên HĐQT	995.403	0,040
8	Bùi Minh Đức	Thành viên HĐQT độc lập	0	0,000
9	Pham Tri Nguyen	Thành viên HĐQT độc lập	0	0,000
	Cá nhân là thành viên BKS		219.397	0,009
1	Nguyễn Thị Thúy Minh	Trưởng BKS	219.397	0,009
2	Phạm Quang Vinh	Thành viên BKS	-	0,000
3	Đặng Thị Quý	Thành viên BKS	-	0,000
	Cá nhân là thành viên BĐH		697.670	0,028
1	Phạm Hồng Hải	Tổng Giám đốc	0	0,000
2	Trương Đình Long	Phó TGĐ	495.170	0,020
3	Huỳnh Lê Mai	Phó TGĐ	202.500	0,008
4	Nguyễn Vân Anh	Kế toán trưởng	0	0,000
5	Nguyễn Huy Đức	Giám đốc tài chính	0	0,000
	Người phụ trách quản trị công ty		495.170	0,020
1	Trương Đình Long	Người phụ trách quản trị nội bộ	495.170	0,020
	TỔNG CỘNG		**255.038.135**	**10,343**

9 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Thông tin các đợt tăng vốn cổ phần từ khi thành lập

(Đơn vị: Triệu đồng)

Năm	Đợt	Giá trị vốn trước phát hành	Giá trị vốn tăng thêm	Mức vốn điều lệ sau khi tăng	Hình thức tăng vốn và đối tượng	Cơ quan chấp thuận
1996	-	-	70.000	70.000	Góp vốn thành lập	NHNN và Sở KH&ĐT TP. HCM
2003	1	70.000	23.736	93.736	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	NHNN; Sở KH&ĐT TP. HCM và ĐHĐCĐ
	2	93.736	7.615	101.351	Phát hành cổ phiếu để sáp nhập với Ngân hàng TMCP Nông Thôn Tây Đô	NHNN; Sở KH&ĐT TP. HCM và ĐHĐCĐ
2004	3	101.351	35.779	137.130	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	NHNN; Sở KH&ĐT TP. HCM và ĐHĐCĐ
	4	137.130	62.870	200.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	NHNN; Sở KH&ĐT TP. HCM và ĐHĐCĐ
2005	5	200.000	100.000	300.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	NHNN; Sở KH&ĐT TP. HCM và ĐHĐCĐ
2006	6	300.000	267.000	567.000	Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu, chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và cán bộ nhân viên và phát hành riêng lẻ	NHNN; Sở KH&ĐT TP. HCM và ĐHĐCĐ
2007	7	567.000	544.111	1.111.111	Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu, chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và cán bộ nhân viên và phát hành riêng lẻ	NHNN; Sở KH&ĐT TP. HCM và ĐHĐCĐ

Năm	Đợt	Giá trị vốn trước phát hành	Giá trị vốn tăng thêm	Mức vốn điều lệ sau khi tăng	Hình thức tăng vốn và đối tượng	Cơ quan chấp thuận
2008	8	1.111.111	363.366	1.474.477	Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu	NHNN; Sở KH&ĐT TP. HCM và ĐHĐCĐ
2009	9	1.474.477	525.523	2.000.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu và phát hành riêng lẻ cho cổ đông chiến lược PNB Paribas với tỷ lệ sở hữu 15%	UBCKNN, NHNN, Sở KH&ĐT TP. HCM và ĐHĐCĐ
2010	10	2.000.000	635.000	2.635.000	Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu; chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và phát hành riêng lẻ cho cổ đông chiến lược PNB Paribas	NHNN, UBCKNN, Sở KH&ĐT TP. HCM và ĐHĐCĐ
2011	11	2.635.000	365.000	3.000.000	Phát hành riêng lẻ cho cổ đông chiến lược PNB Paribas	NHNN, UBCKNN, Sở KH&ĐT TP. HCM và ĐHĐCĐ
2012	12	3.000.000	234.000	3.234.000	Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu và phát hành cổ phiếu trả cổ tức	NHNN, UBCKNN, Sở KH&ĐT TP. HCM và ĐHĐCĐ
2014	13	3.234.000	313.148	3.547.148	Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu	NHNN, UBCKNN, Sở KH&ĐT TP. HCM và ĐHĐCĐ
2016	14	3.547.148	452.852	4.000.000	Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu và phát hành cổ phiếu riêng lẻ	NHNN, UBCKNN, Sở KH&ĐT TP. HCM và ĐHĐCĐ

Năm	Đợt	Giá trị vốn trước phát hành	Giá trị vốn tăng thêm	Mức vốn điều lệ sau khi tăng	Hình thức tăng vốn và đối tượng	Cơ quan chấp thuận
2017	15	4.000.000	1.000.000	5.000.000	Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu và phát hành riêng lẻ	UBCKNN, NHNN, Sở KH&ĐT TP. HCM và ĐHĐCĐ
2018	16	5.000.000	1.599.211	6.599.211	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức và phát hành cho cổ đông hiện hữu	UBCKNN, NHNN, Sở KH&ĐT TP. HCM và ĐHĐCĐ
2019	17	6.599.211	1.299.360	7.898.571	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức	UBCKNN, NHNN, Sở KH&ĐT TP. HCM và ĐHĐCĐ
2020	18	7.898.571	3.060.493	10.959.063	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức và phát hành riêng lẻ cho Ngân hàng Aozora (Nhật Bản)	NHNN, UBCKNN, Sở KH&ĐT TP. HCM và ĐHĐCĐ
2021	19	10.959.063	2.739.766	13.698.829	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức	UBCKNN, NHNN, Sở KH&ĐT TP. HCM và ĐHĐCĐ
2023	20	13.698.829	6.849.414	20.548.243	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu từ nguồn vốn chủ sở hữu	UBCKNN, NHNN, Sở KH&ĐT TP. HCM và ĐHĐCĐ
2024	21	20.548.243	4.109.648	24.657.891	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức	UBCKNN, NHNN và ĐHĐCĐ

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và những người có liên quan:

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: không phát sinh

Giao dịch cổ phiếu của người có liên quan của người nội bộ:

Giao dịch	Số lượt	Khối lượng cổ phiếu giao dịch
Mua	0	0 cổ phần
Bán	3	1.332.100 cổ phần
Tổng cộng	3	1.332.100 cổ phần

10 Báo cáo về thù lao, thưởng và các chi phí khác năm 2024

Tính hết ngày 31/12/2024, thù lao, thưởng và các chi phí khác thực tế đã chi trả cho các thành viên HĐQT và thành viên BKS như sau:

(Đơn vị: Đồng)

Đối tượng	Thù lao, thưởng	Chi phí khác	Tổng cộng
Hội đồng quản trị	32.924.175.589	1.205.808.314	34.129.983.903
Ban Kiểm soát	2.883.140.000	200.956.609	3.084.096.609
Tổng	**35.807.315.589**	**1.406.764.923**	**37.214.080.512**

CHƯƠNG

03

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Kết quả hoạt động 2024 49

Định hướng mục tiêu hoạt động 2025 58

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG 2024

1 Kết quả kinh doanh

Năm 2024, tình hình thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường với nhiều yếu tố rủi ro, bất định. Xung đột quân sự tiếp tục leo thang, cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn diễn ra ngày càng gay gắt, nhiều quốc gia tăng cường chính sách bảo hộ thương mại, nợ công và thâm hụt ngân sách gia tăng, sự tụt dốc của một số nền kinh tế lớn, chuỗi cung ứng toàn cầu đứt gãy cục bộ đã tác động đến hòa bình, ổn định và tăng trưởng kinh tế thế giới. Cùng với đó, thiên tai, thời tiết cực đoan ảnh hưởng nghiêm trọng đến cuộc sống của dân cư và phát triển kinh tế - xã hội tại nhiều quốc gia. Tuy nhiên, kinh tế thế giới đang dần ổn định với mức tăng trưởng đạt 3,2% trong 2024, khi thương mại hàng hóa toàn cầu được cải thiện trở lại, áp lực lạm phát giảm xuống, tiến dần về mục tiêu, điều kiện thị trường tài chính tiếp tục được nới lỏng, thị trường lao động phục hồi tích cực.

Trong bối cảnh đó tăng trưởng GDP 2024 nước ta đạt 7,09%. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam đạt 786,29 tỷ USD (tăng 15,4% so với 2023), vốn FDI thực hiện đạt mức kỷ lục 25,35 tỷ USD, (tăng 9,4% so với 2023). Nhờ các chính sách tài khóa mở rộng và điều hành chính sách tiền tệ linh hoạt đã hỗ trợ kinh tế phục hồi tích cực khởi sắc dần qua từng tháng, từng quý; tỷ giá ổn định và lạm phát được kiểm soát ở mức 3,63%, thấp hơn mục tiêu 4 - 4,5% đề ra.

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kinh doanh cơ bản của OCB năm 2024 như sau:

ĐVT: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu 2024	Thực hiện 2024	% tăng/giảm so với 2023	% tăng/giảm so với kế hoạch 2024
1	Tổng tài sản	280.712	▲ 17%	98%
2	Tổng dư nợ TT1	180.443	▲ 20%	102%
3	Tổng huy động TT1	192.413	▲ 14%	98%
4	Lợi nhuận trước thuế	4.006	▼ 3%	58%
5	Tỷ lệ nợ xấu (SBV)	2,38%	-	Đạt

1.1 Tăng cường hỗ trợ khách hàng với hàng loạt gói tín dụng ưu đãi

Tăng trưởng tín dụng đạt 20% là mức cao trong các Ngân hàng. Trong năm 2024, OCB triển khai hàng loạt chương trình tín dụng ưu đãi với tổng hạn mức hơn 65.000 tỷ đồng, nhằm hỗ trợ doanh nghiệp và khách hàng cá nhân tiếp cận nguồn vốn với chi phí hợp lý. Đến cuối năm, các gói tín dụng này đã giúp hơn 15.000 khách hàng doanh nghiệp và cá nhân tiếp cận các gói vay với lãi suất cạnh tranh từ 2% - 6,3%.

Đối với khách hàng doanh nghiệp, OCB triển khai nhiều gói vay dành cho doanh nghiệp xuất nhập khẩu, doanh nghiệp có tài sản bảo đảm bằng USD, và các doanh nghiệp có nguồn thu ngoại tệ chuyển về OCB. Các chương trình này giúp hàng trăm doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn với lãi suất chỉ từ 2%, hỗ trợ tối ưu dòng tiền, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường.

Trong khi đó, đối với khách hàng cá nhân OCB cũng triển khai nhiều gói vay thế chấp, vay tiêu dùng, vay sản xuất kinh doanh, đặc biệt dành cho khách hàng mua nhà, khách hàng mới với mức lãi suất từ 5,2% - 6,3%, giúp họ dễ dàng tiếp cận vốn vay, ổn định tài chính cá nhân và thực hiện các kế hoạch dài hạn.

1.2 Huy động thị trường 1 khả quan

Huy động thị trường 1 tăng 14,5% so với cùng kỳ, đạt trên 192 ngàn tỷ đồng, hoàn thành 98% kế hoạch về quy mô của năm 2024. Trong đó, tăng trưởng tiền gửi từ khách hàng dân cư và tổ chức kinh tế đạt 13,1%, cao hơn mức trung bình <10% của toàn ngành. Tiền gửi từ khách hàng cá nhân tiếp tục tăng trưởng ổn định với tốc độ xấp xỉ 16%, đóng góp 65% tổng quy mô tiền gửi từ khách hàng.

Phát hành giấy tờ có giá và vay vốn từ định chế tài chính quốc tế đạt mức tăng trưởng 18,5% so với cùng kỳ, hoàn thành 101% kế hoạch cả năm 2024.

1.3 Hoạt động quản trị rủi ro

Năm 2024 các tỷ lệ an toàn thanh khoản như tỷ lệ dự trữ thanh khoản (LRR), tỷ lệ cho vay so với tổng tiền gửi (LDR) và tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn vẫn được tuân thủ theo quy định của NHNN. Ngoài ra, OCB nắm giữ tài sản thanh khoản cao như tiền mặt, trái phiếu chính phủ, cho vay liên ngân hàng để đảm bảo tỷ lệ dự trữ thanh khoản (LRR) tuân thủ theo quy định hiện hành.

Bên cạnh đó, OCB còn thực hiện theo dõi các hạn mức LCR và NSFR định kỳ hàng tháng nhằm hướng đến việc tuân thủ quản lý rủi ro theo chuẩn mực quốc tế Basel III. Việc triển khai tuân thủ Basel III cho rủi ro thanh khoản giúp OCB định hình hướng phát triển theo hướng bền vững.

Ngoài ra, trong năm 2024 OCB còn thực hiện đánh giá nội bộ về mức đủ thanh khoản (ILAAP) kết hợp với kiểm tra sức chịu đựng thanh khoản theo các kịch bản. Vì vậy, OCB khẳng định có đủ tài sản thanh khoản cao để thực hiện các nghĩa vụ tài chính cho khách hàng và các đối tác trong các tình huống có thể xảy ra, đảm bảo luôn duy trì ổn định hoạt động kinh doanh trong ngắn hạn, cũng như có kế hoạch nguồn vốn ổn định đáp ứng yêu cầu phát triển kinh doanh.

OCB tuân thủ nghiêm ngặt các giới hạn an toàn theo quy định, đảm bảo hoạt động ổn định, hiệu quả và kiểm soát rủi ro chặt chẽ trong năm 2024.

Tình hình thực hiện giám sát một số hạn mức rủi ro trọng yếu năm 2024:

Chỉ tiêu	Thực hiện 2024	Quy định NHNN	Đánh giá
Hệ số an toàn vốn (CAR Basel II)	12,48%	≥ 8%	Tuân thủ
Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn	27,84%	≤ 30%	Tuân thủ
Hệ số LDR (Cho vay/huy động vốn)	73,61%	≤ 85%	Tuân thủ
Tỷ lệ dự trữ thanh khoản	16,69%	≥ 10%	Tuân thủ
Tỷ lệ nợ xấu	2,38%	<3,00%	Tuân thủ

Triển khai thực hiện chính sách quản lý rủi ro

Khẩu vị rủi ro năm 2024 được xây dựng với các mục tiêu kiểm soát rủi ro chặt chẽ và linh hoạt hợp lý để đảm bảo an toàn tài chính cho OCB nhưng vẫn phù hợp với chiến lược kinh doanh. Các chỉ tiêu kiểm soát rủi ro trọng yếu được duy trì và thường xuyên rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời, vừa tạo điều kiện để OCB có thể phát triển quy mô, vừa đảm bảo kiểm soát rủi ro chặt chẽ.

Hệ thống văn bản khung quy định nghiệp vụ được rà soát cập nhật định kỳ, đánh giá và trình phê duyệt tại các cuộc họp của Ủy ban Quản lý rủi ro, Ban Điều hành, Hội đồng rủi ro.

Duy trì thiết lập và giám sát các công cụ đo lường rủi ro hoạt động bao gồm: nhận diện sớm rủi ro thông qua việc đánh giá rủi ro các sản phẩm, quy trình, quy định, phát triển ứng dụng công nghệ, dự án; giám sát chặt chẽ các chỉ số rủi ro trọng yếu (KRIs); thực hiện tự nhận diện rủi ro và chốt kiểm soát (Risk Control Self Assessment – RCSA); đánh giá rủi ro đối với các hoạt động thuê ngoài.

Cập nhật định kỳ và triển khai quy định xây dựng kế hoạch kinh doanh liên tục và ứng phó với các thảm hoạ phù hợp theo tình hình hoạt động; triển khai hệ thống dự phòng thảm họa (DRP) và tổ chức diễn tập theo các kịch bản hằng năm nhằm sẵn sàng ứng phó khi xảy ra các sự cố hay thảm họa.

Triển khai quản lý rủi ro theo các chuẩn mực tiên tiến

Trong những năm gần đây, OCB đã đạt được những bước tiến vượt bậc và tiếp tục khẳng định vị thế ngân hàng tiên phong trong việc áp dụng các tiêu chuẩn quản lý rủi ro quốc tế tiên tiến, đặc biệt là Basel II IRB, Basel II IMA và Basel III rủi ro thanh khoản.

Việc áp dụng Basel II nâng cao là một bước tiến lớn của OCB, thể hiện mức độ phát triển cao về dữ liệu và phương pháp đo lường rủi ro. Kết quả đo lường rủi ro theo phương pháp Basel II nâng cao đã giúp OCB đo lường và phân loại rủi ro chi tiết đến từng hợp đồng vay, khách hàng vay, từ đó triển khai các phương thức quản lý danh mục chủ động và áp dụng lãi suất linh hoạt theo mức độ rủi ro. OCB đã duy trì kho dữ liệu số tập trung đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế, đảm bảo hệ thống mô hình đo lường rủi ro tín dụng toàn diện và hiệu quả, ứng dụng phương pháp tính toán tài sản có rủi ro và tỷ lệ an toàn vốn theo yêu cầu Basel II nâng cao.

Trong công tác quản lý rủi ro thị trường, OCB định hướng không ngừng củng cố và nâng cao công tác triển khai các tiêu chuẩn quản lý tiên tiến trong việc tính vốn rủi ro thị trường cũng như quy trình giám sát rủi ro thị trường. Phương pháp định giá sản phẩm tài chính theo tư vấn của Kiểm toán, phương pháp tính VaR, backtest VaR cũng như tính vốn rủi ro thị trường theo Basel II IMA song song với việc tính vốn theo quy định của thông tư 41/2016/TT-NHNN đã được OCB đưa vào vận hành trong quy trình kiểm soát rủi ro.

Trong công tác quản lý rủi ro thanh khoản, nhằm thiết lập nền tảng quản lý rủi ro thanh khoản linh hoạt và hiện đại theo chuẩn mực quốc tế Basel III, OCB cũng triển khai theo dõi và tính toán tỷ lệ Khả năng chi trả (LCR) và tỷ lệ nguồn vốn ổn định ròng (NSFR) theo tiêu chuẩn Basel III. Các tỷ lệ này được tính toán và theo dõi đều đặn hàng tháng. Việc triển khai tuân thủ Basel III đặt ra yêu cầu lớn cho OCB, đòi hỏi xây dựng và thiết lập cấu trúc bảng cân đối kế toán một cách hợp lý, từ đó giúp định hình phát triển theo hướng bền vững, an toàn, minh bạch và hiệu quả. Ngoài ra, trong năm 2024 OCB còn thực hiện đánh giá nội bộ về mức đủ thanh khoản (ILAAP) kết hợp với kiểm tra sức chịu đựng thanh khoản theo các kịch bản. Kết quả cho thấy trong điều kiện kinh doanh bình thường, đệm thanh khoản hiện tại giúp OCB duy trì thanh khoản trên 90 ngày. Điều này cho thấy OCB có đủ tài sản thanh khoản cao để thực hiện các nghĩa vụ tài chính cho khách hàng và các đối tác trong các tình huống có thể xảy ra, đảm bảo luôn duy trì ổn định hoạt động kinh doanh trong ngắn hạn, cũng như có kế hoạch nguồn vốn ổn định đáp ứng yêu cầu phát triển kinh doanh trong trung và dài hạn.

Triển khai các công cụ đo lường rủi ro hoạt động

Các công cụ đang triển khai chính:

• Thu thập và phân tích số liệu tổn thất (Loss Data Collection - LDC).

• Tự đánh giá kiểm soát rủi ro hoạt động (Risk Control Self Assessment - RCSA).

• Chỉ số rủi ro trọng yếu (Key Risk indicators - KRI).

• Nhận diện sớm rủi ro thông qua việc đánh giá mức độ rủi ro hoạt động các sản phẩm, quy trình, quy định, phát triển ứng dụng công nghệ trước khi vận hành.

• Thu thập và phân tích các phát hiện của kiểm toán nội bộ, kiểm soát tuân thủ, các cơ quan thanh tra, v.v... để đánh giá các điểm yếu kiểm soát và phối hợp phòng ban thực hiện kế hoạch giảm thiểu rủi ro.

• Thu thập các sự kiện tổn thất từ các tổ chức tài chính khác để phân tích bài học kinh nghiệm, bổ sung các biện pháp ngăn ngừa rủi ro.

1.4 Hoạt động Công nghệ thông tin và Ngân hàng số

Trong năm 2024, hoạt động công nghệ thông tin và ngân hàng số của OCB tiếp tục ghi nhận sự tăng trưởng tích cực, đạt được nhiều thành tựu nổi bật, góp phần nâng cao trải nghiệm khách hàng, đáp ứng hiệu quả hơn nhu cầu của Khách hàng và tối ưu hóa quy trình vận hành, cụ thể:

Ra mắt phiên bản OCB OMNI 4.0 – Bước đột phá trong dịch vụ ngân hàng số

• Ngày 15/05/2024, OCB chính thức giới thiệu OCB OMNI 4.0, một nền tảng ngân hàng số hiện đại được phát triển trên công nghệ tiên tiến của Backbase, một trong những nền tảng Engagement Digital Banking hàng đầu thế giới để OCB có thể triển khai nhanh được sản phẩm dịch vụ, tính năng số đáp ứng đúng và kịp thời nhu cầu của Khách hàng trên kênh số.

• Phiên bản mới được xây dựng dựa trên bốn tiêu chí cốt lõi: Đơn giản – Mượt – Tiện dụng – Cá nhân hóa, không chỉ đáp ứng được nhu cầu của Khách hàng đa dạng hơn mà còn giúp cải thiện tốc độ giao dịch, đảm bảo độ mượt thuộc top đầu trên thị trường và tối ưu hóa trải nghiệm trên các kênh.

Tăng cường an toàn bảo mật trong giao dịch trực tuyến

• Trong năm 2024, OCB đã chuyển sang sử dụng công nghệ bảo mật FIDO, với thuật toán mã hóa mạnh mẽ, bảo mật đa lớp cho từng giao dịch. Đồng thời OCB đã triển khai loạt giải pháp nâng cao tính bảo mật trong thanh toán trực tuyến và giao dịch thẻ qua xác thực sinh trắc học khuôn mặt, đồng thời với hệ thống chống gian lận giao dịch, giúp tăng cường an toàn và gia tăng trải nghiệm công nghệ mới cho Khách hàng cũng như tiên phong tuân thủ các quy định mới của NHNN

Tiếp tục phát triển các tiện ích và sản phẩm số nhằm nâng cao trải nghiệm khách hàng trên kênh online

• Triển khai giải pháp cấp thẻ tín dụng và khoản vay tiêu dùng trực tuyến, khách hàng có thể được cấp thẻ tín dụng Igen hoặc cấp khoản vay tín chấp từ payroll trong vài giờ làm việc qua hệ thống thẩm định và quản lý quy trình tự động.

• Triển khai áp dụng công nghệ AI trong công cụ Marketing Automation để hỗ trợ phân tích hành vi và nhu cầu của Khách hàng trên các dữ liệu và sự kiện từ đó đề xuất sản phẩm dịch vụ, tính năng phù hợp và nâng cao hiệu quả chăm sóc khách hàng.

• Tích hợp AI Chat Bot nhằm nâng cao tương tác, hỗ trợ khách hàng nhanh chóng và tiết kiệm chi phí cho việc chăm sóc khách hàng trên kênh số.

• Nhận biết và phân loại giao dịch chủ động giúp khách hàng kiểm soát chi tiêu hiệu quả và đi đến quản lý tài chính cá nhân.

• Các tính năng mới được triển khai đáp ứng cho các phân khúc khách hàng khác nhau như gợi ý giao dịch theo từng khách hàng, tách lệnh giao dịch lớn để chuyển tiền nhanh, rút tiền qua mã QR Cash,...

Mở rộng hệ sinh thái số

• Ra mắt tính năng "OCB Cà phê", kết nối với gần 8000 cửa hàng bán lẻ để mang đến cho Khách hàng những ưu đãi thiết thực trong hệ sinh thái dịch vụ của OCB và thúc đẩy cho hoạt động thanh toán không tiền mặt.

• Tiếp tục mở rộng hợp tác với các trường đại học hàng đầu, các công ty fintech và các doanh nghiệp lớn, cung cấp giải pháp thanh toán và quản trị dòng tiền toàn diện qua OPEN API. Giải pháp này giúp tối ưu hiệu quả, tiết kiệm chi phí và đẩy nhanh tốc độ, tự động hóa giao dịch, đồng thời mở rộng hệ sinh thái, mang đến cho khách hàng OCB trải nghiệm trực tuyến liền mạch trên đa kênh với đa điểm chạm.

Tăng trưởng kênh ngân hàng số OCB OMNI:

Chỉ tiêu	2021	2022	2023	2024
Số lượng OMNI user	514.491	1.141.734	1.653.079	1.995.434
Số lượng giao dịch	17.699.399	34.007.235	54.789.813	76.085.159
Số dư Esaving (tỷ đồng)	5.282	8.195	12.742	16.653

1.5 Hoạt động phát triển thương hiệu

Năm 2024 hoạt động Marketing, Truyền thông của OCB đã có sự bứt phá ngoạn mục khi nằm trong Top Thương hiệu giá trị nhất Việt Nam với giá trị thương hiệu đạt 150 triệu USD, chỉ số sức mạnh thương hiệu 67,3 xếp hạng AA. So với năm 2023, năm 2024 ngân hàng tăng 20% giá trị thương hiệu và chỉ số sức mạnh thương hiệu (BSI) tăng một bậc, tương ứng 14,5 điểm. Đồng thời, OCB cũng nằm trong top 6 tăng trưởng nhanh nhất ngành ngân hàng. Song song đó, OCB nằm trong Top 8 ngân hàng dẫn đầu về sức khỏe thương hiệu, Top 10 ngân hàng có độ phủ rộng trên truyền thông Báo chí...

Bên cạnh các hoạt động phát triển thương hiệu như ban hành bộ quy chuẩn nhằm đảm bảo sự đồng nhất và chuyên nghiệp trong hình ảnh thương hiệu trên toàn hệ thống, OCB còn chú trọng nâng cao trải nghiệm thương hiệu tại các điểm chạm, từ giao diện số đến không gian giao dịch trực tiếp, giúp khách hàng cảm nhận rõ nét giá trị và sự khác biệt của ngân hàng.

Song song đó, OCB cũng liên tục triển khai hàng loạt các chương trình marketing hướng đến nhóm khách hàng cá nhân và doanh nghiệp, chủ động nghiên cứu các xu hướng thị trường, đề xuất và tiếp cận các phương pháp truyền thông mới để tối ưu hóa hiệu quả các chiến dịch. Đồng thời, triển khai đồng bộ đến các phương pháp marketing khác từ online đến offline. Qua đó, tăng điểm chạm về thương hiệu, giúp khách hàng dễ dàng tiếp cận các thông tin, sản phẩm. Bằng việc hoạt động Marketing, Truyền thông được đẩy mạnh, OCB cũng đã đón nhận những giải thưởng danh giá trong năm 2024:

TỰ HÀO THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA

Do Bộ Công thương bình chọn

TOP 25 THƯƠNG HIỆU NIÊM YẾT DẪN ĐẦU 2024

Do Tạp chí Forbes Việt Nam bình chọn

THƯƠNG HIỆU TRUYỀN CẢM HỨNG 2024

Do APEA bình chọn

TOP 6 THƯƠNG HIỆU NGÂN HÀNG TĂNG TRƯỞNG GIÁ TRỊ NHANH NHẤT 2024

Do Brand Finance bình chọn

TOP 100 DOANH NGHIỆP BỀN VỮNG 2024

Do VCCI bình chọn

Đặc biệt, năm 2024 là năm OCB đẩy mạnh hoạt động marketing, truyền thông rất nhiều với thông điệp OCB là ngân hàng tiên phong phát triển bền vững mục tiêu trở thành ngân hàng Xanh tiên phong tại Việt Nam. Bên cạnh đó, ngân hàng đã tích cực triển khai các chương trình trách nhiệm môi trường và xã hội, đồng hành cùng các hoạt động an sinh xã hội, chia sẻ với cộng đồng như: tài trợ toàn bộ kinh phí xây dựng trường THCS Minh Thanh – tỉnh Tuyên Quang; chung tay hỗ trợ người dân chịu ảnh hưởng của cơn bão Yagi; đồng hành cùng Quỹ khuyến học Kiên Giang; Phủ xanh rừng Xuân Liên (Thanh Hóa) thông qua GAIA; đồng hành cùng ngành Ngân hàng xóa nhà tạm, nhà dột nát; tài trợ học bổng cho sinh viên Đại học Yersin Đà Lạt...

1.6 Hoạt động phát triển kênh mạng lưới

Trong năm 2024, OCB đã hoàn thành việc triển khai và đưa vào hoạt động 05 chi nhánh và 12 phòng giao dịch theo cấp phép của NHNN. Tính đến 31/12/2024, OCB có tổng cộng 176 đơn vị mạng lưới, gồm 1 Hội sở, 62 Chi nhánh, 113 Phòng Giao dịch hiện diện trên 48 tỉnh thành của cả nước.

1.7 Công tác quản trị nhân sự và đào tạo

Tính đến 31/12/2024, tổng số CBNV của OCB (*) là

7.021 nhân sự

đảm bảo nguồn nhân lực cho toàn bộ hoạt động kinh doanh và vận hành của tất cả các Đơn vị trong hệ thống.

** Theo số liệu báo cáo kiểm toán riêng lẻ năm 2024*

Việc triển khai các hoạt động phát triển nguồn nhân lực tại OCB luôn có sự định hướng và chỉ đạo sát sao từ Hội đồng quản trị (HĐQT), và Ban điều hành (BĐH) nhằm đáp ứng nguồn nhân lực trong ngắn và dài hạn cả về số lượng và chất lượng. Các hoạt động phát triển nguồn nhân lực đều có sự tham gia phối hợp trực tiếp của các Khối, Phòng ban Hội sở và Đơn vị kinh doanh, từ cấp quản lý đến đội ngũ nhân sự chuyên môn nhằm xây dựng và phát triển đội ngũ nhân sự đáp ứng nhu cầu của OCB. Trong năm 2024, OCB tiếp tục triển khai các hoạt động phát triển nguồn nhân lực tập trung vào:

- Xây dựng đội ngũ nhân sự kế cận thông qua các chương trình đánh giá tiềm năng và quy hoạch nhân sự kế cận qua các chương trình: Giám đốc Trung tâm chuyên doanh tiềm năng, Giám đốc Quan hệ khách hàng, Giám đốc Tín dụng tiềm năng, Kiểm soát viên Dịch vụ khách hàng tiềm năng. Với sự cải tiến về cách thức triển khai các chương trình, Ngân hàng đã bổ sung vào lực lượng nhân sự kế thừa thêm 229 cán bộ nhân viên.
- Tăng cường nâng cao năng lực quản lý thông qua triển khai các chương trình đào tạo: Digital Academy; OCB Management 1 cho Quản lý cấp cơ sở và OCB Management 2 cho Quản lý cấp trung; chương trình đào tạo coaching; ...

- Thúc đẩy văn hóa học tập qua thư viện học tập số với nhiều nội dung đa dạng phát triển năng lực bản thân đồng thời triển khai các chương trình học tập thường xuyên như Micro learning với các chủ đề học tập về tiếng Anh, các tips trong quản lý.
- Đào tạo năng lực mới cho CBNV, theo định hướng phát triển của Ngân hàng như đào tạo tài chính xanh và quản trị rủi ro môi trường xã hội, các chương trình nâng cao năng lực số, phân tích dữ liệu.

1.8 Hoạt động về Phát Triển Bền Vững (ESG)

Trong năm 2024, hoạt động ESG của OCB tiếp tục ghi nhận những bước tiến tích cực, đạt được nhiều thành tựu nổi bật, góp phần hiện thực hóa Chiến lược Phát triển Bền vững của OCB trở thành ngân hàng Xanh tiên phong tại Việt Nam. Các hoạt động ESG trong năm 2024 tập trung vào:

- Kiện toàn mô hình quản trị theo các tiêu chuẩn và thông lệ trong nước và quốc tế về phát triển bền vững.
- Hoàn thành việc nâng cấp và ban hành quy định mới về Quản lý rủi ro môi trường và xã hội trong hoạt động cấp tín dụng, dựa trên nguyên tắc tuân thủ Bộ Tiêu chuẩn Hoạt động môi trường và xã hội của IFC và cập nhật, bổ sung đầy đủ quy định pháp luật Việt Nam. 100% các khoản cấp tín dụng cho khách hàng doanh nghiệp, tài trợ dự án đầu tư được thực hiện sàng lọc, đánh giá và quản lý rủi ro theo chính sách về quản lý rủi ro môi trường và xã hội trong hoạt động cấp tín dụng của OCB.
- Phát triển và mở rộng các sản phẩm tài chính xanh, góp phần hiệu quả vào nỗ lực giảm thiểu và thích ứng với biến đổi khí hậu, khuyến khích phát triển các giải pháp công nghệ mới về năng lượng tái tạo, công trình xanh, xử lý nước thải và cấp nước, nông nghiệp thông minh bền vững. Tỷ trọng dư nợ tín dụng xanh trong năm 2024 của OCB ở mức 11% tổng dư nợ toàn hàng.
- Triển khai các sáng kiến vận hành xanh, giảm thiểu tiêu thụ tài nguyên, tiết kiệm năng lượng, nước và khí thải gây tác động lên môi trường.
- Tham gia các chương trình trách nhiệm xã hội giúp cải thiện môi trường và tạo mảng xanh mới. Hơn 1.000 cây xanh đã được CBNV OCB đóng góp để phủ xanh Vườn Quốc gia Thiên nhiên Xuân Liên (Thanh Hóa).
- Xây dựng và công bố Báo cáo Phát triển Bền vững độc lập với chủ đề: "Hành trình chuyển đổi Ngân hàng xanh" và trở thành một trong những ngân hàng tiên phong xây dựng, công bố Báo cáo Phát triển Bền vững độc lập trên toàn hệ thống.

ĐỊNH HƯỚNG MỤC TIÊU HOẠT ĐỘNG 2025

ĐVT: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu 2024	Thực hiện 2024	Kế hoạch 2025	So sánh KH 2025 và TH 2024	
1	Tổng tài sản	280.712	316.779	▲ 36.067	▲ 13%
2	Tổng huy động TT1	192.413	218.842	▲ 26.429	▲ 14%
3	Tổng dư nợ TT1	180.443	208.472	▲ 28.029	▲ 16%
4	Tỷ lệ nợ xấu (SBV)	2,38%	< 3,00%	-	-
5	Lợi nhuận trước thuế	4.006	5.338	▲ 1.332	▲ 33%

ESG

CHƯƠNG

04

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT

VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA OCB

Đánh giá chung về công tác Quản trị doanh nghiệp 61

Định hướng hoạt động của HĐQT năm 2025 65

ĐÁNH GIÁ CHUNG
VỀ CÔNG TÁC QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CÔNG TÁC QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

1 Công tác Quản trị

Từ đầu năm 2024, HĐQT của OCB hoạt động với tổng cộng 9 thành viên, trong đó có 2 thành viên độc lập. Các thành viên HĐQT của Ngân hàng đã thực hiện công tác quản trị trên nguyên tắc công khai, minh bạch, tách bạch giữa hoạt động quản trị và hoạt động điều hành.

Trong năm 2024, HĐQT đã tổ chức 38 phiên họp, bao gồm 04 phiên họp HĐQT trực tiếp và 34 phiên họp bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản để triển khai các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, giao nhiệm vụ cho BĐH và kiểm tra kết quả thực hiện các chỉ tiêu. HĐQT đã thảo luận và thông qua 176 Nghị quyết và Quyết định về nhiều lĩnh vực hoạt động, kinh doanh của Ngân hàng.

Trong năm 2024, HĐQT đã ban hành mới và sửa đổi, bổ sung một số văn bản như: Quy chế cơ cấu tổ chức Ngân hàng TMCP Phương Đông; Quy chế tổ chức và hoạt động của Ủy ban quản lý rủi ro; Quy chế phân cấp phán quyết đối với nghiệp vụ liên quan rủi ro tín dụng; Quy chế quản lý an toàn hệ thống thông tin ; Quy chế quản lý rủi ro thị trường...

2 Hoạt động của các Ủy ban

Nhằm giúp việc cho HĐQT trong công tác quản trị, HĐQT đã thành lập các cơ quan trực thuộc để triển khai các công việc. Trước ngày 01/04/2024, HĐQT có các Ủy ban trực thuộc gồm: Ủy ban Nhân sự, Ủy ban Quản lý rủi ro, Ủy ban XLRR, Ủy ban hợp tác chiến lược, Ủy ban tín dụng, Ủy ban cơ cấu nợ và Hội đồng mua bán nợ. Chi tiết hoạt động của các Ủy ban này theo Báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2024. Từ ngày 01/04/2024, HĐQT có các Ủy ban trực thuộc gồm: Ủy ban Nhân sự, Ủy ban Quản lý rủi ro, Ủy ban XLRR, Ban Hợp tác chiến lược, Ban Chiến lược, Ban Phát triển bền vững.

Chi tiết hoạt động như sau:

Ủy ban Quản lý rủi ro (UBQLRR)

Trong năm 2024 UBQLRR đã tổ chức 04 cuộc họp định kỳ và 03 lần lấy ý kiến qua email nhằm trao đổi và thống nhất về các nội dung:

- Giám sát Khẩu vị rủi ro, trạng thái rủi ro toàn hàng, nội dung công bố thông tin an toàn vốn, đánh giá nội bộ về mức đủ vốn định kỳ hàng năm.
- Đánh giá và chỉ đạo triển khai các chương trình hành động, biện pháp kiểm soát rủi ro và ứng phó thay đổi hoặc tác động hoạt động kinh doanh do diễn biến thông tin thị trường bất lợi.
- Thông qua các đề xuất ban hành các văn bản phù hợp quy định pháp luật và thực tiễn kinh doanh.
- Tổ chức lấy ý kiến phê duyệt các nội dung đề xuất kịp thời nhằm phù hợp với hiệu lực của các quy định pháp luật.

Ủy ban Xử lý rủi ro (UBXLRR)

UBXLRR gồm có 6 thành viên. UBXLRR chịu trách nhiệm

- Quản lý chính sách dự phòng.
- Quyết định hoặc phê duyệt các biện pháp thu hồi nợ đối với nợ đã sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong toàn hệ thống, bao gồm cả việc xử lý tài sản bảo đảm.
- Quyết định các biện pháp xử lý các khoản nợ quá hạn hoặc trong hạn tiềm ẩn rủi ro.
- Quyết định và phê duyệt các biện pháp xử lý đối với các sự kiện rủi ro hoạt động có phát sinh tổn thất tài chính sau khi thực hiện các giải pháp nhưng không có khả năng thu hồi một phần/toàn phần theo khẩu vị rủi ro từng thời kỳ.

Ban Chiến lược

Với vai trò triển khai Chiến lược phát triển, là đầu mối quản lý, phối hợp cho các hoạt động chiến lược cũng như thực hiện các công việc khác được HĐQT phân công.

Ban Phát triển bền vững

Với vai trò phụ trách hoạt động phát triển bền vững, là đầu mối quản lý, phối hợp cho các hoạt động phát triển bền vững cũng như thực hiện các công việc khác được HĐQT phân công.

Ban Hợp tác Chiến lược ("SAC")

- Tham mưu cho HĐQT trong việc hợp tác chiến lược giữa OCB và Ngân hàng Aozora ("AOZ").
- Tham mưu về vấn đề hợp tác và phát triển kinh doanh cho OCB.

Trong năm 2024 đã có 05 cuộc họp SAC được tổ chức nhằm trao đổi và thống nhất về định hướng hợp tác chiến lược và phát triển kinh doanh cho OCB.

Ủy ban Nhân sự (UBNS)

Trong năm 2024, UBNS tham vấn trong việc bổ nhiệm các cán bộ quản lý và điều chỉnh cơ cấu tổ chức, chỉ đạo rà soát tiêu chuẩn tuyển dụng để cải thiện việc tuyển chọn, đồng thời phân tích, đánh giá tỉ lệ nghỉ việc, cải thiện chính sách lương, thưởng phúc lợi nhằm gia tăng sự gắn kết nhân sự và giữ chân nhằm có những kế hoạch hành động cụ thể đẩy mạnh đào tạo phát triển nội bộ, nâng cao năng lực và xây dựng đội ngũ kế cận, định hướng tiếp tục xây dựng văn hóa doanh nghiệp và phương thức làm việc chuẩn mực.

3 Hoạt động của thành viên độc lập của HĐQT và kết quả đánh giá của thành viên độc lập về hoạt động của HĐQT

Năm 2024 là năm thứ 5 trong nhiệm kỳ (2020 – 2025) của HĐQT, HĐQT OCB có 02 (hai) thành viên độc lập là Ông Pham Tri Nguyen và Ông Bùi Minh Đức. Ông Pham Tri Nguyen giữ vị trí thành viên Ủy ban Quản lý rủi ro và chịu trách nhiệm phát triển quan hệ các định chế nước ngoài. Ông Bùi Minh Đức phụ trách công tác quan hệ với các tổ chức chính phủ, bộ ngành cơ quan Trung ương

- Các thành viên HĐQT độc lập đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT trong năm để thực hiện nhiệm vụ được phân công.
- Các thành viên HĐQT độc lập đã thực hiện việc xem xét và đóng góp ý kiến đối với chiến lược, kế hoạch kinh doanh, và các văn bản của Ngân hàng thuộc thẩm quyền.
- Tham gia giám sát và đôn đốc BĐH trong việc thực hiện kế hoạch kinh doanh.
- Các thành viên HĐQT độc lập đã có những đóng góp tích cực về công tác quản trị của Ngân hàng, bảo đảm tính độc lập và khách quan trong việc ra quyết định của HĐQT.

Đánh giá của các thành viên HĐQT độc lập về hoạt động của HĐQT OCB:

- HĐQT OCB đã hoạt động theo đúng nhiệm vụ quy định tại Điều lệ OCB, Quy chế tổ chức hoạt động, quy định của pháp luật;
- Các thành viên HĐQT làm việc tích cực và hiệu quả trên tinh thần cẩn trọng, minh bạch và trách nhiệm.
- HĐQT cũng đã thực hiện tốt việc hoạch định chiến lược cho Ngân hàng và hỗ trợ BĐH hoàn thành mục tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2024.

4 Kết quả giám sát đối với BĐH

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Tổng Giám đốc và người điều hành khác thực hiện theo Điều lệ và các quy định nội bộ của OCB, đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật và phù hợp hoạt động kinh doanh của OCB.

Hàng quý, HĐQT tổ chức phiên họp định kỳ để cập nhật tình hình kinh doanh cũng như rà soát, xem xét các kế hoạch hành động của BĐH đảm bảo các định hướng đề ra tại ĐHĐCĐ đã được thực hiện đúng và theo quy định, phê duyệt các đề xuất của BĐH.

Đồng thời, HĐQT cũng tham gia trong việc định hướng, giám sát các hoạt động điều hành được thể hiện qua việc ban hành các Nghị quyết HĐQT trong năm 2024.

5 Thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2024

Ngoài việc thực hiện Nghị quyết về hoạt động kinh doanh, trong năm 2024 OCB đã thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2024 đề ra như sau:

- Sửa đổi và ban hành Điều lệ OCB, ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT, Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát, Quy chế quản trị nội bộ của OCB.
- Thực hiện trích lập các quỹ năm 2023.
- Đã chọn Công ty TNHH KPMG thực hiện kiểm toán BCTC năm 2025.
- Thành lập Công ty Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản Ngân hàng Phương Đông trực thuộc Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB): Đã được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận và đang thực hiện thủ tục đăng ký kinh doanh.
- Về việc tăng vốn điều lệ: Đã hoàn thành việc tăng vốn điều lệ lên 24.657.891.520.000 đồng từ phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu.
- Nội dung Nghị quyết ĐHĐCĐ 2025 chưa thực hiện: OCB chưa thực hiện việc phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (50.000.000.000 đồng) và phát hành cổ phiếu riêng lẻ (8.823.530.000 đồng) trong năm 2024 do tình hình thị trường chưa phù hợp để phát hành.

BÁO CÁO CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH LIÊN QUAN

Theo quy định tại Điều 49 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024, OCB cung cấp, công bố công khai đến ĐHĐCĐ các thông tin liên quan đến HĐQT, BKS, BĐH tính đến thời điểm 31/12/2024 như sau:

Đối tượng	Số lượng thành viên	Số doanh nghiệp là người có liên quan
Hội đồng Quản trị	09 thành viên	19 doanh nghiệp
Ban Kiểm soát	03 thành viên	02 doanh nghiệp
Ban Điều hành	02 thành viên	01 doanh nghiệp

CÁC NỘI DUNG KHÁC HĐQT CẦN BÁO CÁO ĐHĐCĐ THEO LUẬT ĐỊNH

- Báo cáo về các giao dịch giữa Ngân hàng, công ty con, công ty do Ngân hàng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên HĐQT và những người có liên quan: có phát sinh (chi tiết theo Báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2024).
- Báo cáo về các giao dịch giữa Ngân hàng với công ty trong đó thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch: Không phát sinh.
- Báo cáo công khai danh sách người vay:

  Theo quy định tại Điều 135 Luật Các tổ chức tín dụng 2024, OCB báo cáo công khai với ĐHĐCĐ về việc cho vay đối tượng hạn chế cấp tín dụng đến thời điểm ngày 31/12/2024 như sau:

  a) Tổ chức kiểm toán, kiểm toán viên đang kiểm toán tại OCB; người ra quyết định thanh tra, thành viên Đoàn thanh tra, người giám sát hoạt động đoàn thanh tra đang thanh tra tại OCB: Không có

  b) Kế toán trưởng của OCB: Không có

  c) Cổ đông lớn, cổ đông sáng lập của OCB: Không có

  d) Doanh nghiệp có một trong những đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 134 của Luật các tổ chức tín dụng 2024 sở hữu trên 10% vốn điều lệ của doanh nghiệp đó: Không có

  đ) Người thẩm định, xét duyệt cấp tín dụng tại OCB (trừ trường hợp cấp tín dụng dưới hình thức phát hành thẻ tín dụng cho cá nhân): 26 nhân viên

  e) Công ty con, công ty liên kết của OCB: Không có

  Tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với các đối tượng quy định tại các điểm a, b, c, d và đ là 32,18 tỷ đồng, tương đương 0,097% vốn tự có của OCB, đảm bảo không vượt quá 05% vốn tự có của OCB.

  Việc cho vay các đối tượng nói trên đã được OCB thực hiện tuân thủ theo quy định pháp luật và quy định của OCB.
- Về việc công khai thông tin:

  Theo quy định tại Điều 49 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024, OCB báo cáo công khai với ĐHĐCĐ các thông tin liên quan về cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên của OCB và người có liên quan là doanh nghiệp của Thành viên HĐQT, BKS, Ban TGĐ tính đến thời điểm ngày 31/12/2024 như sau:

  Đối với Thành viên HĐQT: có 19 doanh nghiệp/tổ chức kinh tế liên quan đến 09 thành viên.

  Đối với Thành viên Ban kiểm soát: có 02 doanh nghiệp/tổ chức kinh tế liên quan đến 02 thành viên.

  Đối với Thành viên Ban TGĐ: có 01 doanh nghiệp/tổ chức kinh tế liên quan đến 01 thành viên Ban TGĐ.

  Chi tiết theo Báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2024.

  Thông tin liên quan về cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên của OCB và người có liên quan: đã được đăng tải trên trang thông tin điện tử của OCB tại mục nhà đầu tư/công bố thông tin.
- Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan chi tiết theo Báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2024.
- Báo cáo kết quả phân loại nợ, cam kết ngoại bảng, trích lập dự phòng rủi ro, sử dụng dự phòng rủi ro:

  Theo quy định tại Thông tư 31/2024/TT-NHNN ngày 30/06/2024 và Nghị định 86/2024/NĐ-CP ngày 11/07/2024, OCB báo cáo ĐHĐCĐ về kết quả phân loại nợ, cam kết ngoại bảng, trích lập dự phòng rủi ro, sử dụng dự phòng rủi ro chốt tại thời điểm ngày 31/12/2024 như sau:

  - **Kết quả phân loại nợ tại 31/12/2024:**

    Tổng nợ nội bảng (tổng Tài sản có) là 247.895,02 tỷ đồng;

    Tổng nợ xấu là 6.870,61 tỷ đồng;

    Tỷ lệ nợ xấu tuân thủ dưới 3%.
  - **Tổng cam kết ngoại bảng:** 7.126,90 tỷ đồng.
  - **Kết quả trích lập dự phòng rủi ro tại ngày 31/12/2024:** 2.621,32 tỷ đồng.
  - **Kết quả sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong năm 2024:** 2.176,90 tỷ đồng.

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG
CỦA HĐQT NĂM 2025

Bước sang năm 2025, cột mốc quan trọng đánh dấu sự chuyển mình mạnh mẽ của OCB, ngân hàng đặt ra những mục tiêu chiến lược đầy tham vọng, hướng đến quản trị hiệu quả và tối ưu vận hành.

- Kiên định mục tiêu chiến lược đã đề ra. Phấn đấu đưa OCB vào Top 5 ngân hàng TMCP tư nhân hàng đầu Việt Nam về hiệu quả và ESG, đảm bảo sự phát triển bền vững.
- Tối ưu hóa mô hình quản trị và vận hành theo hướng hiện đại, tái cơ cấu mô hình tổ chức, tái cơ cấu kỳ hạn cho vay và huy động theo hướng bền vững.
- Chiến lược phân khúc khách hàng rõ ràng, định hướng sản phẩm và dịch vụ theo nhu cầu của từng phân khúc.
- Củng cố nền tảng quản trị rủi ro và tuân thủ, đảm bảo tăng trưởng bền vững.
- Đẩy mạnh chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ vào vận hành.
- Xây dựng đội ngũ nhân sự chất lượng cao, tạo lợi thế cạnh tranh bền vững.
- Hoàn thiện và thúc đẩy thực thi ESG toàn diện trong hoạt động Ngân hàng hướng đến mục tiêu đưa tỷ trọng dư nợ tín dụng xanh trên tổng dư nợ TT1 năm 2025 trên 11%.

Định hướng về chỉ tiêu kế hoạch cơ bản năm 2025 như sau:

ĐVT: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu 2024	Thực hiện 2024	Kế hoạch 2025	So sánh KH 2025 và TH 2024	
				+/-	%
1	Tổng tài sản	280.712	316.779	▲36.067	▲13%
2	Tổng huy động TT1	192.413	218.842	▲26.429	▲14%
3	Tổng dư nợ TT1 (*)	180.443	208.472	▲28.029	▲16%
4	Tỷ lệ nợ xấu (SBV)	2,38%	< 3,00%	-	-
5	Lợi nhuận trước thuế	4.006	5.338	▲1.332	▲33%

(*) Chỉ tiêu Tổng dư nợ TT1 sẽ được điều chỉnh theo hạn mức tăng trưởng tín dụng NHNN phê duyệt.

Tình hình thị trường tuy còn rất nhiều khó khăn thử thách nhưng với sự đoàn kết nhất trí cao của HĐQT, sự nỗ lực làm việc không mệt mỏi của BĐH và cán bộ nhân viên OCB cùng với sự ủng hộ của cổ đông và hướng dẫn chỉ đạo của NHNN và các cơ quan hữu quan, OCB sẽ hoàn thành nhiệm vụ 2025.

CHƯƠNG

05

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

Kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2024 67

Đánh giá tình hình thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2024 68

Phương hướng hoạt động năm 2025 69

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2024

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2024

1 Tổng kết cuộc họp của Ban Kiểm soát

Trong năm 2024, BKS đã họp 6 phiên: vào ngày 06/03/2024, 13/5/2024, 01/7/2024, 11/7/2024, 11/10/2024 và 13/12/2024. BKS đã duy trì hoạt động theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ của OCB. Các thành viên BKS đều tham dự đầy đủ các phiên họp định kỳ và biểu quyết thống nhất thông qua các vấn đề, nội dung thuộc chức năng, nhiệm vụ của BKS.

Tham gia các phiên họp định kỳ của HĐQT để cập nhật kết quả hoạt động kinh doanh và đưa ra các kiến nghị thông qua kết quả thực hiện kiểm toán nội bộ để ngăn ngừa rủi ro và bảo đảm an toàn trong hoạt động kinh doanh.

Ngoài ra, BKS thường xuyên tham gia các cuộc họp định kỳ của Ban Điều hành, tổ chức trao đổi, thảo luận và đánh giá hoạt động của Kiểm toán nội bộ để phục vụ cho mục đích kiểm soát của BKS.

2 Kết quả thẩm định báo cáo tài chính năm 2024

Trên cơ sở Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2024 và Báo cáo tài chính năm 2024 đã được soát xét và kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam và đã được công bố trên website của OCB theo quy định hiện hành. Ban Kiểm soát thống nhất với các ý kiến, nhận xét tại Báo cáo kiểm toán của Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam như sau: báo cáo tài chính riêng lẻ và báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của OCB tại ngày 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

3 Kết quả giám sát đối với HĐQT, Tổng Giám đốc (TGĐ) và các người điều hành khác

Trong năm 2024, BKS đã thực hiện giám sát đối với HĐQT, TGĐ và các người điều hành hoạt động quản trị điều hành thông qua kết quả hoạt động kiểm toán nội bộ với các nội dung sau:

- Giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật và Điều lệ của OCB trong việc quản trị và điều hành;
- Giám sát việc triển khai hệ thống kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro;
- Rà soát việc tuân thủ các quy định của pháp luật trong việc xây dựng và ban hành quy chế, quy định nội bộ của HĐQT và TGĐ;
- Giám sát việc thực hiện các chỉ thị của Ngân hàng Nhà nước trong hoạt động ngân hàng;
- Giám sát việc thực hiện các nghị quyết và quyết định HĐQT.

Qua công tác giám sát, BKS đánh giá hoạt động quản trị, điều hành đã được triển khai phù hợp theo quy định pháp luật và quy định của OCB.

Việc phê duyệt thực hiện dự án đầu tư, mua, bán tài sản cố định, hợp đồng, giao dịch khác của OCB thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT đã được HĐQT thực hiện theo Điều lệ và quy định nội bộ của OCB.

4 Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, TGĐ và các cổ đông

Sự phối hợp giữa BKS với HĐQT, TGĐ và các cổ đông OCB được thực hiện theo nguyên tắc tuân thủ quy định pháp luật và quy định của OCB và vì lợi ích chung của OCB.

HĐQT đã tạo điều kiện thuận lợi cho BKS thực hiện đầy đủ chức năng nhiệm vụ theo quy định, BKS đã tham dự đầy đủ các phiên họp trực tiếp của HĐQT, trong các phiên họp BKS báo cáo về hoạt động của BKS, tham gia thảo luận và đóng góp ý kiến của từng phiên họp.

Các kiến nghị của BKS và Kiểm toán nội bộ đã được HĐQT và TGĐ ghi nhận, xem xét và chỉ đạo các phòng ban liên quan thực hiện.

5 Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của BKS

Mức thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của BKS trong phạm vi ngân sách hoạt động của HĐQT và BKS đã được ĐHĐCĐ năm 2024 thông qua.

6 Hoạt động kiểm toán nội bộ

Trong năm 2024, BKS đã giám sát, chỉ đạo Phòng Kiểm toán nội bộ triển khai các hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ như sau:

- Hoàn thành 100% kế hoạch kiểm toán năm 2024 đã được BKS phê duyệt. Cụ thể đã hoàn thành 32/32 nội dung/đơn vị được kiểm toán theo kế hoạch.
- Lập kế hoạch kiểm toán nội bộ năm 2025 theo định hướng rủi ro và quy định tại Thông tư 13/2018/TT-NHNN ngày 18/5/2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.
- Qua kết quả kiểm toán, Phòng Kiểm toán nội bộ đã có các kiến nghị để khắc phục các sai sót, sửa đổi, bổ sung các quy định, quy trình nhiệm vụ nhằm tăng cường quản lý rủi ro và hiệu quả hoạt động giúp cải thiện hệ thống kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro của OCB.
- KTNB thường xuyên đưa nhiều khuyến nghị để điều chỉnh và bổ sung các chốt kiểm soát nhằm ngăn ngừa và phát hiện kịp thời các rủi ro trọng yếu trong hoạt động Ngân hàng.

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ NĂM 2024

1 Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của OCB

Hội đồng quản trị đã hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh do ĐHĐCĐ năm 2024 giao như sau:

ĐVT: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu hoạt động kinh doanh	Thực hiện 31/12/2024	Kế hoạch 2024 do ĐHĐCĐ giao	Tỷ lệ hoàn thành KH
1	Tổng tài sản	280.712	286.562	98%
2	Tổng dư nợ TT1(1)	180.443	177.592	102%
3	Tổng huy động TT1(2)	192.413	197.346	98%
4	Lợi nhuận trước thuế	4.006	6.885	58%
5	Tỷ lệ nợ xấu	2,38%	<3%	Đạt

(1) Tổng dư nợ TT1 gồm: Cho vay khách hàng; TPDN; Mua nợ.
(2) Tổng huy động TT1 gồm: Tiền gửi khách hàng; GTCG; Vốn tài trợ - ủy thác.

Các chỉ số về quản lý rủi ro cũng được quản trị và tuân thủ đầy đủ theo quy định của cơ quan quản lý nhà nước.

2 Kết quả thực hiện các nghị quyết khác của Đại hội đồng cổ đông năm 2024

Ngoài việc thực hiện các chỉ tiêu kinh doanh, trong năm 2024 HĐQT, BKS đã thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ đề ra như sau:

- Hoàn chỉnh và ban hành Điều lệ, Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát, Quy chế quản trị nội bộ phù hợp với Luật các TCTD năm 2024;
- Đã hoàn thành việc trích lập các quỹ năm 2023 theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ.
- Việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập: HĐQT đã chọn Công ty TNHH KPMG để thực hiện dịch vụ kiểm toán và soát xét BCTC riêng lẻ, hợp nhất năm 2025 theo VAS, kiểm toán báo cáo hoạt động hệ thống kiểm soát nội bộ với việc lập và trình bày BCTC, dịch vụ kiểm toán BCTC hợp nhất năm 2025 theo IFRS.
- Đã được NHNN chấp thuận thành lập Công ty Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản Ngân hàng Phương Đông trực thuộc Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB).
- Hoàn thành việc tăng vốn điều lệ lên 24.657.891.520.000 đồng từ phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu. OCB chưa thực hiện việc phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động và phát hành cổ phiếu riêng lẻ trong năm 2024 do tình hình thị trường chưa phù hợp để phát hành.

PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2025

Tiếp tục duy trì và phát huy các kết quả hoạt động đã đạt được trong những năm qua, Ban kiểm soát xác định các hoạt động trọng tâm trong năm 2025 như sau:

- Giám sát hoạt động quản trị, điều hành trong việc tuân thủ pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT.
- Giám sát thực trạng tài chính, thẩm định báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm và hàng năm; đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cẩn trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- Giám sát việc thông qua và thực hiện dự án đầu tư, mua, bán tài sản cố định, hợp đồng, giao dịch khác của OCB thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT.
- Rà soát, cập nhật, bổ sung quy định nội bộ của Ban Kiểm soát, Kiểm toán nội bộ phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.
- Chỉ đạo KTNB xây dựng và hoàn thiện các quy trình kiểm toán nội bộ, cải tiến quy trình giám sát từ xa để nâng cao hiệu quả kiểm toán, giảm bớt thời gian thực địa cũng như chi phí công tác; ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động kiểm toán nội bộ để nâng cao năng suất lao động, hoàn thiện phần mềm KTNB và đưa vào sử dụng.
- Nâng cao chất lượng kiểm toán viên thông qua hoạt động đào tạo chương trình kiểm toán viên theo chuẩn quốc tế cũng như tăng điều kiện xét tuyển các kiểm toán viên mới.
- Thực hiện và chỉ đạo thực hiện các yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước và các cơ quan chức năng theo quy định pháp luật.
- Thực hiện các chức năng nhiệm vụ khác của Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật và Điều lệ OCB.

CHƯƠNG

06

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Thông điệp

CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC VỀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TẠI OCB

Kính gửi Quý cổ đông, khách hàng, đối tác và toàn thể CBNV OCB,

Năm 2024 là một năm rất thách thức cho nền kinh tế Việt Nam nói chung và ngành Ngân hàng nói riêng khi cầu tiêu dùng vẫn còn yếu, thị trường bất động sản chưa hồi phục, địa chính trị trên thế giới còn rất nhiều bất ổn, thị trường tiền tệ trong nước trải qua nhiều biến động đáng kể, phản ánh sự tương tác phức tạp giữa các yếu tố kinh tế trong và ngoài nước. Đặc biệt, Việt Nam và các quốc gia trên thế giới đã và đang gánh chịu nhiều hậu quả của biến đổi khí hậu (BĐKH) như hiện tượng thời tiết cực đoan, bất thường, gây tác động xấu đối với nền kinh tế và môi trường sống. Thúc đẩy thực hành phát triển bền vững (PTBV), tăng trưởng xanh; quyết liệt triển khai các chương trình hành động về ứng phó với BĐKH, chuyển đổi năng lượng, đẩy mạnh hợp tác, đầu tư có trách nhiệm, cùng hiện thực hóa mục tiêu đưa phát thải ròng bằng "0" vào năm 2050 đã trở thành nhiệm vụ cấp bách đối với tất cả các quốc gia, bao gồm cả Việt Nam.

Trong năm 2024, OCB cũng đối mặt và vượt qua các khó khăn, thách thức khi vừa phải giữ nhịp kinh doanh, vừa phải xây dựng, đưa ra chiến lược cho giai đoạn phát triển mới. Có thể nói, đây là giai đoạn mang tính thách thức nhưng cũng là cơ hội cho OCB chuyển đổi nâng tầm chất lượng sản phẩm - dịch vụ. Áp dụng các thực hành PTBV không chỉ giúp OCB đảm bảo tuân thủ mức tốt nhất các quy định của ngành Ngân hàng Việt Nam mà còn góp phần nâng cao tính minh bạch và gia tăng niềm tin từ cộng đồng, khách hàng, đồng thời khai phá cơ hội kinh doanh mới, đáp ứng nhu cầu đầu tư cho PTBV của cá nhân, các doanh nghiệp trong nước và quốc tế, tạo nên một cộng đồng doanh nghiệp bền vững. Từ đó, giúp OCB nâng cao năng lực cạnh tranh, đẩy mạnh hoạt động kinh doanh. Minh chứng cho việc kiên quyết thực hành theo định hướng Chiến lược PTBV chính là trong năm OCB đã đạt được một số kết quả tiêu biểu như:

11%

Tỷ trọng dư nợ tín dụng xanh trên tổng dư nợ toàn hàng.

▲ **>30%** quy mô dư nợ tín dụng xanh so với năm 2023.

100%

các khoản cấp tín dụng (CTD) cho khách hàng doanh nghiệp, tài trợ dự án đầu tư được thực hiện sàng lọc, đánh giá và quản lý rủi ro (QLRR) theo Quy định QLRR môi trường và xã hội (MT&XH) trong hoạt động CTD của OCB.

100%

các nhà đối tác, nhà cung cấp trong chuỗi cung ứng được đánh giá theo quy định mua sắm, bao gồm các tiêu chí môi trường & xã hội.

Không phát sinh

bất kỳ vụ việc liên quan đến tham nhũng, vi phạm luật bảo vệ môi trường trong hoạt động vận hành OCB.

Hơn 1000

cây xanh được CBNV OCB đóng góp để phủ xanh Vườn Quốc gia Thiên nhiên Xuân Liên (Thanh Hóa).

Với vai trò là tổ chức tín dụng (TCTD), mắt xích quan trọng trong trong dây chuyền dẫn vốn cho quá trình chuyển đổi kinh tế sang hướng xanh và bền vững, OCB đã tiên phong xây dựng Chiến lược PTBV toàn diện, đảm bảo sự cân bằng giữa mục tiêu phát triển của Ngân hàng và đóng góp chung cho mục tiêu MT&XH của quốc gia. Để thực hiện chiến lược này, kim chỉ nam tiên quyết trong hoạt động kinh doanh chính là "OCB chọn KHÔNG tăng trưởng về số lượng bằng mọi giá, KHÔNG dồn hết nguồn lực của ngân hàng vào lĩnh vực có rủi ro cao, KHÔNG chạy theo mục tiêu ngắn hạn mà đánh đổi mục tiêu dài hạn". OCB tin rằng, đây sẽ là hành động thiết thực nhất góp phần vào mục tiêu lớn của Việt Nam và cũng là hướng đi mang đến sự PTBV, thịnh vượng cho Quý cổ đông, khách hàng, đối tác và toàn thể CBNV OCB.

OCB cam kết kiên định hành trình chuyển đổi Ngân hàng Xanh tiên phong, chú trọng vào công tác kiểm soát rủi ro, nâng cao chất lượng tài sản, đẩy mạnh hoạt động chuyển đổi số (CĐS) và thực thi chiến lược PTBV theo các chuẩn mực tiên tiến. Bên cạnh đó, OCB sẽ tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động nâng cao nhận thức và đào tạo nhân viên về PTBV đồng thời khuyến khích các đối tác và khách hàng cùng tham gia vào các hoạt động bảo vệ môi trường. Sự hợp tác chặt chẽ giữa các bên hữu quan sẽ tạo ra sức mạnh tổng hợp, giúp OCB đạt được những mục tiêu PTBV một cách hiệu quả.

Thay mặt Ban Điều hành, tôi trân trọng gửi lời cảm ơn chân thành đến các cổ đông, khách hàng, đối tác và toàn thể CBNV OCB đã luôn tin tưởng, đồng hành cùng OCB. Với sự dẫn dắt của đội ngũ quản trị, điều hành giàu kinh nghiệm, sự hỗ trợ của Quý vị và sự nỗ lực của toàn thể CBNV, tôi tin rằng OCB có một chặng đường mới thành công, thịnh vượng và sẽ sớm hoàn thành mục tiêu đề ra đem lại giá trị cho cổ đông, cộng đồng và xã hội.

Một lần nữa, xin cảm ơn và kính chúc Quý vị nhiều sức khỏe, hạnh phúc và thành công!

Trân trọng!

TỔNG GIÁM ĐỐC

PHẠM HỒNG HẢI

1 Chiến lược phát triển bền vững

Với tầm nhìn trở thành Ngân hàng Xanh tiên phong tại Việt Nam, OCB đã vạch ra chiến lược PTBV toàn diện, đảm bảo sự cân bằng giữa mục tiêu phát triển của Ngân hàng và đóng góp chung cho mục tiêu MT&XH của quốc gia. Bên cạnh các mục tiêu gia tăng giá trị về kinh tế, các hành động Môi trường - Xã hội - Quản trị (ESG) – gìn giữ, bảo tồn tài nguyên thiên nhiên, kiến tạo xã hội tốt đẹp hơn và áp dụng các phương pháp quản trị hiệu quả, cũng được hoạch định và cụ thể hóa thành những mục tiêu cho từng giai đoạn, đảm bảo từng bước tiến của OCB đều hướng đến sự PTBV.

Tầm nhìn

Ngân hàng Xanh (Green Bank) tiên phong tại Việt Nam

Sứ mệnh

Phát triển bền vững cho cuộc sống tươi đẹp hơn

Chiến lược Phát triển bền vững

OCB cam kết kiên định theo đuổi hành trình PTBV, tích hợp các nguyên tắc về PTBV vào các hoạt động kinh doanh, vận hành và quản trị trong ngân hàng:

- Quản trị theo thông lệ và các chuẩn mực tốt nhất; điều hành các hoạt động ngân hàng trên nguyên tắc minh bạch, đề cao tinh thần trách nhiệm và đạo đức trong công việc.
- Tăng trưởng ổn định và bền vững thông qua hoạt động kinh doanh hiệu quả; đóng góp giá trị kinh tế cho quốc gia, tổ chức, cổ đông và khách hàng.
- Tác động tích cực đến môi trường thông qua các hành động bảo tồn tài nguyên thiên nhiên, giảm thiểu BĐKH và xanh hóa nền kinh tế.
- Góp phần kiến tạo nên xã hội hiện đại và văn minh thông qua các sản phẩm và dịch vụ có giá trị thiết thực và trải nghiệm cao cho khách hàng cũng như các hoạt động đóng góp tích cực cho cộng đồng và xã hội.

MỤC TIÊU

2025

KIỆN TOÀN MÔ HÌNH QUẢN TRỊ PTBV

Theo đuổi hành trình phát triển doanh nghiệp bền vững

- Kiện toàn mô hình quản trị theo các tiêu chuẩn và thông lệ trong nước và quốc tế về phát triển bền vững.

2050

NET ZERO

Đồng hành Chính phủ và Cơ quan Quản lý cho mục tiêu Net Zero năm 2050

- ***Nội bộ OCB:*** thực hiện mục tiêu giảm tiêu thụ tài nguyên, tiết kiệm năng lượng, khí thải tác động lên môi trường.
- ***Đối tác và khách hàng:*** xây dựng sản phẩm dịch vụ và khung chính sách định hướng góp phần thực hiện việc giảm BĐKH và khuyến khích năng lượng tái tạo.
- ***Xã hội:*** tích cực tham gia và triển khai các chương trình cải thiện môi trường, xã hội và tạo mảng xanh mới

2027

TIÊN PHONG VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Top 5 Ngân hàng TMCP về PTBV

- Định hướng hoạt động theo nguyên tắc ngân hàng có trách nhiệm của Sáng kiến tài chính Chương trình Môi trường Liên Hiệp Quốc (UNEP FI).
- Trở thành ngân hàng thuộc top đầu trong những khảo sát đánh giá về sức khỏe tổ chức, môi trường làm việc, trưởng thành số, trải nghiệm khách hàng, trách nhiệm MT&XH.

Cam kết thúc đẩy toàn diện mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc

OCB tin rằng những giá trị bền vững được tạo ra không chỉ lan tỏa trong phạm vi từng địa phương hay quốc gia mà còn góp phần vào mục tiêu PTBV chung của thế giới. Chính vì vậy, chúng tôi đã tích hợp toàn diện các nguyên tắc của 17 Mục tiêu Phát triển Bền vững được đề ra bởi Liên Hợp Quốc (UN SDGs) vào định hướng, chiến lược và mục tiêu phát triển của OCB, hướng đến xây dựng hành trình phát triển xanh, bền vững và thịnh vượng cho Ngân hàng.

Môi trường

11 chương trình hành động

Hoạt động kinh doanh của OCB góp phần thúc đẩy những tác động tích cực cũng như giảm thiểu những tác động tiêu cực đến với môi trường, chúng tôi kiên định với những nỗ lực trong từng ngành hàng nhằm đẩy mạnh tăng trưởng tài chính xanh và xanh hóa nền kinh tế.

Xã hội

9 chương trình hành động

Mang đến giá trị bền vững cho nhân viên và khách hàng OCB, cũng như xã hội nói chung. Các hành động này tập trung xây dựng môi trường làm việc đa dạng công bằng và hội nhập, cải tổ vận hành và phát triển sản phẩm nhằm mang đến các giải pháp tài chính với trải nghiệm vượt trội đáp ứng nhu cầu cho từng nhóm đối tượng đồng thời đóng góp cho các chương trình nâng cao chất lượng sống và thúc đẩy sự thịnh vượng chung.

Quản trị

6 chương trình hành động

Trên cơ sở hệ thống quản trị ngân hàng khắt khe, đảm bảo hoạt động bền vững và cân bằng lợi ích của các bên hữu quan, OCB không ngừng triển khai thêm các hành động để tiếp tục nâng cao hiệu quả kinh doanh và công tác quản trị rủi ro trong bối cảnh thị trường ngày càng phức tạp.

2 Mô hình quản trị về phát triển bền vững

OCB luôn ý thức nền tảng quản trị chính là kim chỉ nam của mọi hoạt động trên hành trình chuyển đổi xanh, CĐS. Vì vậy, chúng tôi luôn không ngừng cải tiến, nâng cao năng lực nội tại về quản trị PTBV. Tại Nghị quyết số 31/2024/NQ-HĐQT và Quyết định số 05/2025/QĐ-HĐQT, OCB đã thông qua đề xuất thành lập Ban PTBV trực thuộc HĐQT, chịu trách nhiệm tham mưu cho HĐQT về định hướng, chiến lược và các vấn đề về PTBV. Việc thiết lập cơ cấu quản trị ESG này giúp đảm bảo các chiến lược, thực hành PTBV được tích hợp và triển khai đồng bộ và hiệu quả trong từng hoạt động cốt lõi tại OCB.

Sơ đồ mô hình quản trị về phát triển bền vững

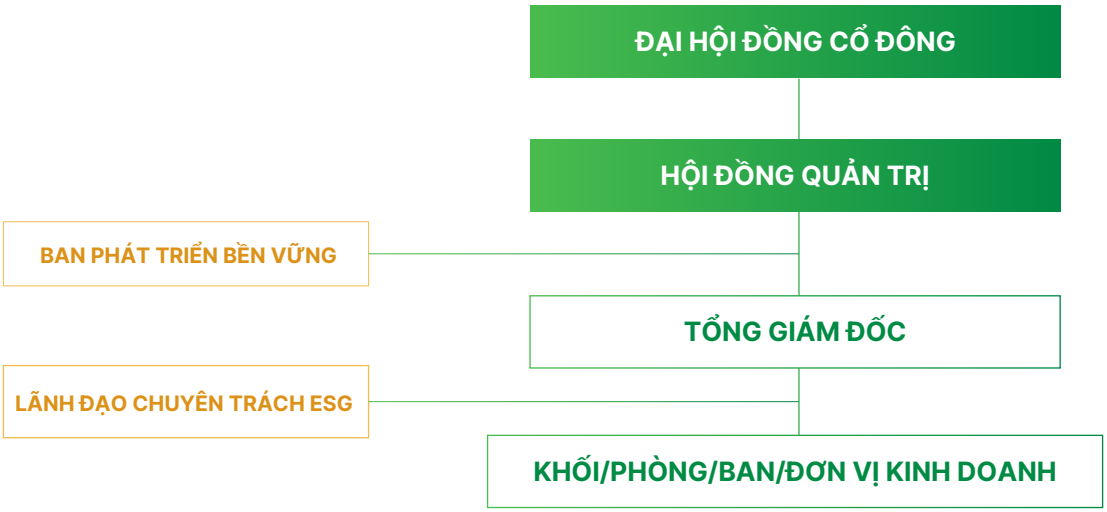

Ban Phát triển bền vững có nhiệm vụ:

- Tham mưu cho HĐQT về định hướng, chiến lược và các vấn đề về PTBV
- Giám sát việc xây dựng, triển khai và thực thi chiến lược và các vấn đề về PTBV của OCB
- Phê duyệt và giám sát các sáng kiến, chương trình hành động PTBV
- Phê duyệt các báo cáo liên quan đến PTBV
- Phê duyệt khung quản trị rủi ro liên quan đến MT&XH, ngoại trừ các nội dung thuộc thẩm quyền của Uỷ ban QLRR
- Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo phân công của HĐQT, Chủ tịch HĐQT

TỔNG QUAN BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

1 Giới thiệu chung về Báo cáo Phát triển bền vững

PTBV là kim chỉ nam trong chiến lược phát triển chung của OCB, hỗ trợ Ngân hàng hiểu và quản trị hiệu quả các rủi ro, cũng như tận dụng cơ hội PTBV liên quan đến bảo vệ môi trường, trách nhiệm đối với cộng đồng xã hội và quản trị. Năm 2024 là một năm rất thách thức cho nền kinh tế Việt Nam nói chung và ngành Ngân hàng nói riêng khi cầu tiêu dùng vẫn còn yếu, thị trường bất động sản chưa hồi phục, địa chính trị trên thế giới còn rất nhiều bất ổn, thị trường tiền tệ trong nước cũng rất biến động. Trước những thách thức khó lường từ biến động của nền kinh tế, OCB vẫn luôn kiên định với chiến lược PTBV theo Nghị quyết số 31/2024/NQ-HĐQT được phê duyệt bởi Hội đồng quản trị.

OCB tin rằng những nỗ lực trong năm 2024 của Ngân hàng trên các phương diện Môi trường - Xã hội - Quản trị, cũng như trong toàn bộ hành trình chuyển đổi xanh bền vững của chúng tôi sẽ góp phần hỗ trợ hiệu quả, kiến tạo lợi ích dài lâu cho cộng đồng, xã hội và thế hệ mai sau. Đích đến của hành trình chuyển đổi xanh này của OCB chính là mang đến giá trị lâu dài về tài chính, môi trường, xã hội, nâng tầm trải nghiệm của khách hàng, tăng giá trị cho Ngân hàng cho các cổ đông, kiến tạo một xã hội tốt đẹp hơn. Đây sẽ là nguồn cảm hứng để chúng tôi không ngừng đầu tư và phát triển một ngân hàng XANH mang tên **OCB GREENBANK.**

Báo cáo này nhằm mục đích cung cấp thông tin về cách tiếp cận của OCB đối với các chủ đề ESG trong năm 2024, cùng với tiến độ, hiệu suất và tham vọng của chúng tôi cho tương lai.

1.1 Phạm vi và chu kỳ báo cáo

- Chu kỳ báo cáo: thường niên
- Kỳ báo cáo: Báo cáo PTBV năm 2024 được lập theo niên độ kế toán, bắt đầu từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024.
- Dữ liệu và phạm vi báo cáo: Toàn bộ thông tin công bố trong báo cáo được thu thập từ số liệu thực tế của Ngân hàng, bao gồm Trụ sở chính, Chi nhánh, phòng giao dịch của OCB. Các trường hợp đặc biệt về phạm vi báo cáo sẽ được ghi chú ở các phần nội dung chi tiết.

1.2 Cơ sở lập báo cáo

- Nội dung của báo cáo được lập dựa trên cơ sở đáp ứng và tuân thủ chặt chẽ quy định về công bố thông tin theo Thông tư 96/2020/TT-BTC, đồng thời tham chiếu đến Tiêu chuẩn Sáng kiến Báo cáo Toàn cầu (GRI - Global Reporting Initiative). Nội dung gồm 4 cấu phần chính: Thông tin chung, các tiêu chuẩn về kinh tế (GRI 200), các tiêu chuẩn về môi trường (GRI 300) và các tiêu chuẩn về xã hội (GRI 400).

Dấu ấn Phát triển bền vững nổi bật

GIẢI THƯỞNG

TỰ HÀO THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA
Do Bộ Công Thương bình chọn

TOP 50 DOANH NGHIỆP PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG
Do Tạp chí Nhịp cầu Đầu tư bình chọn

GIẢI TIẾN BỘ BÁO CÁO PTBV
Tại Hội nghị Doanh nghiệp niêm yết 2024

TOP 25 THƯƠNG HIỆU NIÊM YẾT DẪN ĐẦU
Do Tạp chí Forbes bình chọn

TOP 100 DOANH NGHIỆP BỀN VỮNG (CSI100)
Do VCCI bình chọn

THƯƠNG HIỆU MẠNH VIỆT NAM 2024
Do Tạp chí VnEconomy bình chọn

EMPLOYER CHOICE 2024
Do CareerViet bình chọn

TOP 38 NHÀ TUYỂN DỤNG ĐƯỢC YÊU THÍCH NHẤT
- KHỐI DOANH NGHIỆP LỚN
TOP 07 NGÀNH TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG

NGÂN HÀNG TIÊU BIỂU VỀ TÍN DỤNG XANH
Do IDG và VNBA công bố

Moody's Rating	09/9/2024
Xếp hạng tiền gửi dài hạn	Ba3
Xếp hạng nhà phát hành dài hạn	Ba3
Xếp hạng tín dụng cơ sở (BCA)	B1
Triển vọng xếp hạng	Ổn định

Dấu ấn
Phát triển bền vững
nổi bật

KINH TẾ

Tổng tài sản
280.712 tỷ đồng
▲ **16,9%** so với năm 2023

Dư nợ TT1
180.443 tỷ đồng
▲ **19,6%** so với năm 2023

Tổng huy động TT1
192.413 tỷ đồng
▲ **14,5%** so với năm 2023

Thu nhập lãi thuần
8.607 tỷ đồng
▲ **27,2%** so với năm 2023

Lợi nhuận trước thuế
4.006 tỷ đồng

Tỷ trọng dự nợ tín dụng xanh trên tổng quy mô dư nợ tín dụng toàn hàng
11%
▲ **> 30%** quy mô dư nợ tín dụng xanh so với năm 2023

Hơn
12.000 tỷ đồng
dư nợ cho vay DNNVV
▲ **> 50%** so với năm 2023

Hơn
3.000 tỷ đồng
Giải ngân cho doanh DNVVN có nữ là chủ (WSMEs)

Hơn
4.200 tỷ đồng
dư nợ cho vay trong ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản đảm bảo an ninh lương thực
▲ **> 70%** so với năm 2023

Ra mắt sản phẩm tín dụng cho doanh nghiệp
Start-up
không cần tài sản đảm bảo

Ra mắt chương trình ưu đãi
Căn hộ Xanh

25 CN/PGD
tại khu vực nông thôn chiếm
14,3% tổng đơn vị toàn quốc

14 MÁY ATM &
64 MÁY POS
tại khu vực nông thôn

MÔI TRƯỜNG

100%
tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Hơn
1.000 cây xanh
được CBNV đóng góp từ chương trình Dọn nhà góp cây

100%
khoản CTD theo quy định được đánh giá và quản lý theo Quy định QLRR MT&XH

Giảm
2.054 m^3
lượng nước đầu vào so với năm 2023

Hoàn thành
trạm xử lý nước thải tại Chi nhánh Tân Bình

Hơn
1.300 hộp mực
(80% lượng mực) tại Hội sở có nguồn gốc tái sử dụng

Giảm hơn
20.000 chai nhựa
sử dụng trong các cuộc họp tại Hội sở

100%
NCC thuộc diện yêu cầu được đánh giá theo tiêu chí MT&XH

Dấu ấn
Phát triển bền vững nổi bật

XÃ HỘI

Không phát sinh

bất kỳ trường hợp sức khỏe kém, chấn thương hay tử vong nào liên quan đến công việc xảy ra trong năm qua

Tỷ lệ CBNV nữ trên tổng số CBNV

55%

1% lợi nhuận sau thuế

hỗ trợ cho các hoạt động an sinh xã hội

4,02 điểm

mức độ gắn kết tổng thể của CBNV, nằm trong tứ phân vị thứ 1 so với các ngân hàng trong khu vực Đông Nam Á

Thời gian đào tạo cho toàn bộ CBNV

255.062 giờ

Thời gian đào tạo cho mỗi CBNV

37 giờ

▲ > **30%** so với năm 2023

Chỉ số hài lòng chung của khách hàng về CBNV OCB (CSAT)

99,33%

100%

khoản CTD theo quy định được đánh giá và quản lý theo Quy định QLRR MT&XH

100%

NCC thuộc diện yêu cầu được đánh giá theo tiêu chí MT&XH

1 Tiêu chuẩn Kinh tế GRI 200

1.1 Tài chính toàn diện

A. THÀNH TỰU NỔI BẬT

Hơn **170%**
dư nợ cho vay phát triển giáo dục đào tạo so với 2023

Hơn **2.900** tỷ đồng
dư nợ cho xây dựng công trình xử lý nước cấp phục vụ cộng đồng
▲ **>900%** so với năm 2023

Hơn **12.000** tỷ đồng
dư nợ cho phân khúc khách hàng doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV)
▲ **>50%** so với năm 2023

Hơn **18.500** tỷ đồng
giải ngân cho phân khúc khách hàng doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV)

Hơn **3.000** tỷ đồng
giải ngân cho phân khúc khách hàng WSMEs

Ban hành sản phẩm cho phân khúc khách hàng doanh nghiệp
Start-up

Hơn **75%**
giải ngân cho các cán bộ và giáo viên phục vụ mục đích vay tiêu dùng

Hơn **135%**
dư nợ phát triển nhà ở xã hội so với năm 2023

Hơn **1.900** tỷ đồng
dư nợ cho lĩnh vực nông nghiệp thông minh

25 đơn vị kinh doanh
được mở mới tại địa bàn nông thôn
▲ **~20%** so với năm 2023

Hơn **4.200** tỷ đồng
dư nợ cho ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản
▲ **>70%** so với năm 2023

B. HÀNH ĐỘNG TRỌNG TÂM

2.1.1 Đầu tư phát triển giáo dục đào tạo

Hỗ trợ phát triển giáo dục đào tạo là định hướng chung của Ngân hàng. Vì vậy, trong năm 2024 OCB đã triển khai các giải pháp tài chính đặc biệt dành riêng cho ngành giáo dục, hỗ trợ phát triển mới hoặc nâng cấp các cơ sở giáo dục đào tạo, góp phần đảm bảo môi trường học tập cho cộng đồng ngày càng hiện đại và hiệu quả. Thông qua các gói ưu đãi lãi suất và đơn giản hóa thủ tục, OCB đã giúp các trường học dễ dàng tiếp cận nguồn vốn cần thiết để việc xây dựng cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị hiện đại phục vụ giảng dạy.

Song song đó, OCB đã triển khai các giải pháp tín dụng linh hoạt để hỗ trợ dự án, bao gồm chính sách ân hạn gốc, lãi suất ưu đãi và điều chỉnh linh hoạt theo tình hình kinh tế – xã hội. Sự hỗ trợ này không chỉ giúp đơn vị đào tạo tối ưu hóa nguồn vốn mà còn góp phần đẩy mạnh phát triển giáo dục theo hướng bền vững, tạo ra tác động tích cực cho cộng đồng.

Bên cạnh hoạt động hỗ trợ xây dựng phát triển cơ sở hạ tầng và trang thiết bị phục vụ giáo dục đào tạo, OCB còn thực hiện ban hành sản phẩm OCB SCHOOL với chính sách miễn 100% phí dịch vụ thu hộ học phí và gạch nợ tự động, giúp các trường học giảm thiểu chi phí hoạt động. Đa dạng các kênh thanh toán học phí cũng được triển khai nhằm tạo thuận tiện tối đa cho phụ huynh và học sinh, bao gồm thanh toán qua thẻ, QR code và các ví điện tử.

2.1.2 Đầu tư cơ sở hạ tầng và dịch vụ thiết yếu

Trong những năm qua, OCB luôn xem việc phát triển cơ sở hạ tầng dịch vụ thiết yếu phục vụ cộng đồng là một trong những ưu tiên hàng đầu. Với tầm nhìn đó, OCB không ngừng nỗ lực hoàn thiện và nâng cấp các sản phẩm, chương trình, và chính sách, nhằm khuyến khích các dự án đầu tư vào công nghệ và hạ tầng y tế. Mục tiêu của những nỗ lực này là nâng cao chất lượng dịch vụ chăm sóc sức khỏe và mở rộng khả năng tiếp cận y tế, các dịch vụ tiện ích thiết yếu cho cộng đồng.

Bên cạnh đó, OCB cũng chủ động hỗ trợ tài chính cho các dự án phát triển hệ thống xử lý nước cấp và mạng lưới cung cấp nước, đồng thời đầu tư vào hệ thống xử lý nước thải. Những hoạt động này không chỉ đảm bảo cộng đồng có thể tiếp cận nguồn nước sạch, chất lượng và bảo vệ vệ sinh, mà còn góp phần bảo vệ môi trường, nâng cao chất lượng đời sống cộng đồng một cách bền vững.

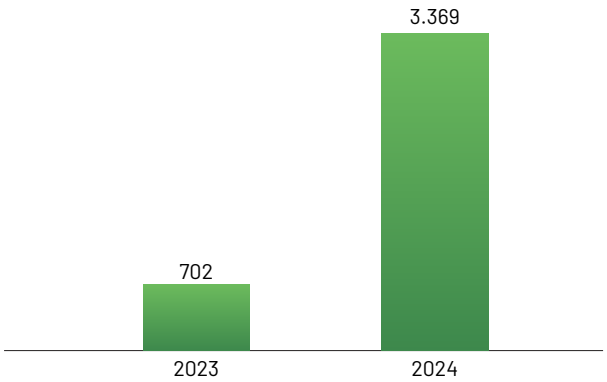

Tổng dư nợ lĩnh vực phát triển hệ thống xử lý, cung cấp nước sạch và xử lý nước thải (ĐVT: tỷ đồng)

2.1.3 Đầu tư phát triển nhà ở xã hội

Chiến lược phát triển nhà ở Quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 đặt ra mục tiêu phát triển mạnh mẽ và bền vững thị trường nhà ở tại Việt Nam, nhằm đáp ứng nhu cầu nhà ở cho mọi tầng lớp dân cư. Để hiện thực hóa tầm nhìn này, chiến lược cần sự chung tay của toàn xã hội cụ thể là ngành ngân hàng với vai trò dẫn vốn đầu tư vào các dự án nhà ở xã hội (NƠXH) cũng như hỗ trợ tín dụng cho người trẻ có cơ hội sở hữu nhà. Ý thức được trách nhiệm trong chiến lược chung cũng như định hướng tài chính toàn diện phục vụ khách hàng PTBV là một trong những ưu tiên tại OCB. Vì vậy, OCB đã triển khai các hoạt động hỗ trợ tín dụng phát triển các dự án NƠXH cho khách hàng là các nhà phát triển dự án.

Ngoài việc hỗ trợ các đơn vị phát triển NƠXH, với định hướng PTBV và hướng tới vì lợi ích cộng đồng, trong thời gian qua OCB vẫn tích cực đẩy mạnh chính sách cho vay NƠXH cho đối tượng khách hàng là các cá nhân. Bên cạnh việc kiện toàn chính sách, OCB cũng tích cực đẩy mạnh liên kết và triển khai cho vay với các dự án NƠXH. Trong năm 2023-2024, OCB đã liên kết bổ sung thêm 03 dự án NƠXH mới. Một trong những dự án OCB triển khai liên kết và cho vay khách hàng cá nhân mua bất động sản là NƠXH tại Dự án Golden city An Giang với mức cho vay lên đến 70% giá trị hợp đồng mua bán, thời gian vay 15 năm và ân hạn gốc lên đến 36 tháng.

OCB cam kết chung tay trong việc tài trợ các sáng kiến phát triển đô thị bền vững, đảm bảo sự hài hòa giữa lợi ích kinh tế, trách nhiệm xã hội và bảo vệ môi trường. Thông qua việc đồng hành cùng các dự án NƠXH, OCB không chỉ góp phần cải thiện điều kiện sống cho cộng đồng mà còn thúc đẩy quá trình đô thị hóa theo hướng bền vững, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia.

2.1.4 An ninh lương thực

An ninh lương thực là vấn đề cấp bách và thiết yếu, đặc biệt khi nguồn cung và khả năng tiếp cận lương thực đang chịu tác động lớn từ BĐKH, thiên tai, ô nhiễm môi trường, dịch bệnh xuyên biên giới ngày càng khốc liệt và khó lường. Để đảm bảo mọi người dân đều có cơ hội tiếp cận đầy đủ thực phẩm, đảm bảo dinh dưỡng đồng thời an toàn cho người sử dụng và môi trường, OCB luôn định hướng hỗ trợ tín dụng cho doanh nghiệp, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn đặc biệt là nông nghiệp thông minh thích ứng BĐKH. Cụ thể, trong năm 2024, OCB đã tài trợ tín dụng cho các dự án nông nghiệp thông minh. Nhóm dự án này được thiết kế theo mô hình kinh tế tuần hoàn tận dụng phụ phẩm nông nghiệp để làm thức ăn chăn nuôi, phân bón hữu cơ, sử dụng hệ thống tưới nhỏ giọt và tưới phun mưa tiết kiệm 50-70% nước, đồng thời áp dụng tiêu chuẩn GLOBALG.A.P trong sản xuất.

Bên cạnh đó, ở phân khúc khách hàng cá nhân trong năm 2024, các sản phẩm cho vay nông nghiệp nông thôn được cải tiến với các đặc tính riêng đáp ứng đặc thù của ngành nông nghiệp tại Việt Nam, cụ thể sản phẩm đã cải tiến với thủ tục tinh gọn và lãi suất ưu đãi hơn so với năm 2023 như:

- Thủ tục hồ sơ tinh gọn, phù hợp với từng loại ngành nghề, phương thức trả nợ linh hoạt phù hợp theo nhu cầu và nguồn thu của khách hàng.
- Lãi suất vay ưu đãi: chương trình lãi suất ưu đãi dành cho khách hàng vay bổ sung vốn trồng trọt/chăn nuôi với mức lãi suất chỉ từ 5,2%. Ngoài ra còn các chương trình ưu đãi lãi suất theo dự án VnSAT, RDFII.

2.1.5 Doanh nghiệp nhỏ và vừa

• Cho vay DNNVV

Trong năm 2024, dư nợ phân khúc khách hàng DNNVV tăng hơn 50%, giải ngân đạt hơn 18.500 tỷ đồng. Điều này cho thấy những nỗ lực của OCB trong việc tích cực hỗ trợ các DNNVV trong bối cảnh thị trường trong nước và quốc tế có nhiều biến động, thách thức bằng những định hướng sản phẩm và giải pháp kinh doanh hiệu quả.

Cụ thể, trong năm 2024, OCB cung cấp nhiều sản phẩm tín dụng đa dạng dành cho doanh nghiệp, đặc biệt là các DNNVV hỗ trợ doanh nghiệp duy trì hoạt động, mở rộng quy mô sản xuất và PTBV. Cụ thể:

- Cải tiến sản phẩm tín dụng nhanh **Express Loan** dành cho khách hàng doanh nghiệp nhỏ;
- Cải tiến sản phẩm CTD 100% tài sản bảo đảm **Easy Loan** cho phân khúc khách hàng siêu nhỏ cần sự linh động trong việc thẩm định tình hình tài chính;
- Ban hành sản phẩm cho doanh nghiệp **Start-up**.

Bên cạnh đó, OCB còn cung cấp các gói ưu đãi lãi suất hỗ trợ doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xuất nhập khẩu, doanh nghiệp cần cơ cấu nguồn vốn với gói vay VND có nguồn tiền gửi USD.

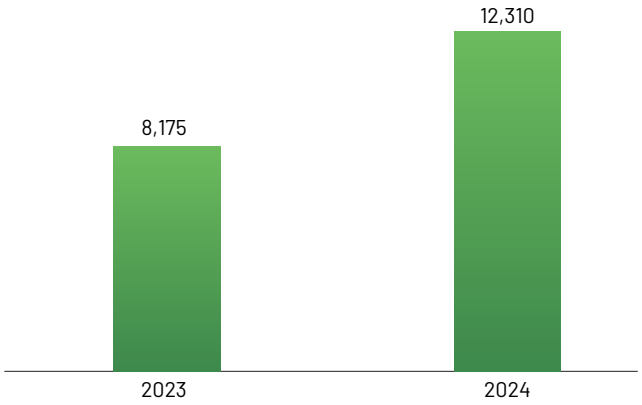

Tổng dư nợ DNNVV
(ĐVT: tỷ đồng)

Về thủ tục, lãi suất, chính sách ưu đãi, trong năm 2024, OCB đã có những cải thiện:

- Thủ tục vay đơn giản, hồ sơ yêu cầu khách hàng cung cấp được tinh giản so với các khoản vay thông thường, ngoài ra khách hàng có thể được đánh giá CTD dựa trên thực tế kinh doanh, xem xét CTD không tài sản bảo đảm với doanh nghiệp Start-up.
- Mức lãi suất cho vay đối với doanh nghiệp xuất nhập khẩu được vay ưu đãi thấp hơn 2-4%/năm so với các khách hàng doanh nghiệp thông thường.
- Đối với doanh nghiệp có nguồn tiền gửi USD có thể vay VND với mức lãi suất ưu đãi chỉ từ 2%/năm.

• Cho vay doanh nghiệp WSMEs

Nhận thức rõ vai trò của phái nữ trong sự phát triển kinh tế quốc gia, hội nhập kinh tế toàn cầu cùng những thách thức phải đối mặt, OCB trong những năm qua luôn dành sự quan tâm đặc biệt đến đối tượng khách hàng này thông qua việc thường xuyên triển khai các chương trình hỗ trợ vốn và ưu đãi, đồng thời mang đến nhiều giải pháp thanh toán đa dạng, hỗ trợ nhóm doanh nghiệp nữ chủ ứng dụng số hóa vào hoạt động quản trị kinh doanh hằng ngày. Trong năm 2024, OCB đã giải ngân hơn 3.000 tỷ đồng hỗ trợ WSMEs có cơ hội cải tiến hoạt động sản xuất.

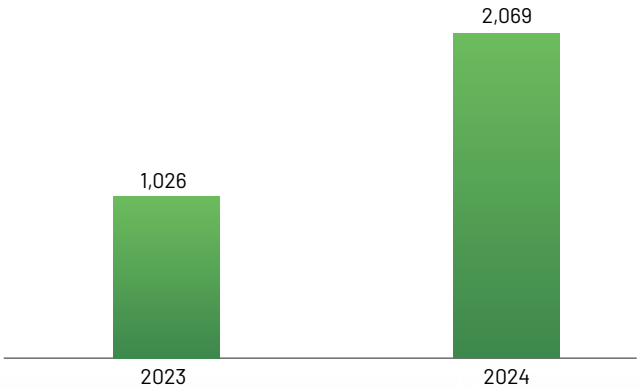

Tổng dư nợ WSMEs
(ĐVT: tỷ đồng)

2.1.6 Mở rộng điểm cung ứng dịch vụ tài chính ở vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa

Không chỉ dừng lại ở việc đẩy mạnh phát triển các kênh phân phối hiện đại dựa trên công nghệ số, OCB còn mở rộng mạng lưới để hỗ trợ nhiều người dân tiếp cận các sản phẩm và dịch vụ ngân hàng. Năm 2024, OCB có 1 Hội sở và 175 Chi nhánh/Phòng giao dịch trên toàn quốc, tăng 17 ĐVKD so với năm 2023. Trong đó, có 25 CN/PGD hoạt động tại Vùng nông thôn[1] chiếm khoảng 14,3% tổng đơn vị trên toàn quốc.

Bên cạnh đó, OCB đã triển khai mở rộng hệ thống máy ATM và máy POS đến các vùng nông thôn để phục vụ khách hàng toàn diện hơn.

[1] *Theo Thông tư 32/2024/TT-NHNN*

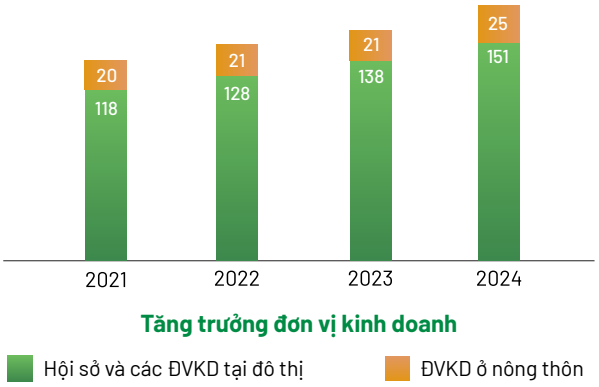

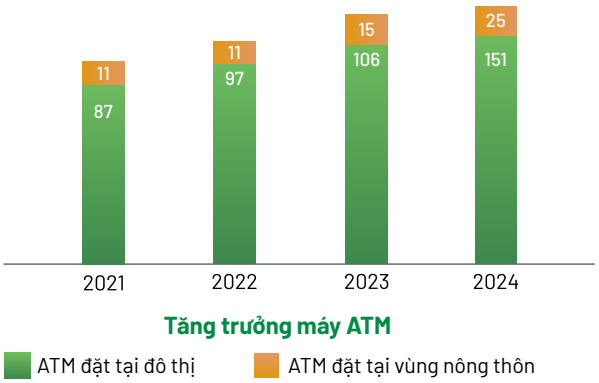

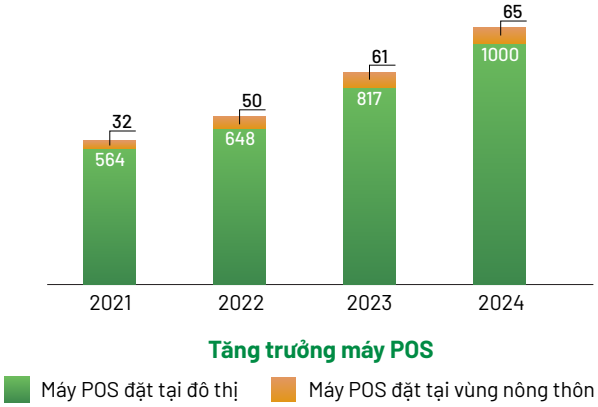

2.2 Tài chính xanh

A. THÀNH TỰU NỔI BẬT

Hơn 19.000 tỷ đồng
dư nợ tài chính xanh

11%
tỷ trọng dư nợ tín dụng xanh trên tổng dư nợ toàn hàng năm 2024

Hơn 1.900 tỷ đồng
giải ngân lĩnh vực nông nghiệp thông minh

Tăng trên 30%
quy mô dư nợ tín dụng xanh so với năm 2023

B. HÀNH ĐỘNG TRỌNG TÂM

2.2.1 Tổng quan tài chính xanh

Trong những năm vừa qua, OCB đã chú trọng và thực hiện cấp vốn vay cho các doanh nghiệp lớn, DNNVV có hoạt động kinh doanh bền vững và mục tiêu rõ ràng về bảo vệ môi trường. OCB cũng triển khai các khoản vay hướng đến nhóm khách hàng cá nhân có nhu cầu sử dụng vốn để mua tài sản thân thiện với môi trường và phát triển kinh tế nông thôn.

Trong năm 2024, tỷ trọng dư nợ tín dụng xanh trên tổng dư nợ toàn hàng đạt 11%. Trong đó, dư nợ các dự án NLTT chiếm tỷ trọng cao nhất hơn 56% tổng dư nợ tín dụng xanh tại OCB. Trong năm 2024, OCB vẫn tiếp tục phân bổ nguồn vốn vào các lĩnh vực tài chính xanh có thế mạnh từ trước đến nay như NLTT, công trình xanh, cung cấp nước sạch và xử lý nước thải, nông nghiệp thông minh. Bên cạnh đó, Ngân hàng cũng không ngừng mở rộng đối tượng khách hàng đa dạng lĩnh vực xanh nhằm thúc đẩy quá trình chuyển đổi xanh trên thị trường.

DANH MỤC TÍN DỤNG XANH THEO LĨNH VỰC

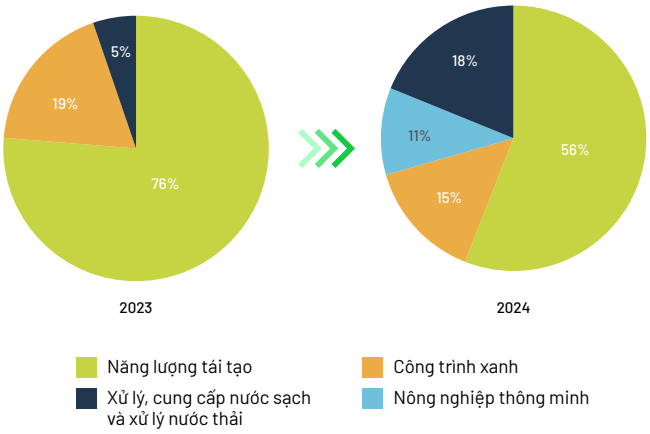

2.2.2 Tăng cường hợp tác với định chế tài chính

Sự đồng hành cùng OCB trong những năm vừa qua của các ngân hàng và tổ chức tài chính lớn như Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB), IFC, Định chế Tài chính Phát triển thuộc Ngân hàng Tái thiết KFW của Đức (DEG),... đã khẳng định sự tin tưởng của các tổ chức quốc tế đối với các chương trình tín dụng xanh và PTBV của OCB. Với sự đồng hành từ các định chế tài chính, OCB đã nhanh chóng đẩy mạnh cho vay các DNNVV thông qua hàng loạt các chính sách hỗ trợ để tiếp cận nguồn vốn với chi phí hợp lý, đặc biệt là nhóm WSMEs và nhóm doanh nghiệp kinh doanh theo định hướng "xanh hóa", hướng đến mục tiêu PTBV.

Trong năm 2024, OCB đã tiếp cận được nguồn vốn trị giá 150 triệu USD với thời hạn 5 năm từ IFC nhằm mục đích mở rộng kinh doanh tài chính bền vững, tài trợ các dự án giúp giảm thiểu tác động BĐKH và các dự án xã hội bền vững đủ điều kiện. Tính tới tháng 12/2024, OCB đã thực hiện giải ngân 75 triệu USD (tương đương 1.837 tỷ đồng).

Ngoài ra, OCB vẫn tích cực đồng hành cùng Chính phủ Việt Nam thông qua các Dự án Tài chính nông thôn II (RDFII) và Dự án Chuyển đổi nông nghiệp bền vững tại Việt Nam (VnSAT) được tài trợ bởi Ngân hàng Thế giới (World Bank) nhằm hỗ trợ cho vay các cá nhân, hộ gia đình cũng như doanh nghiệp sở hữu tư nhân liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn. Trong 2024, Ngân hàng vẫn duy trì được hạn mức tài trợ từ các quỹ dự án này là 320 tỷ đồng.

3 Tiêu chuẩn Môi trường GRI 300

3.1 Sử dụng năng lượng và tài nguyên hiệu quả

A. THÀNH TỰU NỔI BẬT

Giảm 2.054 m³

tổng lượng nước sử dụng năm 2024 so với 2023

Giảm hơn 10%

cường độ sử dụng nước mỗi nhân viên trong năm 2024 so với 2023

Gần 80% hộp mực

tại Hội sở có nguồn gốc tái sử dụng

B. HÀNH ĐỘNG TRỌNG TÂM

3.1.1 Tiêu thụ năng lượng

Quản lý sử dụng thiết bị điện hiệu quả, tiết kiệm

Thiết bị chiếu sáng

- OCB đã triển khai sử dụng đèn LED tiết kiệm năng lượng từ những năm 2020.
- Sử dụng công nghệ cảm biến chuyển động để tắt đèn tự động khi không có người sử dụng.
- Công nghệ cảm biến ánh sáng ban ngày để tự động điều chỉnh độ sáng của các thiết bị chiếu sáng dựa trên mức độ ánh sáng tự nhiên trong phòng.
- Poster hình ảnh truyền thông quảng cáo bên trong khu vực văn phòng được cài đặt mở - ngắt đèn chiếu sáng khi hết giờ làm việc.
- Bảng hiệu, bảng quảng cáo của OCB tại các chi nhánh, phòng giao dịch được cài đặt hẹn giờ mở - ngắt tối ưu hóa sử dụng điện năng.

Tổng năng lượng tiêu thụ *(Têrajun)* **và cường độ sử dụng năng lượng trên mỗi nhân viên** *(Gigajun/người)*

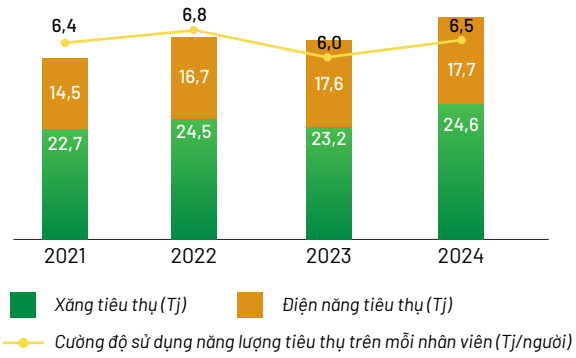

Các thiết bị khác

- Ưu tiên lựa chọn tiết kiệm điện năng, có thiết kế, kích cỡ, dung tích, công năng và công suất phù hợp khi mua mới các thiết bị như: máy nóng lạnh, máy điều hòa, tủ lạnh, tivi,...
- Thực hiện kiểm tra, vệ sinh và bảo dưỡng thiết bị định kỳ, tiến hành thay mới kịp thời các thiết bị điện đã sử dụng lâu năm bằng các thiết bị mới tiết kiệm điện năng hơn.

Tiết kiệm năng lượng tòa nhà

- Chú trọng đến công tác cách nhiệt cho tường, mái và sàn nhà để điều chỉnh nhiệt độ tự nhiên, tránh thất thoát nhiệt.
- Thiết kế, xây dựng luôn lựa chọn hệ thống thông gió và điều hòa không khí hiệu suất cao giúp giảm chi phí và năng lượng tiêu thụ.
- Ưu tiên lắp đặt cửa sổ hiệu suất cao với kính phủ mềm (low-e) phát tán nhiệt lượng, giảm thiểu tia cực tím góp phần sử dụng hiệu quả năng lượng.
- Lắp kính phản quang bao quanh mặt tiền tại Hội sở và khoảng 80% chi nhánh, phòng giao dịch để cách nhiệt.
- Định hướng từ 2025 sẽ nghiên cứu áp dụng điện mặt trời áp mái vào các tòa nhà thuộc sở hữu OCB.

Quản lý phương tiện vận chuyển

- Ưu tiên chọn mua các phương tiện di chuyển mới từ các dòng xe tiết kiệm xăng như các dòng xe điện, xe kết hợp động cơ chạy xăng và chạy điện (hybrid), v.v. cho các xe công vụ, chuyên chở nhân viên, đồng thời đáp ứng được các yêu cầu quy định tiêu chuẩn kỹ thuật đối với xe chở tiền theo quy định của NHNN, nhằm giảm thiểu năng lượng tiêu thụ và bảo đảm an toàn, an ninh.
- Lựa chọn và xây dựng lộ trình đường đi ngắn nhất và cố định đối với xe chở tiền để đảm bảo an toàn cũng như tiết kiệm năng lượng.

3.1.2 Tiêu thụ nước

Bên cạnh sử dụng năng lượng hiệu quả, việc sử dụng tiết kiệm nước cũng là các yêu cầu hàng đầu cho việc kiểm soát vận hành. OCB đã chủ động triển khai các giải pháp sau:

Sử dụng thiết bị tiết kiệm nước

- Lắp đặt thiết bị tiết kiệm nước như vòi hoa sen, bồn vệ sinh có lưu lượng thấp,... để giảm lượng nước tiêu thụ và chi phí năng lượng.
- Tại văn phòng Hội sở và các địa điểm chi nhánh, phòng giao dịch thiết bị cảm biến tự động hoặc vòi tự ngắt khi đạt lượng nước mỗi lần chảy ra nhất định, không chảy xuyên suốt trong lúc sử dụng, tránh rò rỉ nước từ vòi.

Định kỳ kiểm tra phát hiện và khắc phục kịp thời sự cố rò rỉ nước

- Định kỳ rà soát lượng nước sử dụng để nhận diện những biến động bất thường, xây dựng kế hoạch kiểm tra các cơ sở để phát hiện những sự cố hư hỏng, rò rỉ,... và tiếp nhận phản hồi, yêu cầu sửa chữa từ các đơn vị. Kịp thời khắc phục, sửa chữa trong thời gian sớm nhất nhằm hạn chế thất thoát gây lãng phí nước.
- Trong thời gian tới, OCB sẽ nhân rộng các biện pháp tiết kiệm nước trên cấp toàn hàng, xây dựng bổ sung đội ngũ nhằm mở rộng phạm vi kiểm tra định kì và kịp thời khắc phục các sự cố hạn chế lãng phí nguồn nước.

Tuyên truyền nâng cao nhận thức sử dụng tiết kiệm năng lượng và tài nguyên cho CBNV: OCB luôn khuyến khích và thực hiện nhiều biện pháp nâng cao ý thức tiết tiết kiệm tài nguyên.

Tổng lượng nước tiêu thụ *(m^3)* **và cường độ sử dụng sử sụng nước trên mỗi nhân viên** *(m^3/ người)*

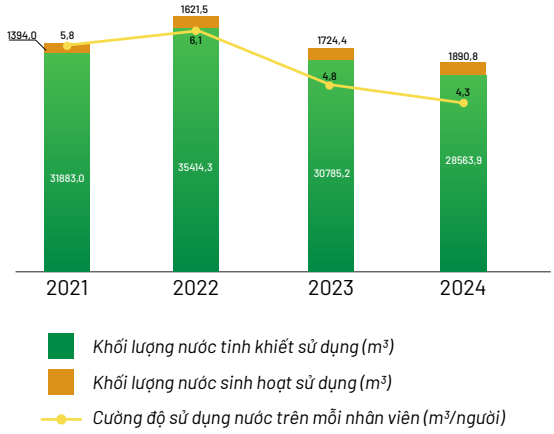

▼ 2.054 m³
Tổng lượng nước sử dụng năm 2024 so với 2023

▼ hơn 10%
Cường độ sử dụng trên từng nhân viên năm 2024 so với 2023

3.1.3 Tiêu thụ tài nguyên giấy, mực in

Giấy và mực in là vật liệu được sử dụng chính tại OCB, phục vụ cho các hoạt động kinh doanh bao gồm việc in ấn các tài liệu, văn bản, chứng từ,... Do đó, sử dụng hiệu quả tài nguyên giấy và mực in luôn là yêu cầu hàng đầu tại OCB. Để thực hiện yêu cầu này, từ năm 2021 OCB đã triển khai đồng loạt các giải pháp như sau:

Tự động hóa các quy trình nghiệp vụ, số hóa các biểu mẫu, tài liệu, chứng từ

- Thực hiện phê duyệt hồ sơ bằng phần mềm đã giúp OCB giảm thiểu phần lớn lượng giấy và mực in sử dụng để in bản cứng khi trình phê duyệt, góp phần tiết kiệm tài nguyên sản xuất giấy và không gian lưu trữ, phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường.

Sử dụng tiết kiệm giấy

- Truyền thông nhắc nhở và nâng cao ý thức CBNV trong việc sử dụng tiết kiệm giấy.

Sử dụng tiết kiệm giấy in/photo

- Khuyến khích CBNV tận dụng giấy in/photo 02 mặt đối với bản soạn thảo, hồ sơ phục vụ hội họp nội bộ, các nội dung in ấn không quan trọng hoặc không phải hồ sơ trình duyệt đặc thù lên cấp lãnh đạo hoặc hồ sơ in bản cứng cần lưu trữ theo quy định.

Tổng lượng giấy tiêu thụ (tấn) **và cường độ sử dụng giấy trên nhân viên** (kg/người)

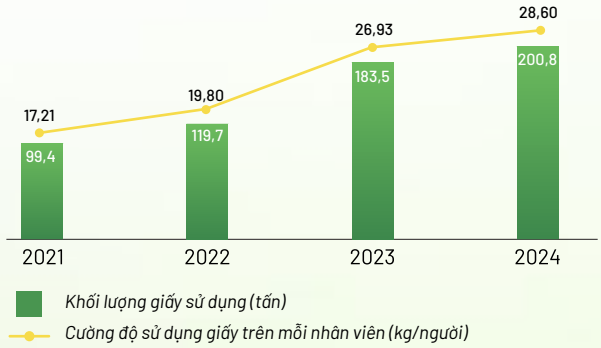

Tổng lượng mực sử dụng (hộp) **và cường độ sử dụng mực trên nhân viên** (hộp/người)

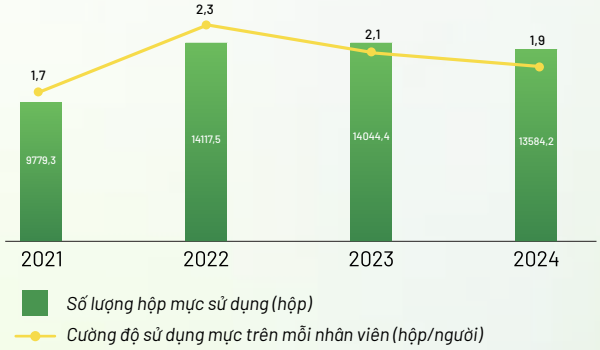

Gần 80% hộp mực tại Hội sở có nguồn gốc tái sử dụng

3.2 Quản lý tác động môi trường

A. THÀNH TỰU NỔI BẬT

Không phát sinh
các vi phạm liên quan đến môi trường

Hoàn thành
xây dựng hệ thống xử lý nước thải tại Chi nhánh Tân Bình

Hơn 20.000 chai nhựa
được giảm phát thải tại Hội Sở

Hơn 1.000 cây xanh
được CBNV OCB đóng góp từ chương trình Dọn nhà góp cây

B. HÀNH ĐỘNG TRỌNG TÂM

3.2.1 Tuân thủ pháp luật môi trường

Thực hành tuân thủ các quy định của pháp luật và yêu cầu của các bên liên quan luôn là ưu tiên trong vận hành của Ngân hàng. Theo đó, OCB đã và đang từng bước duy trì thực hiện các yêu cầu về hồ sơ môi trường cho các địa điểm kinh doanh thuộc đối tượng quy định. Đồng thời, Ngân hàng đã thiết lập chính sách yêu cầu đối tác cung ứng có trách nhiệm tuân thủ đầy đủ các yêu cầu của pháp luật hiện hành và theo dõi đảm bảo các đối tác tuân thủ các yêu cầu này. Đặc biệt từ năm 2024, các nhà cung cấp tại OCB được đánh giá các tiêu chí về MT&XH từ giai đoạn chào thầu các dự án.

Đối với các đối tác cho thuê tòa nhà, văn phòng, OCB định hướng thực hiện kiểm tra nghiêm ngặt để đảm bảo các đối tác cung cấp đầy đủ hồ sơ, giấy phép đáp ứng việc tuân thủ bảo vệ môi trường đối với các trường hợp cần thiết như:

- Giấy phép môi trường còn thời hạn;
- Hợp đồng thu gom và xử lý chất thải với đơn vị có chức năng,...

Hằng năm, để nhận diện các sự việc không tuân thủ chính sách về bảo vệ môi trường và đề ra biện pháp xử lý kịp thời, trong hoạt động vận hành, OCB đã áp dụng các kế hoạch triển khai kiểm tra định kỳ các ĐVKD nhằm rà soát tình hình bảo vệ môi trường, giữ gìn vệ sinh, tài sản, cơ sở vật chất cũng như đảm bảo các yêu cầu về hình ảnh của OCB,... Đến nay, OCB không phát sinh bất cứ vụ việc vi phạm luật bảo vệ môi trường.

3.2.2 Khí nhà kính

Giảm phát thải khí nhà kính (KNK) trong hoạt động vận hành và hoạt động CTD là định hướng chung của OCB. Để quản lý hiệu quả lượng KNK phát thải, OCB đã thực hiện kiểm đếm xác định nguồn thải và đo lường lượng phát thải KNK đối với phạm vi 1,2,3 theo hướng dẫn của tiêu chuẩn quốc tế Giao thức báo cáo KNK (Greenhouse Gas Protocol) được phát triển bởi Viện Tài nguyên Thế giới (WRI) và Hội đồng Doanh nghiệp vì sự Phát triển Bền vững Thế giới (WBCSD) và ISO 14064. Các nguồn phát thải chính theo 3 phạm vi trên được Ngân hàng báo cáo trong Báo cáo này bao gồm:

Phạm vi 1 Phát thải trực tiếp từ các nguồn do OCB sở hữu	Phạm vi 2 Phát thải gián tiếp từ năng lượng	Phạm vi 3 Phát thải gián tiếp từ chuỗi cung ứng, vận tải, và hoạt động của đối tác
• Tiêu thụ xăng dùng cho các xe công vụ và xe chuyên dụng của OCB • Phạm vi thu thập số liệu: Toàn hàng	• Tiêu thụ điện năng mua từ Tập đoàn điện lực Việt Nam (EVN) • Phạm vi thu thập số liệu: Toàn hàng	• Tiêu thụ giấy in • Di chuyển công tác bằng máy bay • Phạm vi thu thập số liệu: Hội sở

Tổng phát thải KNK (tấn CO_2tđ) **và tỷ lệ thâm dụng phát thải KNK trên mỗi nhân viên** (kg CO_2tđ/người)

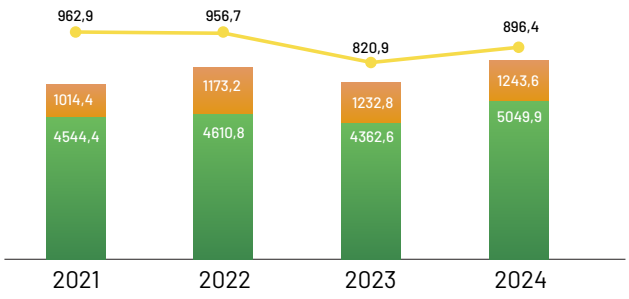

Tổng phát thải khí nhà kính phạm vi 1 (xăng)

Tổng phát thải khí nhà kính phạm vi 2 (điện)

Tỷ lệ thâm dụng phát thải khí nhà kính trên mỗi nhân viên (kg CO_2tđ/người)

Ghi chú: *Số liệu được thống kê cho toàn hàng, được ước tính dựa trên tổng năng lượng tiêu thụ và quy đổi theo hệ số phát thải của Quyết định số 2626/QĐ-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường đối với xăng và hệ số phát thải của lưới điện Việt Nam trong Công văn của Cục BĐKH, Bộ Tài nguyên và Môi trường đối với điện.*

Nguồn phát thải KNK trong hoạt động vận hành nội bộ của OCB chủ yếu đến từ 2 nguồn chính là sử dụng xăng cho hoạt động của các phương tiện vận tải giao thông và phát thải gián tiếp qua sử dụng điện. Trước thực tế đó, để giảm phát thải, OCB triển khai các hành động:

- Lựa chọn phương tiện vận chuyển đạt tiêu chuẩn phát thải EURO 4 và EURO 5.
- Khuyến khích CBNV sử dụng các phương tiện giao thông khác như đi bộ, đi xe đạp, xe điện, phương tiện giao thông công cộng.
- Thực hiện tắt các thiết bị điện khi không sử dụng, sau mỗi cuộc họp cần tắt điện trước khi ra khỏi phòng, ưu tiên tận dụng nguồn ánh sáng tự nhiên.
- Để quản lý tác động khí thải, vận hành hệ thống xử lý khí thải tòa tại nhà Hội sở, đảm bảo khí thải luôn được xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp trước khi xả ra môi trường xung quanh.
- Phối hợp với tòa nhà thực hiện bảo trì bảo dưỡng đúng quy định, thực hiện lấy mẫu kiểm tra định kỳ, triển khai các hành động khắc phục kịp thời khi có vấn đề phát sinh.

3.2.4. Chất thải rắn

Phân loại và xử lý chất thải

- Hiện nay, OCB đã triển khai hướng dẫn phân loại chất thải đối với các chi nhánh, phòng giao dịch và cơ sở hoạt động thuê ngoài. Chúng tôi yêu cầu đơn vị cho thuê chịu trách nhiệm trong việc xử lý chất thải theo quy định của pháp luật. Đối với rác thải nguy hại là mực in, 100% được thu gom xử lý bởi các đơn vị cung cấp cho thuê hộp mực. Năm 2024, Hội sở OCB đã sử dụng các hộp mực tái sử dụng (tỷ lệ hộp mực tái sử dụng đạt gần 80%) nhằm gia tăng vòng đời hộp mực, giảm tác động phát sinh chất thải nhựa, chất thải nguy hại ra môi trường.
- OCB đã triển khai hướng dẫn phân loại và xử lý chất thải đến toàn bộ CBNV. Tại Hội sở, công tác phân loại chất thải được OCB và Ban quản lý tòa nhà phối hợp thực hiện. Theo như Báo cáo quan trắc môi trường năm 2024, lượng chất thải sinh hoạt và nguy hại được ước tính như sau:

18.094 kg	7.917 kg	3 kg
Chất thải sinh hoạt	Chất thải tái chế	Chất thải nguy hại (bóng đèn, pin thải)

Hạn chế rác thải nhựa

- Nhằm giảm rác thải nhựa trong hoạt động của Ngân hàng, trong năm 2024 OCB đã thông qua tờ trình triển khai các hành động trong việc giảm rác thải nhựa tại OCB trong đó việc chuyển đổi không dùng chai suối nhựa tại các cuộc họp thay vào đó là dùng bộ bình và ly thủy tinh được CBNV ủng hộ. Hiện nay, sáng kiến chương trình này đã được triển khai toàn hàng đồng nghĩa với việc tại các ĐVKD sẽ chỉ dùng bình, ly thủy tinh cho các cuộc họp, gặp mặt đối tác. Điều này thể hiện sự đồng lòng và quyết tâm cao của toàn thể CBNV trong Chiến lược chuyển đổi xanh của ngân hàng. Theo kết quả theo dõi và tính toán, việc áp dụng sáng kiến từ tháng 5/2024-12/2024 đã giúp Hội Sở giảm phát thải hơn 20.000 chai nhựa tương ứng với 75 kg nhựa.
- Mặt khác, OCB còn có kế hoạch truyền thông khuyến khích CBNV hạn chế dùng đồ dùng ăn uống bằng nhựa dùng 1 lần, sử dụng các sản phẩm quà tặng mang ý nghĩa tiêu dùng "bền vững" như cốc sứ, bình giữ nhiệt, túi vải sử dụng nhiều lần, những chương trình ghi nhận khách hàng bằng phần thưởng, quà tặng có giá trị bền vững.

3.3 Quản lý tác động môi trường trong chuỗi cung ứng bền vững

A. THÀNH TỰU NỔI BẬT

100%
khoản CTD

cho khách hàng doanh nghiệp, tài trợ dự án đầu tư được thực hiện sàng lọc, đánh giá và QLRR theo Quy định QLRR MT&XH trong hoạt động CTD

100%
Nhà cung cấp

thuộc diện yêu cầu được đánh giá theo tiêu chí môi trường và xã hội

B. HÀNH ĐỘNG TRỌNG TÂM

3.3.1 Quản lý tác động môi trường nhà cung cấp

OCB cam kết quản lý bền vững dấu chân môi trường không chỉ trong hoạt động vận hành nội bộ của ngân hàng mà còn hạn chế các tác động trong toàn bộ chuỗi cung ứng. Vì vậy, OCB đã định hướng lồng ghép đánh giá các nhà cung cấp theo bộ tiêu chí MT&XH vào quá trình mua sắm cung ứng. Cụ thể, bộ tiêu chí này được ban hành theo Quyết định số 680.01/2024/QĐ-TGĐ ngày 29/10/2024 về Quy định mua sắm. Quy định được đưa ra nhằm đảm bảo rằng các nhà cung cấp thường xuyên của OCB đáp ứng yêu cầu cả về chất lượng, giá cả và tuân thủ các tiêu chuẩn về môi trường.

Từ khi ban hành Bộ tiêu chí ESG, 100% nhà cung cấp khi tham gia chào thầu đều được đánh giá dựa trên bộ tiêu chí MT&XH.

3.3.2 Quản lý tác động môi trường trong hoạt động cấp tín dụng

OCB tin rằng để quản lý tốt các tác động môi trường, ngân hàng cần phải thực hiện song song quản lý tác động trong hoạt động vận hành, chuỗi cung ứng và cả QLRR MT&XH trong hoạt động CTD. Vì vậy, OCB thường xuyên cập nhật bổ sung hoàn thiện các quy định liên quan QLRR MT&XH. Cụ thể, trong năm 2024 OCB đã hoàn thành nâng cấp và chính thức ban hành Quy định mới về QLRR MT&XH trong hoạt động CTD. Đây là một bước tiến quan trọng trong hành trình của OCB hiện thực hóa mục tiêu trở thành Ngân hàng Xanh tiên phong tại Việt Nam, đem lại giá trị cho cổ đông, đối tác và khách hàng, hướng đến một tương lai xanh cho cộng đồng và đóng góp vào sự PTBV của xã hội.

Quy định mới được nâng cấp dựa trên nguyên tắc tuân thủ Bộ Tiêu chuẩn Hoạt động MT&XH của IFC (IFC PS) và cập nhật, bổ sung đầy đủ quy định pháp luật Việt Nam như:

- Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14
- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường
- Thông tư số 17/2022/TT-NHNN hướng dẫn thực hiện QLRR về môi trường trong hoạt động CTD của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài

Trong năm, tất cả các khoản vay khách hàng doanh nghiệp, đầu tư dự án đều được sàng lọc theo danh mục loại trừ và đánh giá thẩm định dựa trên những hướng dẫn thực hành của Quy định mới về QLRR MT&XH. Chính điều này góp phần vào hạn chế những tác động tiêu cực đến môi trường phát sinh trong quá trình khách hàng thực hiện các hoạt động đầu tư, triển khai dự án sử dụng vốn tín dụng của OCB.

TIÊU CHUẨN XÃ HỘI GRI 400

1 ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

1.1 THÀNH TỰU NỔI BẬT

Giải thưởng
EMPLOYER CHOICE 2024
Do Careerviet tổ chức

TOP 07
NHÀ TUYỂN DỤNG ĐƯỢC YÊU THÍCH NHẤT
Ngành tài chính ngân hàng

TOP 38
NHÀ TUYỂN DỤNG ĐƯỢC YÊU THÍCH NHẤT
Khối doanh nghiệp lớn

Hơn
27.000 LƯỢT ỨNG VIÊN
tham gia ứng tuyển
và phỏng vấn trong năm 2024
▲ **23%** so với năm 2023

Tổ chức
525 KHÓA ĐÀO TẠO
▲ **26%** so với năm 2023

100% CBNV
được đào tạo, nâng cao năng lực

255.062 GIỜ
Tổng số giờ đào tạo trong năm

37 GIỜ
Bình quân số giờ đào tạo trên mỗi CBNV
▲ **>30%** so với năm 2023

1.2 HÀNH ĐỘNG TRỌNG TÂM

Tuyển dụng công khai và minh bạch

Hoạt động tuyển dụng của OCB được xây dựng dựa trên nguyên tắc tuyển dụng công khai và minh bạch trên toàn hệ thống. Quy định tuyển dụng nêu rõ các tiêu chuẩn tuyển dụng, vai trò, trách nhiệm của các bên tham gia trong quá trình tuyển dụng và được thực hiện một cách chuyên nghiệp với các bước như đánh giá, sàng lọc, thi tuyển và phỏng vấn. Mỗi ứng viên sẽ được kiểm tra toàn diện từ năng lực, trình độ chuyên môn đến phẩm chất đạo đức, nhằm đảm bảo ứng viên không chỉ có khả năng đáp ứng yêu cầu công việc mà còn phù hợp với văn hóa doanh nghiệp của OCB.

OCB cũng hướng tới việc thu hút và sẵn sàng đào tạo nguồn nhân lực trẻ, mới ra trường. OCB đã triển khai chương trình OCB Fresh Banker, Office Tour cùng với các buổi Job Fair gặp gỡ sinh viên và trao học bổng tại các trường đại học,... nhằm thu hút những ứng viên trẻ, đam mê và có tiềm năng. Thông qua các chương trình này, OCB cũng hi vọng thu hút và tạo điều kiện tốt nhất cho sinh viên và tài năng trẻ tiếp cận và phát triển sự nghiệp trong lĩnh vực ngân hàng.

Hơn hết, các cơ hội tuyển dụng luôn hướng tới ưu tiên nhân sự tiềm năng nội bộ thông qua việc tự ứng cử, đề cử. CBNV nội bộ có thể tiếp cận thông tin tuyển dụng nội bộ một cách dễ dàng trên trang tuyển dụng nội bộ của Ngân hàng. Bên cạnh đó, OCB cũng cởi mở trong việc tuyển dụng nhân sự đã từng làm OCB. Chính sách này không chỉ giúp Ngân hàng tận dụng ưu thế của những CBNV đã có kinh nghiệm và hiểu rõ hệ thống cũng như giá trị cốt lõi của OCB mà còn khuyến khích sự phát triển của CBNV hiện tại.

Đào tạo và phát triển toàn diện

Hướng đến mục tiêu phát triển toàn diện cho CBNV, OCB đẩy mạnh xây dựng lộ trình học tập cho mỗi CBNV dựa theo lộ trình chức danh. Lộ trình học tập này được thiết lập và cập nhật định kỳ hàng năm hoặc khi có nhu cầu mới bởi các phòng ban nghiệp vụ chuyên môn, quản lý ngành dọc và ban đào tạo. Nội dung đào tạo được thiết kế giúp CBNV trang bị kiến thức và kỹ năng để đáp ứng yêu cầu công việc, đồng thời thích ứng với những thay đổi và xu hướng mới trong ngành.

Nội dung chương trình đào tạo đa dạng tập trung vào các nghiệp vụ chuyên môn cho CBNV bao gồm Sản phẩm, OMNI, Quản lý vận hành, Kiến thức pháp lý, Chính sách và quy trình cấp tín dụng, Nghiệp vụ, Dịch vụ Ngân hàng, Kiểm soát tuân thủ, Thẩm định, Tài chính xanh, các khóa học ESG và các chương trình nâng cao năng lực về tài chính ngân hàng khác.

Bên cạnh đó, việc trang bị kiến thức về kỹ năng mềm và năng lực lãnh đạo cho đội ngũ Cán bộ quản lý cũng được OCB chú trọng triển khai. Các nội dung đào tạo có thể kể đến như Nền tảng (tổng quan về văn hóa, con người), Nghiệp vụ, Quy trình - quy định, Sản phẩm (theo Khối/theo nhóm chức danh), Pháp lý - Tuân thủ, Kỹ năng, Leadership, Vận hành và các khóa học ESG.

Trong năm 2024, OCB đã tổ chức 525 khóa đào tạo, tăng 26% so với năm 2023, bao gồm 140 khóa đào tạo trực tiếp và 385 khóa E-learning được triển khai cho toàn bộ CBNV OCB. Số lượt CBNV tham gia đào tạo cũng tăng lên 89.397 lượt với tổng số lượt tham gia năm 2024 là 114.300 lượt so với năm 2023 là 24.903 lượt đào tạo. Trong đó thời lượng đào tạo cho CBNV chiếm đa số, với 93% tổng số giờ, còn lại 7% là thời gian đào tạo cho cấp quản lý. Số giờ đào tạo trung bình cho từng CBNV là 37 giờ/người.

Tổng quan về số lượng chương trình và số lượt đào tạo CBNV

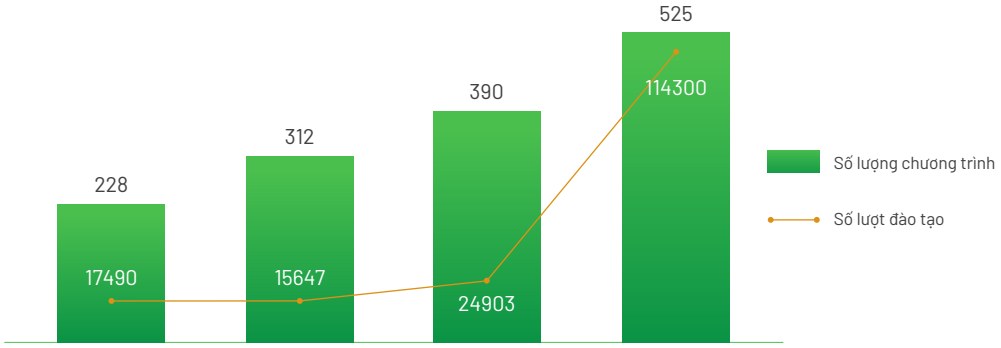

Tổng ngân sách đào tạo trong năm 2024 đạt **2.600 TRIỆU ĐỒNG**

Đánh giá hiệu quả làm việc công bằng và minh bạch

OCB đã thiết lập một hệ thống đánh giá KPI công bằng và minh bạch về hiệu quả làm việc cũng như học tập, sử dụng các tiêu chí rõ ràng để đánh giá và phát triển năng lực CBNV. Định kỳ nửa năm, CBNV sẽ được đánh giá và đối thoại hai chiều với cấp trên để nhận ra các điểm mạnh và những lĩnh vực cần cải thiện, từ đó điều chỉnh kế hoạch phát triển cá nhân phù hợp với thực tế và nhu cầu của Ngân hàng.

Ngoài ra, OCB còn thực hiện đánh giá năng lực hành vi của CBNV trong toàn bộ hoạt động nhân sự từ tuyển dụng, thăng tiến, bổ nhiệm, thuyên chuyển nội bộ đến tái ký hợp đồng lao động và đặc biệt trong đánh giá tiềm năng để phát triển đội ngũ kế thừa. Nội dung đánh giá xoay quanh 5 giá trị cốt lõi của OCB bao gồm: Lấy khách hàng làm trọng tâm, Trách nhiệm, Nỗ lực, Sáng tạo, Hợp tác cùng phát triển. Mỗi giá trị được OCB chia thành 05 cấp độ với các định nghĩa chi tiết dưới nhiều hình thức khác nhau như bài kiểm tra hoặc trắc nghiệm online, kiểm tra thực hành thực tế theo tình huống, phỏng vấn trực tiếp và quan sát hành vi để đảm bảo tính chính xác và minh bạch trong khâu đánh giá.

100% CBNV (đủ điều kiện theo quy định) đã được đánh giá định kỳ hiệu quả công việc và phát triển nghề nghiệp trong năm 2024

2 KIẾN TẠO MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC HẠNH PHÚC VÀ HIỆU QUẢ

2.1 THÀNH TỰU NỔI BẬT

KHÔNG GHI NHẬN
bất kỳ đơn, thư khiếu nại, tố cáo từ người lao động và cơ quan pháp luật về vi phạm quyền con người

55% CBNV
là nữ giới

100% NHÂN SỰ
đủ điều kiện theo quy định được hưởng chế độ thai sản

27,7 TRIỆU ĐỒNG
Thu nhập trung bình CBNV OCB
▲ **9%** so với năm 2023

4,02 ĐIỂM
mức độ gắn kết CBNV với tổng thể nằm trong tứ phân vị thứ 1 so với các ngân hàng ĐNA

TĂNG GẦN 25% NGÂN SÁCH
khám sức khỏe và mua bảo hiểm sức khỏe cho CBNV

ĐƠN VỊ TIÊU BIỂU TRONG PHONG TRÀO "GIỎI VIỆC NƯỚC, ĐẢM VIỆC NHÀ" NĂM 2024
do Hội Liên Hiệp Phụ nữ Quận 1 và Liên đoàn lao động Quận 1 trao tặng

DOANH NGHIỆP ĐẢM BẢO AN TOÀN VỀ AN NINH, TRẬT TỰ NĂM 2023
do UBND TP.HCM công nhận

2.2 HÀNH ĐỘNG TRỌNG TÂM

Đa dạng các chính sách phúc lợi, đãi ngộ

Trong năm 2024, OCB tiếp tục thực hiện các chính sách phúc lợi toàn diện và công bằng, tập trung vào việc chăm sóc sức khỏe, phát triển nghề nghiệp, nâng cao đời sống tinh thần cho CBNV và duy trì môi trường làm việc công bằng, minh bạch.

OCB luôn duy trì một **chính sách tiền lương và tiền thưởng minh bạch, rõ ràng và công bằng**, gắn liền với hiệu quả làm việc của CBNV. Mức lương và thưởng được đánh giá và điều chỉnh dựa trên năng suất công việc, đóng góp và kết quả của từng CBNV. Chính sách này không chỉ giúp khuyến khích CBNV cống hiến mà còn thúc đẩy sự PTBV của tổ chức.

Ngân hàng thường xuyên thực hiện **đánh giá, so sánh mức chi trả** với thị trường để thực hiện **điều chỉnh lương, thưởng và phúc lợi** kịp thời nhằm ghi nhận và khuyến khích sự cống hiến của CBNV. Điều này đảm bảo rằng CBNV nhận được sự tưởng thưởng cạnh tranh so với thị trường, công bằng cho những đóng góp và kết quả làm việc xuất sắc, đồng thời giữ chân nhân tài và tạo động lực phát triển.

OCB đã triển khai nhiều chính sách phúc lợi thiết thực trong năm 2024:

- **Chính sách cho vay ưu đãi CBNV**: OCB cung cấp các gói vay ưu đãi cho CBNV để hỗ trợ tài chính trong các tình huống cần thiết, từ đó giúp CBNV ổn định cuộc sống và có thể an tâm công tác.
- **Chính sách thâm niên:** OCB đã triển khai thực hiện chính sách thâm niên nhằm ghi nhận và tưởng thưởng cho sự gắn bó lâu dài của CBNV, khuyến khích CBNV tiếp tục cống hiến cho sự phát triển của ngân hàng.
- **Chính sách ngày nghỉ phép tăng thêm:** CBNV được hưởng thêm các ngày nghỉ phép ngoài những ngày nghỉ theo quy định của pháp luật, tạo điều kiện cho CBNV tái tạo năng lượng và cải thiện chất lượng cuộc sống.
- **Chính sách bảo hiểm sức khỏe mở rộng:** OCB mở rộng và nâng cao các quyền lợi bảo hiểm sức khỏe, giúp CBNV an tâm về mặt sức khỏe và chăm sóc y tế.
- **Chính sách khám sức khỏe định kỳ:** OCB tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ CBNV để bảo vệ sức khỏe và phát hiện sớm các vấn đề y tế.
- **Chính sách nghỉ mát:** Ngân hàng tổ chức các kỳ nghỉ mát cho CBNV, giúp CBNV thư giãn và kết nối với nhau trong một môi trường làm việc vui vẻ và lành mạnh.

Số lượng CBNV
được hỗ trợ khám sức khoẻ định kỳ

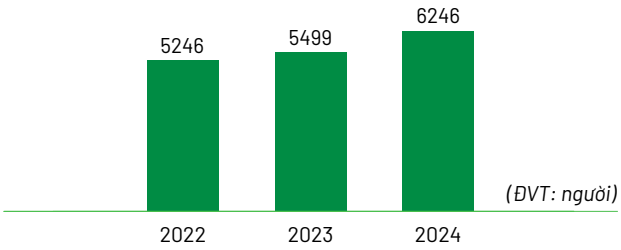

Số lượng CBNV
được hỗ trợ bảo hiểm sức khoẻ

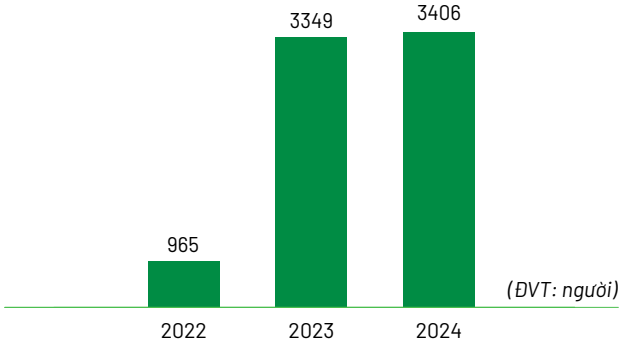

OCB đặc biệt chú trọng đến các hoạt động ghi nhận và khen thưởng kịp thời những đóng góp của CBNV:

- **Chương trình OCB Star of the Quarter và OCB Star of the Year**: đây là các chương trình ghi nhận kịp thời đối với những CBNV xuất sắc, khuyến khích CBNV duy trì hiệu suất công việc cao và đóng góp tích cực vào sự phát triển của ngân hàng.
- **Các hoạt động gắn kết CBNV:** OCB tổ chức các sự kiện gắn kết CBNV như **Appreciation Month** và các hoạt động đón Giáng sinh nhằm tạo môi trường làm việc thân thiện và giúp CBNV cảm thấy được trân trọng.
- **Hoạt động ghi nhận thâm niên:** OCB tổ chức các hoạt động ghi nhận thâm niên tròn năm của CBNV, thể hiện sự tri ân và đánh giá cao những đóng góp lâu dài của họ cho sự phát triển của ngân hàng. Đồng thời, năm 2024, OCB gửi đề xuất và nhận được phê duyệt về việc Thống đốc NHNN trao tặng kỷ niệm chương **"Vì sự nghiệp ngân hàng Việt Nam"** với sự cống hiến trong ngành ngân hàng Việt Nam cho 53 CBNV thỏa điều kiện công tác trên 15 năm đối với nữ và 20 năm đối với nam.

OCB luôn chú trọng đến **công tác xây dựng và phát triển nhân sự tiềm năng**:

- **Chương trình quy hoạch nhân sự tiềm năng**: OCB triển khai các chương trình quy hoạch nhân sự tiềm năng, như **Giám đốc Trung tâm Chuyên doanh Tiềm năng, Giám đốc Quan hệ Khách hàng/Tín dụng Tiềm năng và Kiểm soát viên Tiềm năng**, nhằm phát hiện và đào tạo nhân sự có khả năng lãnh đạo trong tương lai.
- **Đánh giá nhân sự tiềm năng định kỳ**: OCB thực hiện các chương trình đánh giá nhân sự tiềm năng định kỳ để tìm kiếm và phát triển các CBNV có khả năng lãnh đạo, đóng góp cho sự phát triển lâu dài của ngân hàng.

OCB luôn chú trọng đến công tác chăm lo cho CBNV, đặc biệt là **CBNV nữ**:

- **Các hoạt động nhân dịp ngày lễ:** OCB tổ chức các hoạt động đặc biệt vào Ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3 và Ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10, để thể hiện sự trân trọng và ghi nhận đóng góp của CBNV nữ.
- **Bên cạnh đó, OCB thường xuyên tổ chức hàng loạt các chương trình, hoạt động chăm lo cho con em của CBNV như:** trao học bổng khuyến học, tặng quà ngày Quốc tế Thiếu nhi (1/6), thể hiện sự quan tâm và chia sẻ với các gia đình CBNV.
- **Quà Tết cho CBNV:** Vào dịp Tết Nguyên đán, ngân hàng tổ chức chương trình tặng quà Tết cho CBNV, thực hiện hỗ trợ chi phí tàu xe cho các CBNV có hoàn cảnh khó khăn về quê ăn Tết... giúp họ có một cái Tết đầy đủ và ấm áp.

Năm 2024, OCB tiếp tục duy trì và phát triển các chính sách phúc lợi toàn diện, không chỉ giúp CBNV cải thiện chất lượng cuộc sống mà còn thúc đẩy sự phát triển nghề nghiệp và gắn bó lâu dài với Ngân hàng. Các chương trình phúc lợi của OCB phản ánh cam kết mạnh mẽ đối với CBNV, tạo môi trường làm việc công bằng, minh bạch và gắn kết, từ đó đóng góp vào sự thành công chung của Ngân hàng. OCB cam kết tiếp tục phát huy những chính sách này để duy trì sự PTBV và tạo dựng một đội ngũ CBNV xuất sắc, giàu tiềm năng, gắn kết và hạnh phúc.

Số liệu nhân sự (tính đến 31/12/2024)

Phân loại	Cấp quản lý (*)	Cấp nhân viên	Tổng
Tổng nhân viên	1182	5839	**7021**
Tỷ lệ nhân viên phân loại theo giới tính			
Nam	664	2493	**3157**
Nữ	518	3346	**3864**
Tỷ lệ nhân viên phân loại theo độ tuổi			
Dưới 30 tuổi	31	2399	**2430**
Từ 30-50 tuổi	1097	3364	**4461**
Trên 50 tuổi	54	76	**130**

Phân loại	Tổng nhân viên	Tỷ lệ	Số lượng nhân viên tuyển mới	Tỷ lệ tuyển mới	Số lượng nhân viên thôi việc	Tỷ lệ thôi việc
Tỷ lệ nhân viên phân loại theo giới tính						
Nam	3157	45,0%	1487	51,6%	1361	51,1%
Nữ	3864	55,0%	1394	48,4%	1300	48,9%
Tỷ lệ nhân viên phân loại theo độ tuổi						
Dưới 30 tuổi	2430	34,6%	1310	45,5%	1162	43,7%
Từ 30-50 tuổi	4461	63,5%	1559	54,1%	1486	55,8%
Trên 50 tuổi	130	1,9%	12	0,4%	13	0,5%
Phân loại theo quốc tịch						
Việt Nam	7015	99,9%	2880	99,97%	2659	99,9%
Nước ngoài	6	0,1%	1	0,014%	2	0,028%
Tổng	7021	100,0%	2881	100,0%	2661	100,0%

Theo số liệu báo cáo kiểm toán riêng lẻ năm 2024

Đa dạng, bình đẳng, đảm bảo quyền con người trong toàn thể CBNV

Tôn trọng quyền con người và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của CBNV

OCB luôn tôn trọng và bảo đảm quyền con người trong mọi hoạt động của Ngân hàng. Chúng tôi cam kết tuyệt đối không sử dụng lao động trẻ em cũng như kiên quyết chống lại mọi hình thức lao động cưỡng bức và lao động ép buộc. Hoạt động tuyển dụng minh bạch, quy trình tuyển dụng của OCB được kiểm tra và giám sát chặt chẽ để đảm bảo việc tuân thủ các quy định bắt buộc. Các hợp đồng lao động cũng được OCB tạo lập bằng văn bản, rõ ràng về quyền và nghĩa vụ của các bên. Mọi điều khoản trong hợp đồng đều được giải thích cụ thể trước khi ký kết, nhằm đảm bảo CBNV hiểu rõ và ký kết trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc hay đe dọa.

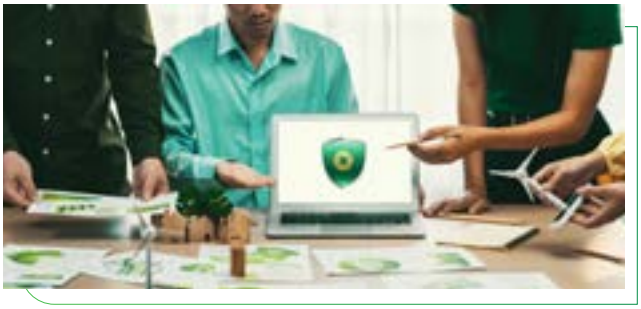

Trong năm 2024, Ngân hàng không ghi nhận bất kỳ đơn, thư khiếu nại, tố cáo từ người lao động và cơ quan pháp luật về vi phạm quyền con người, phân biệt đối xử nói chung cũng như quyền của người lao động, lao động cưỡng bức, lao động trẻ em nói riêng.

Đa dạng, bình đẳng trong toàn thể hoạt động

Tại OCB, tất cả CBNV đều có cơ hội bình đẳng để phát triển sự nghiệp, được đánh giá và thăng tiến dựa trên năng lực và đóng góp của họ. Chúng tôi luôn cam kết xây dựng một môi trường làm việc công bằng, đa dạng không phân biệt đối xử dựa trên giới tính, tuổi tác, chủng tộc, tôn giáo, xuất xứ hoặc bất kỳ yếu tố cá nhân nào khác. Chính sách tuyển dụng của Ngân hàng luôn mở cửa đón nhận những ứng viên đa dạng, từ các nền tảng văn hóa và kinh nghiệm khác nhau, nhằm tạo nên một đội ngũ nhân sự phong phú và đa dạng.

Chính sách đa dạng và bình đẳng của Ngân hàng không chỉ giúp mọi CBNV đều được đối xử công bằng mà còn đảm bảo rằng các ý tưởng và quan điểm khác nhau luôn được tôn trọng và lắng nghe, một không gian làm việc đa dạng về văn hóa, tư duy và kỹ năng được liên tục thúc đẩy và nâng cao.

Theo số liệu năm 2024, tỷ lệ giới tính CBNV tại OCB tương đối cân bằng với tỷ lệ CBNV nữ chiếm 55% tổng CBNV. Đa số (99,5%) các CBNV nữ ký hợp đồng toàn thời gian và ngày càng có nhiều cơ hội nắm giữ các vị trí quản lý tại Ngân hàng. Với 44% cấp quản lý là nữ trong năm 2024 và tỷ lệ này ngày càng tăng qua các năm, minh chứng cho những nỗ lực thực hiện bình đẳng giới và nâng cao vai trò của CBNV nữ trong toàn hàng.

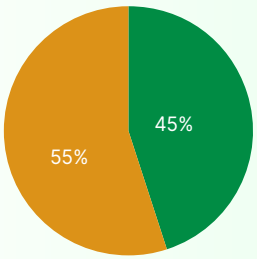

Cơ cấu cán bộ nhân viên năm 2024

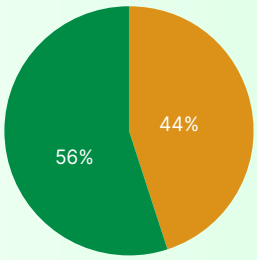

Cơ cấu giới tính bộ phận quản lý năm 2024

Nam Nữ

CBNV tại OCB thuộc đa dạng các độ tuổi nhưng phần lớn là CBNV trẻ với độ tuổi từ 30 đến 50 tuổi, chiếm tỷ lệ 63,5% tổng số CBNV.

Tăng cường gắn kết CBNV

Nhằm xây dựng một môi trường làm việc tích cực, tạo động lực cho CBNV và nâng cao sự gắn kết nội bộ, OCB đã triển khai hàng loạt chương trình phát triển văn hóa và kết nối CBNV với đa dạng hình thức từ xây dựng đội nhóm (teambuilding), đến các câu lạc bộ, chương trình hội thao và hội diễn, các hoạt động phong trào, hội thảo. Các hoạt động này không chỉ giúp củng cố tinh thần tập thể, mà còn thúc đẩy sự đồng hành, chia sẻ giữa các bộ phận, góp phần tạo dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, hiệu quả và hạnh phúc.

- Tổ chức tham quan, nghỉ mát cho toàn thể CBNV giúp tăng cường gắn kết tinh thần đồng đội.
- Triển khai chương trình OCB Appreciation tạo cơ hội cho CBNV ghi nhận và lan tỏa tinh thần tri ân trong tổ chức, góp phần tạo dựng môi trường làm việc thân thiện, chuyên nghiệp. Chương trình đã thu hút sự tham gia của hơn 1.000 CBNV đến từ 107 Đơn vị với 2.086 thiệp Appreciation được gửi đi.
- Triển khai chuỗi chương trình Culture Hack và định vị giá trị CBNV EVP với hơn 1.000 CBNV tham gia khảo sát EVP và gần 30 tác phẩm dự thi video "Tự hào tổ chức" nhằm giúp CBNV hiểu rõ hơn về OCB, gia tăng đam mê và tự hào về thương hiệu, nâng cao sự gắn kết giữa CBNV với tổ chức.
- Các hoạt động giao lưu, chia sẻ, chúc mừng những sự kiện đặc biệt như hoạt động Giáng sinh, chợ phiên OCB nhằm gây quỹ trồng rừng GAIA hay hoạt động tri ân giảng viên nội bộ 20/11 cũng thu hút hơn 1.000 CBNV tham gia trên toàn hệ thống. Các chương trình này không chỉ mang lại niềm vui, khích lệ tinh thần cho CBNV mà còn tạo ra những khoảnh khắc ý nghĩa, giúp CBNV gắn kết và cảm nhận được sự quan tâm từ tổ chức.

Những con số ấn tượng

Đáp lại những nỗ lực, OCB vinh dự nhận được giải thưởng Employer Choice 2024 (Careerviet), Top 07 Nhà tuyển dụng được yêu thích nhất - Ngành tài chính ngân hàng, Top 38 Nhà tuyển dụng được yêu thích nhất - Khối doanh nghiệp Lớn.

Ngoài ra, theo kết quả khảo sát Gắn kết năm 2024 với sự phản hồi từ hơn 4.000 CBNV, điểm mức độ gắn kết tổng thể trung bình năm 2024 của Ngân hàng là 4.02; nằm trong tứ phân vị thứ 1 so với các ngân hàng ĐNA (theo khảo sát trước đó của BCG). Việc đạt được tứ phân vị thứ 1 thể hiện mức độ gắn kết của CBNV OCB đang ở mức cao so với các ngân hàng cùng khu vực. Đặc biệt, đánh giá về Tầm nhìn, Chính sách quản lý kết quả công việc và Quản lý, CBNV đều có sự hài lòng cao hơn ở các khía cạnh này, nằm trong tứ phân vị thứ nhất so với các ngân hàng khác ở khu vực ĐNA.

100%

Nhân sự (đủ điều kiện theo quy định) được hưởng chế độ thai sản theo quy định

3 XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG BỀN VỮNG

3.1 THÀNH TỰU NỔI BẬT

Chi gần 30 TỶ cho các hoạt động phát triển cộng đồng

700 SINH VIÊN tham dự buổi cập nhật kiến thức về tài chính, ngân hàng cho nhóm nhân lực trẻ. ▲**40%** so với năm 2023

3.2 HÀNH ĐỘNG TRỌNG TÂM

Với tấm lòng nhân ái và tinh thần sẻ chia, OCB luôn đặt trách nhiệm xã hội vào trọng tâm chiến lược PTBV. Ngân hàng không ngừng chung tay cùng cộng đồng, hợp tác với các tổ chức thiện nguyện để hỗ trợ những hoàn cảnh khó khăn, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống.

Trong năm 2024, OCB đã dành gần 30 tỷ đồng cho các hoạt động cộng đồng, thể hiện cam kết mạnh mẽ với trách nhiệm xã hội. Trên tinh thần đó, ngân hàng đã triển khai chuỗi chương trình ý nghĩa trên toàn quốc, tập trung vào các mục tiêu sau:

Mục đích tài trợ	Tỷ lệ
Nâng cao chất lượng giáo dục	58%
Xây dựng cộng đồng bền vững	29%
Khắc phục hậu quả thiên tai	3%
Lĩnh vực khác (Tài trợ chuỗi hoạt động tri ân, đền ơn đáp nghĩa, thúc đẩy phát triển tinh thần doanh nhân khởi nghiệp, nữ doanh nhân, CĐS,...)	10%

Nâng cao chất lượng giáo dục

Hỗ trợ nâng cao chất lượng giáo dục, đồng hành cùng học sinh sinh viên có hoàn cảnh khó khăn trên hành trình phát triển hướng đến tương lai từ lâu đã là định hướng của OCB. Hằng năm ngoài việc phát triển các sản phẩm, dịch vụ, giải pháp tài chính nhằm hỗ trợ giáo dục đào tạo thì OCB vẫn không ngừng đóng góp vào các hoạt động thiện nguyện để giúp đỡ học sinh, sinh viên tại các khu vực khó khăn.

Điển hình như năm 2024, OCB đã triển khai hàng loạt hoạt động hỗ trợ bao gồm: Tài trợ toàn bộ chi phí xây trường THCS Minh Thanh tỉnh Tuyên Quang; tài trợ Quỹ khuyến học tỉnh Kiên Giang; tài trợ các hoạt động và giải thưởng dành cho sinh viên năm 2024; tài trợ chương trình **"Tháng ba tình nguyện"** tại Trường THPT Vĩnh Thạnh và thực hiện **Công trình thanh niên "Thắp sáng đường quê"** tại xã Vĩnh Hiệp, huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định; tài trợ chương trình **"Truyền thông giáo dục tài chính"**.

	2023	2024
Số lượng buổi giao lưu	6	10
Số lượng sinh viên tham dự	500	700

Bên cạnh đó, nhận thấy việc cập nhật kiến thức về tài chính, ngân hàng cho nhóm nhân lực trẻ rất quan trọng trong giai đoạn hiện nay, năm 2024 OCB đã gia tăng phối hợp với các tổ chức đoàn thể - chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - nghề nghiệp, các tổ chức khác trong xây dựng và triển khai các chương trình giáo dục tài chính cho sinh viên của 08 trường đại học trên nhiều địa bàn toàn quốc. Đây cũng là nơi để OCB có thể giao lưu, giới thiệu với sinh viên về các hoạt động của Ngân hàng, TCTD, giúp sinh viên có thêm thông tin, kiến thức tài chính.

Xây dựng cộng đồng bền vững

Tinh thần trách nhiệm là một trong những giá trị cốt lõi tại Ngân hàng, OCB tin rằng sự PTBV không chỉ đến từ thành công trong kinh doanh mà còn từ việc chung tay xây dựng một cộng đồng tốt đẹp hơn. Vì vậy, Ngân hàng luôn nỗ lực lan tỏa tinh thần nhân ái thông qua các hoạt động thiết thực, mang lại những giá trị tích cực cho xã hội, không chỉ được thể hiện qua các hoạt động từ thiện mà còn lan tỏa đến toàn thể CBNV, khách hàng và đối tác. Trong năm 2024, OCB tích cực đóng góp vào sự phát triển toàn diện của xã hội thông qua việc tài trợ cho các hoạt động nâng cấp cơ sở hạ tầng, đền ơn đáp nghĩa, phát triển văn hóa và thể thao.

Thích ứng biến đổi khí hậu

Một trong những hậu quả của BĐKH chính là việc gia tăng các hiện tượng thời tiết bất thường như bão, lũ lụt... Trong năm 2024, một số khu vực khó khăn tại Việt Nam đã phải chịu những tác động sâu sắc hậu quả của BĐKH như hạn mặn kéo dài và mưa bão, lũ lụt. Với định hướng tiên phong đầu tư hỗ trợ giảm nhẹ tác động BĐKH, cũng như ý thức san sẻ khó khăn với người dân các vùng gặp nạn, trong giai đoạn diễn ra cơn bão số 3 (Yagi), OCB đã triển khai các hành động hỗ trợ kịp thời như tiếp ứng lương thực, nước uống và nhu yếu phẩm cho bà con địa phương. Ngoài ra, Ngân hàng đã ủng hộ 1 tỷ đồng thông qua UB MTTQ Việt Nam nhằm hỗ trợ 06 tỉnh (Hải Phòng, Quảng Ninh, Nam Định, Phú Thọ, Thái Nguyên, Lào Cai, Ninh Bình) chịu nhiều thiệt hại từ hậu quả của cơn bão, nhanh chóng khắc phục hậu quả sau thiên tai.

4 GIA TĂNG GIÁ TRỊ VÀ TRẢI NGHIỆM KHÁCH HÀNG

4.1 THÀNH TỰU NỔI BẬT

KHÔNG PHÁT SINH
bất kỳ trường hợp liên quan đến các vụ việc hoặc khiếu nại về vi phạm bảo mật thông tin khách hàng

Tăng trưởng
> 300%
số lượng giao dịch qua hệ sinh thái đối tác so với năm 2023

99,3%
chỉ số hài lòng chung (CSAT) của khách hàng về CBNV OCB

Ra mắt
OCB SCHOOL
giải pháp và quản lý học phí tự động

52,6%
Chỉ số trải nghiệm khách hàng (CXI)

BAN HÀNH QUY ĐỊNH
nghiêm túc tuân thủ bảo vệ dữ liệu cá nhân của khách hàng

BAN HÀNH QUY ĐỊNH
bảo vệ dữ liệu cá nhân

Ra mắt
OCB DREAM ACCOUNT

Ra mắt
GÓI TÀI KHOẢN OCB PLATINUM

Chính thức ra mắt
PHIÊN BẢN OCB OMNI 4.0

57 TRIỆU
giao dịch qua hệ sinh thái đối tác (OPEN API)

>200
khách hàng doanh nghiệp dùng Open API

76 TRIỆU
giao dịch qua app OMNI
▲ >70% so với năm 2023

4.2 HÀNH ĐỘNG TRỌNG TÂM

Nâng tầm trải nghiệm khách hàng

OCB luôn coi trọng sức khỏe và sự an toàn của khách hàng, đặc biệt là trong việc bảo vệ thông tin cá nhân. Trong suốt năm 2024, OCB không ghi nhận bất kỳ sự cố nào ảnh hưởng đến sức khỏe hay an toàn thông tin của khách hàng, khẳng định cam kết mạnh mẽ trong việc đảm bảo môi trường giao dịch an toàn và bảo mật.

Đầu tư và đổi mới công nghệ

Trong năm 2024, OCB đã đầu tư phát triển các dự án nhằm mở rộng và đa dạng hóa các kênh phân phối dựa trên ứng dụng công nghệ số, chi phí đầu tư cho hoạt động này chiếm khoảng 16% tổng chi phí công nghệ thông tin toàn hàng 2024. Điều này cho thấy OCB luôn đề cao tầm quan trọng của quá trình chuyển đổi công nghệ để phát triển toàn diện, đáp ứng yêu cầu thị trường, khách hàng. Các dự án chính triển khai trong cụ thể như:

- Số hóa hạ tầng công nghệ
- Đầu tư nền tảng công nghệ Digital Banking hiện đại
- Hợp tác với các tổ chức trung gian thanh toán, công ty Fintech
- Kết nối thanh toán với dịch vụ công như các trường đại học, trường học, bệnh viện, điện lực, nước...
- Cung cấp giải pháp thanh toán và số hoá cho nhà bán hàng (Merchant Platform)
- Và các dự án thiết thực khác

Các hoạt động đầu tư đổi mới công nghệ này tập trung vào nâng cấp quá trình CĐS tại OCB, mở rộng nền tảng hạ tầng điện toán đám mây trong nước, sẵn sàng tài nguyên hạ tầng cung ứng nhanh cho việc triển khai mới và mở rộng các ứng dụng; nhanh chóng cung ứng sản phẩm đến tay khách hàng. Đặc biệt, với dự án Cung cấp giải pháp thanh toán và số hoá cho nhà bán hàng (Merchant Platform), đây là một phần trong cam kết của OCB về CĐS và thúc đẩy tài chính toàn diện, triển khai cung cấp Nền tảng Merchant Platform nhằm hỗ trợ các nhà bán hàng số hóa toàn bộ quy trình bán hàng và quản lý thanh toán.

Mở rộng và đa dạng hóa các kênh phân phối dựa trên ứng dụng công nghệ số, đặc biệt qua điện thoại di động

Từ ngày 15/05/2024, OCB chính thức ra mắt phiên bản OCB OMNI 4.0 – một bước đột phá trong ứng dụng công nghệ số với nền tảng Digital Banking hiện đại hàng đầu thế giới Backbase. Phiên bản mới được xây dựng trên bốn tiêu chí "Đơn giản – Mượt – Tiện dụng – Cá nhân hóa", không chỉ gia tăng hạ tầng và tốc độ giao dịch mà còn mang đến trải nghiệm tối ưu cho khách hàng, giúp họ thực hiện các giao dịch nhanh chóng, dễ dàng mà không cần đến trực tiếp chi nhánh. OCB OMNI 4.0 đã được tích hợp đầy đủ các sản phẩm tài chính đa dạng, từ mở tài khoản trực tuyến cho khách hàng mới đến các dịch vụ tiết kiệm, chuyển tiền, thanh toán, đăng ký mở thẻ, vay vốn và các sản phẩm hiện đại như đầu tư, bảo hiểm, chuyển tiền quốc tế, đặt vé máy bay.

OCB còn triển khai phương thức xác thực sinh trắc học tiên tiến, với dữ liệu sinh trắc học đã được OCB thu thập qua việc đối chiếu với dữ liệu lưu trữ từ chip của thẻ căn cước công dân do cơ quan Công an cấp. Khách hàng có thể chủ động đăng ký dữ liệu sinh trắc học qua ứng dụng OCB OMNI 4.0 hoặc đăng ký trực tiếp tại điểm giao dịch của OCB thông qua ứng dụng nội bộ OCB Assist.

Chính điều này đã giúp khách hàng thuận tiện giao dịch tài chính cho các mục đích khác nhau nhưng vẫn đảm bảo an toàn bảo mật thông tin. Thêm vào đó, nền tảng tiếp thị tự động đa kênh – Marketing Automation Platform cùng dự án AppsFlyer phân tích hành vi người dùng và tính năng AI Chat Bot hỗ trợ giải đáp thắc mắc đã càng khẳng định cam kết của OCB trong việc mở rộng, đa dạng hóa kênh phân phối dựa trên công nghệ số, đặc biệt trên điện thoại di động, qua đó tăng cường khả năng tiếp cận dịch vụ tài chính cho khách hàng tại các vùng sâu, vùng xa, mang đến một tương lai ngân hàng số an toàn, tiện ích và toàn diện.

Đột phá mạnh mẽ trong hoạt động bán lẻ và sản phẩm thẻ

Trước xu hướng thanh toán không tiền mặt phát triển mạnh mẽ tại Việt Nam OCB đã không ngừng cải tiến và cho ra mắt các sản phẩm hiện đại, linh hoạt nhằm đáp ứng tối đa nhu cầu của khách hàng, đồng thời góp phần bảo vệ môi trường.

Nổi bật trong số đó là hệ sinh thái phát hành thẻ trực tuyến qua ứng dụng ngân hàng số OCB OMNI. Quy trình đăng ký và mở thẻ được thực hiện hoàn toàn trực tuyến, giúp giảm thiểu việc sử dụng giấy tờ, hạn chế rác thải nhựa từ thẻ vật lý. Bên cạnh đó, OCB đã tích cực số hóa các hệ thống vận hành và trang bị các thiết bị điện tử kết nối với đội ngũ bán hàng. Việc này không chỉ giúp tối ưu hóa quy trình hỗ trợ khách hàng mà còn giảm tiêu thụ tài nguyên và năng lượng nhờ cắt giảm việc in ấn tài liệu. Để nâng cao trải nghiệm người dùng, từ tháng 4/2024, OCB đã triển khai phương thức thanh toán Apple Pay cho thẻ OCB Mastercard. Khách hàng chỉ cần liên kết thẻ với ví điện tử và có thể thanh toán nhanh chóng tại các điểm chấp nhận thanh toán chạm (contactless) mà không cần mang theo thẻ vật lý. Giải pháp này vừa tăng cường tính bảo mật, vừa giảm nhu cầu sản xuất thẻ nhựa, góp phần vào nỗ lực bảo vệ môi trường.

Mới đây, OCB đã triển khai thêm tính năng rút tiền bằng mã QR tại tất cả các ATM trên toàn quốc. Tính năng này áp dụng cho cả thẻ tín dụng, thẻ ghi nợ OCB và các thẻ NAPAS do các ngân hàng hỗ trợ VietQRcash phát hành, giúp khách hàng linh hoạt giao dịch mà không cần sử dụng thẻ vật lý.

Trong thời gian tới, OCB sẽ triển khai các dự án quan trọng để nâng cao trải nghiệm và tiện ích cho khách hàng. Cụ thể:

- **Ứng dụng AI chatbot hỗ trợ khách hàng:** giúp khách hàng dễ dàng nhận được sự hỗ trợ trong suốt quá trình sử dụng thẻ. AI chatbot sẽ cung cấp các thông tin chi tiết về thẻ, hỗ trợ giải đáp thắc mắc, xử lý các yêu cầu nhanh chóng và hiệu quả, từ đó mang đến trải nghiệm người dùng liền mạch, 24/7.

- **Cải tiến quy trình đăng ký thẻ trực tuyến**, tối ưu hóa ứng dụng OCB OMNI để giúp khách hàng dễ dàng quản lý và thực hiện giao dịch. Đồng thời, ngân hàng sẽ cung cấp nhiều tính năng mới mẻ, tiện lợi để đảm bảo rằng mọi thao tác của khách hàng, từ mở thẻ cho đến thanh toán, đều được thực hiện nhanh chóng, an toàn và hiệu quả.

- **Liên tục nghiên cứu và triển khai các giải pháp chấp nhận thanh toán hiện đại**, tích hợp đa dạng phương thức thanh toán trên 1 thiết bị. Các giải pháp này không chỉ mở rộng khả năng thanh toán cho khách hàng mà còn hỗ trợ các điểm bán hàng trong việc cải thiện hiệu quả giao dịch, giảm chi phí và tăng cường sự tiện dụng.

Với những nỗ lực không ngừng nghỉ trong cải tiến hoạt động bán lẻ và sản phẩm thẻ, nâng cao chất lượng dịch vụ, mang đến trải nghiệm giao dịch tốt nhất cho khách hàng, OCB đã duy trì sự ổn định và tăng trưởng trong doanh số giao dịch, dư nợ, cũng như doanh thu từ các sản phẩm thẻ qua từng năm kể từ 2021 cho đến nay, bất chấp những biến động của nền kinh tế. Đây chính là minh chứng thiết thực cho sự tin tưởng, ủng hộ của khách hàng đối với OCB các năm qua.

Gia tăng tiện ích, tối ưu hóa trải nghiệm cho khách hàng cá nhân

OCB luôn tiên phong trong việc gia tăng tiện ích và tối ưu hóa trải nghiệm cho khách hàng cá nhân thông qua kênh ngân hàng số OCB OMNI. Với nền tảng số được cải tiến không ngừng, ứng dụng OCB OMNI tích hợp đa dạng sản phẩm từ truyền thống đến hiện đại: tiết kiệm, chuyển tiền, thanh toán, đăng ký mở thẻ, đăng ký vay (sản phẩm vay Tôi có lương, thấu chi cầm cố sổ tiết kiệm,...) cho đến các sản phẩm tiên tiến như đầu tư, bảo hiểm, chuyển tiền quốc tế, đặt vé máy bay.

Hệ sinh thái sản phẩm được mở rộng thông qua mối liên kết chiến lược với các đối tác uy tín như Napas – cung cấp dịch vụ chuyển tiền 24/7, cổng thanh toán và VietQR; VNPAY – triển khai dịch vụ thanh toán hóa đơn, thanh toán trực tuyến, qua QR và mua vé online; cùng với các ví điện tử phổ biến như Momo, Moca (Grab), Zalo Pay, VNPAY, ShopeePay; đồng thời hợp tác trực tiếp với EVN, Cenland, Vinacapital, Bảo hiểm Generali, Bamboo, EPASS, các công ty điện nước tại TP.HCM và các trường học thông qua kết nối Open API. Đặc biệt, OCB tự hào là ngân hàng tiên phong triển khai kết nối với Cổng thuế eTax mobile của Tổng cục Thuế, giúp khách hàng thực hiện thanh toán thuế một cách thuận tiện và an toàn.

Việc áp dụng nền tảng Marketing Automation đa kênh, dự án AppsFlyer phân tích hành vi người dùng trên OCB OMNI 4.0 cùng tính năng AI Chat Bot cũng góp phần cung cấp các dịch vụ phù hợp và chăm sóc khách hàng chuyên nghiệp, kịp thời. Các cải tiến như tính năng chuyển đổi gói tài khoản hoặc cài đặt hạn mức giao dịch ngoại lệ cho phép khách hàng được điều chỉnh hạn mức giao dịch trên ứng dụng, tính năng quản lý tài chính (PFM) hỗ trợ khách hàng có thể kiểm soát chi tiêu, tính năng tách lệnh giao dịch để hỗ trợ người dùng có thể thực hiện các giao dịch với số tiền từ 500 triệu đồng trở lên một cách nhanh chóng và người nhận có thể nhận được tiền ngay lập tức qua cổng Napas càng khẳng định cam kết tối ưu hóa trải nghiệm người dùng.

Số lượng người dùng và số lượng giao dịch giai đoạn 2021-2024

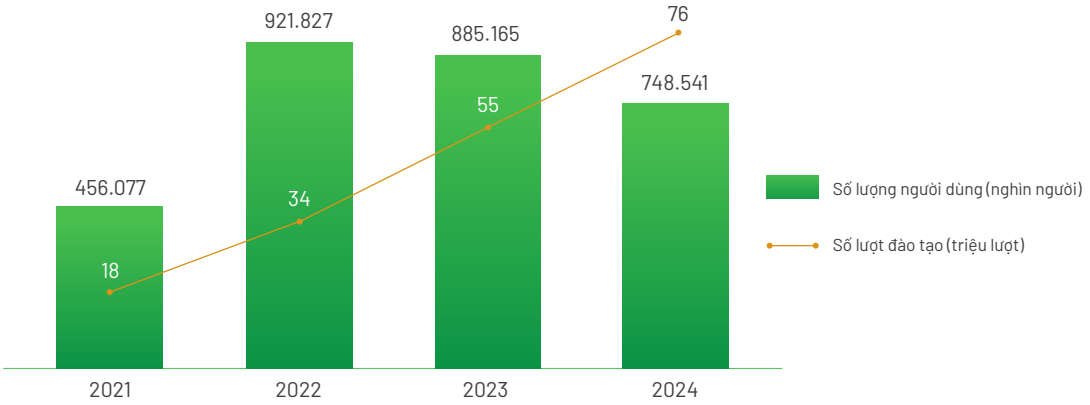

Nhờ những bước đột phá này, số lượng giao dịch qua kênh ngân hàng số OCB OMNI năm 2024 đạt 76 triệu giao dịch, tăng 74% so với cùng kỳ năm trước đồng thời tăng số dư e-saving đạt hơn 16.000 tỷ minh chứng cho sự PTBV và vị thế của OCB trong xu hướng ngân hàng số hiện đại.

Đa dạng hóa giải pháp và ưu đãi hỗ trợ khách hàng DNNVV

Trong năm 2024, OCB đã tập trung triển khai đa dạng hóa các giải pháp và ưu đãi linh hoạt nhằm hỗ trợ tối đa cho các DNNVV, đặc biệt là những doanh nghiệp hoạt động trong các ngành nghề ưu tiên theo định hướng của Chính phủ như đầu tư công, du lịch, lưu trú, ăn uống và xuất nhập khẩu, nhằm kích thích phục hồi và phát triển kinh tế. Các ưu đãi hỗ trợ từ OCB bao gồm giảm lãi suất cho vay, mở rộng các điều kiện và đơn giản hóa thủ tục, giúp doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận nguồn vốn ngân hàng, tiết kiệm thời gian, chi phí, đồng thời nâng cao sự thuận tiện trong thanh toán và tăng hiệu quả quản lý dòng tiền.

Không chỉ dừng lại ở các ưu đãi về nguồn vốn, OCB còn đẩy mạnh nâng cấp hạ tầng công nghệ và phát triển các giải pháp số hóa hỗ trợ khách hàng DNNVV với các tính năng nổi bật như ứng dụng quản lý tài chính trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt, các dịch vụ ngân hàng điện tử, chuyển tiền quốc tế online. Các kết quả mang lại được báo cáo chi tiết tại **Mục Tài chính toàn diện**.

Tối ưu hóa lợi ích và chi phí cho khách hàng doanh nghiệp

OCB cam kết đồng hành cùng doanh nghiệp trong cả quản lý tài chính và phát triển hệ sinh thái kinh doanh. Ngân hàng nỗ lực cung cấp các giải pháp tài chính linh hoạt, giảm thiểu chi phí và gia tăng lợi ích, giúp doanh nghiệp đạt mục tiêu kinh doanh hiệu quả. Khách hàng doanh nghiệp dễ dàng sử dụng dịch vụ tài chính tiện lợi và an toàn, từ đó nâng cao sự hài lòng và gắn kết với OCB.

Năm 2024, OCB đã xây dựng một hệ sinh thái vững chắc với hơn 150 Open API, phục vụ hơn 200 đối tác trong các phân khúc fintech và doanh nghiệp. Nền tảng này xử lý hơn 6 triệu giao dịch hàng tháng với tổng giá trị trên 7.300 tỷ VND. Cơ sở hạ tầng tận dụng kiến trúc hybrid cloud (AWS, CMC) với triển khai container hóa, duy trì thời gian hoạt động 99,98% và xử lý 2.000 TPS, thể hiện cam kết của OCB về độ tin cậy và khả năng mở rộng. Open API không chỉ thúc đẩy đổi mới mà còn mở rộng hệ sinh thái số, tạo điều kiện cho các ứng dụng tài chính sáng tạo, giúp khách hàng quản lý tài chính hiệu quả, tiết kiệm chi phí và đầu tư thông minh. Thông qua ứng dụng, dịch vụ của khách hàng kết nối trực tiếp với ngân hàng, mang lại trải nghiệm liền mạch và tiện lợi. Sự kết hợp giữa QR Code, Virtual Account và Open API mang đến giải pháp thanh toán đột phá, mở ra nhiều tiềm năng cho doanh nghiệp và người dùng.

Các đối tác nổi bật hiện nay bao gồm: Tập đoàn Thế giới di động, Tập đoàn Viettel, Momo, Payoo, ShopeePay, các doanh nghiệp logistics lớn như Best Express, Viettel Post, và các đối tác fintech đa quốc gia trong thanh toán và tích hợp số hóa (VISA, MasterCard,...). Tới cuối năm 2024, tỷ lệ giao dịch qua kênh số tại OCB đang đạt 96,2%, một con số ấn tượng so với các ngân hàng trên toàn hệ thống.

Số lượng giao dịch qua hệ sinh thái đối tác (cụ thể thông qua các đối tác Open API) năm 2024 tăng trưởng hơn 300% so với năm 2023.

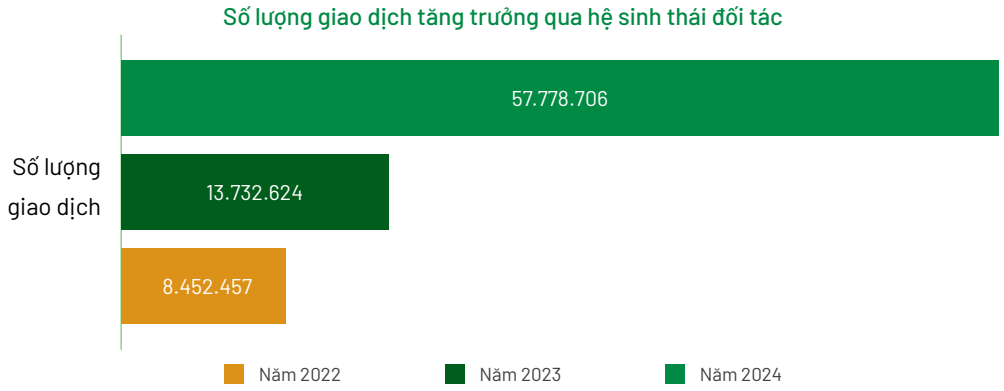

Bên cạnh đó, OCB đã tiếp tục phát triển ngân hàng số OMNI Corp dành cho đối tượng khách hàng là tổ chức, doanh nghiệp với đa dạng tiện ích vượt trội như các công cụ tài chính trực tuyến, hỗ trợ mua bán ngoại tệ và quản lý dòng tiền v.v. Ứng dụng này cung cấp cho khách hàng doanh nghiệp một hệ sinh thái tài chính số toàn diện, có thể xử lý giao dịch trực tuyến từ đơn giản như quản lý tài khoản, tra soát đối soát, cho tới các giao dịch về thanh toán quốc tế, mua bán ngoại tệ giúp khách hàng tối ưu hóa hoạt động quản lý tài chính, tiết kiệm thời gian và chi phí giao dịch.

Tư vấn M&A trọn gói và phát triển khách hàng FDI

Tại OCB, chúng tôi sẵn sàng hỗ trợ và cung cấp các giải pháp tài chính toàn diện cho khách hàng có vốn đầu tư nước ngoài. Đội ngũ CBNV FDI, bao gồm chuyên gia đến từ nhiều quốc gia khác nhau, am hiểu môi trường đầu tư tại Việt Nam cũng như bức tranh kinh tế vĩ mô, thủ tục pháp lý, hệ thống tài chính và ngân hàng sẽ cung cấp cho nhà đầu tư các tư vấn và thông tin cần thiết trong quá trình đầu tư, từ khi tìm hiểu cơ hội kinh doanh, kết nối đối tác, đánh giá khả thi, giải ngân và hoàn tất giao dịch. FDI thông qua dịch vụ "hỗ trợ một cửa" từ các kênh Japan Desk, Korean Desk, Taiwan Desk và MNC Desk cung cấp đầy đủ các giải pháp như quản lý tài khoản, quản lý dòng tiền, quản lý thanh khoản, tài trợ thương mại và mua bán ngoại hối, đảm bảo mang đến cho khách hàng sự hỗ trợ toàn diện, kịp thời và hoạt động hiệu quả tại Việt Nam.

Đặc biệt, với sự hỗ trợ của đối tác chiến lược Nhật Bản (Ngân hàng Aozora – AOZ), OCB đã hỗ trợ mạnh mẽ các doanh nghiệp FDI trong các thương vụ mua bán và sáp nhập. Theo thống kê sơ bộ, lượng tiền gửi của khách hàng FDI có xu hướng tăng mạnh từ đầu năm 2023, cho thấy sự tin tưởng và cam kết dài hạn của các doanh nghiệp FDI đối với OCB, đồng thời khẳng định vị thế của ngân hàng trong lĩnh vực này.

Bên cạnh đó, Ngân hàng luôn chú trọng chuẩn hóa chất lượng cung cấp dịch vụ và chăm sóc khách hàng thông qua việc ban hành và áp dụng thống nhất Quy định Bộ tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ trên toàn hệ thống OCB. Thông qua các khóa đào tạo trực tiếp và trực tuyến cho các CBNV kể cả tân tuyển, Ngân hàng đảm bảo mọi CBNV cung cấp dịch vụ đồng nhất và chất lượng cao cho khách hàng. Việc tuân thủ tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ được Ngân hàng kiểm soát, đánh giá thường xuyên, liên tục và đa kênh đảm bảo mọi hoạt động đều đạt tiêu chuẩn đã đề ra.

4.3 Chủ động đồng hành cùng khách hàng

Trong năm 2024, OCB đã ghi nhận phản hồi từ 19.897 khách hàng, tăng 10,8% so với năm 2023 (17.951 khách hàng). Sự gia tăng này phản ánh mức độ tương tác của khách hàng với ngân hàng, đồng thời khẳng định nỗ lực của OCB trong việc lắng nghe và cải thiện chất lượng dịch vụ dựa trên ý kiến đóng góp từ khách hàng với kết quả ấn tượng như sau:

CHỈ SỐ TRẢI NGHIỆM KHÁCH HÀNG (CXI)

ĐẠT 52,6%

CHỈ SỐ HÀI LÒNG CHUNG (CSAT) CỦA KHÁCH HÀNG VỀ CBNV OCB

ĐẠT 99,3%

Sự tăng trưởng này phản ánh rõ nét hiệu quả của các nỗ lực nâng cao trải nghiệm khách hàng, khẳng định cam kết của OCB trong việc không ngừng cải thiện chất lượng dịch vụ và gia tăng sự hài lòng của khách hàng.

Nhanh chóng giải quyết khiếu nại của khách hàng

Nhằm bảo vệ quyền lợi của khách hàng và nâng cao trải nghiệm khi sử dụng dịch vụ, OCB đã ban hành và triển khai chặt chẽ quy trình Giải quyết khiếu nại và tố cáo để chuẩn hóa việc tiếp nhận và xử lý các khiếu nại từ khách hàng. Khách hàng có thể dễ dàng khiếu nại đến OCB qua nhiều kênh như:

- Kênh tiếp nhận thông tin chăm sóc khách hàng 24/7 thông qua điện thoại, email, dịch vụ gọi lại của OCB.
- Kênh tiếp nhận trực tiếp hoặc gửi văn bản đến địa điểm kinh doanh của OCB trên toàn hệ thống.
- Các kênh tiếp nhận thông tin khác như cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, các tổ chức hiệp hội, đoàn thể, báo chí, phương tiện truyền thông.

OCB đảm bảo mọi khiếu nại của khách hàng được xử lý theo các nguyên tắc công bằng, minh bạch và trong thời gian hợp lý; cũng như đều được điều tra, xác minh kỹ lưỡng trước khi đưa ra quyết định cuối cùng. Ngân hàng cam kết phản hồi nhanh chóng, rõ ràng và chi tiết, giúp khách hàng hiểu rõ quá trình giải quyết và kết quả. Bằng việc triển khai quy trình giải quyết khiếu nại chặt chẽ và hiệu quả, OCB không chỉ cải thiện chất lượng dịch vụ mà còn củng cố niềm tin, sự hài lòng của khách hàng đối với Ngân hàng. Trong năm 2024, tỷ lệ số lượng phàn nàn của khách hàng trên tổng số lượng khách hàng hiện hữu tiếp tục được kiểm soát chặt chẽ, giảm xuống còn 1,5%, cải thiện đáng kể so với mức 2,6% của năm 2023. Đồng thời, OCB vẫn duy trì cam kết xử lý 100% khiếu nại kịp thời, đảm bảo phản hồi nhanh chóng và hiệu quả.

Bảo mật thông tin khách hàng

OCB hiểu rõ rằng thông tin liên quan đến khách hàng là một trong những tài sản quý giá nhất của Ngân hàng và không được tiết lộ cho bất kỳ ai trừ khi có sự cho phép từ khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền quy định theo pháp luật. OCB kiên quyết tuân thủ nghiêm ngặt các quy định bảo mật thông tin, đặc biệt là Nghị định số 13/2023/NĐ-CP của Chính Phủ về bảo vệ dữ liệu cá nhân để xây dựng niềm tin vững chắc và duy trì mối quan hệ bền vững với khách hàng. Để triển khai định hướng trên, trong năm 2024 OCB đã hợp tác với Công ty Cổ phần Tư vấn EY Việt Nam để được tư vấn về việc triển khai Nghị định 13/2023/NĐ-CP. Từ đó Ngân hàng đã xác định được các khoảng cách (cách gọi đối với các vấn đề mà ngân hàng cần xây dựng, triển khai nhằm tuân thủ Nghị định 13/2023/NĐ-CP) mà OCB cần xây dựng, triển khai để tuân thủ Nghị định. Đến nay, OCB đã xây dựng và hoàn thành gần 2/3 các khoảng cách cần phải thực hiện, xúc tiến các thủ tục cần thiết để tiến tới thành thành lập Ban chuyên trách Bảo vệ dữ liệu cá nhân trực thuộc Tổng Giám đốc để xử lý nhanh nhất các vấn đề liên quan việc bảo mật thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân khách hàng. Quyết định Quy định bảo vệ dữ liệu cá nhân và chỉ thị về nghiêm túc tuân thủ bảo vệ dữ liệu cá nhân của khách hàng đã được ban hành và chính thức áp dụng trong mọi hoạt động của ngân hàng.

Ngoài ra để đảm bảo tính bảo mật, an toàn và không bị xâm phạm, OCB đã thiết lập và duy trì các chính sách, quy trình rõ ràng cũng như kiểm soát chặt chẽ về quyền truy cập thông tin khách hàng, chỉ những người có nhu cầu công việc và có quyền hạn mới được phép truy cập. Hệ thống thông tin của Ngân hàng cũng được tăng cường bảo vệ bằng các biện pháp kỹ thuật hiện đại.

Bên cạnh đó, các CBNV Ngân hàng được đào tạo về quy định bảo mật thông tin và bắt buộc thực hiện việc bảo vệ thông tin cá nhân của khách hàng như được quy định trong Bộ quy tắc đạo đức và ứng xử.

Việc Ngân hàng chưa ghi nhận bất kỳ trường hợp nào liên quan đến các vụ việc hoặc khiếu nại về vi phạm bảo mật thông tin khách hàng trong những năm qua thể hiện thành công trong nỗ lực bảo vệ thông tin khách hàng của OCB.

CHƯƠNG

07

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

NGÂN HÀNG TMCP PHƯƠNG ĐÔNG

Trong năm 2024, OCB đã đánh dấu bước phát triển quan trọng trong chiến lược mở rộng mạng lưới bằng việc đi vào hoạt động 17 CN/PGD mới. Đây là một phần trong kế hoạch giúp OCB gia tăng nhận diện thương hiệu tại các khu vực kinh tế trọng điểm, đồng thời góp phần vào việc phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế địa phương. Mỗi chi nhánh và phòng giao dịch mới là một mắt xích quan trọng trong việc xây dựng mạng lưới ngân hàng, giúp khách hàng dễ dàng tiếp cận các sản phẩm và dịch vụ tài chính chất lượng.

Tất cả điểm giao dịch mới của OCB đều được thiết kế hiện đại theo quy chuẩn nhận diện thương hiệu, OCB kỳ vọng bên cạnh mục tiêu khai thác và phục vụ tốt hơn thị trường dịch vụ ngân hàng bán lẻ đầy tiềm năng, các CN/PGD mở mới sẽ đồng hành cùng sự thịnh vượng của người dân và doanh nghiệp thông qua việc tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng dễ dàng tiếp cận nguồn vốn, thúc đẩy các hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn cùng các giải pháp tài chính thông minh, linh hoạt khác tại địa phương. Trong năm 2024, OCB được cấp phép và đã hoàn thành khai trương 17 điểm giao dịch mới bao gồm: 05 Chi nhánh (CN) mới tại các tỉnh thành: Ninh Thuận, Đắk Nông, Quảng Bình, Phú Thọ và Lào Cai, 12 Phòng Giao dịch (PGD) mới trực thuộc các CN Linh Đàm, Long Biên, Hà Thành, Bình Định, Pleiku, Ninh Bình, Nam Định và Đà Lạt.

Cụ thể

Các CN mở mới:

- **CN Ninh Thuận |** Số 38 đường 16 tháng 4, phường Kinh Dinh, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận
- **CN Đắk Nông |** Số 74, đường Huỳnh Thúc Kháng, phường Nghĩa Thành, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông
- **CN Quảng Bình |** Số 224, đường Trần Hưng Đạo, phường Nam Lý, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình
- **CN Phú Thọ |** Số 2049 - 2051, đường Đại Lộ Hùng Vương, phường Gia Cẩm, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ
- **CN Lào Cai |** Số 254 đường Hoàng Liên, phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai

Các PGD mở mới:

- **PGD Quy Nhơn |** Số 109 đường Tây Sơn, khu vực 5, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
- **PGD Đak Đoa |** Số 408 đường Nguyễn Huệ, Tổ Dân Phố 5, Thị trấn Đak Đoa, huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai
- **PGD Chư Sê |** Số 783A đường Hùng Vương, thị trấn Chư Sê, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai
- **PGD Kim Sơn |** Tờ bản đồ số 20, thị trấn Phát Diệm, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình
- **PGD Hải Hậu |** 128 TDP số 1, thị trấn Yên Định, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định
- **PGD Ý Yên |** Bản đồ QH cụm CN làng nghề phía Nam thị trấn Lâm, thị trấn Lâm, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định
- **PGD Bảo Lộc |** Số 294D đường Trần Phú, phường 1, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng
- **PGD Văn Phú |** Tòa chung cư kết hợp dịch vụ H-CT1 thuộc dự án khu nhà ở Hi Brand, phường Phú La, quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội
- **PGD Trung Yên |** Tòa nhà E1, khu đô thị mới Yên Hòa, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
- **PGD Trung Hòa |** The Golden Palm, đường Lê Văn Lương, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
- **PGD Tây Hà Nội |** Nhà liền kề LK11A-02 Khu đô thị mới Mỗ Lao, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
- **PGD Phương Mai |** Số 75 Phương Mai, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Bên cạnh việc mở mới, OCB cũng đã tiến hành di dời trụ sở 12 CN/PGD nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng dịch vụ. Các CN/PGD di dời bao gồm: **CN Phú Lâm; CN Quảng Ninh; CN Hà Thành; PGD Cộng Hòa; PGD Thạnh Mỹ Lợi; PGD Bình Phú; PGD Phú Mỹ Hưng; PGD Nguyễn Văn Cừ; PGD Bến Cát; PGD Sơn Trà; PGD Lạch Tray; PGD Diễn Châu.**

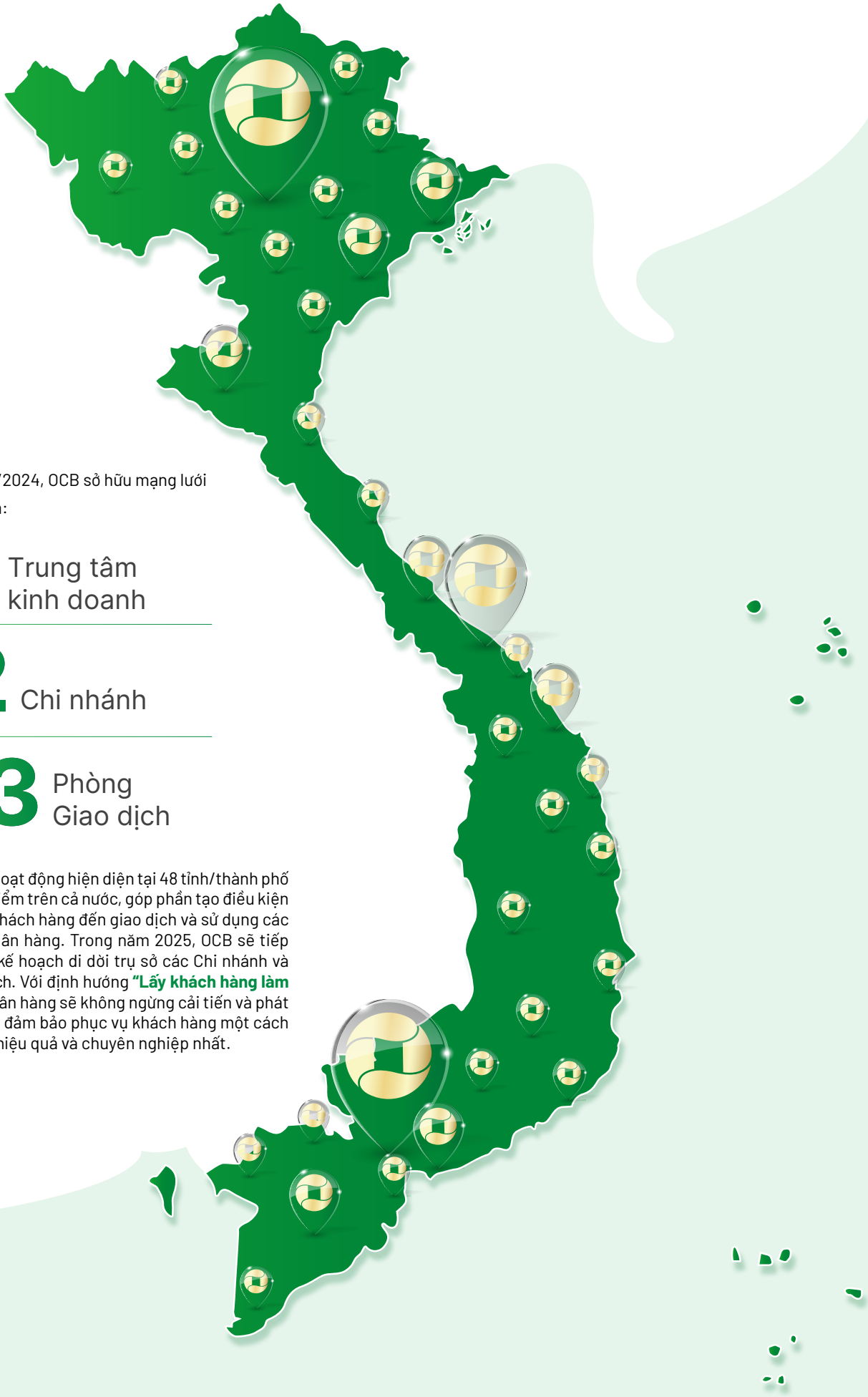

Tính đến 31/12/2024, OCB sở hữu mạng lưới hoạt động gồm:

01 Trung tâm kinh doanh

62 Chi nhánh

113 Phòng Giao dịch

Với mạng lưới hoạt động hiện diện tại 48 tỉnh/thành phố kinh tế trọng điểm trên cả nước, góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng đến giao dịch và sử dụng các dịch vụ của ngân hàng. Trong năm 2025, OCB sẽ tiếp tục triển khai kế hoạch di dời trụ sở các Chi nhánh và Phòng Giao dịch. Với định hướng **"Lấy khách hàng làm trọng tâm"**, ngân hàng sẽ không ngừng cải tiến và phát triển hệ thống, đảm bảo phục vụ khách hàng một cách nhanh chóng, hiệu quả và chuyên nghiệp nhất.

Tên	Địa chỉ
HỘI SỞ	Tòa nhà The Hallmark, số 15 Trần Bạch Đằng, phường Thủ Thiêm, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
CN TP. HỒ CHÍ MINH	Một phần tầng trệt và một phần tầng 7, Cao ốc 123, số 123-127 Võ Văn Tần, phường Võ Thị Sáu, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
PGD CỘNG HÒA	Số 341 đường Cộng Hòa, phường 13, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
PGD NGUYỄN THÁI BÌNH	Số 194 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
PGD MINH KHAI	Tầng trệt Tòa nhà D&D Tower, số 458 Nguyễn Thị Minh Khai, phường 02, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
PGD BẠCH ĐẰNG	Một phần tầng trệt và một phần tầng lửng căn nhà số 117 - 119 Bạch Đằng, phường 2, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
PGD NGUYỄN VĂN TRỖI	Một phần nhà số 157 Nguyễn Văn Trỗi, phường 11, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
CN BẾN THÀNH	Một phần tầng trệt, Tòa nhà Golden Tower, Số 06 Nguyễn Thị Minh Khai, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
PGD THẠNH MỸ LỢI	Một phần căn nhà số 36 đường Tạ Hiện, Khu phố 1, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
PGD KINH TẾ	Số 135 Trần Hưng Đạo, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
PGD QUẬN 9	Số 95 Đường Nguyễn Văn Tăng, Khu Phố Chân Phúc Cẩm, phường Long Thạnh Mỹ, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
PGD TRUNG SƠN	Tầng trệt, tầng lửng và lầu 1 số 20 - 22 đường số 9A, khu dân cư Trung Sơn, ấp 4, Xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh
CN PHÚ NHUẬN	Số 146 Lê Văn Sỹ, phường 10, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
PGD HOÀNG VĂN THỤ	Một phần tầng trệt cao ốc văn phòng Tây Nam, số 253 đường Hoàng Văn Thụ, phường 2, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
PGD CỦ CHI	Số 93 tỉnh Lộ 8, thị trấn Củ Chi, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
PGD HÓC MÔN	Một phần căn nhà số 46/1B Đường Lý Thường Kiệt, Khu phố 3, thị trấn Hóc Môn, huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh
CN CHỢ LỚN	Số 419- 421 An Dương Vương, phường 3, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
PGD PHÚ THỌ	Một phần căn nhà số 347 đường Lê Đại Hành, phường 11, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
PGD LÝ THƯỜNG KIỆT	Kiot 09,10, 11 Số 268 Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
PGD NGUYỄN TRI PHƯƠNG	Tầng trệt tòa nhà B1 - 279 Nguyễn Tri Phương, phường 8, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
PGD SÀI GÒN	Số 159 Tô Hiến Thành, phường 13, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
CN GIA ĐỊNH	Tầng trệt, 24C Phan Đăng Lưu, phường 7, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
PGD GÒ VẤP	Số 588-590 Phan Văn Trị, phường 1, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh
PGD PHẠM NGỌC THẠCH	Số 17 Phạm Ngọc Thạch, phường Võ Thị Sáu, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
PGD QUANG TRUNG HCM	Một phần căn nhà số 311 và toàn bộ căn nhà số 313 Quang Trung, phường 10, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh

Tên	Địa chỉ
PGD PHỔ QUANG	GM-119D và GM-119E Dự án Golden Mansion, Số 119 Phổ Quang, phường 9, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
CN PHÚ LÂM	Số 277 - 279 đường Nguyễn Văn Luông, phường 12, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh
PGD HÒA BÌNH	Số 270 - 272 Hòa Bình, phường Hiệp Tân, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
PGD BÌNH TÂN	Số 253 và 255 đường Tên Lửa, phường Bình Trị Đông B, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
PGD BÌNH PHÚ	Một phần căn nhà số 177 - 179 đường số 23, phường 11, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh
PGD NGUYỄN SƠN	Một phần tầng 1 (tầng trệt), tầng 2, tầng 3 và tầng 4 căn nhà số 287 Nguyễn Sơn, phường Phú Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
CN TÂN THUẬN	Số 252A Nguyễn Thị Thập, phường Tân Quy, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh
PGD PHÚ MỸ HƯNG	Số 001, khu dân cư đa hợp tại địa chỉ số 89 đường Nguyễn Lương Bằng, phường Tân Phú, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh
CN THỦ ĐỨC	Số 751A đường Kha Vạn Cân, phường Linh Tây, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
PGD CÁT LÁI	Số 286 Nguyễn Thị Định, phường Bình Trưng Tây, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
CN TÂN BÌNH	Số 435G - 435H Hoàng Văn Thụ, phường 4 , quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
PGD TÂN PHÚ	Số 829A và một phần nhà số 827A Lũy Bán Bích, phường Tân Thành, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
CN QUẬN 4	Số 39 - 41 Hoàng Diệu, phường 13, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh
PGD THỦ THIÊM	Một phần căn nhà số 14-16 Trần Não, khu phố 5, phường An Phú, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
CN BẠC LIÊU	442 Đường Trần Phú, khóm 1, phường 7, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu
PGD TRẦN PHÚ	B7- B9 Trung tâm Thương mại, phường 3, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu
PGD HỘ PHÒNG	Số 275, Quốc Lộ 1A, Khóm 2, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu
PGD GÀNH HÀO	Ấp 3, đường Phan Ngọc Hiển, thị trấn Gành Hào, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu
PGD PHƯỚC LONG	Ấp Long Thành, thị trấn Phước Long, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu
CN SÓC TRĂNG	Số 53 đường Trần Hưng Đạo, Phường 3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng
PGD LONG PHÚ	Số 203 đường Đoàn Thế Trung, Ấp 3, thị trấn Long Phú, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng
CN CÀ MAU	Số 137K Nguyễn Tất Thành, Phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau
PGD PHAN NGỌC HIỂN	Số 90 và 90B Đường Trần Hưng Đạo, khóm 7, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau
PGD SÔNG ĐỐC	Đường số 6, Khóm 10, thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau
PGD ĐẦM DƠI	Số 38, 39, đường Dương Thị Cẩm Vân, khóm 4, thị trấn Đầm Dơi, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau
CN KIÊN GIANG	Số 281-283 Đường Nguyễn Trung Trực, phường Vĩnh Lạc, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang
PGD PHÚ QUỐC	Số 56 Nguyễn Trung Trực, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

Tên	Địa chỉ
PGD RẠCH SỎI	Lô L4-15 và L4-16 đường Mai Thị Hồng Hạnh, phường Rạch Sỏi, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang
PGD RẠCH GIÁ	Số 223 - 225 Trần Phú và số 86/7 - 86/9 Nguyễn Hùng Sơn, Phường Vĩnh Thanh Vân, Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang
CN CẦN THƠ	Tầng 1 và 2 Tòa nhà Hòa Bình Building, số 14-16B Hòa Bình, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
PGD NGUYỄN VĂN CỪ	Số 69-AA và số 71-AA, KDC Cái Sơn - Hàng Bàng, đường Nguyễn Văn Cừ, phường An Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
PGD AN HÒA	Số 153-155 Cách Mạng Tháng Tám, Phường An Hoà, Quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
PGD THỐT NỐT	Số 150, Quốc lộ 91, khu vực Phụng Thạnh 1, phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ
PGD TRẦN HƯNG ĐẠO	Số 67-69 Trần Hưng Đạo, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
CN VĨNH LONG	Số 81-83 đường Phạm Thái Bường, phường 4, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long
PGD VŨNG LIÊM	Số 168 và 170 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, khóm 2, thị trấn Vũng Liêm, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long
CN ĐỒNG THÁP	Số 109-111-113 đường Nguyễn Huệ, phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
PGD SA ĐÉC	Một phần tầng trệt căn nhà số 166 và số 168, Hùng Vương, khóm 1, phường 2, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp
CN AN GIANG	Số 54 Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang
PGD TÂN CHÂU	Số 208 đường Tôn Đức Thắng, phường Long Thạnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang
PGD CHÂU ĐỐC	Số 76-78 Nguyễn Văn Thoại, phường Châu Phú A, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang
PGD THOẠI SƠN	Số 499-501 Nguyễn Huệ, Ấp Đông Sơn 2, thị trấn Núi Sập, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang
CN HẬU GIANG	PG1 - 20 Vincom Shophouse Vị Thanh, số 1 đường 3/2, phường 5, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang
CN LONG AN	Số 202-204 Hùng Vương, phường 1, thành phố Tân An, tỉnh Long An
PGD BẾN LỨC	Số 188-190, Nguyễn Hữu Thọ, KP2, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An
PGD ĐỨC HÒA	200C, Khu Vực 3, thị trấn Đức Hòa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An
PGD CẦN GIUỘC	75 Quốc lộ 50, thị trấn Cần Giuộc, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An
CN BÌNH DƯƠNG	Số 233 Đại lộ Bình Dương, Khu phố 2, phường Phú Thọ, thành phố Thủ dầu Một, tỉnh Bình Dương
PGD DĨ AN	Số 30 đường số 9, khu đô thị Trung tâm hành chính thành phố Dĩ An, khu phố Nhị Đồng 2, phường Dĩ An, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương
PGD THUẬN AN	Số 141 Bis khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương
PGD TÂN UYÊN	Số 49 đường ĐT 746 KP Bình Hòa 1, phường Tân Phước Khánh, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
PGD BẾN CÁT	Lô C10 và Lô C11, Khu dân cư Mỹ Phước 4 - Khu A, phường Mỹ Phước, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương

Tên	Địa chỉ
CN ĐỒNG NAI	K27-K50, KP7, đường Võ Thị Sáu, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
PGD BIÊN HÒA	Số 34D-34E, đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Quang Vinh, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
PGD TÂN HIỆP	Lô 25-26, đường Đồng Khởi, KP 4, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
PGD TRẢNG BOM	Số B21-B22 Nguyễn Hữu Cảnh, KP 3, thị trấn Trảng Bom, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai
CN ĐÀ NẴNG	Một phần Tầng 1, Tầng lửng và Tầng 2 của Tòa nhà tại địa chỉ số 224 Nguyễn Hữu Thọ, phường Hòa Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng
PGD HẢI CHÂU	Số 92 Chi Lăng, phường Hải Châu, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng
PGD HÒA KHÁNH	Số 79 và 81 Nguyễn Sinh Sắc, phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng
PGD 2 THÁNG 9	Số 86 đường 2 tháng 9, phường Phước Ninh, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng
PGD THANH KHÊ	Số 135 Điện Biên Phủ, tổ 67, phường Chính Gián, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng
PGD HÒA XUÂN	Số 45 - 47- 49 đường Nguyễn Phước Lan, phường Hoà Xuân, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng
PGD SƠN TRÀ	Số 1011 - 1013 đường Ngô Quyền, phường An Hải Đông, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng
CN KHÁNH HÒA	Số 89 - 89A Yersin, phường Phương Sài, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
PGD 23 THÁNG 10	Số 406 đường 23 tháng 10, Xã Vĩnh Hiệp, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
PGD HOÀNG DIỆU	Số 38 đường 6C, phường Phước Long, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
PGD CAM RANH	Số 84 đường 22 tháng 8, phường Cam Thuận, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa
CN ĐẮK LẮK	Số 269 đường Lê Hồng Phong, phường Tân Tiến, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk
PGD EA H'LEO	Số 570 - 572 đường Giải Phóng, thị trấn Ea Drăng, huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk
PGD EATAM	Số 429 đường Lê Duẩn, phường Ea Tam, TPBuôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk
PGD EAKAR	Số 101 Nguyễn Tất Thành, thị trấn Ea Kar, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk
CN QUẢNG NAM	Lô D41-42 đường Lê Duẩn, phường An Xuân, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam
PGD HỘI AN	540 Hai Bà Trưng, phường Tân An, thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam
PGD ĐIỆN BÀN	34 Trần Nhân Tông, phường Vĩnh Điện, Thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam
CN HÀ NỘI	Số 28 Cát Linh, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
PGD TRÀNG AN	Tầng 1 và tầng 6 Tòa nhà Sông Hồng, Số 165 Phố Thái Hà, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
PGD ĐÔNG ĐÔ	Tầng 1, tầng 2, tầng 3 tòa nhà 86-88 phố Đông Các, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
PGD SAO VIỆT	Tầng 1 Tòa nhà HH4 Song Da Twin Tower, Đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
PGD VĂN QUÁN	Một phần tầng 1 và một phần tầng 5, Tòa nhà New SkyLine, Lô CC2, Khu đô thị Văn Quán - Yên Phúc, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Tên	Địa chỉ
CN HẢI PHÒNG	Một phần tầng 1, tầng 2, tầng 3 và tầng 4, Số 94 Trần Phú, phường Cầu Đất, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng
PGD NGÔ QUYỀN	Thửa 11, Lô 22B, Khu đô thị Ngã Năm sân bay Cát Bi, phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng
PGD LẠCH TRAY	Số 195-197 Lạch Tray, phường Lạch Tray, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng
PGD LÊ CHÂN	Số 278Q-278H Trần Nguyên Hãn, phường An Dương, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng
CN BÀ RỊA VŨNG TÀU	Số 148 Lê Hồng Phong, phường 4, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
PGD BÀ RỊA	Số 233 Cách Mạng Tháng Tám, phường Phước Trung, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
PGD RẠCH DỪA	375 đường 30/4, phường Rạch Dừa, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
PGD PHÚ MỸ	Số 292 đường Độc Lập, khu phố Quảng Phú, phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
CN QUẢNG NINH	Ô số 3 và ô số 4, Lô A1- Khu nhà ở kết hợp dịch vụ thương mại thấp tầng, đường 25/4, phường Hồng Gai, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
PGD CẨM PHẢ	Tầng 1, Tầng 2, Nhà số 164 đường Trần Phú, phường Cẩm Tây, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh
PGD UÔNG BÍ	Số 308, đường Quang Trung, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh
PGD BÃI CHÁY	Số 486A, đường Hạ Long, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
CN THANH HÓA	Một phần tầng 1, tầng lửng, tầng 2 và tầng 3 của Lô 01-02, dự án Hạc Thành Tower, đường Phan Chu Trinh, phường Điện Biên Phủ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
PGD TÂN SƠN	Một phần Tầng 1, tầng 2 và tầng 3 của tòa nhà, Lô 24-25 đường Lê Hoàn, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
PGD QUANG TRUNG	Tầng 1 và tầng 2 của tòa nhà 301 Lạc Long Quân, phường Ngọc Trạo, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
PGD LAM SƠN	Số 380 Lê Lai, phường Đông Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
CN NGHỆ AN	Số 7, đường Lê Hồng Phong, phường Hưng Bình, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
PGD VINH	Lô A-19, khu dân cư Golden City 10, đường Mai Hắc Đế, phường Quán Bàu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
PGD HƯNG DŨNG	Một phần tầng 1 và tầng 2, số 118 đường Nguyễn Phong Sắc, phường Hưng Dũng, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
PGD DIỄN CHÂU	Số 28, Tổ 3, Khối 3, thị trấn Diễn Thành, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An
CN QUẢNG NGÃI	Số 134 Hùng Vương, phường Trần Phú, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi
PGD BÌNH SƠN	332 Phạm Văn Đồng, thị trấn Châu Ô, huyện Bình Sơn, tỉnh Quãng Ngãi
PGD SÔNG VỆ	Số 17-19 Phạm Văn Đồng, thị trấn Sông Vệ, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi
CN LẠNG SƠN	Số 483, đường Bà Triệu, Khối 4, phường Vĩnh Trại, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn
CN BẮC NINH	Số 10, đường Nguyễn Đăng Đạo, phường Tiền Ninh Vệ, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

Tên	Địa chỉ
PGD TỪ SƠN	Tầng 1 và tầng 2, Số 444 - 446 đường Trần Phú, phường Đình Bảng, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
CN NINH BÌNH	Số 850, Đường Trần Hưng Đạo, phố Tân Khang, phường Tân Thành, thành phố Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình
PGD NINH SƠN	Số 718 đường Nguyễn Công Trứ, phường Ninh Sơn, thành phố Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình
PGD GIA VIỄN	Khu tái định cư, đường Hồng Dân, Phố Mới, thị trấn Thịnh Vượng, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình
PGD KIM SƠN	Thửa đất số 147, Tờ bản đồ số 20, thị trấn Phát Diệm, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình
CN THÁI NGUYÊN	Số 25, đường Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
PGD PHỔ YÊN	Số 173 đường Trường Chinh, phường Ba Hàng, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên
CN PLEIKU	Số 40C Hùng Vương, phường Ia Kring, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai
PGD BIỂN HỒ	Số 12 Võ Văn Kiệt, Tổ 7, phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai
PGD CHƯ SÊ	Một phần căn nhà 783A đường Hùng Vương, thị trấn Chư Sê, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai
PGD ĐAK ĐOA	Số 408 đường Nguyễn Huệ, Tổ Dân Phố 5, thị trấn Đak Đoa, huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai
CN VĨNH PHÚC	Một phần tầng 1 và tầng 2, Số 392 Mê Linh, phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc
CN BÌNH ĐỊNH	Số 463 đường Trần Hưng Đạo, phường Trần Phú, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
PGD QUY NHƠN	Số 109 đường Tây Sơn, khu vực 5, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
CN LONG BIÊN	Số 127 Nguyễn Văn Cừ, phường Ngọc Lâm, quận Long Biên, thành phố Hà Nội
PGD TIMES CITY	Sàn thương mại SO-01, tầng 1, tòa T1, khu đô thị Time City – Số 458 đường Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
PGD TRUNG YÊN	Tầng 1, tòa nhà E1, khu đô thị mới Yên Hòa, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
CN CẦU GIẤY	Tầng 1 và tầng 2 số 69 Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
CN TÂY NINH	Số 348, đường 30 tháng 4, Khu phố 1, phường 3, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh
PGD TRẢNG BÀNG	Số A2 - A3, Khu phố thương mại thị xã Trảng Bàng, khu phố Lộc An, phường Trảng Bàng, Thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh
PGD HÒA THÀNH	Số 35 – 37 đường Hùng Vương, khu phố 2, phường Long Hoa, Thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh
CN NAM ĐỊNH	Số 256 Quang Trung, phường Quang Trung, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định
PGD HẢI HẬU	Số 128 TDP số 1, thị trấn Yên Định, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định
PGD Ý YÊN	Thửa đất số: M 51, 52, 53, 54, Tờ bản đồ số: Bản đồ QH cụm CN làng nghề phía Nam thị trấn Lâm, thị trấn Lâm, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định
CN ĐÀ LẠT	Số 24 Hai Bà Trưng, phường 6, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
PGD BẢO LỘC	Số 294D đường Trần Phú, phường 1, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng

Tên	Địa chỉ
CN LINH ĐÀM	Số 10-BT1, Khu nhà ở Bắc Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
PGD VĂN PHÚ	DV01-T1, DV02-T1, DV05-T1, DV06-T1 và DV07-T1 Tòa chung cư kết hợp dịch vụ H-CT1 thuộc dự án khu nhà ở Hi Brand, phường Phú La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
PGD TÂY HÀ NỘI	Tầng 1 và tầng 2 nhà liền kề LK11A-02 Khu đô thị mới Mỗ Lao, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
PGD PHƯƠNG MAI	Tầng 1, tầng 2, tầng 3, số 75 Phương Mai, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
CN HUẾ	Số 117 Nguyễn Huệ, phường Phú Nhuận, quận Thuận Hóa, thành phố Huế
CN HÀ THÀNH	Một phần tầng 1 và một phần tầng 8 Số 265 Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
PGD TRUNG HÒA	Tầng 1 và tầng 2, The Golden Palm, đường Lê Văn Lương, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
CN HƯNG YÊN	Tầng 1, số 76, 78 và 80 đường Nguyễn Bình, phường Nhân Hòa, Thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
CN HÀ NAM	Số 260 Lê Công Thanh, phường Châu Cầu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam
CN BẮC GIANG	Số 273, đường Nguyễn Thị Lưu, phường Ngô Quyền, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang
CN BÌNH THUẬN	Số 349 Trần Hưng Đạo, Khu phố 2, phường Bình Hưng, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận
CN THÁI BÌNH	Shophouse Vincom PG 1-17 đường Quang Trung, phường Đề Thám, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình
CN THANH HÓA	Một phần tầng 1, tầng lửng, tầng 2 và tầng 3 của Lô 01-02, dự án Hạc Thành Tower, đường Phan Chu Trinh, phường Điện Biên Phủ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
CN HÀ TĨNH	Số nhà 22 - 24 đường Trần Phú, phường Bắc Hà, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh
CN PHÚ YÊN	Số 294 Trần Hưng Đạo, phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên
CN BÌNH PHƯỚC	Số 482 Khu TĐC Quốc lộ 14, khu phố Phú Thanh, phường Tân Phú, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước
CN LÀO CAI	Lô 9 và Lô 10, khu shophouse và nhà ở cao cấp CIC Luxury Lào Cai, số 254 đường Hoàng Liên, phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai
CN PHÚ THỌ	Một phần căn nhà số 2049 - 2051, đường Đại Lộ Hùng Vương, phường Gia Cẩm, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ
CN QUẢNG BÌNH	Số 224, đường Trần Hưng Đạo, phường Nam Lý, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình
CN ĐẮK NÔNG	Một phần mặt bằng số 74, đường Huỳnh Thúc Kháng, phường Nghĩa Thành, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông
CN NINH THUẬN	Số 38 đường 16 tháng 4, phường Kinh Dinh, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận

OCB
Ngân Hàng Phương Đông

CHƯƠNG

08

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ THUYẾT MINH

5.42 0.58
9.42 3.56
3.45 2.58 6.58 12.3

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông

THÔNG TIN CHUNG

THÔNG TIN VỀ NGÂN HÀNG

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông ("Ngân hàng") là ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Ngân hàng được thành lập và hoạt động theo Giấy phép số 0061/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNN") cấp ngày 13 tháng 4 năm 1996 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300852005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh ban. Thời gian hoạt động của Ngân hàng là 99 năm kể từ ngày 13 tháng 4 năm 1996.

Các hoạt động chính của Ngân hàng bao gồm hoạt động huy động vốn ngắn hạn, trung hạn và dài hạn của mọi tổ chức thuộc các thành phần kinh tế và dân cư dưới hình thức tiền gửi có kỳ hạn, không kỳ hạn bằng Đồng Việt Nam và ngoại tệ; tiếp nhận vốn ủy thác đầu tư và phát triển của các tổ chức trong nước; vay vốn của Ngân hàng Nhà Nước và của các tổ chức tín dụng khác; cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân tùy theo tính chất và khả năng nguồn vốn; chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và giấy tờ có giá; hùn vốn, liên doanh và mua cổ phần theo pháp luật hiện hành; làm dịch vụ thanh toán giữa các khách hàng; thực hiện kinh doanh ngoại tệ, vàng bạc và thanh toán giữa các khách hàng; thực hiện kinh doanh ngoại tệ, vàng bạc và thanh toán quốc tế, huy động các loại vốn từ nước ngoài và các dịch vụ ngân hàng khác trong quan hệ với nước ngoài khi được Ngân hàng Nhà Nước cho phép; đại lý bảo hiểm theo quy định của pháp luật; kinh doanh trái phiếu theo quy định của pháp luật; cấp tín dụng dưới hình thức chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng; tái chiết khấu giấy tờ có giá; phát hành thẻ tín dụng; bảo lãnh ngân hàng; mở tài khoản thanh toán cho khách hàng, mở tài khoản thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước, mở tài khoản thanh toán tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác; tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia; dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính, các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn; tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua bán, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư; tham gia đấu thầu mua bán tín phiếu Kho bạc, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu Chính phủ, tín phiếu Ngân hàng Nhà nước và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tiền tệ; dịch vụ môi giới tiền tệ; phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, trái phiếu, tín phiếu để huy động vốn theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng, Luật chứng khoán, quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước; gửi, nhận gửi vốn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước; ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước; mua nợ; kinh doanh, mua bán vàng miếng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị của Ngân hàng trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	*Chức vụ*	*Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm*
Ông Trịnh Văn Tuấn	Chủ tịch HĐQT	Tái bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2020
Ông Yoshizawa Toshiki	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2020
Bà Trịnh Thị Mai Anh	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2020
Ông Pham Tri Nguyen	Thành viên HĐQT độc lập	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2020
Ông Bùi Minh Đức	Thành viên HĐQT độc lập	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2020
Ông Ngô Hà Bắc	Thành viên HĐQT	Tái bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2020
Ông Phan Trung	Thành viên HĐQT	Tái bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2020
Ông Kato Shin	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2023
Ông Nguyễn Đình Tùng	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2023

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát của Ngân hàng trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	*Chức vụ*	*Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm*
Bà Nguyễn Thị Thúy Minh	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2020
Bà Đặng Thị Quý	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2020
Ông Phạm Quang Vinh	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2020

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Ngân hàng trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	*Chức vụ*	*Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/từ nhiệm*
Ông Phạm Hồng Hải	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 7 năm 2024
Bà Huỳnh Lê Mai	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 1 tháng 1 năm 2024
Bà Nguyễn Vân Anh	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 12 năm 2024
Ông Nguyễn Đình Tùng	Tổng Giám đốc	Từ nhiệm ngày 6 tháng 5 năm 2024
Ông Trương Đình Long	Phó Tổng Giám đốc	Từ nhiệm ngày 9 tháng 1 năm 2025
Ông Trương Thành Nam	Phó Tổng Giám đốc	Từ nhiệm ngày 1 tháng 12 năm 2024
Ông Nguyễn Văn Hương	Phó Tổng Giám đốc	Từ nhiệm ngày 19 tháng 9 năm 2024
Ông Bùi Thành Trung	Phó Tổng Giám đốc	Từ nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2024

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Trịnh Văn Tuấn, Chủ tịch HĐQT.

Ông Phạm Hồng Hải - Tổng Giám đốc được ông Trịnh Văn Tuấn - Chủ tịch Hội đồng Quản trị, ủy quyền ký báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 theo Giấy Ủy quyền số 14A/2024/UQ-CT.HĐQT ngày 03 tháng 05 năm 2024.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Ngân hàng.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông ("Ngân hàng") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và công ty con (sau đây gọi chung là "Ngân hàng") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Ngân hàng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Ngân hàng sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Ngân hàng và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

M.S.D.N: 0300852005-C.T.C.P
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHƯƠNG ĐÔNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Ông Phạm Hồng Hải
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 17 tháng 3 năm 2025

Building a better working world

Ernst & Young Vietnam Limited
20th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Fax: +84 28 3824 5250
ey.com

Số tham chiếu: 60758138/67820166-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông và Công ty con (sau đây được gọi chung là "Ngân hàng") được lập ngày 17 tháng 3 năm 2025 và được trình bày từ trang 6 đến trang 75, bao gồm báo cáo tình hình tài chính hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Ngân hàng liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Ngân hàng. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

EY
Building a better working world

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ERNST & YOUNG VIỆT NAM
M.S.D.N: 0300811802-C.T.T.N.H.H
QUẬN 1 - TP HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Phương Nga
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0763-2024-004-1

Hoàng Thị Hồng Minh
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0761-2023-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 17 tháng 3 năm 2025

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

B02/TCTD-HN

	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
TÀI SẢN			
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	**5**	**787.773.771.826**	**779.733.563.086**
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	**6**	**2.377.473.012.237**	**6.965.365.039.785**
Tiền gửi tại và cho vay các tổ chức tín dụng ("TCTD") khác		**39.126.199.257.631**	**33.900.216.479.510**
Tiền gửi tại các TCTD khác	7.1	38.922.550.757.631	32.303.914.945.061
Cho vay các TCTD khác	7.2	203.648.500.000	1.596.301.534.449
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	**8**	**-**	**41.473.565.365**
Cho vay khách hàng		**168.295.145.827.686**	**144.704.316.896.607**
Cho vay khách hàng	9	170.844.469.638.663	147.206.466.215.571
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	10	(2.549.323.810.977)	(2.502.149.318.964)
Hoạt động mua nợ	**11**	**5.041.128.156.935**	**546.768.250.000**
Mua nợ		5.079.222.324.368	550.900.000.000
Dự phòng rủi ro hoạt động mua nợ		(38.094.167.433)	(4.131.750.000)
Chứng khoán đầu tư	**12**	**52.589.033.787.156**	**40.291.755.021.791**
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		52.635.610.527.457	40.331.397.720.516
Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư		(46.576.740.301)	(39.642.698.725)
Tài sản cố định	**13**	**630.506.628.479**	**554.565.039.650**
Tài sản cố định hữu hình	13.1	341.299.885.196	269.540.873.296
Nguyên giá tài sản cố định		*897.989.633.453*	*783.657.134.113*
Khấu hao tài sản cố định		*(556.689.748.257)*	*(514.116.260.817)*
Tài sản cố định vô hình	13.2	289.206.743.283	285.024.166.354
Nguyên giá tài sản cố định		*637.354.945.135*	*581.433.546.142*
Hao mòn tài sản cố định		*(348.148.201.852)*	*(296.409.379.788)*
Tài sản Có khác	**14**	**11.865.111.228.137**	**12.330.080.871.665**
Các khoản phải thu	14.1, 14.2	7.092.839.311.432	7.866.786.309.830
Các khoản lãi, phí phải thu	14.3	2.778.453.061.157	2.528.258.177.998
Tài sản Có khác	14.4	1.998.618.855.548	1.939.836.383.837
Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác	14.5	(4.800.000.000)	(4.800.000.000)
TỔNG TÀI SẢN		**280.712.371.670.087**	**240.114.274.727.459**

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo) B02/TCTD-HN
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

	Thuyết minh	*Số cuối năm VND*	*Số đầu năm VND*
NỢ PHẢI TRẢ			
Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước		**3.469.535.552.139**	**94.394.453.562**
Tiền gửi và vay Chính phủ, NHNN	15	3.469.535.552.139	94.394.453.562
Tiền gửi và vay các TCTD khác		**45.008.281.205.498**	**31.039.865.195.767**
Tiền gửi của các TCTD khác	16.1	43.798.252.294.422	27.227.630.888.883
Vay các TCTD khác	16.2	1.210.028.911.076	3.812.234.306.884
Tiền gửi của khách hàng	**17**	**142.459.763.487.912**	**125.945.932.418.559**
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	**18**	**5.942.083.509.395**	**4.358.195.253.813**
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	**8**	**356.262.657.844**	**-**
Phát hành giấy tờ có giá	**19**	**44.010.712.500.000**	**37.808.325.000.000**
Các khoản nợ khác		**7.794.687.323.975**	**12.331.858.934.888**
Các khoản lãi, phí phải trả	20	2.654.975.316.203	4.694.175.199.277
Các khoản phải trả và công nợ khác	21	5.138.717.496.480	7.637.683.735.611
Dự phòng rủi ro khác (Dự phòng cho công nợ tiềm ẩn và cam kết ngoại bảng)		994.511.292	-
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		**249.041.326.236.763**	**211.578.571.256.589**
VỐN CHỦ SỞ HỮU			
Vốn của TCTD		**24.711.163.507.348**	**20.601.514.927.348**
Vốn điều lệ	23.2	24.657.891.520.000	20.548.242.940.000
Thặng dư vốn cổ phần	23.1	53.271.987.348	53.271.987.348
Quỹ của TCTD	**23.3**	**3.223.626.131.166**	**2.588.756.524.494**
Lợi nhuận chưa phân phối		**3.736.255.794.810**	**5.345.432.019.028**
TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	**23**	**31.671.045.433.324**	**28.535.703.470.870**
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		**280.712.371.670.087**	**240.114.274.727.459**

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP (tiếp theo) B02/TCTD-HN
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

	Thuyết minh	*Số cuối năm VND*	*Số đầu năm VND*
Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn và các cam kết đưa ra	37	148.138.211.610.916	166.218.248.044.071
- Bảo lãnh vay vốn		89.245.268.842	27.951.235.279
- Cam kết giao dịch hối đoái		138.719.544.097.903	158.389.419.615.570
Cam kết mua ngoại tệ		*662.365.672.412*	*296.243.446.052*
Cam kết bán ngoại tệ		*663.446.975.491*	*296.226.105.852*
Cam kết giao dịch hoán đổi		*137.393.731.450.000*	*157.796.950.063.666*
- Cam kết trong nghiệp vụ L/C		669.334.223.912	1.285.464.740.750
- Bảo lãnh khác		6.161.163.020.259	6.515.412.452.472
- Cam kết khác		2.498.925.000.000	-
Lãi cho vay và phí phải thu chưa thu được	38	1.854.843.084.325	2.687.354.712.757
Nợ khó đòi đã xử lý	39	14.880.784.832.530	10.211.698.707.052
Tài sản và chứng từ khác	40	68.135.411.858.929	27.283.410.619.395
		233.009.251.386.700	**206.400.712.083.275**

Người lập:	Người kiểm soát:	Người phê duyệt:
Bà Nguyễn Vân Anh Kế toán trưởng	Ông Nguyễn Huy Đức Giám đốc Tài chính	Ông Phạm Hồng Hải Tổng Giám đốc

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHƯƠNG ĐÔNG

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 17 tháng 3 năm 2025

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

B03/TCTD-HN

	Thuyết minh	*Năm nay VND*	*Năm trước VND*
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	25	17.954.213.013.236	18.126.740.691.299
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	26	(9.347.544.341.743)	(11.361.222.432.425)
Thu nhập lãi thuần		**8.606.668.671.493**	**6.765.518.258.874**
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		1.073.464.718.082	997.503.692.240
Chi phí hoạt động dịch vụ		(142.483.258.293)	(115.440.748.295)
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	**27**	**930.981.459.789**	**882.062.943.945**
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	**28**	**310.954.000.786**	**389.064.968.099**
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	**29**	**2.250.030.000**	**1.496.347.500**
(Lỗ)/lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	**30**	**(188.421.795.033)**	**646.561.649.571**
Thu nhập từ hoạt động khác		1.021.970.746.505	1.499.975.125.029
Chi phí hoạt động khác		(615.320.201.422)	(1.246.552.733.976)
Lãi thuần từ hoạt động khác	**31**	**406.650.545.083**	**253.422.391.053**
TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG		**10.069.082.912.118**	**8.938.126.559.042**
CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	**32**	**(3.803.760.652.156)**	**(3.171.425.038.560)**
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		**6.265.322.259.962**	**5.766.701.520.482**
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		(2.259.026.320.781)	(1.627.225.365.223)
TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ		**4.006.295.939.181**	**4.139.476.155.259**
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	33	(832.872.712.413)	(836.173.454.643)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp		**(832.872.712.413)**	**(836.173.454.643)**
LỢI NHUẬN SAU THUẾ		**3.173.423.226.768**	**3.303.302.700.616**
Lãi cơ bản trên cổ phiếu *(VND/cổ phiếu)*	**24**	**1.277**	**1.324**

Người lập:	Người kiểm soát:	Người phê duyệt:
Bà Nguyễn Vân Anh Kế toán trưởng	Ông Nguyễn Huy Đức Giám đốc Tài chính	Ông Phạm Hồng Hải Tổng Giám đốc

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHƯƠNG ĐÔNG

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 17 tháng 3 năm 2025

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

B04/TCTD-HN

	Thuyết minh	*Năm nay VND*	*Năm trước VND*
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được		17.695.416.911.444	17.929.055.213.599
Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả		(11.394.131.834.973)	(9.438.709.686.228)
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được		937.622.856.884	871.248.051.788
Chênh lệch số tiền thực thu/thực chi từ hoạt động kinh doanh (ngoại tệ, vàng bạc, chứng khoán)		131.716.277.329	1.042.504.616.013
Thu nhập khác		169.307.998.744	239.809.079.594
Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xoá, bù đắp bằng nguồn dự phòng rủi ro	31	211.356.985.356	86.690.315.928
Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý công vụ		(3.728.914.483.970)	(3.110.171.374.359)
Tiền thuế thu nhập thực nộp trong năm	22	(852.812.443.202)	(865.017.764.120)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và nợ phải trả hoạt động		**3.169.562.267.612**	**6.755.408.452.215**
Những thay đổi về tài sản hoạt động			
Giảm các khoản tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác		1.392.653.034.449	613.728.642.844
Tăng các khoản về kinh doanh chứng khoán		(12.304.212.806.941)	(2.821.194.346.585)
Giảm các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác		41.473.565.365	318.570.441.702
Tăng các khoản cho vay khách hàng		(28.166.325.747.460)	(25.046.204.474.079)
Giảm nguồn dự phòng để xử lý rủi ro, xử lý, bù đắp tổn thất các khoản (tín dụng, chứng khoán, đầu tư dài hạn)	10	(2.176.894.900.043)	(703.276.451.916)
Giảm/(tăng) khác về tài sản hoạt động		818.531.294.940	(1.764.715.431.571)
Những thay đổi về công nợ hoạt động			
Tăng/(giảm) các khoản nợ Chính phủ và NHNN		3.375.141.098.577	(2.500.235.292.044)
Tăng các khoản tiền gửi, tiền vay các TCTD		13.968.416.009.731	8.401.222.337.334
Tăng tiền gửi của khách hàng		16.513.831.069.353	23.742.743.108.336
Tăng phát hành giấy tờ có giá		6.202.387.500.000	5.785.587.500.000
Tăng vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro		1.583.888.255.582	1.189.720.863.332
Tăng các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác		356.262.657.844	-
(Giảm)/tăng khác về công nợ hoạt động		(2.507.932.329.937)	2.670.662.148.197
Chi từ các quỹ của tổ chức tín dụng	21	(10.462.000.000)	(6.547.777.779)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		**2.256.318.969.072**	**16.635.469.719.986**

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

B04/TCTD-HN

	Thuyết minh	*Năm nay VND*	*Năm trước VND*
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Mua sắm tài sản cố định		(278.200.437.406)	(381.839.983.500)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		60.693.687.165	1.350.311.713.634
Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động đầu tư		**(217.506.750.241)**	**968.471.730.134**
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Cổ tức trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia		(28.225.069)	(4.246.000)
Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		**(28.225.069)**	**(4.246.000)**
Lưu chuyển tiền thuần trong năm		**2.038.783.993.762**	**17.603.937.204.120**
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	**34**	**40.049.013.547.932**	**22.445.076.343.812**
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	**34**	**42.087.797.541.694**	**40.049.013.547.932**

Người lập:	Người kiểm soát:	Người phê duyệt:
Bà Nguyễn Vân Anh Kế toán trưởng	Ông Nguyễn Huy Đức Giám đốc Tài chính	Ông Phạm Hồng Hải Tổng Giám đốc

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHƯƠNG ĐÔNG

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 17 tháng 3 năm 2025

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông ("Ngân hàng") là một ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập hoạt động tại Việt Nam.

Ngân hàng được thành lập và hoạt động theo Giấy phép số 0061/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNN") cấp ngày 13 tháng 4 năm 1996 và các giấy phép sửa đổi bổ sung do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh ban hành. Thời gian hoạt động của Ngân hàng là 99 năm kể từ ngày 13 tháng 4 năm 1996.

Các hoạt động chính của Ngân hàng bao gồm hoạt động huy động vốn ngắn hạn, trung hạn và dài hạn của mọi tổ chức thuộc các thành phần kinh tế và dân cư dưới hình thức tiền gửi có kỳ hạn, không kỳ hạn bằng Đồng Việt Nam và ngoại tệ; tiếp nhận vốn ủy thác đầu tư và phát triển của các tổ chức trong nước; vay vốn của Ngân hàng Nhà Nước và của các tổ chức tín dụng khác; cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân tùy theo tính chất và khả năng nguồn vốn; chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và giấy tờ có giá; hùn vốn, liên doanh và mua cổ phần theo pháp luật hiện hành; làm dịch vụ thanh toán giữa các khách hàng; thực hiện kinh doanh ngoại tệ, vàng bạc và thanh toán giữa các khách hàng; thực hiện kinh doanh ngoại tệ, vàng bạc và thanh toán quốc tế, huy động các loại vốn từ nước ngoài và các dịch vụ ngân hàng khác trong quan hệ với nước ngoài khi được Ngân hàng Nhà Nước cho phép; đại lý bảo hiểm theo quy định của pháp luật; kinh doanh trái phiếu theo quy định của pháp luật; cấp tín dụng dưới hình thức chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng; tái chiết khấu giấy tờ có giá; phát hành thẻ tín dụng; bảo lãnh ngân hàng; mở tài khoản thanh toán cho khách hàng, mở tài khoản thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước, mở tài khoản thanh toán tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác; tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia; dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính, các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn; tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua bán, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư; tham gia đấu thầu mua bán tín phiếu Kho bạc, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu Chính phủ, tín phiếu Ngân hàng Nhà nước và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tiền tệ; dịch vụ môi giới tiền tệ; phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, trái phiếu, tín phiếu để huy động vốn theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng, Luật chứng khoán, quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước; gửi, nhận gửi vốn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước; ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước; mua nợ; kinh doanh, mua bán vàng miếng, cung ứng dịch vụ nhận và chi trả ngoại tệ.

Vốn điều lệ

Vốn điều lệ của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 24.657.891.520.000 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 20.548.242.940.000 VND). Ngân hàng đã phát hành 2.465.789.152 cổ phiếu phổ thông, với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phiếu.

Mạng lưới hoạt động

Ngân hàng có trụ sở chính đặt tại tòa nhà The Hallmark, số 15 Trần Bạch Đằng, phường Thủ Thiêm, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Ngân hàng có một (1) Hội sở chính, sáu mươi hai (62) chi nhánh, một trăm mười ba (113) phòng giao dịch (ngày 31 tháng 12 năm 2023: Ngân hàng có một (1) Hội sở chính, năm mươi bảy (57) chi nhánh, một trăm lẻ một (101) phòng giao dịch) trên toàn quốc.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo) B05/TCTD-HN
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG (tiếp theo)

Nhân viên

Tổng số nhân viên đang làm việc cho Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 7.026 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 6.822 nhân viên).

Công ty con

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Ngân hàng có một công ty con như sau:

Tên công ty	*Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh*	*Ngành hoạt động*	*Vốn điều lệ*	*% sở hữu*
Công ty TNHH MTV Chuyển tiền Quốc tế Ngân hàng Thương mại Phương Đông	Số 0314327542 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 3 tháng 4 năm 2017	Dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ	25 tỷ đồng Việt Nam	100%

2. NĂM TÀI CHÍNH VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Ngân hàng áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong công tác lập báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng là đồng Việt Nam ("VND").

3. CHUẨN MỰC VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Tuyên bố tuân thủ

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng khẳng định báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

3.2 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Ngân hàng và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Ngân hàng nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Ngân hàng chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Ngân hàng và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên báo cáo tình hình tài chính giữa Ngân hàng và công ty con, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo) B05/TCTD-HN
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CHUẨN MỰC VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.3 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và công ty con (sau đây được gọi chung là "Ngân hàng") được lập phù hợp với Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 4 năm 2004, Thông tư số 10/2014/TT-NHNN ngày 20 tháng 3 năm 2014, Thông tư số 22/2017/TT-NHNN ngày 29 tháng 12 năm 2017 và Thông tư số 27/2021/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2021 bổ sung, sửa đổi Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN; Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007, Thông tư số 49/2014/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều khoản của Chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN và Hệ thống tài khoản kế toán các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành bao gồm:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành và công bố bốn chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành và công bố sáu chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành và công bố sáu chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành và công bố sáu chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành và công bố bốn chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thông lệ, thủ tục và nguyên tắc kế toán Việt Nam và hơn nữa, báo cáo này không chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng theo những nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các quốc gia và thể chế bên ngoài Việt Nam.

3.4 Các cơ sở đánh giá và các ước tính kế toán áp dụng

Việc trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải thực hiện các ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo của tài sản, nợ phải trả cũng như việc trình bày các công nợ tiềm ẩn. Các ước tính và giả định này cũng ảnh hưởng đến thu nhập, chi phí và kết quả số liệu dự phòng. Các ước tính này được lập dựa trên các giả định về một số yếu tố với các mức độ khác nhau về chủ quan và tính không chắc chắn. Do vậy, các kết quả thực tế có thể thay đổi dẫn đến việc điều chỉnh các khoản mục có liên quan sau này.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo) B05/TCTD-HN
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 *Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh*

Các chính sách kế toán của Ngân hàng sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất này được áp dụng nhất quán với các chính sách kế toán đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, ngoại trừ các thay đổi sau:

Luật các Tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18 tháng 1 năm 2024 quy định về việc thành lập, tổ chức, hoạt động, can thiệp sớm, giải thể, chấm dứt hoạt động của chi nhánh ngân hàng nước ngoài; việc thành lập, hoạt động của văn phòng đại diện tại Việt Nam của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng; việc xử lý nợ xấu, tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mà Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ có chức năng mua, bán, xử lý nợ. Luật này có hiệu lực kể từ ngày 1 tháng 7 năm 2024.

Thông tư 21/2024/TT-NHNN ("Thông tư 21") quy định về nghiệp vụ thư tín dụng và các hoạt động kinh doanh khác liên quan đến thư tín dụng.

Thông tư 21 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 7 năm 2024, nghiệp vụ thư tín dụng được coi là một hình thức cấp tín dụng thông qua phát hành, xác nhận, thương lượng thanh toán và hoàn trả thư tín dụng. Các hợp đồng, thỏa thuận liên quan đến nghiệp vụ này ký trước ngày Thông tư 21 có hiệu lực sẽ tiếp tục được thực hiện cho đến khi hết hạn và các nghĩa vụ hoàn thành. Việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn chỉ được thực hiện nếu phù hợp với Thông tư 21.

Thông tư 31/2024/TT-NHNN ("Thông tư 31") quy định về phân loại tài sản có trong hoạt động của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

NHNN ban hành Thông tư 31 có hiệu lực kể từ ngày 1 tháng 7 năm 2024, thay thế các nội dung liên quan đến phân loại nợ tại Thông tư 11/2021/TT-NHNN ("Thông tư 11") về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Các thay đổi chính của Thông tư 31 ảnh hưởng đến việc ước tính dự phòng như sau:

- Sửa đổi nguyên tắc phân loại nợ đối với khoản nợ phát sinh từ hoạt động bao thanh toán;
- Bổ sung nguyên tắc phân loại nợ đối với khoản nợ phát sinh từ nghiệp vụ thư tín dụng, nghiệp vụ mua hẳn miễn truy đòi bộ chứng từ xuất trình theo thư tín dụng và một số nghiệp vụ khác.

Nghị định số 86/2024/NĐ-CP quy định về mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro, việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và trường hợp tổ chức tín dụng phân bổ lãi phải thu, phải thoái ("Nghị định 86")

Nghị định 86 có hiệu lực từ ngày 11 tháng 7 năm 2024, ngân hàng đã thực hiện trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro theo quy định của Nghị định 86 trong năm thay thế các quy định liên quan đến dự phòng rủi ro tại Thông tư 11.

Thông tư 06/2024/TT-NHNN ("Thông tư 06") ngày 18 tháng 6 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 02/2023/TT-NHNN "Thông tư 02") ngày 23 tháng 4 năm 2023 của Thống đốc NHNN Việt Nam quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 6 năm 2024.

Thông tư 53/2024/TT-NHNN ("Thông tư 53") ngày 4 tháng 12 năm 2024 quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ đối với khách hàng gặp khó khăn do ảnh hưởng, thiệt hại của bão số 3, ngập lụt, lũ, sạt lở đất sau bão số 3. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 4 tháng 12 năm 2024.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo) B05/TCTD-HN
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, vàng bạc, đá quý và tiền gửi Ngân hàng Nhà nước ("NHNN"), các khoản tiền gửi thanh toán và tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác có thời gian đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày gửi, chứng khoán có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

4.3 Tiền gửi tại và cho vay các tổ chức tín dụng khác

Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác được trình bày theo số dư nợ gốc tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

Việc phân loại rủi ro tín dụng đối với các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác và trích lập dự phòng tương ứng được thực hiện theo quy định tại Thông tư 31 và Nghị định 86 quy định về việc phân loại các tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của các tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Theo đó, Ngân hàng trích lập dự phòng cụ thể cho các khoản tiền gửi (trừ tiền gửi không kỳ hạn) và cho vay các tổ chức tín dụng khác theo phương pháp nêu tại *Thuyết minh 4.5*.

Theo Nghị định 86, Ngân hàng không cần phải trích lập dự phòng chung đối với các khoản tiền gửi tại và cho vay các tổ chức tín dụng khác.

4.4 Cho vay khách hàng

Các khoản cho vay khách hàng bao gồm cho vay và hoạt động tín dụng khác được công bố và trình bày theo số dư nợ gốc tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

Dự phòng rủi ro tín dụng của các khoản cho vay khách hàng được hạch toán và trình bày thành một (1) dòng riêng trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

Các khoản cho vay ngắn hạn là các khoản có thời hạn cho vay từ 12 tháng trở xuống tính từ ngày giải ngân. Các khoản cho vay trung hạn có thời hạn cho vay từ trên 12 tháng đến 60 tháng tính từ ngày giải ngân. Các khoản cho vay dài hạn có thời hạn cho vay trên 60 tháng tính từ ngày giải ngân.

Việc phân loại nợ và lập dự phòng rủi ro tín dụng được thực hiện theo Thông tư 31 và Nghị định 86 như trình bày trong *Thuyết minh 4.5*.

4.5 Phân loại nợ và mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro cho tiền gửi tại và cho vay các tổ chức tín dụng khác, mua và ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết, cho vay khách hàng, ủy thác cấp tín dụng và các khoản phải thu chịu rủi ro tín dụng khác

4.5.1 Phân loại nợ và dự phòng rủi ro tín dụng

Việc phân loại nợ cho các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác, cho vay khách hàng, mua nợ và tài sản có rủi ro tín dụng (gọi chung là "các khoản nợ") được thực hiện theo phương pháp định lượng được quy định tại Điều 10 của Thông tư 31. Theo đó, các khoản nợ được phân loại theo các mức độ rủi ro như sau: Nợ đủ tiêu chuẩn, Nợ cần chú ý, Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ và Nợ có khả năng mất vốn dựa vào tình trạng quá hạn. Các khoản nợ được phân loại là Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ và Nợ có khả năng mất vốn được coi là nợ xấu.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo) B05/TCTD-HN
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.5 *Phân loại nợ và mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro cho tiền gửi tại và cho vay các tổ chức tín dụng khác, mua và ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết, cho vay khách hàng, ủy thác cấp tín dụng và các khoản phải thu chịu rủi ro tín dụng khác* (tiếp theo)

4.5.1 *Phân loại nợ và dự phòng rủi ro tín dụng* (tiếp theo)

Dự phòng chung tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 được lập với mức bằng 0,75% tổng số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 của các khoản nợ trừ các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác và các khoản nợ được phân loại vào nhóm nợ có khả năng mất vốn.

Dự phòng cụ thể tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 được xác định bằng dư nợ sau khi trừ đi giá trị tài sản bảo đảm đã được khấu trừ nhân với tỷ lệ dự phòng theo phân loại nhóm nợ tại ngày 31 tháng 12 năm 2024. Cơ sở xác định giá trị và tỷ lệ khấu trừ của từng loại tài sản đảm bảo được quy định trong Nghị định 86.

Việc phân loại nợ và tỷ lệ dự phòng cụ thể đối với từng nhóm nợ cụ thể như sau:

Nhóm nợ		*Tình trạng quá hạn*	*Tỷ lệ dự phòng*
1	Nợ đủ tiêu chuẩn	(a) Nợ trong hạn và được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ cả nợ gốc và lãi đúng hạn; hoặc (b) Nợ quá hạn dưới 10 ngày và được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ nợ gốc và lãi bị quá hạn và thu hồi đầy đủ nợ gốc và lãi còn lại đúng thời hạn.	0%
2	Nợ cần chú ý	(a) Nợ quá hạn từ 10 ngày đến 90 ngày; hoặc (b) Nợ điều chỉnh kỳ hạn trả nợ lần đầu.	5%
3	Nợ dưới tiêu chuẩn	(a) Nợ quá hạn từ 91 ngày đến 180 ngày; hoặc (b) Nợ gia hạn nợ lần đầu; hoặc (c) Nợ được miễn hoặc giảm lãi do khách hàng không đủ khả năng trả lãi đầy đủ theo thỏa thuận; hoặc (d) Nợ thuộc một trong các trường hợp sau đây chưa thu hồi được trong thời gian dưới 30 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi: ▪ Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 3, 4, 5, 6 Điều 134 Luật các tổ chức tín dụng; hoặc ▪ Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 Điều 135 Luật các tổ chức tín dụng; hoặc ▪ Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 5, 9 Điều 136 Luật các tổ chức tín dụng. (e) Nợ trong thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra, kiểm tra; hoặc (f) Nợ phải thu hồi theo quyết định thu hồi nợ trước hạn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài do khách hàng vi phạm hợp đồng tín dụng với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chưa thu hồi được trong thời gian dưới 30 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc (g) Khi có yêu cầu của NHNN dựa trên kết quả thanh tra, giám sát và thông tin tín dụng có liên quan.	20%

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo) B05/TCTD-HN
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.5 Phân loại nợ và mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro cho tiền gửi tại và cho vay các tổ chức tín dụng khác, mua và ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết, cho vay khách hàng, ủy thác cấp tín dụng và các khoản phải thu chịu rủi ro tín dụng khác (tiếp theo)

4.5.1 Phân loại nợ và dự phòng rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Nhóm nợ		*Tình trạng quá hạn*	*Tỷ lệ dự phòng*
4	Nợ nghi ngờ	(a) Nợ quá hạn từ 181 ngày đến 360 ngày; hoặc (b) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn dưới 90 ngày theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu; hoặc (c) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai; hoặc (d) Khoản nợ quy định tại điểm (d) của nợ Nhóm 3 chưa thu hồi được trong thời gian từ 30 ngày đến 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc (e) Nợ phải thu hồi theo kết luận thanh tra nhưng quá thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra đến 60 ngày mà vẫn chưa thu hồi được. (f) Nợ phải thu hồi theo quyết định thu hồi nợ trước hạn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài do khách hàng vi phạm thỏa thuận với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chưa thu hồi được trong thời gian từ 30 ngày đến 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc (g) Khi có yêu cầu của NHNN dựa trên kết quả thanh tra, giám sát và thông tin tín dụng có liên quan.	50%
5	Nợ có khả năng mất vốn	(a) Nợ quá hạn trên 360 ngày; hoặc (b) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn từ 91 ngày trở lên theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu; hoặc (c) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai và quá hạn theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần thứ hai; hoặc (d) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ ba trở lên, kể cả chưa bị quá hạn hoặc đã quá hạn; hoặc (e) Khoản nợ quy định tại điểm (d) của nợ Nhóm 3 chưa thu hồi được trong thời gian trên 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc (f) Nợ phải thu hồi theo kết luận thanh tra nhưng quá thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra trên 60 ngày mà vẫn chưa thu hồi được; hoặc (g) Khoản nợ phải thu hồi theo quyết định thu hồi nợ trước hạn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài do khách hàng vi phạm thỏa thuận với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chưa thu hồi được trên 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc (h) Nợ của khách hàng là tổ chức tín dụng được NHNN công bố đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt, hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa vốn và tài sản; hoặc (i) Khi có yêu cầu của NHNN dựa trên kết quả thanh tra, giám sát và thông tin tín dụng có liên quan.	100%

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo) B05/TCTD-HN
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.5 Phân loại nợ và mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro cho tiền gửi tại và cho vay các tổ chức tín dụng khác, mua và ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết, cho vay khách hàng, ủy thác cấp tín dụng và các khoản phải thu chịu rủi ro tín dụng khác (tiếp theo)

4.5.1 Phân loại nợ và dự phòng rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Trường hợp một khách hàng có nhiều hơn một khoản nợ với Ngân hàng mà có bất kỳ khoản nợ nào bị chuyển sang nhóm nợ rủi ro cao hơn thì Ngân hàng phân loại các khoản nợ còn lại của khách hàng đó vào nhóm nợ rủi ro cao hơn tương ứng với mức độ rủi ro.

Trường hợp nợ của khách hàng được phân loại vào nhóm nợ có mức độ rủi ro thấp hơn nhóm nợ theo danh sách do Trung tâm Thông tin Tín dụng Quốc gia Việt Nam thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("CIC") cung cấp, Ngân hàng phải điều chỉnh kết quả phân loại nợ theo nhóm nợ được CIC cung cấp.

Khi Ngân hàng tham gia cho vay hợp vốn không phải với vai trò là ngân hàng đầu mối, Ngân hàng thực hiện phân loại các khoản nợ (bao gồm cả khoản vay hợp vốn) của khách hàng đó vào nhóm rủi ro cao hơn giữa đánh giá của ngân hàng đầu mối và đánh giá của Ngân hàng.

Đối với các khoản cho vay tổ chức tín dụng đang được kiểm soát đặc biệt theo quy định tại khoản 9 Điều 174 Luật Các Tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15, Ngân hàng phân loại các khoản vay này vào nhóm nợ đủ tiêu chuẩn và không phải điều chỉnh nhóm nợ theo danh sách khách hàng do CIC cung cấp.

4.5.2 Cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng

Từ ngày 13 tháng 3 năm 2020 đến ngày 30 tháng 6 năm 2022, Ngân hàng đã áp dụng chính sách cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ đối với các khoản nợ đáp ứng các điều kiện của Thông tư 01/2020/TT-NHNN ngày 13 tháng 3 năm 2020 ("Thông tư 01"), Thông tư 03/2021/TT-NHNN ("Thông tư 03") ngày 2 tháng 4 năm 2021 và Thông tư 14/2021/TT-NHNN ("Thông tư 14") ngày 7 tháng 9 năm 2021 do Ngân hàng Nhà nước ban hành quy định về việc TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng bởi dịch COVID - 19.

Từ ngày 24 tháng 4 năm 2023, Ngân hàng đã áp dụng chính sách cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh và khách hàng gặp khó khăn trả nợ vay phục vụ nhu cầu đời sống, tiêu dùng và đáp ứng yêu cầu của Thông tư 02/2023/TT-NHNN ("Thông tư 02") ngày 23 tháng 4 năm 2023 và Thông tư 06/2024/TT-NHNN ngày 18 tháng 6 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 02 do NHNN ban hành quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo) B05/TCTD-HN
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.5 Phân loại nợ và mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro cho tiền gửi tại và cho vay các tổ chức tín dụng khác, mua và ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết, cho vay khách hàng, ủy thác cấp tín dụng và các khoản phải thu chịu rủi ro tín dụng khác (tiếp theo)

4.5.2 Cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng (tiếp theo)

Theo đó, Ngân hàng thực hiện phân loại nợ đối với các khoản nợ áp dụng chính sách cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ như sau:

Thời điểm phát sinh khoản nợ	*Tình trạng quá hạn*	*Khoảng thời gian phát sinh quá hạn*	*Nguyên tắc giữ nguyên nhóm nợ*
Trước 1/8/2021	Trong hạn hoặc quá hạn đến 10 ngày	Từ 30/3/2020 đến 30/6/2022	Giữ nguyên nhóm nợ đã phân loại tại thời điểm gần nhất trước ngày 23/1/2020 hoặc nhóm nợ đã phân loại tại thời điểm gần nhất trước ngày thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu
Trước 23/1/2020	Quá hạn	Từ 23/1/2020 đến 29/3/2020	Giữ nguyên nhóm nợ đã phân loại tại thời điểm gần nhất trước ngày 23/1/2020
Từ 23/1/2020 đến 10/6/2020		Từ 23/1/2020 đến 17/5/2021	Giữ nguyên nhóm nợ đã phân loại tại thời điểm gần nhất trước ngày khoản nợ bị chuyển quá hạn
Từ 10/6/2020 đến 1/8/2021		Từ 17/7/2021 đến 7/9/2021	
Trước 24/4/2023	Trong hạn hoặc quá hạn đến 10 ngày	Từ 24/4/2023 đến 31/12/2024	Giữ nguyên nhóm nợ đã phân loại tại thời điểm gần nhất trước ngày thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ

Từ ngày 4 tháng 12 năm 2024, theo Thông tư 53/2024/TT-NHNN ("Thông tư 53"), Ngân hàng thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ cho khách hàng gặp khó khăn do bão số 3. Chính sách này áp dụng cho khách hàng cá nhân và tổ chức (trừ tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài) tại 26 tỉnh, thành phố bị ảnh hưởng. Việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ sẽ được thực hiện dựa trên đề nghị của khách hàng và khả năng tài chính của Ngân hàng:

Thời điểm phát sinh khoản nợ	*Tình trạng quá hạn*	*Khoảng thời gian phát sinh quá hạn*	*Nguyên tắc giữ nguyên nhóm nợ*
Trước 7/9/2024	Trong hạn hoặc quá hạn đến 10 ngày	Từ 7/9/2024 đến 31/12/2025	Giữ nguyên nhóm nợ đã phân loại tại thời điểm gần nhất trước ngày thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ

Đối với các khoản nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, được miễn, giảm lãi và/hoặc phí và giữ nguyên nhóm nợ, nếu quá hạn theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại và không đủ điều kiện được cơ cấu lại theo quy định hiện hành, Ngân hàng thực hiện phân loại nợ và trích lập dự phòng theo Thông tư 31 và Nghị định 86.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo) B05/TCTD-HN
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.5 Phân loại nợ và mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro cho tiền gửi tại và cho vay các tổ chức tín dụng khác, mua và ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết, cho vay khách hàng, ủy thác cấp tín dụng và các khoản phải thu chịu rủi ro tín dụng khác (tiếp theo)

4.5.3 Trích lập dự phòng cụ thể đối với khách hàng có số dư nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ

Ngân hàng trích lập dự phòng cụ thể đối với khách hàng có số dư nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ theo công thức sau: C = A - B

Trong đó:

C: Dự phòng cụ thể trích phải trích bổ sung;

A: Dự phòng cụ thể phải trích đối với toàn bộ dư nợ của khách hàng theo kết quả phân loại nợ theo Thông tư 31 và Nghị định 86 (*Thuyết minh 4.5.1*);

B: Tổng dự phòng cụ thể phải trích đối với phần dư nợ được giữ nguyên nhóm nợ theo quy định (Thuyết minh 4.5.2) và dự phòng cụ thể phải trích đối với phần dư nợ còn lại của khách hàng theo kết quả phân loại nợ theo Thông tư 31 và Nghị định 86 (Thuyết minh 4.5.1).

Dự phòng cụ thể phải trích bổ sung C được Ngân hàng thực hiện trích bổ sung khi lập báo cáo tài chính đảm bảo việc trích lập tối thiểu theo quy định như sau:

- Đối với khoản nợ áp dụng chính sách cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ theo quy định tại Thông tư 01, Thông tư 03 và Thông tư 14:
  - Đến thời điểm 31/12/2021: Tối thiểu 30% số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung;
  - Đến thời điểm 31/12/2022: Tối thiểu 60% số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung;
  - Đến thời điểm 31/12/2023: 100% số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung.
- Đối với khoản nợ áp dụng chính sách cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ theo quy định tại Thông tư 02:
  - Đến thời điểm 31/12/2023: Tối thiểu 50% số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung;
  - Đến thời điểm 31/12/2024: 100% số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung.
- Đối với khoản nợ áp dụng chính sách cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ theo quy định tại Thông tư 53:
  - Đến thời điểm 31/12/2024: Tối thiểu 35% số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung.
  - Đến thời điểm 31/12/2025: Trích thêm để đạt tối thiểu 70% số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung
  - Đến thời điểm 31/12/2026: Trích thêm số còn lại để đủ 100% số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung

Xử lý rủi ro tín dụng

Dự phòng được ghi nhận như một khoản chi phí trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất và được sử dụng để xử lý các khoản nợ xấu. Theo Thông tư 31 và Nghị định 86, Ngân hàng thành lập Uỷ ban xử lý rủi ro để xử lý các khoản nợ xấu nếu như chúng được phân loại vào nhóm 5 hoặc nếu khách hàng vay là tổ chức bị giải thể, phá sản, hoặc cá nhân bị chết hoặc mất tích.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo) B05/TCTD-HN
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.6 Chứng khoán kinh doanh

4.6.1 Phân loại và ghi nhận

Chứng khoán kinh doanh bao gồm chứng khoán nợ được mua với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

4.6.2 Đo lường

Chứng khoán kinh doanh sẽ được xem xét về khả năng giảm giá vào cuối năm tài chính.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận trên nguyên tắc thấp hơn giữa giá trị trên sổ sách và giá trị thị trường. Chứng khoán được lập dự phòng giảm giá khi giá trị ghi sổ cao hơn giá trị thị trường được xác định theo quy định tại Thông tư 48 và Thông tư 24. Đối tượng lập dự phòng không bao gồm trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên khoản *mục "Lãi/(Lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh"*.

Đối với chứng khoán nợ chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán thì Ngân hàng trích lập dự phòng rủi ro tín dụng theo quy định của Thông tư 31 và Nghị định 86 như trình bày trong *Thuyết minh 4.5*.

Dự phòng rủi ro đối với chứng khoán kinh doanh được đề cập ở trên sẽ được hoàn nhập khi việc tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi của chứng khoán kinh doanh là do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được ghi nhận. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi chưa lập dự phòng.

Lãi hoặc lỗ từ việc bán chứng khoán kinh doanh được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

Tiền lãi bằng tiền thu được trong thời gian nắm giữ chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên cơ sở thực thu.

4.6.3 Dừng ghi nhận

Chứng khoán kinh doanh được dừng ghi nhận khi các quyền lợi nhận các luồng tiền từ các chứng khoán này đã chấm dứt hoặc Ngân hàng đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích của việc sở hữu các chứng khoán này.

4.7 Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

4.7.1 Phân loại và ghi nhận

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán bao gồm các chứng khoán nợ và chứng khoán vốn được Ngân hàng nắm giữ với mục đích đầu tư và sẵn sàng để bán, không thuộc loại chứng khoán mua vào bán ra thường xuyên nhưng có thể bán bất cứ lúc nào xét thấy có lợi. Đối với chứng khoán vốn, Ngân hàng không phải là cổ đông sáng lập; hoặc là đối tác chiến lược; hoặc có khả năng chi phối nhất định vào quá trình lập, quyết định các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư thông qua văn bản thỏa thuận cử nhân sự tham gia Hội đồng Quản trị/Ban Tổng Giám đốc.

Chứng khoán vốn được ghi nhận theo giá gốc vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo.

Chứng khoán nợ được ghi nhận theo mệnh giá vào ngày giao dịch. Lãi dự thu của chứng khoán trước khi mua (đối với chứng khoán nợ trả lãi sau) hoặc lãi nhận trước chờ phân bổ (đối với chứng khoán nợ trả lãi trước) được phản ánh trên một tài khoản riêng. Phần chiết khấu/ phụ trội là chênh lệch âm/dương giữa giá gốc với giá trị của khoản tiền gồm mệnh giá cộng (+) lãi dồn tích trước khi mua (nếu có) hoặc trừ (-) lãi nhận trước chờ phân bổ (nếu có), cũng được phản ánh trên một tài khoản riêng.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo) B05/TCTD-HN
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.7 *Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán* (tiếp theo)

4.7.1 *Phân loại và ghi nhận* (tiếp theo)

Trong khoảng thời gian nắm giữ chứng khoán tiếp theo, các chứng khoán này được ghi nhận theo mệnh giá và chiết khấu/phụ trội (nếu có) của chứng khoán sẵn sàng để bán được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian còn lại ước tính của chứng khoán. Số tiền lãi nhận được trong thời gian nắm giữ chứng khoán được ghi nhận theo nguyên tắc: Số tiền lãi dồn tích trước khi mua được ghi giảm giá trị của tài khoản lãi dự thu, và số tiền lãi dồn tích sau thời điểm mua được ghi nhận vào thu nhập của Ngân hàng theo phương pháp cộng dồn. Số tiền lãi nhận trước được hạch toán phân bổ vào thu lãi đầu tư chứng khoán theo phương pháp đường thẳng cho khoảng thời gian đầu tư chứng khoán.

4.7.2 *Đo lường*

Chứng khoán sẵn sàng để bán sẽ được xem xét về khả năng giảm giá vào cuối năm tài chính.

Chứng khoán sẵn sàng để bán được lập dự phòng giảm giá khi giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường theo Thông tư 48 và Thông tư 24. Đối tượng lập dự phòng không bao gồm trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên khoản mục *"Lãi/(lỗ) thuần từ chứng khoán đầu tư"*.

Đối với trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết thì Ngân hàng tiến hành phân loại và trích lập dự phòng rủi ro theo Thông tư 31 và Nghị định 86 như được trình bày tại *Thuyết minh 4.5*.

Dự phòng rủi ro đối với chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán được đề cập ở trên sẽ được hoàn nhập khi việc tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi của chứng khoán sẵn sàng để bán là do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được ghi nhận. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi chưa lập dự phòng.

4.7.3 *Dừng ghi nhận*

Chứng khoán sẵn sàng để bán được dừng ghi nhận khi các quyền lợi nhận các luồng tiền từ các chứng khoán này đã chấm dứt hoặc Ngân hàng đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích của việc sở hữu các chứng khoán này.

4.8 *Các hợp đồng mua lại và bán lại*

Những chứng khoán được bán đồng thời được cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai vẫn được ghi nhận trong báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản tiền nhận được theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản đi vay trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất và phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất theo lãi suất hợp đồng.

Những chứng khoán được mua đồng thời được cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai không được ghi nhận trong báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản tiền thanh toán theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản đầu tư trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất và phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất theo lãi suất hợp đồng.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo) B05/TCTD-HN
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.9 *Tài sản cố định*

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao hay hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định là toàn bộ các chi phí mà Ngân hàng phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định; chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động hợp nhất.

4.10 *Khấu hao và hao mòn*

Khấu hao của tài sản cố định hữu hình và hao mòn của tài sản cố định vô hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 35 năm
Phương tiện vận chuyển	5 - 10 năm
Máy móc thiết bị	3 - 10 năm
Tài sản cố định khác	3 - 8 năm
Quyền sử dụng đất có thời hạn	35 - 50 năm
Phần mềm máy tính	3 -10 năm

Quyền sử dụng đất vô thời hạn không được trích khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời gian thuê hoặc thời gian sử dụng.

4.11 *Thuê hoạt động*

Các khoản tiền thuê theo các hợp đồng thuê hoạt động được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào khoản mục *"Chi phí hoạt động"* trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trong suốt thời hạn thuê tài sản.

4.12 *Các khoản phải thu*

4.12.1 *Các khoản nợ phải thu được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng*

Các khoản phải thu được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng được ghi nhận theo giá gốc. Nợ phải thu khó đòi được Ngân hàng thực hiện phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro theo quy định của pháp luật về trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro được trình bày tại *Thuyết minh 4.5.*

4.12.2 *Các khoản phải thu khác*

Các khoản phải thu khác không được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản nợ phải thu khác được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng được ghi nhận vào khoản mục *"Chi phí hoạt động"* trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo) B05/TCTD-HN
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.12 *Các khoản phải thu* (tiếp theo)

4.12.2 *Các khoản phải thu khác* (tiếp theo)

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng được quy định theo Thông tư 48 và Thông tư 24 như sau:

Thời gian quá hạn	*Mức trích dự phòng*
Từ sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

4.13 *Chi phí trả trước và chi phí chờ phân bổ*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

4.14 *Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước, tiền gửi và vay của các tổ chức tín dụng khác, tiền gửi của khách hàng, Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro và phát hành giấy tờ có giá*

Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước, tiền gửi và vay của các tổ chức tín dụng khác, tiền gửi của khách hàng, Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro và phát hành giấy tờ có giá được công bố và trình bày theo số dư gốc tại thời điểm kết thúc năm tài chính. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, chi phí phát hành trái phiếu được ghi giảm số dư gốc của trái phiếu. Ngân hàng thực hiện phân bổ dần các chi phí này vào "Chi phí lãi và các chi phí tương tự" theo phương pháp đường thẳng phù hợp với kỳ hạn của giấy tờ có giá.

4.15 *Các khoản phải trả và chi phí trích trước*

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Ngân hàng đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.16 *Phân loại nợ cho các cam kết ngoại bảng*

Cam kết ngoại bảng bao gồm các khoản bảo lãnh, chấp nhận thanh toán và các cam kết cho vay không hủy ngang vô điều kiện và có thời gian thực hiện cụ thể.

Việc phân loại các khoản cam kết ngoại bảng được thực hiện chỉ nhằm mục đích quản lý, giám sát chất lượng hoạt động cấp tín dụng theo chính sách phân loại áp dụng đối với các khoản nợ như được trình bày tại *Thuyết minh 4.5*.

Theo Thông tư 31 và Nghị định 86, Ngân hàng không cần phải trích lập dự phòng cho các cam kết ngoại bảng.

4.17 *Tài sản ủy thác quản lý giữ hộ*

Các tài sản giữ cho mục đích ủy thác quản lý giữ hộ không được xem là tài sản của Ngân hàng và vì thế không được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo) B05/TCTD-HN
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.18 Các công cụ tài chính phái sinh

4.18.1 Các hợp đồng ngoại hối

Ngân hàng ký kết các hợp đồng ngoại hối kỳ hạn và hoán đổi nhằm tạo điều kiện cho khách hàng chuyển, điều chỉnh hoặc giảm rủi ro hối đoái hoặc các rủi ro thị trường khác đồng thời phục vụ mục đích kinh doanh của Ngân hàng.

Các hợp đồng kỳ hạn và hoán đổi tiền tệ là các cam kết để thanh toán bằng tiền mặt tại một ngày trong tương lai dựa trên chênh lệch giữa các tỷ giá được xác định trước, được tính trên số tiền gốc danh nghĩa. Số tiền phụ trội hoặc chiết khấu do chênh lệch tỷ giá giao ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng và tỷ giá kỳ hạn này sẽ được ghi nhận ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng như một khoản mục tài sản nếu dương hoặc khoản mục nợ phải trả nếu âm trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Chênh lệch này sẽ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trong suốt thời hạn của hợp đồng hoán đổi.

Các hợp đồng kỳ hạn được ghi nhận theo giá trị danh nghĩa tại ngày giao dịch và được đánh giá lại cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất theo tỷ giá tại thời điểm kết thúc năm tài chính và được ghi nhận vào chênh lệch tỷ giá hối đoái trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất và được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất vào thời điểm cuối năm tài chính.

4.18.2 Các hợp đồng hoán đổi lãi suất

Giá trị cam kết trong các giao dịch hợp đồng hoán đổi lãi suất không được ghi nhận trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Chênh lệch lãi suất hoán đổi được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên cơ sở dồn tích.

4.19 Vốn cổ phần

4.19.1 Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí tăng thêm liên quan trực tiếp đến giá phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là một khoản giảm trừ vốn chủ sở hữu.

4.19.2 Thặng dư vốn cổ phần

Khi nhận được tiền góp vốn từ các cổ đông, chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

4.19.3 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Ngân hàng mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Ngân hàng không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

4.19.4 Các quỹ và dự trữ

Ngân hàng thực hiện trích lập các quỹ dự trữ sau đây theo Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15, Nghị định số 93/2017/NĐ-CP và theo Điều lệ của Ngân hàng như sau:

	Tỷ lệ phần trăm của lợi nhuận sau thuế	*Mức tối đa*
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	10% lợi nhuận sau thuế	100% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	10% lợi nhuận sau thuế	Không áp dụng mức tối đa

Các quỹ khác thuộc nguồn vốn chủ sở hữu được phân bổ từ lợi nhuận sau thuế. Việc phân bổ từ lợi nhuận sau thuế và việc sử dụng các quỹ khác phải được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt. Các quỹ này không được quy định bởi luật pháp và được phép phân phối hết.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo) B05/TCTD-HN
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.20 *Ghi nhận thu nhập và chi phí*

Thu nhập lãi và chi phí lãi

Doanh thu lãi và chi phí lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên cơ sở dự thu, dự chi. Lãi dự thu phát sinh từ các khoản cho vay phân loại từ nhóm 2 đến nhóm 5 theo Thông tư 31 và các khoản cho vay được cơ cấu thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ theo quy định sẽ không được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất. Lãi dự thu của các khoản nợ này được chuyển ra theo dõi ở tài khoản ngoại bảng và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi Ngân hàng thực thu.

Phí dịch vụ và hoa hồng

Các khoản phí dịch vụ và hoa hồng được ghi nhận khi dịch vụ được cung cấp.

Thu nhập từ hoạt động đầu tư

Doanh thu từ hoạt động đầu tư chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Cổ tức bằng tiền nhận được từ hoạt động đầu tư được ghi nhận là thu nhập khi quyền nhận cổ tức của Ngân hàng được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu và các cổ phiếu thưởng nhận được không được ghi nhận là thu nhập của Ngân hàng mà chỉ cập nhật số lượng cổ phiếu.

Thu nhập khác

Các doanh thu khác được ghi nhận dựa trên cơ sở thực thu.

4.21 *Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ*

Theo hệ thống kế toán của Ngân hàng, tất cả các nghiệp vụ phát sinh của Ngân hàng được hạch toán theo nguyên tệ. Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, tài sản và công nợ có nguồn gốc ngoại tệ được quy đổi sang VND theo tỷ giá quy định vào ngày lập báo cáo tình hình tài chính hợp nhất *(Thuyết minh 48)*. Các khoản thu nhập và chi phí bằng ngoại tệ của Ngân hàng được quy đổi ra VND theo tỷ giá vào ngày phát sinh giao dịch. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các tài sản và công nợ bằng ngoại tệ sang VND trong năm được ghi nhận và theo dõi trên khoản mục *"Chênh lệch tỷ giá hối đoái"* trên tài khoản *"Vốn chủ sở hữu"* và được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất tại thời điểm cuối năm tài chính.

4.22 *Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")*

Thuế TNDN hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến được thu hồi từ (hoặc phải nộp cho) cơ quan thuế, dựa trên mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Ngân hàng chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Ngân hàng có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Ngân hàng dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các báo cáo thuế của Ngân hàng sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.22 *Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")* (tiếp theo)

Thuế TNDN hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả những chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Ngân hàng có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, các công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.22 *Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")* (tiếp theo)

Thuế TNDN hoãn lại (tiếp theo)

Ngân hàng chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Ngân hàng có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế

- đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Ngân hàng dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng năm tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

4.23 *Bù trừ*

Tài sản và nợ phải trả tài chính được cấn trừ và thể hiện giá trị ròng trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất chỉ khi Ngân hàng có quyền hợp pháp để thực hiện việc cấn trừ và Ngân hàng dự định thanh toán tài sản và nợ phải trả theo giá trị ròng hoặc việc tất toán tài sản và nợ phải trả xảy ra đồng thời.

4.24 *Lợi ích của nhân viên*

4.24.1 *Trợ cấp nghỉ hưu*

Nhân viên Ngân hàng khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động Thương binh và Xã hội. Ngân hàng sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17,5% lương cơ bản hàng tháng, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác. Ngoài ra, Ngân hàng không phải có một nghĩa vụ nào khác.

4.24.2 *Trợ cấp thôi việc*

Theo Điều 46 Bộ Luật Lao động số 45/2019/QH14 có hiệu lực ngày 1 tháng 1 năm 2021, Ngân hàng có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 cộng với các trợ cấp khác (nếu có) cho những nhân viên tự nguyện thôi việc. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng được tính để thanh toán trợ cấp thôi việc sẽ căn cứ theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm người lao động thôi việc. Theo đó, thời gian làm việc tại Ngân hàng để tính hưởng trợ cấp thôi việc là tổng thời gian làm việc thực tế tại Ngân hàng trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật về bảo hiểm thất nghiệp và thời gian làm việc đã được người sử dụng lao động chi trả trợ cấp thôi việc.

4.24.3 *Bảo hiểm thất nghiệp*

Theo quy định hiện hành về bảo hiểm thất nghiệp, Ngân hàng có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo) B05/TCTD-HN
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.25 Các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính hợp nhất và kết quả hoạt động hợp nhất và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC, Ngân hàng phân loại các công cụ tài chính như sau:

4.25.1 Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
  - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Ngân hàng xếp tài sản tài chính vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Ngân hàng có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Ngân hàng xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất;
- các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất;
- các khoản được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo) B05/TCTD-HN
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.25 Các công cụ tài chính (tiếp theo)

4.25.1 Tài sản tài chính (tiếp theo)

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và các khoản phải thu.

4.25.2 Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:
  - khoản nợ đó được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - là công cụ tài chính phái sinh (trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

4.26 Các khoản mục không có số dư

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất này theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007 và Thông tư số 49/2014/TT-NHNN về chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng do NHNN ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2014 là các khoản mục không có số dư.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo) B05/TCTD-HN
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. TIỀN MẶT, VÀNG BẠC, ĐÁ QUÝ

	Số cuối năm VND	*Số đầu năm VND*
Tiền mặt bằng VND	707.003.731.700	687.669.274.600
Tiền mặt bằng ngoại tệ	80.678.520.126	84.765.738.486
Vàng	91.520.000	7.298.550.000
	787.773.771.826	**779.733.563.086**

6. TIỀN GỬI TẠI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

	Số cuối năm VND	*Số đầu năm VND*
Tiền gửi thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước		
- Bằng VND	2.227.512.093.010	6.927.478.754.679
- Bằng ngoại tệ	149.960.919.227	37.886.285.106
	2.377.473.012.237	**6.965.365.039.785**

Tiền gửi tại NHNN Việt Nam bao gồm tiền gửi thanh toán tại Sở giao dịch và tại các chi nhánh Tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương của NHNN Việt Nam. Ngân hàng phải duy trì số dư bình quân tiền gửi tại NHNN Việt Nam không thấp hơn số tiền phải dự trữ bắt buộc định kỳ hàng tháng. Số tiền dự trữ bắt buộc trong tháng được tính bằng số dư tiền gửi huy động bình quân của từng loại tiền gửi phải dự trữ bắt buộc trong tháng trước nhân với tỷ lệ dự trữ bắt buộc tương ứng.

Tỷ lệ dự trữ bắt buộc thực tế như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 %	*Ngày 31 tháng 12 năm 2023 %*
Đối với tiền gửi của khách hàng		
Tiền gửi bằng VND không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 12 tháng	3,00	3,00
Tiền gửi bằng VND có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên	1,00	1,00
Tiền gửi bằng ngoại tệ không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 12 tháng	8,00	8,00
Tiền gửi bằng ngoại tệ có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên	6,00	6,00
Đối với tiền gửi của các TCTD nước ngoài		
Tiền gửi bằng ngoại tệ	1,00	1,00

Lãi suất năm thực tế của tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 %/năm	*Ngày 31 tháng 12 năm 2023 %/năm*
Trong dự trữ bắt buộc bằng VND	0,50	0,50
Trong dự trữ bắt buộc bằng ngoại tệ	0,00	0,00
Vượt dự trữ bắt buộc bằng VND	0,00	0,00
Vượt dự trữ bắt buộc bằng ngoại tệ	0,00	0,00

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo) B05/TCTD-HN
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. TIỀN GỬI TẠI VÀ CHO VAY CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG KHÁC

7.1 *Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác*

	Số cuối năm VND	*Số đầu năm VND*
Tiền gửi không kỳ hạn	**724.808.757.631**	**1.607.194.945.061**
- Bằng VND	145.970.475.398	52.362.864.813
- Bằng ngoại tệ	578.838.282.233	1.554.832.080.248
Tiền gửi có kỳ hạn	**38.197.742.000.000**	**30.696.720.000.000**
- Bằng VND	35.346.390.000.000	25.359.850.000.000
- Bằng ngoại tệ	2.851.352.000.000	5.336.870.000.000
	38.922.550.757.631	**32.303.914.945.061**

7.2 *Cho vay các tổ chức tín dụng khác*

	Số cuối năm VND	*Số đầu năm VND*
Bằng VND	**203.648.500.000**	**1.596.301.534.449**

Mức lãi suất tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác vào thời điểm cuối năm tài chính như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 %/năm	*Ngày 31 tháng 12 năm 2023 %/năm*
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	3,80 - 5,30	0,90 - 5,00
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	4,40 - 5,05	5,00 - 5,50
Cho vay bằng VND	4,40 - 4,50	2,40 - 9,16

Phân tích chất lượng dư nợ cho vay, tiền gửi có kỳ hạn tại các TCTD khác tại thời điểm cuối năm tài chính như sau:

	Số cuối năm VND	*Số đầu năm VND*
Nợ đủ tiêu chuẩn	**38.401.390.500.000**	**32.293.021.534.449**

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo) B05/TCTD-HN
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH PHÁI SINH VÀ CÁC NỢ/TÀI SẢN TÀI CHÍNH KHÁC

	Tổng giá trị của hợp đồng (theo tỷ giá ngày hiệu lực hợp đồng) VND	*Tổng giá trị ghi sổ kế toán (theo tỷ giá tại ngày lập báo cáo)*	
		Tài sản VND	*Nợ phải trả VND*
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024			
Công cụ tài chính phái sinh tiền tệ			
Giao dịch kỳ hạn tiền tệ	115.214.689.592	332.672.156	-
Giao dịch hoán đổi tiền tệ	68.222.986.950.000	-	309.670.330.000
Giao dịch hoán đổi lãi suất hai đồng tiền	1.226.000.000.000	-	46.925.000.000
	69.564.201.639.592	**332.672.156**	**356.595.330.000**
			356.262.657.844
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023			
Công cụ tài chính phái sinh tiền tệ			
Giao dịch kỳ hạn tiền tệ	70.575.046.875	-	1.063.335.938
Giao dịch hoán đổi tiền tệ	76.097.542.836.181	42.536.901.303	-
	76.168.117.883.056	**42.536.901.303**	**1.063.335.938**
		41.473.565.365	

9. CHO VAY KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	*Số đầu năm VND*
Cho vay các tổ chức kinh tế và cá nhân trong nước	169.237.595.853.438	144.000.748.371.624
Các khoản nợ chờ xử lý	1.462.490.542.762	2.979.321.052.984
Cho vay bằng vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư	142.985.348.083	219.088.064.488
Các khoản trả thay khách hàng	1.397.894.380	1.397.894.380
Cho vay chiết khấu công cụ chuyển nhượng và các giấy tờ có giá	-	5.910.832.095
	170.844.469.638.663	**147.206.466.215.571**

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo) B05/TCTD-HN
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. CHO VAY KHÁCH HÀNG (tiếp theo)

9.1 *Phân tích chất lượng nợ cho vay*

	Số cuối năm VND	*Số đầu năm VND*
Nợ đủ tiêu chuẩn	160.039.885.864.687	137.184.721.927.528
Nợ cần chú ý	3.933.969.784.987	3.138.545.588.757
Nợ dưới tiêu chuẩn	1.075.776.805.310	967.259.763.141
Nợ nghi ngờ	1.710.943.603.143	1.255.638.819.170
Nợ có khả năng mất vốn	2.621.403.037.774	1.680.979.063.991
Các khoản nợ chờ xử lý đã có tài sản xiết nợ, gán nợ và nợ tồn đọng có tài sản đảm bảo	1.462.490.542.762	2.979.321.052.984
	170.844.469.638.663	**147.206.466.215.571**

9.2 *Phân tích dư nợ theo thời gian*

	Số cuối năm VND	*Số đầu năm VND*
Nợ ngắn hạn	49.564.199.330.061	38.033.766.274.271
Nợ trung hạn	34.385.606.526.892	28.064.635.883.567
Nợ dài hạn	86.894.663.781.710	81.108.064.057.733
	170.844.469.638.663	**147.206.466.215.571**

9.3 *Phân tích dư nợ theo tiền tệ*

	Số cuối năm VND	*Số đầu năm VND*
Bằng VND	170.134.777.810.018	146.152.941.017.688
Bằng ngoại tệ	709.691.828.645	1.053.525.197.883
	170.844.469.638.663	**147.206.466.215.571**

Mức lãi suất cho vay vào thời điểm cuối năm tài chính của Ngân hàng như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 %/năm	*Ngày 31 tháng 12 năm 2023 %/năm*
Bằng VND	1,00 - 23,30	3,45 - 28,50
Bằng ngoại tệ	5,30 - 8,90	4,37 - 9,59

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo) B05/TCTD-HN
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. CHO VAY KHÁCH HÀNG (tiếp theo)

9.4 Phân tích dư nợ cho vay theo đối tượng khách hàng và theo loại hình doanh nghiệp

	Số cuối năm VND	*Số đầu năm VND*
Cho vay các tổ chức kinh tế	**112.930.729.200.516**	**92.844.136.710.503**
Công ty cổ phần khác	74.808.958.219.371	61.805.063.982.002
Công ty TNHH khác	36.177.709.647.824	28.726.105.722.274
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	1.496.462.341.275	1.754.825.566.491
Công ty Nhà nước	326.116.983.634	463.495.698.638
Hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã	77.819.148.515	53.249.788.244
Doanh nghiệp tư nhân	43.662.859.897	41.395.952.854
Cho vay cá nhân	**57.913.740.438.147**	**54.362.329.505.068**
	170.844.469.638.663	**147.206.466.215.571**

9.5 Phân tích dư nợ cho vay theo ngành

	Số cuối năm VND	*Số đầu năm VND*
Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa môtô, ôtô, xe máy và xe có động cơ khác	40.809.797.227.319	33.499.204.836.459
Hoạt động kinh doanh bất động sản	28.851.442.834.099	12.532.556.029.515
Dịch vụ lưu trú và ăn uống	17.402.254.475.969	16.722.572.017.450
Vận tải kho bãi	13.541.295.798.436	8.846.534.398.858
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt và nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	11.970.763.179.128	12.733.992.143.686
Công nghiệp chế biến, chế tạo	9.430.489.967.418	5.913.009.935.955
Xây dựng	6.521.603.613.929	9.363.793.514.185
Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	6.364.752.796.998	6.999.956.756.400
Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	4.214.788.033.892	2.472.096.207.549
Hoạt động dịch vụ khác	1.413.809.158.152	1.289.643.206.298
Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	523.463.806.362	560.882.454.002
Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	435.927.395.983	912.176.268.705
Các ngành khác	29.364.081.350.978	35.360.048.446.509
	170.844.469.638.663	**147.206.466.215.571**

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo) B05/TCTD-HN
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. DỰ PHÒNG RỦI RO CHO VAY KHÁCH HÀNG

Thay đổi dự phòng rủi ro tín dụng năm nay như sau:

	Dự phòng cụ thể VND	*Dự phòng chung VND*	*Tổng cộng VND*
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	1.418.317.495.091	1.083.831.823.873	2.502.149.318.964
Dự phòng rủi ro trích lập trong năm	1.998.381.103.495	225.688.288.561	2.224.069.392.056
Sử dụng dự phòng rủi ro tín dụng trong năm	(2.118.079.114.792)	(58.815.785.251)	(2.176.894.900.043)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	**1.298.619.483.794**	**1.250.704.327.183**	**2.549.323.810.977**

Thay đổi dự phòng rủi ro tín dụng năm trước như sau:

	Dự phòng cụ thể VND	*Dự phòng chung VND*	*Tổng cộng VND*
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	694.050.997.671	888.208.852.751	1.582.259.850.422
Dự phòng rủi ro trích lập trong năm	1.427.542.949.336	195.622.971.122	1.623.165.920.458
Sử dụng dự phòng rủi ro tín dụng trong năm	(703.276.451.916)	-	(703.276.451.916)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	**1.418.317.495.091**	**1.083.831.823.873**	**2.502.149.318.964**

11. HOẠT ĐỘNG MUA NỢ

	Số cuối năm VND	*Số đầu năm VND*
Mua nợ bằng VND	5.079.222.324.368	550.900.000.000
Dự phòng rủi ro	(38.094.167.433)	(4.131.750.000)
	5.041.128.156.935	**546.768.250.000**

Giá trị nợ gốc, lãi của khoản nợ đã mua như sau:

	Số cuối năm VND	*Số đầu năm VND*
Nợ gốc đã mua	4.834.124.869.855	550.900.000.000
Lãi của khoản nợ đã mua	245.097.454.513	-
	5.079.222.324.368	**550.900.000.000**

Chất lượng của khoản nợ đã mua như sau:

	Số cuối năm VND	*Số đầu năm VND*
Nợ đủ tiêu chuẩn	**5.079.222.324.368**	**550.900.000.000**

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo) B05/TCTD-HN
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. HOẠT ĐỘNG MUA NỢ (tiếp theo)

Thay đổi dự phòng rủi ro tín dụng của khoản nợ đã mua trong năm như sau:

	Năm nay *VND*	*Năm trước* *VND*
Số đầu năm	**4.131.750.000**	**5.002.500**
Trích lập trong năm	33.962.417.433	4.126.747.500
Số cuối năm	**38.094.167.433**	**4.131.750.000**

12. CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

	Số cuối năm *VND*	*Số đầu năm* *VND*
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	**52.636.610.527.457**	**40.331.397.720.516**
Chứng khoán Nợ		
Trái phiếu Chính phủ	19.132.716.627.953	23.171.492.258.634
Chứng khoán Nợ do các tổ chức tín dụng khác trong nước phát hành	29.050.157.917.998	13.938.530.103.010
Chứng khoán Nợ do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành	4.387.181.172.359	3.155.820.549.725
Chứng khoán Vốn		
Chứng khoán Vốn do các tổ chức tín dụng khác trong nước phát hành	14.236.945.147	14.236.945.147
Chứng khoán Vốn do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành	51.317.864.000	51.317.864.000
Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	**(46.576.740.301)**	**(39.642.698.725)**
Dự phòng giảm giá (i)	(13.672.881.508)	(15.974.044.604)
Dự phòng chung (ii)	(32.903.858.793)	(23.668.654.121)
	52.589.033.787.156	**40.291.755.021.791**

(i) Biến động dự phòng giảm giá của chứng khoán Vốn do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành trong năm như sau:

	Năm nay *VND*	*Năm trước* *VND*
Số đầu năm	**15.974.044.604**	**11.842.635.808**
(Hoàn nhập)/trích lập trong năm	(2.301.163.096)	4.131.408.796
Số cuối năm	**13.672.881.508**	**15.974.044.604**

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo) B05/TCTD-HN
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

(ii) Biến động dự phòng chung của chứng khoán Nợ do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành trong năm như sau:

	Năm nay *VND*	*Năm trước* *VND*
Số đầu năm	**23.668.654.121**	**22.418.412.074**
Trích lập trong năm	9.235.204.672	1.250.242.047
Số cuối năm	**32.903.858.793**	**23.668.654.121**

Tình trạng niêm yết của các chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán như sau:

	Số cuối năm *VND*	*Số đầu năm* *VND*
Chứng khoán nợ	**52.570.055.718.310**	**40.265.842.911.369**
Đã niêm yết	19.132.716.627.953	28.530.369.347.725
Chưa niêm yết	33.437.339.090.357	11.735.473.563.644
Chứng khoán vốn	**65.554.809.147**	**65.554.809.147**
Chưa niêm yết	65.554.809.147	65.554.809.147
	52.635.610.527.457	**40.331.397.720.516**

Phân tích chất lượng chứng khoán đầu tư được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng:

	Số cuối năm *VND*	*Số đầu năm* *VND*
Nợ đủ tiêu chuẩn	**4.387.181.172.359**	**3.155.820.549.725**

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

13.1 *Tài sản cố định hữu hình*

Biến động của tài sản cố định hữu hình trong năm tài chính như sau:

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	*Máy móc thiết bị VND*	*Phương tiện vận chuyển VND*	*Tài sản cố định khác VND*	*Tổng cộng VND*
Nguyên giá					
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	229.212.436.979	398.126.603.213	154.248.405.034	2.069.688.887	783.657.134.113
Mua trong năm	7.621.171.670	39.474.807.385	21.115.839.400	-	68.211.818.455
Nâng cấp trong năm	53.690.458	8.523.876.351	79.852.800	-	8.657.419.609
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	45.352.860.865	23.867.636.655	8.212.750.000	-	77.433.247.520
Thanh lý, nhượng bán	(21.667.413.073)	(15.972.069.022)	(2.330.504.149)	-	(39.969.986.244)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	260.572.746.899	454.020.854.582	181.326.343.085	2.069.688.887	897.989.633.453
Giá trị khấu hao lũy kế					
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	103.776.368.063	290.116.371.098	118.646.691.281	1.576.830.375	514.116.260.817
Khấu hao trong năm	15.405.942.609	43.072.429.094	11.201.226.617	141.343.579	69.820.941.899
Thanh lý, nhượng bán	(9.287.110.427)	(15.629.839.883)	(2.330.504.149)	-	(27.247.454.459)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	109.895.200.245	317.558.960.309	127.517.413.749	1.718.173.954	556.689.748.257
Giá trị còn lại					
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	125.436.068.916	108.010.232.115	35.601.713.753	492.858.512	269.540.873.296
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	150.677.546.654	136.461.894.273	53.808.929.336	351.514.933	341.299.885.196

Các thông tin khác về tài sản cố định hữu hình:

	Số cuối năm VND	*Số đầu năm VND*
Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	**297.644.086.603**	**283.839.501.642**

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo) B05/TCTD-HN
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)

13.2 *Tài sản cố định vô hình*

Biến động của tài sản cố định vô hình trong năm tài chính như sau:

	Quyền sử dụng đất VND	*Phần mềm máy vi tính VND*	*Tổng cộng VND*
Nguyên giá			
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	154.535.813.448	426.897.732.694	581.433.546.142
Mua trong năm	-	8.441.378.429	8.441.378.429
Nâng cấp trong năm	-	20.476.338.293	20.476.338.293
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	41.989.340.771	41.989.340.771
Thanh lý, nhượng bán	(14.985.658.500)	-	(14.985.658.500)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	139.550.154.948	497.804.790.187	637.354.945.135
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	2.751.722.389	293.657.657.399	296.409.379.788
Hao mòn trong năm	163.753.934	51.575.068.130	51.738.822.064
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	2.915.476.323	345.232.725.529	348.148.201.852
Giá trị còn lại			
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	151.784.091.059	133.240.075.295	285.024.166.354
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	136.634.678.625	152.572.064.658	289.206.743.283

Các thông tin khác về tài sản cố định vô hình:

	Số cuối năm VND	*Số đầu năm VND*
Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	**158.957.385.083**	**136.326.223.019**

4. TÀI SẢN CÓ KHÁC

	Số cuối năm VND	*Số đầu năm VND*
Các khoản phải thu	7.092.839.311.432	7.866.786.309.830
Trong đó:		
- *Chi phí xây dựng cơ bản dở dang và mua sắm tài sản cố định ("TSCĐ")*	*1.878.312.346.743*	*1.917.476.997.184*
- *Các khoản phải thu khác*	*5.214.526.964.689*	*5.949.309.312.646*
Các khoản lãi, phí phải thu	2.778.453.061.157	2.528.258.177.998
Tài sản Có khác	1.998.618.855.548	1.939.836.383.837
Dự phòng rủi ro cho các tài sản có khác	(4.800.000.000)	(4.800.000.000)
	11.865.111.228.137	**12.330.080.871.665**

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo) B05/TCTD-HN
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. TÀI SẢN CÓ KHÁC (tiếp theo)

14.1 *Chi phí xây dựng cơ bản dở dang và mua sắm TSCĐ*

	Số cuối năm VND	*Số đầu năm VND*
Trụ sở, văn phòng làm việc	1.784.609.000.099	1.774.388.200.394
Thiết bị và chi phí nâng cấp tài sản thuê	57.531.870.043	97.860.249.573
Phần mềm máy tính	13.814.346.225	36.772.742.520
Chi phí sửa chữa, nâng cấp	22.357.130.376	8.455.804.697
	1.878.312.346.743	**1.917.476.997.184**

Biến động của chi phí xây dựng cơ bản dở dang và mua sắm TSCĐ trong năm như sau:

	Năm nay VND	*Năm trước VND*
Số đầu năm	1.917.476.997.184	3.029.310.545.444
Tăng trong năm	172.413.482.620	324.466.167.104
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(77.433.247.520)	(19.274.923.817)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(41.989.340.771)	(4.337.592.240)
Chuyển sang tài sản khác	(92.112.248.770)	(62.687.199.307)
Hoàn tiền tài sản	(43.296.000)	(1.350.000.000.000)
Số cuối năm	**1.878.312.346.743**	**1.917.476.997.184**

14.2 *Các khoản phải thu*

	Số cuối năm VND	*Số đầu năm VND*
Các khoản phải thu nội bộ	**222.785.862.455**	**128.417.505.802**
Các khoản phải thu bên ngoài:	**4.991.741.102.234**	**5.820.891.806.844**
- Phải thu từ dịch vụ thanh toán	4.480.114.318.653	5.059.850.085.400
- Phải thu từ thư tín dụng trả chậm có điều khoản thanh toán ngay	131.809.445.394	407.762.446.886
- Tạm ứng án phí	110.667.894.361	44.503.648.639
- Đặt cọc thuê nhà và ký quỹ hoạt động khác	63.168.780.509	49.412.739.886
- Phải thu hợp tác đầu tư (i)	53.600.286.469	98.158.812.279
- Thuế phải thu	42.511.328.763	308.370.362
- Phải thu từ dịch vụ hỗ trợ đại lý bảo hiểm	1.004.209	49.113.492
- Các khoản phải thu khác	109.868.043.876	160.846.589.900
	5.214.526.964.689	**5.949.309.312.646**

(i) Đây là khoản tạm ứng cho một doanh nghiệp khác để xử lý các tài sản đảm bảo của các khoản nợ xấu đã xóa của Ngân hàng theo hợp đồng hợp tác đầu tư với doanh nghiệp này.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo) B05/TCTD-HN
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. TÀI SẢN CÓ KHÁC (tiếp theo)

14.3 *Các khoản lãi, phí phải thu*

	Số cuối năm VND	*Số đầu năm VND*
Lãi phải thu từ hoạt động cho vay khách hàng	1.597.109.358.864	1.279.719.954.862
Lãi phải thu từ chứng khoán đầu tư	1.021.767.938.656	1.049.941.777.960
Lãi phải thu từ tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	111.671.287.996	89.216.114.363
Lãi phải thu từ công cụ tài chính phái sinh	44.109.840.385	96.979.425.693
Phí phải thu	3.794.635.256	12.400.905.120
	2.778.453.061.157	**2.528.258.177.998**

14.4 *Tài sản Có khác*

	Số cuối năm VND	*Số đầu năm VND*
Tài sản gán nợ đang chờ xử lý	1.657.379.225.773	1.687.823.763.165
Chi phí chờ phân bổ	269.472.942.785	218.949.777.070
Vật liệu, dụng cụ lao động	71.467.759.288	32.822.783.987
Các tài sản có khác	298.927.702	240.059.615
	1.998.618.855.548	**1.939.836.383.837**

14.5 *Dự phòng rủi ro các tài sản Có nội bảng khác*

Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản có nội bảng khác bao gồm:

	Số cuối năm VND	*Số đầu năm VND*
Dự phòng khoản phải thu	**4.800.000.000**	**4.800.000.000**

15. CÁC KHOẢN NỢ CHÍNH PHỦ VÀ NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

	Số cuối năm VND	*Số đầu năm VND*
Vay Ngân hàng Nhà nước		
Vay chiết khấu, tái chiết khấu GTCG	3.393.187.130.601	-
Vay theo hồ sơ tín dụng	76.348.421.538	94.394.453.562
	3.469.535.552.139	**94.394.453.562**

Mức lãi suất tiền vay Ngân hàng Nhà nước vào thời điểm cuối năm như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 %/năm	*Ngày 31 tháng 12 năm 2023 %/năm*
Vay theo hồ sơ tín dụng	3,30	3,50
Vay chiết khấu, tái chiết khấu các giấy tờ có giá	3,90	-

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo) B05/TCTD-HN
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. CÁC KHOẢN NỢ CHÍNH PHỦ VÀ NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC (tiếp theo)

Kỳ hạn tiền vay Ngân hàng Nhà nước vào thời điểm cuối năm như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	*Ngày 31 tháng 12 năm 2023*
Vay theo hồ sơ tín dụng	7 năm	5,8 năm
Vay chiết khấu, tái chiết khấu các giấy tờ có giá	14 ngày	-

16. TIỀN GỬI VÀ VAY CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG KHÁC

16.1 Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác

	Số cuối năm VND	*Số đầu năm VND*
Tiền gửi không kỳ hạn		
Bằng VND	7.090.294.422	13.520.888.883
Tiền gửi có kỳ hạn		
Bằng VND	39.666.885.000.000	25.758.600.000.000
Bằng ngoại tệ	4.124.277.000.000	1.455.510.000.000
	43.798.252.294.422	**27.227.630.888.883**

16.2 Vay các tổ chức tín dụng khác

	Số cuối năm VND	*Số đầu năm VND*
Bằng VND	1.188.082.692.211	3.687.219.101.112
Trong đó: Vay chiết khấu, tái chiết khấu	*956.327.000.000*	*3.273.654.310.000*
Bằng ngoại tệ	21.946.218.865	125.015.205.772
	1.210.028.911.076	**3.812.234.306.884**

Mức lãi suất tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác vào thời điểm cuối năm như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 %/năm	*Ngày 31 tháng 12 năm 2023 %/năm*
Tiền gửi có kỳ hạn của các TCTD khác bằng VND	3,80 - 5,40	0,65 - 3,70
Tiền gửi có kỳ hạn của các TCTD khác bằng ngoại tệ	4,40 - 5,00	5,40 - 5,50
Tiền vay các TCTD khác bằng VND	5,68 - 6,53	0,60 - 7,44
Tiền vay các TCTD khác bằng ngoại tệ	5,70 - 6,58	0,75 - 9,52

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo) B05/TCTD-HN
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	*Số đầu năm VND*
Tiền gửi không kỳ hạn	**20.503.229.225.661**	**15.029.688.541.614**
- Bằng VND	19.722.302.744.274	14.519.528.222.490
- Bằng ngoại tệ	780.926.481.387	510.160.319.124
Tiền gửi có kỳ hạn	**40.144.911.626.520**	**42.266.684.275.056**
- Bằng VND	40.043.703.905.620	42.247.277.475.056
- Bằng ngoại tệ	101.207.720.900	19.406.800.000
Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn	**17.220.757.145**	**13.667.765.026**
- Bằng VND	3.349.777.677	3.102.733.344
- Bằng ngoại tệ	13.870.979.468	10.565.031.682
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn	**81.103.678.377.792**	**68.290.820.992.134**
- Bằng VND	80.716.126.103.537	68.016.605.515.678
- Bằng ngoại tệ	387.552.274.255	274.215.476.456
Tiền gửi vốn chuyên dùng	**276.235.311.368**	**36.276.391.885**
- Bằng VND	10.748.156.585	62.419.761
- Bằng ngoại tệ	265.487.154.783	36.213.972.124
Tiền gửi ký quỹ	**414.488.189.426**	**308.794.452.844**
- Bằng VND	413.402.104.357	308.218.192.176
- Bằng ngoại tệ	1.086.085.069	576.260.668
	142.459.763.487.912	**125.945.932.418.559**

Tiền gửi của khách hàng theo đối tượng khách hàng như sau:

	Số cuối năm VND	*Số đầu năm VND*
Tiền gửi của tổ chức kinh tế	**48.590.241.771.537**	**46.064.932.848.461**
Doanh nghiệp ngoài quốc doanh	38.487.393.896.214	33.409.026.312.307
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	8.029.101.082.926	10.522.114.401.701
Doanh nghiệp quốc doanh	2.073.746.792.397	2.133.792.134.453
Tiền gửi của cá nhân	**90.599.696.796.955**	**76.763.595.304.632**
Tiền gửi của các đối tượng khác	**3.269.824.919.420**	**3.117.404.265.466**
	142.459.763.487.912	**125.945.932.418.559**

Mức lãi suất tiền gửi khách hàng tại thời điểm cuối năm tài chính như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 %/năm	*Ngày 31 tháng 12 năm 2023 %/năm*
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	0,10 - 0,50	0,10 - 0,50
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,00	0,00
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	0,10 - 10,50	0,50 - 11,50
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,00	0,00
Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn bằng VND	0,10	0,10 - 0,50
Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,00	0,00
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn bằng VND	0,00 - 10,50	0,50 - 6,30
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,00	0,00

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo) B05/TCTD-HN
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VỐN TÀI TRỢ, ỦY THÁC ĐẦU TƯ, CHO VAY TỔ CHỨC TÍN DỤNG CHỊU RỦI RO

	Số cuối năm VND	*Số đầu năm VND*
Vốn nhận tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay bằng VND	86.628.509.395	112.957.753.813
Vốn nhận tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay bằng ngoại tệ	5.855.455.000.000	4.245.237.500.000
	5.942.083.509.395	**4.358.195.253.813**

19. PHÁT HÀNH GIẤY TỜ CÓ GIÁ

	Số cuối năm VND	*Số đầu năm VND*
Chứng chỉ tiền gửi	**10.379.800.000.000**	**6.931.500.000.000**
- Kỳ hạn dưới 12 tháng	6.620.000.000.000	6.210.000.000.000
- Kỳ hạn từ 12 tháng đến dưới 5 năm	3.759.800.000.000	721.500.000.000
Trái phiếu ghi danh	**33.630.912.500.000**	**30.876.825.000.000**
- Kỳ hạn từ 12 tháng đến dưới 5 năm	32.000.000.000.000	29.050.000.000.000
- Kỳ hạn từ 5 năm trở lên	1.630.912.500.000	1.826.825.000.000
	44.010.712.500.000	**37.808.325.000.000**

20. CÁC KHOẢN LÃI, PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối năm VND	*Số đầu năm VND*
Lãi phải trả cho tiền gửi	1.915.957.260.135	3.485.832.123.580
Lãi phải trả từ phát hành giấy tờ có giá	667.856.341.095	1.074.899.210.404
Lãi phải trả từ vốn tài trợ nhận ủy thác từ các TCTD khác	46.437.551.559	61.676.289.116
Lãi phải trả cho tiền vay	13.967.980.534	7.121.283.749
Lãi phải trả từ các hợp đồng công cụ tài chính phái sinh	10.756.182.880	64.646.292.428
	2.654.975.316.203	**4.694.175.199.277**

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo) B05/TCTD-HN
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VÀ CÔNG NỢ KHÁC

	Số cuối năm VND	*Số đầu năm VND*
Các khoản phải trả nội bộ	**9.670.775.746**	**8.355.993.396**
- Các khoản phải trả nhân viên	9.670.775.746	8.355.993.396
Các khoản phải trả bên ngoài	**4.965.712.407.647**	**7.493.612.693.442**
- Phải trả dịch vụ thanh toán	4.291.219.908.450	4.657.030.842.725
- Thuế phải trả	358.300.087.671	397.507.826.869
- Phải trả dịch vụ kiều hối	56.738.563.534	86.402.277.810
- Tiền giữ hộ và đợi thanh toán	36.245.740.820	507.484.606.668
- Cổ tức phải trả	17.992.908.126	18.021.133.195
- Các khoản phải trả khác	205.215.199.046	1.827.166.006.175
Quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	**163.334.313.087**	**135.715.048.773**
	5.138.717.496.480	**7.637.683.735.611**

(*) Biến động của quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm như sau:

	Năm nay VND	*Năm trước VND*
Số đầu năm	**135.715.048.773**	**102.424.213.974**
Trích lập trong năm	38.081.264.314	39.838.612.578
Sử dụng trong năm	(10.462.000.000)	(6.547.777.779)
Số cuối năm	**163.334.313.087**	**135.715.048.773**

22. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

	Đầu năm		*Phát sinh trong năm*		*Cuối năm*	
	Số phải trả VND	*Số phải thu VND*	*Số phải nộp VND*	*Số đã nộp VND*	*Số phải trả VND*	*Số phải thu VND*
Thuế giá trị gia tăng	68.546.123.446	116.569.579	92.321.435.338	(156.161.768.121)	42.237.381.703	37.648.160.619
Thuế thu nhập doanh nghiệp	318.076.067.522	191.800.783	832.872.712.413	(852.812.443.202)	302.807.704.094	4.863.168.144
Thuế thu nhập cá nhân	9.859.315.404	-	161.762.996.787	(159.590.705.421)	12.031.606.770	-
Thuế nhà thầu	1.026.320.497	-	13.522.706.070	(13.325.631.463)	1.223.395.104	-
Thuế nhà đất	-	-	732.287.023	(732.287.023)	-	-
Thuế khác	-	-	174.000.000	(174.000.000)	-	-
	397.507.826.869	**308.370.362**	**1.101.386.138.031**	**(1.182.796.835.630)**	**358.300.087.671**	**42.511.328.763**

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

23.1 Báo cáo tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ VND	*Thặng dư vốn cổ phần VND*	*Quỹ của TCTD VND*	*Lợi nhuận chưa phân phối VND*	*Tổng cộng VND*
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	**20.548.242.940.000**	**53.271.987.348**	**2.588.756.524.494**	**5.345.432.019.028**	**28.535.703.470.870**
Tăng vốn	4.109.648.580.000	-	-	(4.109.648.580.000)	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	3.173.423.226.768	3.173.423.226.768
Trích lập các quỹ	-	-	634.869.606.672	(634.869.606.672)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(38.081.264.314)	(38.081.264.314)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	**24.657.891.520.000**	**53.271.987.348**	**3.223.626.131.166**	**3.736.255.794.810**	**31.671.045.433.324**

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo) B05/TCTD-HN
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

23.2 *Vốn điều lệ*

	Số cuối năm		*Số đầu năm*	
	Số cổ phiếu	*Mệnh giá (VND)*	*Số cổ phiếu*	*Mệnh giá (VND)*
Vốn điều lệ được duyệt	**2.465.789.152**	**24.657.891.520.000**	**2.054.824.294**	**20.548.242.940.000**
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	2.465.789.152	24.657.891.520.000	2.054.824.294	20.548.242.940.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	2.465.789.152	24.657.891.520.000	2.054.824.294	20.548.242.940.000

Mệnh giá của mỗi cổ phiếu phổ thông của Ngân hàng là 10.000 VND.

Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Ngân hàng. Các cổ đông có quyền nhận cổ tức mà Ngân hàng công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Ngân hàng. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Ngân hàng mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Trong năm 2024, Ngân hàng đã thực hiện tăng vốn điều lệ từ mức 20.548.242.940.000 VND lên mức 24.657.891.520.000 VND (tăng thêm 4.109.648.580.000 VND) bằng hình thức phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, tỷ lệ thực hiện quyền 5:1. Nguồn tiền được sử dụng để tăng mức vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu. Mức vốn điều lệ mới được thông qua tại Quyết định số 2361/QĐ-NHNN ngày 28 tháng 10 năm 2024 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc sửa đổi nội dung về vốn được cấp tại Giấy phép hoạt động của Ngân hàng Thương mại cổ phần Phương Đông.

23.3 *Quỹ của TCTD*

	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ VND	*Quỹ dự phòng tài chính VND*	*Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND*	*Tổng cộng VND*
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	**345.053.408.131**	**2.243.329.059.475**	**374.056.888**	**2.588.756.524.494**
Trích lập các quỹ trong năm	317.434.803.336	317.434.803.336	-	634.869.606.672
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	**662.488.211.467**	**2.560.763.862.811**	**374.056.888**	**3.223.626.131.166**

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo) B05/TCTD-HN
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Ngân hàng (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

	Năm nay	*Năm trước (Trình bày lại)*
Lợi nhuận sau thuế	3.173.423.226.768	3.303.302.700.616
Phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi (VND)	(25.385.536.201)	(38.081.264.314)
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Ngân hàng	**3.148.037.690.567**	**3.265.221.436.302**
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành năm trước mang sang	2.054.824.294	2.054.824.294
Ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu	410.964.858	410.964.858
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm *(cổ phiếu)*	**2.465.789.152**	**2.465.789.152**
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu *(VND)*	**1.277**	**1.324**

Lợi nhuận dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được điều chỉnh lại để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2023 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15 tháng 4 năm 2024. Số phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2024 được ước tính dựa trên 1% lợi nhuận sau thuế năm 2024 sau khi trích lập quỹ dự phòng tài chính và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ cho năm 2024 và số liệu sẽ được điều chỉnh lại vào kỳ báo cáo tiếp theo sau khi Đại hội cổ đông năm tài chính 2024 thông qua khoản trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi của năm 2024

Ngoài ra, số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng với số lượng thay đổi của cổ phiếu phổ thông lưu hành tăng lên do phát hành cổ phiếu thưởng trong năm 2024 với giả thuyết sự kiện này xảy ra ngay tại thời điểm đầu năm trước.

25. THU NHẬP LÃI VÀ CÁC KHOẢN THU NHẬP TƯƠNG TỰ

	Năm nay VND	*Năm trước VND*
Thu nhập lãi cho vay khách hàng và cho vay các TCTD khác	14.660.428.140.607	15.213.404.380.869
Thu lãi từ kinh doanh, đầu tư chứng khoán Nợ	1.553.849.222.694	1.905.760.764.770
Thu nhập lãi tiền gửi tại các TCTD khác	1.166.102.458.984	591.907.050.032
Thu khác từ hoạt động tín dụng	227.413.015.574	231.600.227.415
Thu nhập lãi từ nghiệp vụ mua bán nợ	183.693.836.448	29.079.630.007
Thu phí từ nghiệp vụ bảo lãnh	162.726.338.929	154.988.638.206
	17.954.213.013.236	**18.126.740.691.299**

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo) B05/TCTD-HN
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. CHI PHÍ LÃI VÀ CÁC CHI PHÍ TƯƠNG TỰ

	Năm nay *VND*	*Năm trước* *VND*
Trả lãi tiền gửi của khách hàng và các TCTD khác	6.788.976.901.608	8.315.620.304.956
Trả lãi phát hành giấy tờ có giá	2.102.810.498.978	2.368.162.591.912
Trả lãi tiền vay các TCTD khác và vốn tài trợ, ủy thác đầu tư	415.233.839.435	489.525.234.668
Chi phí hoạt động tín dụng khác	40.523.101.722	187.914.300.889
	9.347.544.341.743	**11.361.222.432.425**

27. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ

	Năm nay *VND*	*Năm trước* *VND*
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	**1.073.464.718.082**	**997.503.692.240**
Dịch vụ tư vấn	373.139.811.914	241.040.004.995
Dịch vụ đại lý bảo hiểm và phí liên kết bảo hiểm	193.826.733.064	197.182.841.756
Dịch vụ thanh toán	69.975.062.323	59.217.979.068
Dịch vụ bảo quản tài sản	1.687.961.818	7.704.020.910
Dịch vụ ngân quỹ	1.429.274.311	1.672.052.424
Dịch vụ khác	433.405.874.652	490.686.793.087
Chi phí hoạt động dịch vụ	**(142.483.258.293)**	**(115.440.748.295)**
Dịch vụ thanh toán	(16.300.772.986)	(12.249.439.560)
Chi về dịch vụ tư vấn	(8.414.886.227)	(5.908.081.000)
Chi phí hoa hồng môi giới	(2.098.543.589)	(3.124.292.713)
Chi phí bưu điện về mạng viễn thông	(1.991.694.822)	(924.118.037)
Dịch vụ ngân quỹ	(1.104.051.718)	(997.012.664)
Dịch vụ khác	(112.573.308.951)	(92.237.804.321)
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	**930.981.459.789**	**882.062.943.945**

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo) B05/TCTD-HN
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NGOẠI HỐI

	Năm nay VND	*Năm trước VND*
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	**848.008.434.311**	**850.993.922.741**
Thu từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	564.703.623.624	714.231.353.738
Thu từ kinh doanh ngoại tệ giao ngay	282.756.681.069	136.045.782.571
Thu từ kinh doanh vàng	548.129.618	716.786.432
Chi phí từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	**(537.054.433.525)**	**(461.928.954.642)**
Chi về các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	(532.092.581.539)	(455.270.411.561)
Chi về kinh doanh ngoại tệ giao ngay	(4.955.873.700)	(6.658.543.081)
Chi về kinh doanh vàng	(5.978.286)	-
	310.954.000.786	**389.064.968.099**

29. LÃI THUẦN TỪ MUA BÁN CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

	Năm nay VND	*Năm trước VND*
Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	**2.250.030.000**	**1.496.347.500**

30. (LỖ)/LÃI THUẦN TỪ MUA BÁN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

	Năm nay VND	*Năm trước VND*
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	129.460.854.582	731.155.077.296
Chi phí về mua bán chứng khoán đầu tư	(310.948.608.039)	(79.211.776.882)
Trích lập dự phòng chứng khoán đầu tư	(6.934.041.576)	(5.381.650.843)
	(188.421.795.033)	**646.561.649.571**

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo) B05/TCTD-HN
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	Năm nay VND	*Năm trước VND*
Thu nhập từ hoạt động khác	**1.021.970.746.505**	**1.499.975.125.029**
Thu nhập từ thanh lý tài sản khác	691.041.307.198	1.247.528.900.573
Thu từ nợ đã xử lý rủi ro	211.356.985.356	86.690.315.928
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	45.664.732.665	311.713.634
Thu từ hoạt động kinh doanh khác	1.892.837.401	20.529.868.619
Thu khác	72.014.883.885	144.914.326.275
Chi phí hoạt động khác	**(615.320.201.422)**	**(1.246.552.733.976)**
Chi từ thanh lý tài sản khác	(513.863.279.752)	(1.093.165.746.132)
Chi phí từ thanh lý tài sản	(12.722.531.785)	(1.196.848.633)
Chi về hoạt động kinh doanh khác	(10.413.647.668)	(21.672.047.038)
Chi khác	(78.320.742.217)	(130.518.092.173)
	406.650.545.083	**253.422.391.053**

32. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

	Năm nay VND	*Năm trước VND*
Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	**3.925.714.188**	**3.384.466.924**
Chi phí cho nhân viên	**2.261.241.024.089**	**1.939.838.578.351**
Trong đó:		
- Chi lương và phụ cấp	1.992.858.256.291	1.701.608.988.298
- Các khoản chi đóng góp theo lương	181.066.395.543	153.085.837.915
- Chi trợ cấp	932.763.041	4.945.886.707
- Chi khác	86.383.609.214	80.197.865.431
Chi về tài sản	**593.656.100.410**	**496.478.499.699**
Trong đó:		
- Khấu hao và hao mòn tài sản cố định	121.559.763.963	103.741.071.791
- Chi phí tài sản khác	472.096.336.447	392.737.427.908
Chi cho hoạt động quản lý công vụ	**823.085.967.928**	**633.346.741.724**
Chi nộp phí bảo hiểm, bảo toàn tiền gửi của khách hàng	**121.851.845.541**	**98.376.751.862**
	3.803.760.652.156	**3.171.425.038.560**

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo) B05/TCTD-HN
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Ngân hàng có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) là 20% trên tổng lợi nhuận chịu thuế theo quy định của Thông tư số 78/2014/TT-BTC có hiệu lực ngày 2 tháng 8 năm 2014.

Các báo cáo thuế của Ngân hàng sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm tài chính được tính như sau:

	Năm nay VND	*Năm trước VND*
Lợi nhuận thuần trước thuế	**4.006.295.939.181**	**4.139.476.155.259**
Ảnh hưởng của hợp nhất báo cáo tài chính	1.072.015.796	185.300.034
Lợi nhuận thuần trước thuế trước điều chỉnh do hợp nhất báo cáo tài chính	**4.007.367.954.977**	**4.139.661.455.293**
Cộng/(trừ):		
- Chi phí không được khấu trừ	121.346.681.075	39.231.518.638
- Doanh thu không tính thuế	(1.072.015.796)	-
- Các khoản điều chỉnh khác	-	(5.609.360)
Thu nhập chịu thuế ước tính trong năm	**4.127.642.620.256**	**4.178.887.364.571**
Chi phí thuế TNDN theo thuế suất hiện hành	825.528.524.051	835.777.472.914
Số lỗ tính thuế công ty con chưa sử dụng	-	(9.099.678)
Điều chỉnh thuế TNDN năm trước	7.344.188.362	405.081.407
Chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm	**832.872.712.413**	**836.173.454.643**

34. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền thể hiện trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất bao gồm các khoản trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất sau đây:

	Số cuối năm VND	*Số đầu năm VND*
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	787.773.771.826	779.733.563.086
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	2.377.473.012.237	6.965.365.039.785
Tiền gửi tại các TCTD khác có kỳ hạn gốc không quá ba tháng	38.922.550.757.631	32.303.914.945.061
	42.087.797.541.694	**40.049.013.547.932**

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo) B05/TCTD-HN
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

35. TÌNH HÌNH THU NHẬP CỦA NHÂN VIÊN

	Năm nay	*Năm trước*
I. Tổng số nhân viên bình quân (người)	**6.900**	**6.353**
II. Thu nhập của nhân viên (VND)		
1. Tổng quỹ lương	1.976.831.243.274	1.698.069.482.642
2. Thưởng	320.999.845.200	241.312.586.780
3. Tổng thu nhập (1+2)	2.297.831.088.474	1.939.382.069.422
4. Tiền lương bình quân tháng (VND/người/tháng)	23.874.773	22.273.853
5. Thu nhập bình quân tháng (VND/người/tháng)	27.751.583	25.439.190

36. TÀI SẢN, GIẤY TỜ CÓ GIÁ THẾ CHẤP, CẦM CỐ VÀ CHIẾT KHẤU, TÁI CHIẾT KHẤU

36.1 Tài sản, giấy tờ có giá nhận thế chấp, cầm cố và chiết khấu, tái chiết khấu

Loại hình và giá trị sổ sách của các tài sản thế chấp của khách hàng tại thời điểm cuối năm tài chính như sau:

	Giá trị sổ sách	
	Số cuối năm VND	*Số đầu năm VND*
Bất động sản	215.278.681.254.656	179.737.008.839.869
Giấy tờ có giá	31.257.782.501.425	24.469.745.569.069
Động sản	27.460.989.050.092	26.864.575.508.580
Tài sản khác	63.919.004.099.866	73.697.978.462.476
	337.916.456.906.039	**304.769.308.379.994**

36.2 Tài sản, giấy tờ có giá đưa đi thế chấp, cầm cố và chiết khấu, tái chiết khấu

	Số cuối năm VND	*Số đầu năm VND*
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		
- Thế chấp tại NHNN	9.856.865.953.100	5.262.472.738.511
- Thế chấp tại các TCTD khác	1.553.208.911.703	4.349.604.286.422
	11.410.074.864.803	**9.612.077.024.933**

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo) B05/TCTD-HN
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

37. NGHĨA VỤ NỢ TIỀM ẨN VÀ CÁC CAM KẾT ĐƯA RA

Chi tiết các khoản công nợ tiềm ẩn và cam kết vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024		
	Giá trị theo hợp đồng - gộp VND	*Tiền ký quỹ VND*	*Giá trị theo hợp đồng - thuần VND*
Bảo lãnh vay vốn	97.792.000.000	8.546.731.158	89.245.268.842
Cam kết giao dịch hối đoái	138.719.544.097.903	-	138.719.544.097.903
Cam kết mua ngoại tệ	*662.365.672.412*	-	*662.365.672.412*
Cam kết bán ngoại tệ	*663.446.975.491*	-	*663.446.975.491*
Cam kết giao dịch hoán đổi	*137.393.731.450.000*	-	*137.393.731.450.000*
Cam kết trong nghiệp vụ L/C	674.721.445.313	5.387.221.401	669.334.223.912
Cam kết đã được ngân hàng tài trợ thanh toán	132.601.505.410	-	132.601.505.410
Cam kết chưa thực hiện	542.119.939.903	5.387.221.401	536.732.718.502
Bảo lãnh khác	6.543.873.719.523	382.710.699.264	6.161.163.020.259
Cam kết khác	2.498.925.000.000	-	2.498.925.000.000
	148.534.856.262.739	**396.644.651.823**	**148.138.211.610.916**

Chi tiết các khoản công nợ tiềm ẩn và cam kết vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023		
	Giá trị theo hợp đồng - gộp VND	*Tiền ký quỹ VND*	*Giá trị theo hợp đồng - thuần VND*
Bảo lãnh vay vốn	28.212.000.000	260.764.721	27.951.235.279
Cam kết giao dịch hối đoái	158.389.419.615.570	-	158.389.419.615.570
Cam kết mua ngoại tệ	*296.243.446.052*	-	*296.243.446.052*
Cam kết bán ngoại tệ	*296.226.105.852*	-	*296.226.105.852*
Cam kết giao dịch hoán đổi	*157.796.950.063.666*	-	*157.796.950.063.666*
Cam kết trong nghiệp vụ L/C	1.291.666.414.821	6.201.674.071	1.285.464.740.750
Cam kết đã được ngân hàng tài trợ thanh toán	*412.224.072.395*	-	*412.224.072.395*
Cam kết chưa thực hiện	*879.442.342.426*	*6.201.674.071*	*873.240.668.355*
Bảo lãnh khác	6.802.538.170.024	287.125.717.552	6.515.412.452.472
	166.511.836.200.415	**293.588.156.344**	**166.218.248.044.071**

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo) B05/TCTD-HN
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

38. LÃI CHO VAY VÀ PHÍ PHẢI THU CHƯA THU ĐƯỢC

	Số cuối năm VND	*Số đầu năm VND*
Lãi cho vay chưa thu được	1.807.535.457.852	2.474.538.204.230
Phí phải thu chưa thu được	27.290.452.967	192.875.421.062
Lãi chứng khoán chưa thu được	20.017.173.506	19.941.087.465
	1.854.843.084.325	**2.687.354.712.757**

39. NỢ KHÓ ĐÒI ĐÃ XỬ LÝ

	Số cuối năm VND	*Số đầu năm VND*
Nợ gốc của khoản nợ đã xử lý rủi ro đang trong thời gian theo dõi	6.948.897.244.532	4.940.425.148.324
Nợ lãi của khoản nợ đã xử lý rủi ro đang trong thời gian theo dõi	7.931.887.587.998	5.271.273.558.728
	14.880.784.832.530	**10.211.698.707.052**

40. TÀI SẢN VÀ CHỨNG TỪ KHÁC

	Số cuối năm VND	*Số đầu năm VND*
Tài sản khác giữ hộ	35.373.964.580.068	12.056.452.521.418
Các chứng từ có giá trị khác đang bảo quản	29.383.070.089.745	12.654.655.550.357
Tài sản bảo đảm nhận thay thế	3.353.971.031.916	2.548.371.690.420
Tài sản thuê ngoài	20.329.357.200	20.329.357.200
Kim loại quý, đá quý giữ hộ	4.076.800.000	3.601.500.000
	68.135.411.858.929	**27.283.410.619.395**

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo) B05/TCTD-HN
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

41. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan vào cuối năm tài chính như sau:

		Phải trả	
Bên liên quan	*Các giao dịch*	*Số cuối năm VND*	*Số đầu năm VND*
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng	Tiền gửi	(45.548.960.129)	(48.453.446.404)
	Lãi phải trả	(435.400.246)	(754.585.611)

Ngân hàng thực hiện chi trả thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát căn cứ theo Nghị quyết số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15 tháng 4 năm 2024 của Đại hội đồng Cổ đông. Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc được chi trả theo Quy chế Lương của Ngân hàng.

(i) Thù lao của các thành viên Hội Đồng Quản trị và thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng:

Tên	*Chức vụ*	*Năm nay VND*	*Năm trước VND*
Ông Trịnh Văn Tuấn	Chủ tịch	17.905.223.150	13.483.174.000
Ông Yoshizawa Toshiki	Thành viên	1.685.300.000	1.470.400.000
Bà Trịnh Thị Mai Anh	Thành viên	3.649.150.000	2.670.400.000
Ông Pham Tri Nguyen	Thành viên độc lập	1.123.900.000	930.400.000
Ông Bùi Minh Đức	Thành viên độc lập	1.123.900.000	930.400.000
Ông Ngô Hà Bắc	Thành viên	2.248.900.000	2.010.400.000
Ông Phan Trung	Thành viên	1.125.900.000	930.400.000
Ông Kato Shin	Thành viên	1.604.916.439	920.300.000
Ông Nguyễn Đình Tùng	Thành viên	11.017.854.500	11.282.562.000
Ông Phạm Hồng Hải	Tổng Giám đốc	10.484.104.000	-
Các thành viên ban Tổng Giám đốc còn lại và Kế toán trưởng		16.534.632.451	20.374.443.373
Trong đó:			
- Bà Huỳnh Lê Mai	*Phó Tổng Giám đốc*	*2.649.401.190*	*2.375.837.000*
- Bà Nguyễn Vân Anh	*Kế toán trưởng*	*157.655.334*	-
TỔNG CỘNG		**68.503.780.540**	**55.002.879.373**

(ii) Thù lao của các thành viên Ban Kiểm soát:

	Năm nay VND	*Năm trước VND*
Thù lao của các thành viên Ban Kiểm soát	**2.883.140.000**	**2.529.540.000**

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo) B05/TCTD-HN
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

42. MỨC ĐỘ TẬP TRUNG THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ CỦA CÁC TÀI SẢN, CÔNG NỢ VÀ CÁC KHOẢN MỤC NGOẠI BẢNG

	Trong nước VND	*Nước ngoài VND*	*Tổng cộng VND*
Tài sản vào ngày 31 tháng 12 năm 2024			
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	38.667.689.241.272	458.510.016.359	39.126.199.257.631
Các công cụ tài chính phái sinh (tổng giá trị giao dịch theo hợp đồng)	69.564.201.639.592	-	69.564.201.639.592
Cho vay khách hàng - gộp	170.844.469.638.663	-	170.844.469.638.663
Hoạt động mua nợ - gộp	5.079.222.324.368	-	5.079.222.324.368
Chứng khoán đầu tư - gộp	52.635.610.527.457	-	52.635.610.527.457
Công nợ vào ngày 31 tháng 12 năm 2024			
Tiền gửi và vay các TCTD khác	45.000.286.303.746	7.994.901.752	45.008.281.205.498
Tiền gửi của khách hàng	141.187.170.604.230	1.272.592.883.682	142.459.763.487.912
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	86.628.509.395	5.855.455.000.000	5.942.083.509.395
Phát hành giấy tờ có giá	44.010.712.500.000	-	44.010.712.500.000
Cam kết tín dụng vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 - gộp	**9.815.312.164.836**	-	**9.815.312.164.836**

43. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

43.1 Báo cáo bộ phận chính yếu: theo khu vực địa lý

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024				
	Miền Nam VND	*Miền Bắc* VND	*Miền Trung* VND	*Loại trừ* VND	*Tổng cộng* VND
I. Doanh thu					
1. Doanh thu lãi	37.998.496.255.528	4.065.642.944.221	2.713.957.203.527	(26.823.883.390.040)	17.954.213.013.236
Doanh thu lãi từ khách hàng bên ngoài	13.347.569.040.754	2.693.386.456.856	1.913.257.515.626	-	17.954.213.013.236
Doanh thu lãi nội bộ	24.650.927.214.774	1.372.256.487.365	800.699.687.901	(26.823.883.390.040)	-
2. Doanh thu từ hoạt động dịch vụ	948.426.331.779	65.826.913.311	59.211.732.992	(260.000)	1.073.464.718.082
3. Doanh thu từ hoạt động kinh doanh khác	2.371.979.396.171	231.661.837.903	153.761.202.749	(755.712.371.425)	2.001.690.065.398
II. Chi phí					
1. Chi phí lãi	(31.228.617.349.845)	(3.024.952.063.972)	(1.917.858.317.966)	26.823.883.390.040	(9.347.544.341.743)
Chi phí lãi cho khách hàng bên ngoài	(7.644.706.614.486)	(1.081.075.025.791)	(621.762.701.466)	-	(9.347.544.341.743)
Chi phí lãi nội bộ	(23.583.910.735.359)	(1.943.877.038.181)	(1.296.095.616.500)	26.823.883.390.040	-
2. Chi phí khấu hao tài sản cố định	(103.769.319.451)	(8.882.271.084)	(8.908.173.428)	-	(121.559.763.963)
3. Chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh	(5.084.604.884.417)	(537.008.025.858)	(427.969.136.402)	754.640.615.629	(5.294.941.431.048)
Kết quả hoạt động trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	**4.901.910.429.765**	**792.289.334.521**	**572.194.511.472**	**(1.072.015.796)**	**6.265.322.259.962**
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(1.757.501.460.339)	(332.950.110.953)	(168.574.749.489)	-	(2.259.026.320.781)
Kết quả hoạt động bộ phận	**3.144.408.969.426**	**459.339.223.568**	**403.619.761.983**	**(1.072.015.796)**	**4.006.295.939.181**
III. Tài sản					
1. Tiền mặt và vàng	474.093.945.174	170.345.995.129	143.333.831.523	-	787.773.771.826
2. Tài sản cố định	497.884.821.578	38.026.165.070	94.595.641.831	-	630.506.628.479
3. Tài sản khác	233.939.301.360.158	28.084.740.392.492	17.319.234.072.850	(49.184.555.718)	279.294.091.269.782
Tổng tài sản	**234.911.280.126.910**	**28.293.112.552.691**	**17.557.163.546.204**	**(49.184.555.718)**	**280.712.371.670.087**
IV. Nợ phải trả					
1. Nợ phải trả khách hàng bên ngoài	(203.905.209.652.679)	(27.833.773.329.123)	(17.153.543.784.221)	24.205.618.093	(248.868.321.147.930)
2. Nợ phải trả nội bộ	(9.670.775.746)	-	-	-	(9.670.775.746)
3. Nợ phải trả khác	(163.334.313.087)	-	-	-	(163.334.313.087)
Tổng nợ phải trả	**(204.078.214.741.512)**	**(27.833.773.329.123)**	**(17.153.543.784.221)**	**24.205.618.093**	**(249.041.326.236.763)**

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo) B05/TCTD-HN
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

43. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

43.2 Báo cáo bộ phận thứ yếu

Ngân hàng chủ yếu hoạt động kinh doanh trong một lĩnh vực ngân hàng thương mại.

44. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO LIÊN QUAN ĐẾN CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Ngân hàng chịu những rủi ro sau từ các công cụ tài chính:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này trình bày thông tin về những rủi ro mà Ngân hàng có thể gặp phải theo loại rủi ro; mục tiêu, chính sách và quy trình của Ngân hàng nhằm đánh giá và quản lý rủi ro và việc quản lý nguồn vốn của Ngân hàng.

Khung quản lý rủi ro

Hội đồng Quản trị ("HĐQT") Ngân hàng có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát tình hình thực hiện một khuôn khổ quản lý rủi ro thống nhất của Ngân hàng. Để hỗ trợ vai trò giám sát này, HĐQT Ngân hàng đã thành lập Hội đồng Quản lý Tài sản có/tài sản nợ ("ALCO") và Ủy ban Quản lý Rủi ro ("RCO"), các hội đồng/ủy ban này có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro quan trọng theo từng lĩnh vực được HĐQT ủy quyền và định kỳ báo cáo lên HĐQT về các hoạt động của mình. Thành viên của các hội đồng bao gồm các thành viên chuyên trách và không chuyên trách.

Khung quản lý rủi ro của Ngân hàng được thiết lập nhằm xác lập các nguyên tắc chủ chốt trong hoạt động quản lý và kiểm soát những rủi ro trọng yếu phát sinh từ các hoạt động Ngân hàng. Trên cơ sở này, chính sách quản lý rủi ro của Ngân hàng được thiết lập nhằm xác định và phân tích những rủi ro mà Ngân hàng gặp phải, nhằm lập ra các hạn mức rủi ro phù hợp và các biện pháp kiểm soát, và nhằm giám sát rủi ro và tuân thủ các hạn mức.

Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được thường xuyên soát xét để cập nhật những thay đổi về điều kiện thị trường, các sản phẩm và dịch vụ Ngân hàng cung cấp. Thông qua các hoạt động đào tạo và các tiêu chuẩn và hệ thống quản lý, Ngân hàng hướng đến việc phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính tích cực, trong đó toàn bộ các nhân viên của Ngân hàng hiểu rõ được vai trò và nghĩa vụ của mình.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo) B05/TCTD-HN
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

44. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO LIÊN QUAN ĐẾN CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

44.1 Rủi ro tín dụng

Ngân hàng chịu rủi ro tín dụng trong hoạt động cấp tín dụng và đầu tư cũng như khi Ngân hàng đóng vai trò trung gian thay mặt khách hàng hay các bên thứ ba khác hay khi Ngân hàng cấp bảo lãnh. Rủi ro khi các bên đối tác không có khả năng thanh toán nợ được giám sát một cách liên tục. Rủi ro tín dụng chính mà Ngân hàng gặp phải phát sinh từ các khoản cho vay và ứng trước của Ngân hàng. Mức độ rủi ro tín dụng này được phản ánh theo giá trị ghi sổ của các tài sản trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Ngoài ra, Ngân hàng còn gặp phải rủi ro tín dụng ngoại bảng dưới dạng các cam kết cấp tín dụng và cấp bảo lãnh.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro có tác động lớn nhất đến thu nhập và vốn của Ngân hàng. Ngân hàng xây dựng khẩu vị rủi ro tín dụng theo tôn chỉ quản lý các hoạt động tín dụng một cách thận trọng, theo các giới hạn đã xác định bao gồm giới hạn rủi ro tập trung tín dụng và nằm trong khả năng chịu đựng rủi ro của Ngân hàng. Về nguyên tắc, Ngân hàng không tham gia vào các hoạt động, sản phẩm tín dụng khi chưa có đầy đủ hiểu biết và các biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp. Để quản lý rủi ro tín dụng, Ngân hàng chủ trương giao dịch với các đối tác đáng tin cậy, và yêu cầu đối tác phải có các biện pháp bảo đảm khi cần thiết.

Hệ thống quản lý rủi ro tín dụng được vận hành theo nguyên tắc độc lập và tập trung hóa. Theo đó, công tác xây dựng chính sách rủi ro, xác định giới hạn rủi ro và công tác theo dõi, báo cáo và kiểm soát rủi ro được thực hiện độc lập và tập trung tại Khối Quản trị Rủi ro. Các báo cáo của Khối Quản lý Rủi ro là cơ sở để RCO ban hành các quyết định tín dụng quan trọng.

Ngân hàng thực hiện đo lường rủi ro tín dụng, thực hiện trích lập dự phòng và tuân thủ các tỷ lệ an toàn cho các khoản cho vay và ứng trước cho khách hàng và cho các tổ chức tín dụng khác trên cơ sở áp dụng các quy định của NHNN.

Cách tiếp cận tổng thể của Ngân hàng đối với rủi ro tín dụng là cách tiếp cận theo mức độ rủi ro. Theo đó, các quyết định phê duyệt, định giá tín dụng cũng như các biện pháp ứng xử về giám sát, phân luồng tín dụng và kiểm soát rủi ro tín dụng đang được thiết kế phù hợp theo mức độ rủi ro của khách hàng. Để đạt được mục tiêu này, các hoạt động quan trọng mà Ngân hàng đang thực hiện bao gồm những nội dung sau:

- Tập trung hoàn thiện cơ sở hạ tầng dữ liệu phục vụ công tác xây dựng các hệ thống xếp hạng tín dụng và phân loại rủi ro theo chuẩn mực quốc tế;
- Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện hệ thống xếp hạng tín dụng và hệ thống chấm điểm;
- Thường xuyên rà soát các chính sách/văn bản tín dụng toàn hệ thống để đánh giá lại tính đồng bộ và mức độ đáp ứng các yêu cầu được đặt ra trong Chính sách khung quản trị rủi ro;
- Hoàn thiện cơ chế giám sát chất lượng tín dụng cho toàn bộ vòng đời của khoản vay;
- Nâng cấp hệ thống cảnh báo sớm rủi ro tín dụng; và
- Xây dựng hệ thống thu hồi nợ và tái cấu trúc nợ.

44. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO LIÊN QUAN ĐẾN CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

44.1 Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Mức rủi ro tín dụng tối đa chưa tính đến tài sản thế chấp hoặc các biện pháp giảm thiểu rủi ro tín dụng

Mức rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính bằng với giá trị ghi sổ gộp của nhóm tài sản tài chính đó trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất được trình bày như sau:

	Chưa quá hạn và chưa bị giảm giá VND	*Đã quá hạn và chưa bị giảm giá VND*	*Đã quá hạn và đã trích lập dự phòng VND*	*Tổng cộng VND*
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	39.126.199.257.631	-	-	39.126.199.257.631
- *Tiền gửi tại TCTD khác*	*38.922.550.757.631*	-	-	*38.922.550.757.631*
- *Cho vay các TCTD khác*	*203.648.500.000*	-	-	*203.648.500.000*
Cho vay khách hàng và mua nợ - gộp	164.754.201.035.482	2.715.506.141.216	8.453.984.786.333	175.923.691.963.031
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán - gộp	52.635.610.527.457	-	-	52.635.610.527.457
Tài sản Có khác - gộp	7.988.180.025.846	-	4.800.000.000	7.992.980.025.846
Tổng cộng	**264.504.190.846.416**	**2.715.506.141.216**	**8.458.784.786.333**	**275.678.481.773.965**

Các tài sản tài chính chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá trị của Ngân hàng bao gồm các khoản nợ nhóm 1, theo quy định của Thông tư 31 (bao gồm các khoản nợ nhóm 1 Ngân hàng tự phân loại (loại trừ các khoản cơ cấu Covid - 19 và cơ cấu Thông tư 02 và Thông tư 06 có trích dự phòng bổ sung) và các khoản nợ cơ cấu Covid và cơ cấu Thông tư 02 được phân loại nhóm 1 sau khi kéo theo CIC), các chứng khoán, các khoản phải thu và các tài sản tài chính khác không quá hạn và không phải trích lập dự phòng theo Thông tư số 48 và Thông tư số 24). Ngân hàng đánh giá rằng Ngân hàng hoàn toàn có khả năng thu hồi đầy đủ và đúng hạn các tài sản tài chính này trong tương lai.

Các tài sản tài chính đã quá hạn nhưng không bị giảm giá là do Ngân hàng đang nắm giữ các tài sản đảm bảo đủ bù đắp các tổn thất tín dụng theo quy định hiện hành của NHNN.

Ngân hàng hiện đang nắm giữ các tài sản đảm bảo là bất động sản, động sản, các giấy tờ có giá và các loại tài sản đảm bảo khác cho các tài sản tài chính này. Ngân hàng chưa xác định được đầy đủ giá trị hợp lý của các tài sản đảm bảo này do chưa có các hướng dẫn cụ thể cũng như chưa có các thông tin thị trường cần thiết.

44. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO LIÊN QUAN ĐẾN CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

44.2 *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro do biến động bất lợi của lãi suất, tỷ giá, giá vàng, giá chứng khoán và giá hàng hóa trên thị trường. Mục tiêu của việc quản lý rủi ro thị trường là để quản lý và kiểm soát các nguy cơ về rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được đồng thời tối đa hóa lợi ích thu được trên rủi ro.

Quản lý rủi ro thị trường

Công tác quản lý rủi ro thị trường được thực hiện tại Phòng Quản lý rủi ro Thị trường và Thanh khoản thuộc Khối Quản lý rủi ro. Phòng Quản lý rủi ro Thị trường và Thanh khoản chịu trách nhiệm xây dựng chi tiết các chính sách, quy trình, công cụ, hướng dẫn phương pháp đo lường rủi ro thị trường, đề xuất hạn mức rủi ro thị trường độc lập trình cấp thẩm quyền phê duyệt và thực hiện giám sát hạn mức rủi ro thị trường hàng ngày/hàng tháng theo quy định của Ngân hàng.

Về hệ thống các quy định nội bộ quản lý rủi ro thị trường, Ngân hàng đã ban hành chính sách quản lý rủi ro thị trường, quy định các nguyên tắc cơ bản, phương pháp nhận dạng, đo lường và hệ thống công cụ, kiểm soát rủi ro thị trường. Với các công cụ sử dụng kiểm soát như hạn mức trạng thái ngoại tệ ròng, hạn mức thay đổi của danh mục đầu tư trên một điểm cơ bản (Present value of a basis point - PV01), hạn mức chênh lệch dòng tiền, kỳ hạn và đo lường chênh lệch kỳ hạn (theo mô hình Repricing - Khe hở định giá lại).

Công tác dự báo diễn biến thị trường có vai trò quan trọng trong hoạt động quản lý rủi ro thị trường. Bộ phận Quản lý rủi ro thị trường phối hợp với các đơn vị chuyên trách thực hiện nhiệm vụ thu thập và phân tích thông tin, dữ liệu để đưa ra những dự báo nhận biết những thay đổi tiềm ẩn trên thị trường. Từ đó, Ngân hàng có cơ sở đầy đủ để quyết định những biện pháp phòng ngừa rủi ro hiệu quả.

(a) *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất phát sinh khi có sự chênh lệch về thời hạn tái định lãi suất giữa tài sản có và tài sản nợ, từ đó tạo ra khả năng thu nhập, giá trị tài sản, và giá trị cam kết ngoại bảng của Ngân hàng bị ảnh hưởng khi lãi suất trên thị trường biến động.

Thời hạn định lại lãi suất thực tế là thời hạn còn lại tính từ thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất cho tới kỳ định lại lãi suất gần nhất của các khoản mục tài sản có và tài sản nợ.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo) B05/TCTD-HN
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

44. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO LIÊN QUAN ĐẾN CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

44.2 Rủi ro thị trường (tiếp theo)

(a) Rủi ro lãi suất (tiếp theo)

Các giả định và điều kiện sau được áp dụng trong phân tích thời hạn định lại lãi suất thực tế của các tài sản và công nợ của Ngân hàng:

- Tiền mặt, vàng bạc và đá quý; các khoản đầu tư/kinh doanh chứng khoán vốn; góp vốn đầu tư dài hạn và các tài sản có khác (bao gồm tài sản cố định, bất động sản đầu tư và tài sản có khác) được xếp loại khoản mục không nhạy cảm lãi suất.
- Tiền gửi tại NHNN, tiền gửi không kỳ hạn tại các TCTD khác và tiền gửi không kỳ hạn của các TCTD khác được xếp loại khoản mục không nhạy cảm lãi suất.
- Thời hạn định lại lãi suất thực tế của chứng khoán đầu tư được tính dựa trên thời gian định lại lãi suất thực tế theo quy định về lãi suất của tổ chức phát hành. Chứng khoán kinh doanh là chứng khoán nợ được xếp vào kỳ tái định lãi từ 6-12 tháng. Khoản chiết khấu/phụ trội của chứng khoán nợ được coi là khoản mục không nhạy cảm lãi suất.
- Thời hạn định lại lãi suất thực tế của các khoản tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác; các khoản cho vay khách hàng; các khoản nợ NHNN; các khoản tiền gửi và vay các TCTD khác và khoản mục tiền gửi của khách hàng được xác định như sau:
  - Các khoản mục có lãi suất cố định trong suốt thời gian của hợp đồng: Thời hạn định lại lãi suất thực tế dựa trên thời gian đáo hạn thực tế tính từ thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất.
  - Các khoản mục có lãi suất thả nổi: Thời hạn định lại lãi suất thực tế dựa trên kỳ định lại lãi suất gần nhất tính từ thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất.
- Thời hạn định lại lãi suất thực tế của khoản mục phát hành giấy tờ có giá dựa trên thời gian đáo hạn thực tế của từng loại giấy tờ có giá, và phụ thuộc vào quy định về lãi suất của Ngân hàng đối với từng đợt phát hành.
- Thời hạn định lại lãi suất thực tế của khoản mục nguồn vốn tài trợ ủy thác đầu tư, cho vay mà tổ chức tín dụng chịu rủi ro dựa trên thời gian định lại lãi suất theo quy định trên hợp đồng (nếu có) hoặc thời gian đáo hạn thực tế của giao dịch.
- Với quan điểm thận trọng cho rằng huy động từ Thị trường 1 đã đến hạn trước thời điểm chốt số liệu (nhưng khách hàng chưa đến tất toán) là các nghĩa vụ nợ mà Ngân hàng phải ưu tiên với mức độ cao nhất để thanh toán cho đối tác hoặc khách hàng. Theo đó, toàn bộ số dư của các món huy động này được Ngân hàng đặt lại kỳ tái định lãi ngay để đảm bảo đo lường kịp thời và đầy đủ tác động của thay đổi lãi suất thị trường đến lợi nhuận của Ngân hàng.

Chính sách lãi suất của Ngân hàng:

Đối với hoạt động cho vay trên thị trường liên ngân hàng (ngắn hạn), lãi suất đầu tư được xác định tùy thuộc vào diễn biến thị trường và chi phí vốn của Ngân hàng.

Căn cứ vào dự báo về diễn biến lãi suất trên thị trường, và khả năng cân đối vốn, Ngân hàng sẽ đưa ra quyết định đầu tư phù hợp.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo) B05/TCTD-HN
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

44. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO LIÊN QUAN ĐẾN CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

44.2 Rủi ro thị trường (tiếp theo)

(a) Rủi ro lãi suất (tiếp theo)

Đối với hoạt động huy động vốn, lãi suất được xác định theo nguyên tắc thị trường, kết hợp với định hướng kinh doanh, cân đối vốn của Ngân hàng và quy định của NHNN.

Đối với hoạt động cho vay, Ngân hàng quy định mức lãi suất cho vay trên nguyên tắc đảm bảo bù đắp chi phí vốn, các chi phí quản lý, trên cơ sở xem xét các yếu tố rủi ro, giá trị tài sản bảo đảm, lãi suất trên thị trường, đảm bảo khả năng cạnh tranh và hiệu quả kinh doanh của Ngân hàng. Hội sở chính quy định mức sàn lãi suất cho vay trong từng thời kỳ; các đơn vị kinh doanh được chủ động xác định lãi suất cho vay đối với khách hàng trong từng kỳ đảm bảo không thấp hơn sàn lãi suất trên cơ sở phân tích, đánh giá rủi ro tín dụng và phải đảm bảo hoàn thành kế hoạch lợi nhuận được giao.

Ngân hàng quản lý rủi ro lãi suất ở cả 2 cấp độ giao dịch và danh mục.

Công cụ quản lý, điều hành lãi suất của Ngân hàng:

- Điều chỉnh thời hạn điều chỉnh lãi suất cho vay tương ứng với kỳ hạn đánh giá lại của nguồn vốn. Kiểm soát chênh lệch kỳ hạn định giá lại trong phạm vi cho phép;
- Tất cả các hợp đồng tín dụng đều phải có các điều khoản phòng ngừa rủi ro lãi suất để đảm bảo Ngân hàng luôn chủ động trước những biến động bất thường của thị trường, lãi suất cho vay phải được xây dựng trên cơ sở phản ánh đúng chi phí huy động vốn thực tế của Ngân hàng;
- Điều hành qua công cụ giá mua bán vốn nội bộ FTP.

Với kinh nghiệm và khả năng nhạy bén trong quản trị điều hành, Ngân hàng đã điều hành thận trọng, linh hoạt cơ chế lãi suất tiền gửi, tiền vay đảm bảo an toàn, hiệu quả, tăng trưởng quy mô và mở rộng thị phần.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo) B05/TCTD-HN
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

44. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO LIÊN QUAN ĐẾN CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

44.2 *Rủi ro thị trường* (tiếp theo)

(a) *Rủi ro lãi suất* (tiếp theo)

Bảng dưới đây trình bày thời hạn định lại lãi suất của tài sản và nợ phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2024.

			Thời hạn định lại lãi suất						
	Quá hạn	*Không nhạy cảm với lãi suất*	*Đến 1 tháng*	*Từ 1 - 3 tháng*	*Từ 3 - 6 tháng*	*Từ 6 - 12 tháng*	*Từ 1 - 5 năm*	*Trên 5 năm*	*Tổng cộng*
	VND	*VND*	*VND*	*VND*	*VND*	*VND*	*VND*	*VND*	*VND*
Tài sản									
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	787.773.771.826	-	-	-	-	-	-	787.773.771.826
Tiền gửi tại NHNN	-	2.377.473.012.237	-	-	-	-	-	-	2.377.473.012.237
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	-	724.808.757.631	35.765.818.500.000	2.525.845.000.000	-	-	109.727.000.000	-	39.126.199.257.631
Cho vay khách hàng và mua nợ - gộp	6.771.271.792.153	-	26.562.738.674.749	61.321.523.311.298	54.224.110.340.273	18.404.423.521.320	8.649.624.323.238	-	175.923.691.963.031
Chứng khoán đầu tư - gộp	-	1.500.353.927.457	-	1.022.666.600.000	9.704.000.000.000	23.572.590.000.000	2.026.000.000.000	14.810.000.000.000	52.635.610.527.457
Tài sản cố định	-	630.506.628.479	-	-	-	-	-	-	630.506.628.479
Tài sản Có khác - gộp	4.800.000.000	11.865.111.228.137	-	-	-	-	-	-	11.869.911.228.137
Tổng tài sản	**6.776.071.792.153**	**17.886.027.325.767**	**62.328.557.174.749**	**64.870.034.911.298**	**63.928.110.340.273**	**41.977.013.521.320**	**10.785.351.323.238**	**14.810.000.000.000**	**283.351.166.388.798**
Nợ phải trả									
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	-	-	3.393.187.130.601	-	-	76.348.421.538	-	-	3.469.535.552.139
Tiền gửi và vay từ TCTD khác	-	7.090.294.422	41.815.796.322.786	2.987.935.273.199	90.103.796.411	12.239.799.000	95.145.720.680	-	45.008.281.205.498
Tiền gửi của khách hàng	-	-	54.109.460.587.241	33.382.345.695.360	37.642.440.144.617	12.339.939.654.592	4.985.103.248.390	474.157.712	142.459.793.487.912
Các công cụ tài chính phái sinh	-	356.292.657.844	-	-	-	-	-	-	356.292.657.844
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	-	-	-	5.954.805.000	1.537.625.250	44.315.255.500	5.890.275.823.635	-	5.942.083.509.385
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	204.400.000.000	59.200.000.000	7.688.412.500.000	5.538.400.000.000	30.520.300.000.000	-	44.010.712.500.000
Các khoản nợ khác - gộp	-	7.793.692.812.683	-	-	-	-	-	-	7.793.692.812.683
Tổng nợ phải trả	**-**	**8.157.045.764.949**	**99.522.814.040.628**	**36.435.435.773.559**	**45.422.494.065.288**	**18.011.243.130.630**	**41.490.824.792.705**	**474.157.712**	**249.040.331.725.471**
Mức chênh nhạy cảm với lãi suất nội bảng	**6.776.071.792.153**	**9.728.981.560.818**	**(37.204.256.865.879)**	**28.434.599.137.739**	**18.505.616.274.985**	**23.965.770.390.690**	**(30.705.473.469.467)**	**14.809.525.842.288**	**34.310.834.663.327**
Các cam kết ngoại bảng có tác động tới mức độ nhạy cảm với lãi suất của các TS và công nợ (ròng)	-	-	-	-	-	-	(46.925.000.000)	-	(46.925.000.000)
Mức chênh nhạy cảm với lãi suất	**6.776.071.792.153**	**9.728.981.560.818**	**(37.204.256.865.879)**	**28.434.599.137.739**	**18.505.616.274.985**	**23.965.770.390.690**	**(30.752.398.469.467)**	**14.809.525.842.288**	**34.263.909.663.327**

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo) B05/TCTD-HN
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

44. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO LIÊN QUAN ĐẾN CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

44.2 Rủi ro thị trường (tiếp theo)

(a) Rủi ro lãi suất (tiếp theo)

Độ nhạy đối với lãi suất

Ngân hàng thực hiện phân tích độ nhạy của Thu nhập lãi thuần với giả định lãi suất thị trường thay đổi đối với VND và USD tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

	Thay đổi lãi suất	*Ảnh hưởng đến kết quả thu nhập lãi thuần VND*
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024		
VND	0,20%	(22.101.928.454)
VND	-0,20%	22.101.928.454
USD	0,20%	2.459.292.765
USD	-0,20%	(2.459.292.765)

(b) Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị biến động xuất phát từ biến động tỷ giá. Ngân hàng được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là VND. Trong khi đó cơ cấu Tài sản - Nguồn vốn của Ngân hàng bao gồm cả các ngoại tệ khác (như USD, EUR, AUD...) do đó có phát sinh rủi ro tiền tệ.

Quản lý rủi ro tiền tệ

Ngân hàng đã thiết lập hạn mức trạng thái cho từng loại tiền tệ dựa trên hệ thống đánh giá rủi ro nội bộ của Ngân hàng và các quy định của NHNN. Đồng tiền giao dịch chính của Ngân hàng cũng là VND. Các khoản cho vay khách hàng của Ngân hàng chủ yếu bằng VND và USD. Một số tài sản khác của Ngân hàng bằng ngoại tệ khác ngoài VND và USD. Trạng thái đồng tiền được quản lý hàng ngày và chiến lược phòng ngừa rủi ro được Ngân hàng sử dụng để đảm bảo trạng thái đồng tiền được duy trì trong hạn mức đã thiết lập.

Tỷ giá của các loại ngoại tệ quan trọng tại thời điểm lập báo cáo được trình bày tại *Thuyết minh 48*.

Độ nhạy đối với tỷ giá

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, bảng dưới đây thể hiện ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế và vốn chủ sở hữu của Ngân hàng do các thay đổi có thể xảy ra của tỷ giá. Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái với các loại ngoại tệ khác của Ngân hàng là không đáng kể.

	Mức tăng tỷ giá	*Ảnh hưởng đến lợi nhuận sau thuế VND*
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024		
USD	-3%	(5.759.104.262)
USD	3%	5.759.104.262

44. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO LIÊN QUAN ĐẾN CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

44.2 *Rủi ro thị trường* (tiếp theo)

(b) *Rủi ro tiền tệ* (tiếp theo)

Phân loại tài sản và công nợ theo loại tiền tệ đã được quy đổi sang VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

	EUR được quy đổi VND	*USD được quy đổi VND*	*Giá trị vàng tiền tệ được quy đổi VND*	*Các loại ngoại tệ khác quy đổi VND*	*Tổng cộng VND*
Tài sản					
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	4.983.677.046	71.302.384.706	91.520.000	4.392.458.364	80.770.040.116
Tiền gửi tại NHNN	-	149.960.919.227	-	-	149.960.919.227
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	25.020.759.155	3.263.323.924.876	-	141.845.598.202	3.430.190.282.233
Cho vay khách hàng và mua nợ - gộp	-	709.691.828.642	-	-	709.691.828.642
Tài sản Có khác - gộp	13.177.148	269.142.383.134	-	4.014.335	269.159.574.617
Tổng tài sản	**30.017.613.349**	**4.463.421.440.585**	**91.520.000**	**146.242.070.901**	**4.639.772.644.835**
Nợ phải trả					
Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	-	4.146.223.218.863	-	-	4.146.223.218.863
Tiền gửi của khách hàng	26.856.678.673	1.409.970.786.280	-	113.324.293.237	1.550.151.758.190
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	(6.732.793.656.564)	-	-	(6.732.793.656.564)
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro	-	5.855.455.000.000	-	-	5.855.455.000.000
Các khoản nợ khác - gộp	2.389.104.691	102.033.911.344	11.019.008	1.568.724.998	106.002.760.041
Tổng nợ phải trả	**29.245.783.364**	**4.780.889.259.923**	**11.019.008**	**114.893.018.235**	**4.925.039.080.530**
Trạng thái tiền tệ nội bảng	**771.829.985**	**(317.467.819.338)**	**80.500.992**	**31.349.052.666**	**(285.266.435.695)**
Trạng thái tiền tệ ngoại bảng	**-**	**557.430.496.921**	**-**	**(23.038.800.000)**	**534.391.696.921**
Trạng thái tiền tệ nội, ngoại bảng	**771.829.985**	**239.962.677.583**	**80.500.992**	**8.310.252.666**	**249.125.261.226**

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo) B05/TCTD-HN
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

44. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO LIÊN QUAN ĐẾN CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

44.2 Rủi ro thị trường (tiếp theo)

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản có thể xảy ra khi Ngân hàng không cân đối đủ tiền để có thể đáp ứng đầy đủ các nghĩa vụ thanh toán đến hạn; hoặc có thể đáp ứng các nghĩa vụ thanh toán đến hạn nhưng phải chịu tổn thất lớn để thực hiện các nghĩa vụ đó. Rủi ro này có thể gây ra những ảnh hưởng tiêu cực đến lợi nhuận, vốn, danh tiếng của Ngân hàng; thậm chí có thể làm cho Ngân hàng bị phá sản.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Ngân hàng luôn duy trì một danh mục và khối lượng cụ thể của các tài sản có tính thanh khoản cao, có thể bao gồm nhưng không hạn chế: tiền mặt, vàng, tiền gửi liên ngân hàng, trái phiếu Chính phủ và các tài sản khác có tính thanh khoản cao khác để đảm bảo luôn đáp ứng đầy đủ các nghĩa vụ thanh toán đến hạn trong điều kiện bình thường cũng như trong hoàn cảnh căng thẳng mà không phát sinh các tổn thất không chấp nhận được hoặc gây ra tác động tiêu cực đến hình ảnh của Ngân hàng. Trong từng thời kỳ, dựa trên cấu trúc về Tài sản Nợ - Tài sản Có của Ngân hàng mà Ngân hàng sẽ xây dựng các hạn mức chênh lệch thanh khoản cụ thể và tuân thủ nghiêm túc.

Ngân hàng hiểu rõ mối quan hệ qua lại của các rủi ro tín dụng, thị trường tác động đến khả năng thanh khoản của Ngân hàng. Ngân hàng nhận thức rõ ràng rủi ro thanh khoản đến từ hai phía của bảng cân đối tài sản Ngân hàng. Vì vậy, cách tiếp cận quản lý rủi ro thanh khoản của Ngân hàng luôn chú trọng việc đa dạng hóa hoạt động đầu tư, tín dụng và tăng cường khả năng tiếp cận thị trường vốn bằng nhiều công cụ và sản phẩm huy động vốn khác nhau.

Phòng Quản lý rủi ro Thị trường và Thanh khoản thuộc Khối Quản lý rủi ro thực hiện nhiệm vụ giám sát hàng ngày về vấn đề thanh khoản của Ngân hàng, đồng thời xây dựng các báo cáo chi tiết về trạng thái thanh khoản của Ngân hàng trình ALCO xem xét và đưa ra các quyết định phù hợp với chiến lược phát triển của Ngân hàng và tình hình kinh doanh cũng như diễn biến thị trường ở từng giai đoạn khác nhau. Ngân hàng áp dụng cả hai cách tiếp cận phổ biến về quản lý rủi ro thanh khoản là cách tiếp cận theo thời điểm và cách tiếp cận theo thời kỳ. Theo đó, Ngân hàng theo dõi hàng ngày tình hình tuân thủ các tỷ lệ an toàn về thanh khoản và đồng thời dự báo biến động của các dòng tiền tác động đến khả năng thanh khoản của Ngân hàng trong tương lai đảm bảo tại mọi thời điểm luôn tuân thủ đầy đủ các quy định của NHNN và các quy định nội bộ của Ngân hàng.

Các giới hạn rủi ro thanh khoản được thiết lập dựa trên kết quả dự báo thanh khoản của Ngân hàng trong hoàn cảnh bình thường cũng như trong các điều kiện căng thẳng trên thị trường. Ngân hàng định kỳ thực hiện các kịch bản căng thẳng thanh khoản khác nhau để kiểm tra khả năng đáp ứng thanh khoản của Ngân hàng trong các tình huống bất lợi. Đồng thời cũng ban hành quy định cụ thể về kế hoạch dự phòng thanh khoản (CFP), theo đó quy định rõ vai trò, trách nhiệm của từng đơn vị, cá nhân và quy trình phối hợp thực hiện ngay khi có dấu hiệu của một sự kiện căng thẳng thanh khoản có thể xảy ra.

Bảng dưới đây trình bày phân tích tài sản và nợ phải trả tài chính của Ngân hàng theo các nhóm kỳ đáo hạn tương ứng tính theo thời hạn còn lại từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phải thanh toán theo quy định trong hợp đồng hoặc các thỏa thuận có thể có.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo) B05/TCTD-HN
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

44. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO LIÊN QUAN ĐẾN CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

44.2 Rủi ro thị trường (tiếp theo)

(c) Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng dưới đây trình bày thời gian đáo hạn của tài sản và nợ phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2024.

	Quá hạn		*Trong hạn*					
	Trên 3 tháng VND	*Đến 3 tháng VND*	*Đến 1 tháng VND*	*Từ 1 đến 3 tháng VND*	*Từ 3 đến 12 tháng VND*	*Từ 1 đến 5 năm VND*	*Trên 5 năm VND*	*Tổng cộng VND*
Tài sản								
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	-	787.773.771.826	-	-	-	-	787.773.771.826
Tiền gửi tại NHNN	-	-	2.377.473.012.237	-	-	-	-	2.377.473.012.237
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	-	-	36.490.627.257.631	2.525.845.000.000	-	109.727.000.000	-	39.126.199.257.631
Cho vay khách hàng và mua nợ - gộp	5.495.106.007.177	1.276.165.784.976	7.344.230.025.038	11.576.533.545.672	31.912.297.583.246	43.358.874.544.505	74.960.484.472.417	175.923.691.963.031
Chứng khoán đầu tư - gộp	-	-	-	50.679.985.651	29.680.452.385.902	3.557.721.984.057	19.346.756.171.847	52.635.610.527.457
Tài sản cố định	-	-	-	-	-	-	630.506.628.479	630.506.628.479
Tài sản Có khác - gộp	4.800.000.000	-	391.897.698.577	103.408.902.509	1.144.007.078.024	7.475.577.851.025	2.750.219.698.002	11.869.911.228.137
Tổng tài sản	**5.499.906.007.177**	**1.276.165.784.976**	**47.392.001.765.309**	**14.256.467.433.832**	**62.736.757.047.172**	**54.501.901.379.587**	**97.687.966.970.745**	**283.351.166.388.798**
Nợ phải trả								
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	-	-	3.393.187.130.601	-	76.348.421.538	-	-	3.469.535.552.139
Tiền gửi của và vay từ các TCTD khác	-	-	41.822.856.617.208	2.987.935.273.199	102.343.594.411	95.145.720.680	-	45.008.281.205.498
Tiền gửi của khách hàng	-	-	54.109.437.688.785	33.025.502.177.077	49.198.346.215.948	6.126.003.248.390	474.157.712	142.459.763.487.912
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	-	(24.136.099.162)	(152.757.783.013)	533.156.540.019	-	-	356.262.657.844
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	-	-	-	5.954.805.000	45.852.880.760	5.890.275.823.635	-	5.942.083.509.395
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	200.312.500.000	59.200.000.000	13.230.900.000.000	30.520.300.000.000	-	44.010.712.500.000
Các khoản nợ khác - gộp	-	-	483.635.328.459	662.413.296.891	5.978.393.454.976	669.248.641.330	2.091.027	7.793.692.812.683
Tổng nợ phải trả	**-**	**-**	**99.985.293.165.891**	**36.588.247.769.154**	**69.165.341.107.652**	**43.300.973.434.035**	**476.248.739**	**249.040.331.725.471**
Mức chênh thanh khoản ròng	**5.499.906.007.177**	**1.276.165.784.976**	**(52.593.291.400.582)**	**(22.331.780.335.322)**	**(6.428.584.060.480)**	**11.200.927.945.552**	**97.687.490.722.006**	**34.310.834.663.327**

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo) B05/TCTD-HN
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

44. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO LIÊN QUAN ĐẾN CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

44.2 *Rủi ro thị trường* (tiếp theo)

(d) *Rủi ro giá cả thị trường khác*

Rủi ro về giá chứng khoán là rủi ro mà giá trị thị trường của chứng khoán giảm do việc thay đổi giá trị của các chứng khoán riêng lẻ. Rủi ro về giá chứng khoán phát sinh từ chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán của Ngân hàng.

Chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán của Ngân hàng chịu ảnh hưởng bởi rủi ro giá thị trường phát sinh từ sự không chắc chắn về những biến động của giá thị trường tương lai của các chứng khoán này. Ngân hàng quản lý rủi ro giá chứng khoán bằng việc đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức được quy định.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, ảnh hưởng rủi ro về giá chứng khoán của Ngân hàng là không trọng yếu.

45. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	Số cuối năm VND	*Số đầu năm VND*
Các cam kết thuê hoạt động không thể hủy ngang		
- Đến hạn trong 1 năm	213.809.339.053	150.279.501.330
- Đến hạn từ 1 đến 5 năm	489.812.048.768	302.641.883.284
- Đến hạn sau 5 năm	76.046.948.071	42.119.710.155
	779.668.335.893	**495.041.094.769**

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo) B05/TCTD-HN
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

46. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng sau trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024:

	Giá trị ghi sổ					
	Kinh doanh *VND*	*Cho vay và phải thu* *VND*	*Sẵn sàng để bán* *VND*	*Tài sản/(Công nợ) khác hạch toán theo giá trị phân bổ* *VND*	*Tổng cộng giá trị ghi sổ* *VND*	*Giá trị hợp lý*
Các tài sản tài chính						
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	-	-	787.773.771.826	787.773.771.826	787.773.771.826
Tiền gửi tại NHNN	-	-	-	2.377.473.012.237	2.377.473.012.237	2.377.473.012.237
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	-	203.648.500.000	-	38.922.550.757.631	39.126.199.257.631	(*)
Cho vay khách hàng - gộp	-	170.844.469.638.663	-	-	170.844.469.638.663	(*)
Hoạt động mua nợ - gộp	-	5.079.222.324.368	-	-	5.079.222.324.368	(*)
Chứng khoán sẵn sàng để bán - gộp	-	-	52.635.610.527.457	-	52.635.610.527.457	(*)
Tài sản tài chính khác - gộp	-	7.992.980.025.846	-	-	7.992.980.025.846	(*)
	-	**184.120.320.488.877**	**52.635.610.527.457**	**42.087.797.541.694**	**278.843.728.558.028**	
Các công nợ tài chính						(*)
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	-	-	-	3.469.535.552.139	3.469.535.552.139	(*)
Tiền gửi và vay các tổ chức tài chính, các TCTD khác	-	-	-	45.008.281.205.498	45.008.281.205.498	(*)
Tiền gửi của khách hàng	-	-	-	142.459.763.487.912	142.459.763.487.912	(*)
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	-	-	-	5.942.083.509.395	5.942.083.509.395	(*)
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	44.010.712.500.000	44.010.712.500.000	(*)
Các công cụ tài chính phái sinh và nợ tài chính khác	-	-	-	356.262.657.844	356.262.657.844	(*)
Các khoản nợ tài chính khác	-	-	-	7.794.687.323.975	7.794.687.323.975	(*)
	-	**-**	**-**	**249.041.326.236.763**	**249.041.326.236.763**	

(*) Ngân hàng chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản mục này do chưa có hướng dẫn về xác định giá trị hợp lý theo Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các TCTD Việt Nam cũng như chưa có đủ thông tin.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo) B05/TCTD-HN
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

47. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng.

48. TỶ GIÁ MỘT SỐ LOẠI NGOẠI TỆ SO VỚI VND VÀO THỜI ĐIỂM CUỐI NĂM TÀI CHÍNH

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND	*Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND*
USD	25.458,50	24.258,50
EUR	26.620,50	26.843,50
GBP	32.097,50	30.977,00
JPY	163,55	172,43
CAD	17.787,50	18.358,00
AUD	15.915,00	16.569,00
SGD	18.765,50	18.430,00
KRW	18,31	19,74
CNY	3.492,50	3.416,50
THB	765,00	726,00
CHF	28.613,00	29.240,00
NZD	14.793,00	15.812,00
HKD	3.334,00	3.156,00
SEK	2.200,53	2.391,94
TWD	876,37	890,59
XAU	8.320.000,00	7.350.000,00

Người lập:	Người kiểm soát:	Người phê duyệt:
Bà Nguyễn Vân Anh Kế toán trưởng	Ông Nguyễn Huy Đức Giám đốc Tài chính	Ông Phạm Hồng Hải Tổng Giám đốc

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHƯƠNG ĐÔNG

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 17 tháng 3 năm 2025